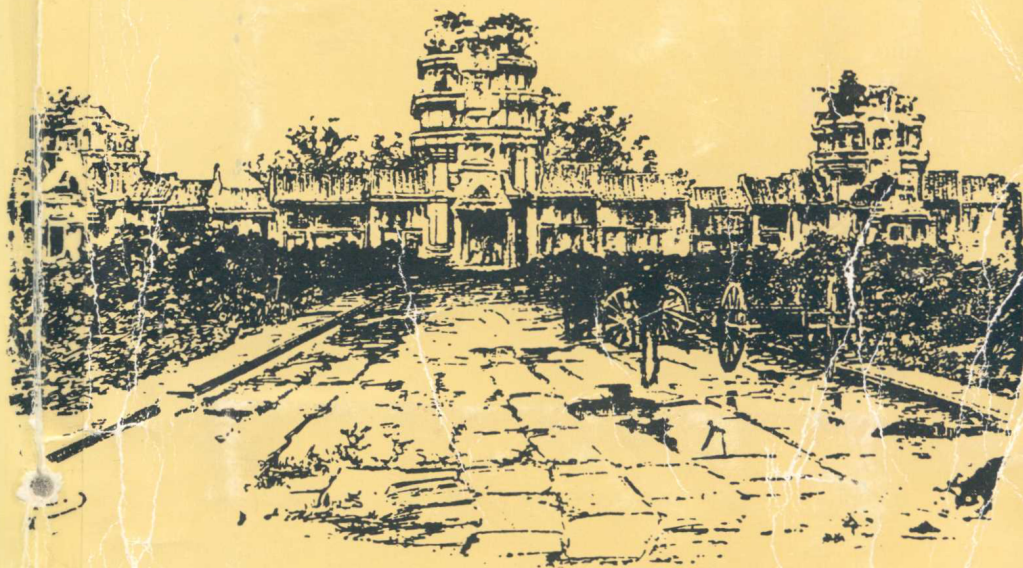


LÊ HƯƠNG

ANGKOR

(ĐỂ THIÊN, ĐỂ THÍCH)

អង្គរ អង្គរ



Vòng thành đền Angkor Wat khi người Pháp khám phá (1850)



XUÂN THU

**Kính dâng Song Thân, những
người đã gánh quả kiếp cho dòng
họ và đã khổ cực vì chúng con.**

LỜI NÓI ĐẦU

...**A**NGKOR là tiếng gọi chung cho vùng đất trong tỉnh Siem Reap, lãnh thổ Cao-Miên, nơi có những đền đài xây toàn bằng đá nguyên khối chồng chất lên nhau, tạo thành một kỳ quan trên hoàn vũ.

Vào đầu thế kỷ thứ 20, người Việt-Nam sang đất bạn du-lịch hay cư ngụ đều có viếng thăm hoặc nghe nói đến kỳ công của các đấng Tiên-Vương Cao-Miên, mà không hiểu vì sao lại gọi bằng danh từ Việt : ĐẾ-THIÊN ĐẾ-THÍCH. Trải qua hàng trăm năm, đồng bào ta quen dùng tên này hơn là tên thật.

Angkor gốc là tiếng Phạn ; Nagara nghĩa là kinh-đô. Vùng Angkor xưa kia là nơi Vua Cao-Miên đóng đô một thời gian dài từ thế kỷ thứ 9 đến thế kỷ thứ 15 mới dời lần xuống phía Nam. Trong vùng có hai ngôi đền lớn nhất mang tên ANGKOR THOM và ANGKOR WATH. Angkor Thom nghĩa là Kinh-đô lớn, nơi nhà Vua cất Hoàng-cung, Kim loan điện. Angkor Wath, hay Vat, nghĩa là Kinh-đô chùa (?) là một ngôi đền vĩ đại và đẹp hơn tất cả đền đài, được nhà Vua xây cất sau cùng trước khi thiên đô.

Một số đồng bào và kiều bào, ngay cả người Miên vì không có thì giờ tra cứu sách vở nên không hiểu cớ nhân xây cất các ngôi đền ở Angkor để làm gì, phương pháp kiến thiết thế nào và mỗi đền nhìn dáng ra sao. Phần nhiều người ta cho là do các đấng thiêng-liêng dùng thần thông dựng lên, và xung quanh cốt truyện ấy, còn có vô số chuyện huyền hoặc, ly kỳ.

Trong tập sưu tầm này, chúng tôi cố gắng ghi lại công trình của người xưa qua sử sách và di-tích lưu truyền về :

— nguồn gốc của dân Miên, cuộc lập quốc và xây-dựng các đền đài, do nhà Vua nào cất, để làm gì ;

— phương pháp kiến-thiết, cách dùng vật liệu, kỹ thuật chạm trổ ;

— trình bày từng ngôi đền một, từ ngôi đầu tiên theo tỉnh lộ ở thị trấn Siem Reap vào đến ngôi cuối cùng.

Qui vị có thể hiểu biết tổng quát về căn nguyên của Angkor và hình dung trước mắt mỗi ngôi đền cũng như đi theo chân người dắt đường trong chuyện du-ngoạn.



PHẦN THỨ NHẤT

**Cuộc xây dựng
theo lời truyền khẩu**

KÈ theo những chuyện truyền kỳ lưu lại, thì cuộc xây dựng Đê-Thiên, Đê-Thích có nhiều điểm thần bí mà người văn-minh không tin. Muốn tìm nguồn gốc, người Pháp đã sưu-tầm, kê-cửu ngót một trăm năm nay, căn cứ theo những dòng chữ khắc trên các bia đá trong các đền đài và những sách vở ở vài nước láng giềng do những nhà du-lịch có ghé dặt Miên ghi lại, rồi lập thành một bản thống-kê kể từ vị Quốc vương cất ngôi đền thứ nhất đến vị cuối cùng bỏ hoang vùng đất thiêng.

Trước khi trình bày những tài-liệu ấy, chúng ta thử xem một vài truyện huyền-bí về lối kiến-trúc thần-kỳ.

VỊ QUỐC VƯƠNG CON THƯỢNG ĐẾ, VỚI CUỘC XÂY CẤT ĐỀN ĐÀI ANGKOR

Vào khoảng năm thứ 600 theo Phật-lịch kỷ nguyên ở nước Trung-Hoa có một người lao công tên Lâm-Thành (Lim-Seng) nghèo khổ vô cùng. Từ nhỏ đến năm 50 tuổi ông ta không dám cưới vợ, vì gần mãn đời ở mướn cho một phú thương ở Thượng-Hải, ông vẫn còn thiếu 6 nén bạc không sao trả dứt được.

Người chủ giao Lâm-Thành khai phá một vùng đất hoang cạnh bờ sông và lập vườn hoa. Ông trồng trọt rất khéo đem lại cho chủ nhiều món lợi đáng kể.

Một hôm, năm nàng tiên nữ hầu vị Thần Indra lên xuống vườn hoa du ngoạn. Trong năm nàng ấy có cô Dibcodacan bẻ sáu cái bông đem về trời.

Thần Indra tức giận liền đày Dibcodacan xuống trần làm vợ Lâm-Thành 6 năm để trả nợ ấy.

Dibcodacan tủi nhục, lạy từ vị Thần liêm chánh đến chời người-trồng hoa. Nàng thuật rõ đầu đuôi cho họ Lâm nghe và xin nàng khẩn sửa tráp hầu chàng. Họ Lâm một mực chối từ không dám nhận vì gia cảnh quá bần hàn và món nợ chưa thanh toán xong. Nàng tiên nữ an ủi chàng nên yên lòng vì nàng có tài phép làm nhiều nghề tuyệt khéo, khả dĩ kiếm tiền dễ dàng.

Tin lời cô gái, Lâm-Thành ưng thuận. Vợ chồng ăn ở rất mực đầm ấm.

Ba tháng êm đẹp trôi qua, Dibcodacan nhận thấy chồng có nhiều tánh tốt mới hỏi về số nợ kinh niên.

Nàng khuyên chàng vay thêm bốn nén nữa để nàng làm vốn gầy dựng.

Lâm-Thành về nhà chủ mượn đủ số giao cho vợ. Nàng tiên nữ nhờ chồng mua hết chỉ tơ đủ màu được 20 cân. Nàng dệt nhiều thứ hàng đẹp không hiệu nào bì kịp. Thành mừng rỡ đem dâng chủ.

Người phủ thương thích quá, thưởng ngay 50 nén bạc và cho luôn số nợ cũ. Lâm-Thành mua hết chỉ tơ đem về vợ dệt thêm.

Người chủ điều đình với Lâm Thành cho thân như đến học nghề. Nàng tiên sẵn lòng chỉ dạy và nhờ đấy, nhà phủ thương phát đạt rất chóng và có quyền thế rất to.



Một năm sau, Dibcodacan sanh một đứa con trai kháu khỉnh. Vừa mới biết bò, cu cậu đã móc đất pắn thành quách, lâu đài; khi biết đứng thì thích vẽ trên đất hình người, hình thú, mà vẽ luôn luôn không nghỉ. Do đấy mà nàng đặt tên là Popusnokar.

Năm năm sau, Popusnokar khôn lớn, biết đọc sách, viết chữ ít nhiều. Nàng Dibcodacan mãi hạn ở trần thế, nhân lúc vắng chồng, bẻ sáu cái hoa đề trên gối rồi bay về trời.

Khi Lâm-Thành hay tin mất vợ và thấy 6 đóa hoa thì biết rõ đầu đuôi, chỉ than khóc với con thơ chứ không làm gì được.



Trong thời ấy, ở xứ Cao-Miên, Quốc-Vương Pudersaja bang hà mà không có con nối nghiệp. Giòng dõi nhà Vua Pràh Thong đến đây là dứt, chỉ còn hai ông Krong Huy và Kray Huy là người trong Hoàng tộc mà thôi. Ngai vàng chưa được vị nào kế vị.

Ngày kia, một gã tiểu phu nghèo kiết, quanh năm sống với nghề lượm củi khô, thỉnh linh gặp trận mưa rao, chạy vào núp trong miếu ông Tà.

Thần Indra biến ra hai con gà một con đen, một con trắng. Gà đen đậu trên cây đòn dông của ngôi miếu, gà trắng đậu trên nóc. Lát sau gà trắng cất tiếng gáy. Gà đen ngẩng lên nhìn và hỏi bằng tiếng người :

— Gà nào dám đứng trên ta gáy ồm ồm như thế ? Gà ấy tài giỏi gì không ?

Gà trắng đáp :

— Ta là Hùng Bạch Kê, hoàn cầu vô song địch. Người nào ăn thịt ta sẽ được làm Vua.

Gà đen đập cánh mà rằng :

— Còn ta là Hoàng Hắc Kê, gáy một tiếng động đến chín tầng trời. Người đàn ông ăn cái đầu của ta sẽ được làm Vua Sãi, người đàn bà ăn đùi của ta sẽ được làm Hoàng Hậu, người đàn ông ăn ngực của ta sẽ được làm Vua. Nhà người không nên khinh thường vị Chúa gà này.

Gà trắng vỗ cánh bay đi. Gà đen vẫn đậu nguyên chỗ cũ.

Gà tiểu phu sẽ lên đến gần, chụp gà chúa vặn cổ chết và cõng về nhà. Gã thì thầm thuật cho vợ nghe và

hối vợ xào xáo để ăn liền. Người đàn bà nấu nướng xong, dọn ra mâm, nhưng người chồng không ăn ngay bảo vợ rằng :

— Chúng mình sắp được làm Vua và Hoàng Hậu thì cần phải tắm rửa sạch sẽ, mặc quần áo mới rồi sẽ ăn.

Người vợ đồng ý, cùng chồng đem mâm thịt gà để trên bờ sông, dắt nhau xuống nước đùa giỡn.

Khi trở lên, cả hai ngạc nhiên không thấy mâm cơm, hốt hoảng chạy tìm tổ mớ đèn chiều không gặp, bèn chuỗi nhau rầm trời.



Dòng thủy triều dâng lên đưa mâm cơm có thịt gà chùa sang làng bên cạnh. Một gã chăn voi tên Tar đang lừa voi xuống trông thấy mâm cơm trôi đến liền bung lên chùa dâng vị Sãi cả.

Nhìn biết đích là Hoàng hắc kê, Vị Sãi ăn cái đầu, cho Tar miếng ngực và vợ Tar tên là Vong cái đuôi. Ông không nói gì cả, chỉ chúc lành cho hai vợ chồng mà thôi.

Ba ngày sau, bá quan trong triều họp nhau bàn tán:

— Trong nước không có Vua không thể nào được. Bây giờ chúng ta phải chọn một vị Chúa theo lòng Trời định đoạt. Chúng ta thắng bành cho voi và để voi tự đi tìm lấy. Người nào được voi quì cho lên lưng sẽ tức vị. (1)

Quần thần đồng ý van vái Phật, Trời rồi thả bầy voi đi ra khỏi thành. Con bạch tượng đi đầu dắt cả đoàn đến trước nhà tên nài Tar phải phục xuống.

(1) Người Ấn-Độ cũng dùng phương pháp này.

Tar lên lưng voi vào thành tức vị xưng tên là Devunagschar.

Hai vị Hoàng thân Krong Huy và Kray Huy tức giận, dẫn bốn bộ binh đến thị trấn Bakan trong tỉnh lý Bodhisattva cất lâu đài và không chịu thần phục Tân Vương.

Trên thượng giới, vị Thần Indra thấy Hoàng Hậu Vong không có con, nghĩ rằng :

— Ta sẽ cho Hoàng Hậu một đứa con trai chính dòng của ta để lập cơ nghiệp hoàng triều Cao Miên.

Một hôm, nhân Hoàng Hậu có việc ra khỏi thành, vị Thần Indra bay trên mây. Dưới trần gian thiên hạ không nhìn rõ hình dáng vị Thần chỉ thấy một vùng ánh sáng xanh rờn (2) bao trùm vạn vật. Mọi người la ó lên :

— Ánh sáng từ trên trời rớt xuống !

Vị Thần Indra thả trên mình Hoàng Hậu một trận mưa hoa kết thành tui rồi biến mất.

Hoàng Hậu thụ thai sanh một đứa con trai và đặt tên là Preah ket Méalea nghĩa là « Ánh sáng có hoa ».



Ở bên Tàu thằng bé Popusnokar tìm mẹ khắp nơi không được, lấy làm buồn khổ khôn cùng. Năm 10 tuổi, nó bắt đầu học tập. Một hôm nó hỏi cha :

— Mẹ con ở đâu ? Mẹ con là người thế nào ?

(2) Theo đạo Balamon hào quang các vị Thần màu xanh.

Cha nó rầu rầu đáp rằng :

— Mẹ con là một nàng tiên ở trên trời. Mẹ con chỉ ở dưới trần 6 năm mà thôi. Bây giờ cha không thể nào biết mẹ con ở đâu.

Popusnokar làm thỉnh không nói gì, nhưng nó quyết định đi tìm mẹ bất cứ ở đâu dù phải chết dọc đường nó cũng vui lòng. Cha nó hết lời khuyên mà không ngăn cản được, đành để nó lên đường.

Đứa con có hiểu qua đèo, xuống ruộng bẻ trái cây rừng ăn đỡ dạ, ngủ trong hốc đá trên nhánh cây. Nó đi đến một khu rừng đầy hoa xinh đẹp thì quần áo rách bươm không ra hình dáng gì nữa.

Nhưng lòng trời tựa nó, xui khiến cho mẹ nó theo đoàn tiên nữ xuống rừng hái hoa.

Thoạt nhìn thấy, nó nghĩ thầm : « Ta đi hằng mấy năm trường qua nhiều khu rừng hoang vắng, ta chưa gặp một người nào trên cõi trần. Quần áo ta đã rách nát khiến ta phải che thân bằng lá cây. Bây giờ ta gặp đám người tuyệt sắc như vậy, có lẽ đây là những nàng tiên nữ mà cha ta đã nói chứ không phải người thường đâu ! »

Popusnokar trốn trong bụi rậm, chờ đoàn tiên nữ đến gần, vái rằng :

« Nếu các nàng này là tiên nữ và mẹ tôi không ở đây thì xin đoàn tiên bay về Trời. Nếu có mẹ tôi, xin cho mẹ tôi ở lại không bay được ».

Vái xong, nó nhảy ra chụp đại Các nàng tiên vut bay lên mây, riêng nàng Dibcodacan không cất chân được.

Popusnokar nínu mẹ khóc ròng.

Bà mẹ than rằng :

— Chao ôi ! Ta lại bị người trần quấy nhiễu nữa !

Đứa con mất mẹ kể lẽ sự tình, bấy giờ uáng Dibcodacan mới rõ nguyên do. Nàng an ủi con :

— Mẹ không thể nào ở với cha con vì thời hạn đã mãn, mẹ phải về Trời lo phận sự ; nhưng không lúc nào mẹ quên cầu khẩn Thần Indra phò hộ cha con và con. Ngày nay gặp con, mẹ sẽ đem con về Trời vào châu vị Thần tối cao của mẹ.

Bé Popusnokar được mẹ cho tấm khăn choàng thay bó lá che thân rồi ẩm bay lên mây, tắm bằng nước thơm rồi dắt vào ra mắt Thần Indra. Sung sướng quá, nó mừng hí hỏn, nhưng khi đến giữa đền vàng, nó phát sợ ngất xỉu.

Vừa lúc ấy, Thần Indra đi ra, thấy kẻ lạ mặt phán hỏi rằng :

— Thắng bé này ở đâu đến năm đây ?

Nàng Dibcodacan quì xuống tâu :

— Bạch Tôn Thần, nó là con của tôi lúc bị đẩy làm vợ (Lim Seng) Lâm Thành.

Thần Indra truyền :

— Đứng lên, gã kia !

Popusnokar tỉnh dậy, quì lạy ra mắt Thần.

Gọi nó vào đền, Thần Indra hỏi hàng ngàn chuyện về vàng nó ở.

Nó trả lời rành mạch từng khoản không vấp vấp.

Mẹ nó lâu rằng :

— Con tôi tự nhiên biết vẽ, chạm trổ, cắt lâu dài, thành quách rất khéo.

Thần Indra phán :

— Học trò không có thầy là người đui, không làm ra trò gì cả. Ta sẽ cho con nhà ngươi vào xưởng của vị Thần Điều khắc học nghề. Xong rồi phải trở xuống trần chờ không ở đây được vì nó không phải là Tiên.



Bé Popusnokar vào học đủ các nghề về ngành kiến trúc, mỹ thuật, hội họa, chạm trổ, đóng tàu chạy trên mặt đất, khảm vàng bạc, rèn sắt, và phép hóa bùn thành đá.

Sau một thời gian cố gắng, nó thuộc hết lời thầy dạy và được ban khen :

— Con đã thấu thập được tất cả tinh hoa của nghề nghiệp. Tài của con vượt hẳn thầy. Từ xưa đến nay, thầy chỉ có thể xây cắt lâu dài cho một triều Vua mà thôi, ví dụ một vị Quốc Vương lên ngôi nhờ thầy tạo cung điện, thầy biến hóa trong khoảnh khắc là xong ngay, nhưng khi nhà Vua băng hà thì ngôi đền ấy cũng tiêu tan. Còn đối với con thì những gì con kiến thiết có thể đứng vững hàng ngàn năm không sụp đổ.

Đoạn, ông thầy dắt Popusnokar vào trình Thần Indra.

Vị Thần tối cao rất bằng lòng và phong cho cậu thợ mới giữ chức huấn luyện viên cho dân chúng ở trần gian. Ngài truyền rằng :

— Tất cả thợ nào muốn xây cất lâu đài, nhà cửa phải dâng cho Popusnokar lễ vật sau đây : một cái mâm trên để một ve rượu, một nén bạc, 4 miếng bẹ chuối đựng trầu cau, 5 khúc vải trắng, một chén gạo và một cây đèn cầy. Nếu kẻ nào không tuân phép này sẽ bị dui hai mắt, mây kéo che mắt trông đen.

Sau khi phong chức cho Popusnokar, Thần Indra nhớ đến Preah Ket Méalea, Ngài hay đến xứ Cao Miên đáp xuống sân châu.

Dân chúng bàng hoàng khi thấy một đám hào quang màu xanh tỏa khắp trời và chiếu xuống Đền Vua.

Linh thị vệ vội vàng vào tâu Quốc Vương Devungaschar :

— Muôn tâu bệ hạ, có một vị Thần ở trên Trời sa xuống. mình mẩy toàn một màu xanh, hào quang tỏa khắp đền. Hiện thời, Thần đang vào chánh điện.

Nhà Vua vội vàng chạy ra, nhìn biết Thần Indra, liền quì xuống lạy chào.

Thần phán :

— Hiền vương có biết con của ta chẳng !

Nhà Vua đáp :

— Dạ bẩm không.

— Vậy chờ Hoàng Hậu sanh Hoàng tử Preah Ket Méalea trong trường hợp nào ?

Nhà Vua đáp :

— Bầm Tôn Thần, trong lúc tiện nội vào vườn hoa có một ánh hào quang xanh bao trùm cả Trời, Đất, kể đấy nhiều tràng hoa rơi xuống mình tiện nội. Từ ấy tiện nội thọ thai.

Thần Indra nói :

— Chính là thọ nhận đứa con ta.

Đức Vua Devungaschar gọi Hoàng tử Preah Ket Méalea ra chào lạy vị Thần.

Thần Indra bằng Hoàng tử đề ngời trên đùi và phán rằng :

— Xưa kia, Ta tên là Makhanubok (nghĩa là người có đồng lực). Ta xây cầu, đắp đương, cất nhà và chia của cải cho kẻ nghèo. Vua Trời ban thưởng cho ta thành Thần Indra. Ta có lòng thương Hoàng Triều Cao Miên là một quốc gia mới tạo lập chưa có vị anh quân dũng mãnh nào cầm giềng mỗi nước nhà. Thế nên Ta cho con xuống phạm để giữ gìn cương thổ và được sống trường cửu với thời gian. Nhưng Tạo hóa sanh con người chỉ hưởng thọ một khoảng thời gian nhất định và ít khi có người được trăm, tuổi Trời Ta đem con về cung cho con tắm trong hồ nước phép rồi con sẽ sống thật lâu.

Nói xong, Thần Indra bằng Hoàng tử bay lên mây vào vườn hoa của mình. Trong vườn hoa có một hồ nước, Thần Indra cho Hoàng tử Preah Ket Méalea tắm mỗi ngày 7 lần và tắm luôn 7 ngày liên tiếp. Đoạn, ngài đưa Hoàng tử vào đền, cho mời 7 vị Thần Brahma đến đọc kinh và

làm phép cho Hoàng tử sống đến 400 tuổi. Ngài dạy thẳng xe cho Hoàng tử đi dạo xung quanh cung điện xem cảnh vật thần tiên.

Ngài phán hỏi :

— Con có vui lòng trước cảnh sắc này không ?

Hoàng tử đáp :

— Bạch Tôn Thần, con rất vui lòng và hết sức kinh ngạc.

— Con sẽ trị vì xứ Cao Miên khi con trưởng thành. Hiện giờ con có ý thích cất một ngôi đền tại xứ con, giống như ngôi nào ở đây chăng ? Ta sẽ cho một Kiến trúc sư theo con về triều xây dựng ngay.

Hoàng tử bấy giờ mới được 12 tuổi, còn giữ tánh quá rụt rè trước vị Thần. Hoàng tử nghĩ thầm : « Trong nước ta không có ngôi đền nào đẹp bằng cung điện của Thần ngự, nếu ta xin cất giống như thế chắc Thần sẽ không bằng lòng ». Bèn tâu :

— Con muốn cất một tòa nhà đẹp giống như cái chuồng bò của Tôn thần.

Thần Indra bật cười mà rằng :

— Cái chuồng bò ấy đẹp lắm hay sao ?

Ngài gọi Popusnoka phán bảo :

— Con là người phạm không thể ở đây lâu. Ta cho con đến xứ Cao Miên cất lâu đài cho con Ta, đẹp như cái chuồng bò này. Khi con cất xong, Ta sẽ xuống dự lễ Đăng quang của con Ta.

Ngài đưa Hoàng tử và Popusnokar về đất Miên.

Nhà Kiến trúc Popusnokar khởi công xây cất cung thất cho Hoàng triều vào năm thứ 620 theo Phật lịch kỷ nguyên. Ông cho đào hầm lấy đất nhồi nắn các tượng hình chư Thần. Đứa con trai của vị Xã trưởng trong làng tên Sovan phụ giúp với viên Kiến trúc sư. Khi Sovan hiểu được nghề và khá dỉ điều khiển công việc, Popusnokar ra biển tìm vỏ ốc để hầm vôi làm hồ. Lúc trở về, thuyền đến vùng Samronsén thuộc tỉnh Kompong Leng hiện nay là tỉnh Kompong Chhnang bị sóng to đánh đắm. Popusnokar cho vớt thuyền mà bỏ tất cả vỏ ốc. Vì thế đến ngày nay người ta vẫn còn thấy vỏ ốc biển trong giòng sông Samronsén. Trải hàng mấy trăm năm qua dân chúng trong vùng ấy lấy vỏ ốc hầm vôi mãi đến bây giờ vẫn chưa hết số vỏ đã chìm từ ngày ấy.

Popusnokar trở ra biển một lần nữa, và chở về một số vỏ kèch sù. Đoạn ông sửa soạn 3 chiếc ghe để chở hột mè đen. Một trận bão đánh chìm một trong ba chiếc thuyền khi đến vùng Komnhanthom ở về hướng Đông vùng Dontri. Popusnokar ra lệnh quăng hết đồ vật đã chở. Tổng số mè hợp thành một cù lao giữa giòng sông thế nên mãi đến ngày nay đất của cù lao Komnhan có màu đen như hột mè và không một thứ đất nào pha trộn được.

Với số mè còn lại trong hai chiếc ghe, Popusnokar trộn thành một thứ thuốc rưới lên bức thành bằng đất. Đất hóa thành đá tức thì. Người Miên gọi thuốc ấy là « tức sa mách ». Ông không dùng lối cất giàng trờ như chúng ta ngày nay để dựng từ cây cột ông lại đắp nguyên một ngôi đền có năm ngọn tháp bằng đất rồi rưới nước phép cho

biến thành đá, vì thế trong các khùng vòm các nóc tháp không có cột gỗ, kèo gỗ.

Khi cuộc xây dựng đã hoàn thành, ông sơn các hình chạm đá thật đẹp. Ngôi đền có vẻ tuyệt khéo và rất giống cái chuồng bò của Thần Indra. Hoàng tử Preah Ket Méalea hết lời khen ngợi nhà Kiến trúc và nhờ ông ta cất thêm nhiều ngôi đền khác, chạm trổ tinh vi.

Thần Indra hiện xuống trần với đoàn Tiên nữ Deva, rưới nước thánh xuống mình Hoàng tử để làm lễ Đăng quang.

Ngài đặt tên Tân vương là Arothpulpearso Preah Ket Méalea và gọi tên nước là Cao Miên. Lễ xong, Thần Indra cùng đoàn Tiên nữ trở về thượng giới. Người Miên cho rằng các Tiên nữ Deva truyền nghề vũ cho dân chúng trong dịp này và họ gìn giữ đến ngày nay.

Quốc vương Preah Ket Méalea để ý thấy một trong những ngôi tháp ở Angkor cất không được ngay ngắn bèn gọi Popusnokar đến sửa lại.

Nhà Kiến trúc tâu rằng :

— Xin Hoàng thượng truyền cho một người đàn bà cầm một trái bí chín mùi đập vào vách tháp thì ngôi đền sẽ đứng ngay lại.

Nhà Vua nổi giận la lớn lên :

— Nhà ngươi nói đùa với ta phải không ? Một trái bí có thể đỡ nổi một ngôi đền à ?

Popusnokar cũng phật ý :

— Nếu Hoàng thượng không tin hạ thần thì ngôi

đền ấy sẽ đứng nghiêng luôn luôn, và từ nay về sau, tất cả các ngôi đền cùng loại ấy ở Angkor cũng sẽ nghiêng như vậy.

Sau đấy ít lâu, Nhà Vua giao Popusnokar ba tạ sắt dặn rèn một cây gươm biểu hiệu Vương quyền.

Nhà Kiến trúc nấu sắt lọc lấy phần cứng nhất cả ba tạ, ông chỉ rút lại có một lưỡi dao mỏng như lá lúa. Sức bén của ngọn dao không ai có thể tưởng tượng nổi. Khi chém một người nào từ đầu đến chân thì kẻ ấy bị cắt làm hai, mà không ai thấy dấu đứt và người khác cho rằng chém trật. Nếu dùng dao chém ngang một cái lu đầy nước thì lu bị cắt làm hai mà không có một giọt nước nào bắn kịp ra ngoài.

Popusnokar rèn dao thật kỹ rồi dâng Nhà Vua. Quốc Vương Preah Ket Méalea cầm lưỡi dao, nổi trận lôi đình trách mắng Popusnokar trước mặt quần thần rất thậm tệ :

— Nhà ngươi đã lấy trộm sắt của ta để làm của riêng mới rèn một cây gươm bé nhỏ như vậy với ba tạ sắt.

Popusnokar phát giận mà rằng :

— Tàu Hoàng thượng, hạ thần không ở đất Cao Miên nữa. Hạ thần xin trở về Tàu.

Nói xong ông lấy từ Vua và kéo cây gươm dưới sàn đi ra khỏi Triều.

Quốc Vương Preah Ket Méalea thấy sàn gỗ bị cắt đứt từng đoạn mới biết là gươm quý liền cho người gọi Popusnokar đòi báu đao. Nhưng người thợ khéo chối từ và quăng gươm xuống Biển hồ. Ông xuống thuyền về Trung quốc mở trường dạy nghề xây cất đền đài và không trở lại Cao Miên nữa.

SỰ TÍCH ANGKOR WATH VÀ WATH NOKOR

Lâu lắm rồi, ở vùng đất thuộc tỉnh Kompong Cham ngày nay có một bậc dị nhân cao lớn vô cùng, bề dài bàn chân đo đúng bảy gang tay. Dân chúng tôn sùng không dám gọi tên thật, truy tôn là ông « Khổng Lồ ». Dị nhân mạnh dạn phi thường lại tinh thông pháp thuật. Người có một cô em gái tương mạo hiên ngang, tài phép có phần xuất sắc hơn anh tuy hình dung nhỏ nhắn như người thường.

Ông Khổng Lồ toán thiên cơ biết rằng người Âu Tây sẽ đến thống trị dân Miên, mới tìm cách ngăn đường địch tiến theo giòng Cửu-Long giang. Ông gánh hai gánh đá tảng thật to tự tay ông moi trong núi nhẹ nhàng đi ra bờ sông đổ xuống. Nhưng khi một đầu vừa đưa ra khỏi bờ được phân nửa thì đòn gánh vụt gãy lìa. Nửa phần gánh rơi xuống sông, nửa phần nằm trên bờ ; còn đầu gánh kia chất đọng trên ruộng thành một ngọn đồi nhỏ. Di tích này đến nay vẫn còn trên bờ Mekong. Những láit thương hồ chèo ghe đi khỏi chợ Kompong-Cham gần đến quận Stung Tráng thường hay ghé vào đóng đá nằm hóng mát khi chèo xuống.

Biết rằng cơ trời đã định, ông Khổng Lồ vẫn không nao núng, cố gắng thử một lần nữa. Ông tính với người em thì nhau mỗi người cất một ngôi chùa. Nếu ông cất rồi trước thì nước Cao-Miên không bị họa đỏ hộ, trái lại nếu cô em lẹ tay hơn thì non sông sẽ bị ngoại nhân chiếm cứ. Dấu hiệu thông tin là một ngọn đèn treo trên chót tháp cao nhất của ngôi chùa. Người nào cất xong phải đốt ngay cho người kia biết.

Người em gái bằng lòng đi đến biên thùy Miên Thái cất chùa Đế Thích (Angkor Wath).

Người anh ở lại phác họa một ngôi chùa không kém phần to tát nguy nga. Ông lấy đất vồ từng khối to, thọc bốn ngón tay khuôn lên, chắt chõng cao làm một vòng thành rộng, bốn phía có cửa ra vào y như tường thành Vua.

Bị ám ảnh vì họa vong quốc, ông cứ trông chừng về hướng người em đi, lòng nơm nớp sợ người em treo ngọn đèn trước hơn ông thì khốn. Ông biết tài cò em có phần hơn mình nên càng cố sức làm việc không ngừng.

Đắp xong bốn bức tường bằng đất, ông lấy nước phép—người Miên gọi là « TÚC SAMACH »—rưới lên biến đất thành đá. Đoạn, ông khởi công xây nền chùa ở giữa vòng thành.

Nhưng một buổi sáng, ông thấy ngôi sao Mai lấp lánh trên ngọn cây, vụt tưởng lầm là ngọn đèn hiệu của người em đốt trên chót tháp suốt ngày đêm, liền chán nản, bỏ hết công việc vào năm nghiêng dưới mái lá che tạm trên nền chùa định cất.

Ông nằm yên không ăn uống, không cử động gì cả. Đến khi người trong xóm phát giác ra thì ông đã hóa thành đá.

Tin ấy truyền lần đến Đế Thích vào lúc cò em đặt viên đá cuối cùng.

Thương anh, cô vừa đi vừa khóc suốt ngày, đêm. Một mình thui thủi giữa rừng sâu cô đi không nghỉ không kẻ ngày đêm đến lúc dừng chân giữa một khu rừng dày thì toàn thân vụt hóa thành đá.

Thở dân trong vùng ghé chiêm ngưỡng người thiêng ngạc nhiên thấy nước mắt vẫn chảy như người thương.



Ngày nay đền Angkor Wath là một kỳ quan của hoàn cầu.

Vòng thành của ông Khổng-Lồ được gọi là Wath Nokor nghĩa là Chùa Nokor ở sát cạnh thành phố Kompong Cham. Những tảng đá có bốn lỗ tròn ăn sâu vào vẫn còn y như lời truyền lại, bề rộng của lỗ vừa bằng ngón chân cái của ta. Tượng đá ông Khổng-Lồ vẫn còn nằm nguyên dưới đất không ai dám dời đi nơi khác.

Tượng đá người em gái vẫn còn đứng ở giữa rừng khoảng gần huyện Kompong Thmar.

Người đời sau cất một ngôi chùa trong vòng thành để thờ cúng người xưa, lấy tên là chùa ông Khổng-Lồ.

Vào thượng bán thế kỷ 20, ngay cửa chùa này có tượng đá ông Tà Bụng. Tục truyền trước khi vào chùa lễ Phật, dâng hương phải cúng ông Tà mới được vào. Lễ vật là á-phiện.

Mỗi người mua một hộp nhỏ đem đến vài van cầu con, ký bán con hay cầu trùng số xong thì lấy á-phiện trét vào miệng ông Tà. Phần thuốc còn trong hộp phải để lại dưới chân ngài.

Lộc thánh có đến tay người mê tín hay không chẳng biết, chứ ông Từ giữ chùa chuyên môn bán nùi vài chùi miệng ông Tà cũng thu lợi khá nhiều, những số thuốc còn

đư thì ông đốt ra khói hết. Thế nên ông nghiện nặng gấp 10 lần nghiện nặng thiệt thọ ở ngoài đời.



Đây là chuyện có di-tích lưu truyền nhưng cũng có phần khó tin, ví dụ như những dấu chân Phật rải rác trên vài đỉnh núi quanh vùng Angkor : Một dấu ở Núi Đất (Phnom Krom) bên hồ Biền Hồ, cách chợ Siem-Réap 12 cây số về hướng Nam, một dấu ở đồi Bakheng cách chợ 7 cây số rưỡi về hướng Bắc, một dấu ở Núi Tồ (Phnom Kulên) cách chợ 52 cây số về hướng Đông Bắc. Cạnh dấu sau này có một tượng Phật bằng đá nằm nghiêng trong vách núi. Nhân đấy người ta bảo rằng Phật Tồ từ trên Trời bước xuống núi Đất, qua đồi Bakheng, lên núi Tồ rồi nằm hóa đá. Nhưng so sánh bàn chân của tượng Phật với dấu chân thì không giống nhau. Dấu chân dài một thước rưỡi, ngang 5 tấc, còn bàn chân tượng đá dài 6 tấc ! Hơn nữa trên dấu chân có khắc đầy những ô vuông nhỏ, chạm hình kỷ hà học, mặt trời, mặt trăng, vân vân. Ngoài ra chiều bước đi cũng không đúng theo phương hướng : dấu thì xoay về Nam, dấu thì về Tây.

Người đời nay thấy hai dấu chạm trên đá khối, dày 2 tấc cùng một khuôn khổ, dựng đứng hai bên tượng Phật giữa đền Angkor Wath đều cho rằng những dấu kia là những tác phẩm của nhà điêu khắc sau khi cất xong ngôi đền.

Còn những chuyện không bằng cơ thì vô số.

Ví như :

« Đức Phật biết quân Xiêm sẽ chiếm Angkor, mới gở hết vàng, bạc, ngọc ngà châu báu bỏ xuống đáy hồ Baray

huớng Tây mà đến ngày nay người ta vẫn còn truyền tụng rằng nơi ấy có một kho tàng ».

Chính người Pháp đã cho máy rút nước mấy ngày đêm, nhưng lạ lùng thay mặt hồ vẫn đầy như cũ.

Đến chuyện Vua Khỉ Hanuman (người Việt gọi là ông Tề) dùng phép di sơn đem hòn núi Đất đến bờ Biển-hồ. Truyền rằng :

« Một vị Quốc-Vương ngự ở Angkor Thom (Đế-Thiên) có Vua Khỉ theo hầu, một hôm phải bệnh, sai Hanuman đi tìm thuốc. Vua Khỉ về động nhờ thầy cho linh đơn. Thầy bảo chờ vài ngày. Nhà Vua nóng lòng quở trách.

Vua Khỉ tức mình « ôm » cả một hòn núi có nhều cây thuốc đem về quăng xuống để Nhà Vua cho y-sĩ đến lựa tha hồ. Đất, đá từ trên rơi xuống, phần nặng đi trước, nhẹ đi sau, thế nên hòn núi ấy gọi là núi Đất vì trên ngọn toàn là đất thay vì đá như những ngọn núi khác !»

Rồi còn chuyện Phật Bò tiếng Miên gọi là « Prah Kô Prah Keo » Truyền rằng :

« Prah Kô, Prah Keo là một tượng đá hình con bò. Tượng truyền ngày xưa tượng bò là một vị Thần linh phò hộ cho Hoàng triều Cao-Miên được cường thịnh. Tượng bò bằng đá, gầy nguyên khối, tạc hình bò đực đứng, trên vai có u. Theo sử sách đó là bò tót Nandin của vị Thần Çiva thuộc giáo phái Bà-la-môn cỡi bay trên chín tầng mây. Tượng bò có thể xê dịch được như bò thật. Mỗi lần bò dời chỗ, đi ra khỏi Hoàng thành thì trong nước có nạn binh đao, hoặc mùa màng thất bát. Khi ấy, Nhà Vua phái người đi tìm khắp lãnh thổ để rước Thần bò về.

Thuở ấy, tượng Prah Kô ở trong thành Lovek, Hoàng triều Cao-Miên sau khi bỏ vùng Angkor dời về Oudoug thuộc tỉnh Kompong Luong, bây giờ di tích hầy còn gần ngọn đồi Oudong, nơi xây tháp giữ tro tàn của Nhà Vua và Hoàng tộc. Xung quanh thành Lovek có rất nhiều tre gai bao bọc, muôn quân không thể xâm nhập vào.

Người Xiêm vốn có cựu thù với Vua Miên thường gắp ghé muốn bắt cho được Thần bò đem về xứ để Thần phò hộ cho mình. Nhưng bao nhiêu lần đem quân sang, quân Xiêm phải tháo lui vì không cách gì qua được khỏi vòng rào tre gai thiên nhiên vô cùng kiên cố ấy. Vua Xiêm bèn nghĩ ra một kế đem bạc đồng quăng vào bụi tre gai. Người Miên tham tiền dọn dẹp để vào lấy bạc. Thừa lúc ấy, quân Xiêm tràn vào đốt thành quách, bắt Thần bò về Bang Kok

Prah Kô bị bắt đem về để trong gian phòng cạnh triều Vua và được thờ phụng hết sức cung kính.

Nhưng Thần không hết buồn vì xa xứ, bao phen bỏ đi về đất Miên.

Mỗi lần Prah Kô xuất ngoại thì dân Xiêm báo động, khắp xứ bỏ ra tìm cho bằng được để bắt trở về.

Nhà Vua không chịu bận lòng vì Thần mãi bèn ra lệnh trói chân Thần bằng dây sắt, cột vào cột đèn. Từ đó Thần bò không thể bỏ đi nữa, đành ở luôn bên đất Xiêm.

Người Miên có dịp sang Thái-Lan đều xin vào đền bái yết vị Thần đã giúp lãnh thổ mình mấy trăm năm thịnh vượng

Vua Xiêm không hẹp lượng cho phép họ vào thăm linh vật. Thoạt nhìn thấy người Miên thì nước mắt Thần bò chảy ròng ròng. Thần vẫn là tượng đá đứng trơ trơ giữa đền, châu bị xiềng, trôi mà nước mắt tuông rơi như bò thiết. Người Miên không thể cầm lòng trước cảnh tượng ấy, kêu khóc ầm lên.

Vua Xiêm không muốn thấy cảnh đau lòng, ra lệnh không cho ai vào thăm Thần bò nữa. Ngài cho xây bốn bức vách che kín Thần bò như giam hãm trong tù.

Đến ngày nay, Thần Bò Prah Kô Prah Keo vẫn còn ở Bang Kok, nhưng không ai được vào thăm nữa. »



Chính nhà khảo cổ Victor Goloubew ghi trong quyển « Le Phnom Kulén » (Núi Trái Vải hay Núi Tổ) mấy dòng :

« Ta cũng nên tin ở lời người truyền tụng, những đền đài ở Angkor đều do vị Phật Vicvakarman và các Thần nhơn của ngài xây nên; vật liệu chuyển vận đến do những vị Nữ thần Apsara yêu kiều, từ trên thượng giới xuống giúp »

Ông Goerges Coedès viết trong quyển « Pour mieux comprendre Angkor » (Để hiểu Angkor rõ ràng hơn) :

« Nếu ta thử tính dùng máy móc tân thời chuyển vận bao nhiêu đá trong một ngôi đền, ví dụ của Angkor Wath, mà nghĩ rằng người Miên thời trước có thể dùng sức người làm được chăng ? Tất nhiên là không. Rồi ta phải nhìn nhận như người Miên nói : « đền ấy của vị Phật « Kiến trúc-sư » Vicvakarman dùng thần thông tạo nên ».

Nhà sưu tầm trữ danh Henri Marchal đã ở trong

vùng Angkor 20 năm viết trong quyển « Guide Archéologique aux Temples d'Angkor » :

« Một khối kỳ dị giống bình đồng đá chạm trổ, dựng nên một kỳ công do tay người tạo nên, vừa khiến ta khó nghĩ và xúc động. Đó là đền Bayon của thời hỗn mang, một đền đài lạ lùng quái lạ. »

« Vài giờ bách bộ quanh đền, hoặc gặp dịp may đến viếng vào đêm thanh, trăng sáng, người ta có cảm tưởng ngấm lâu đài của một thế giới khác, do những người hoàn toàn xa lạ đối với chúng ta tạo nên. Người ta có thể tin rằng : trở ngược về thời Tiên, Phật của lời truyền khẩu, lúc Ngọc đế Indra ra lệnh cất cho vị Hoàng tử xuống phạm cõi Công chúa con vị Long Vương Naga (Vua của giống rắn nhiên dầu cũng như Rồng đối với ta) một ngôi đền giống kiêu của Ngai ngự trên Trời ».



NGUỒN GỐC XỨ CAO - MIÊN

Trước khi kể cứu cuộc xây cất Angkor, chúng ta hãy đi ngược lại thời gian tìm nguồn gốc của xứ Cao - Miên qua những lời truyền khẩu và các di tích còn sót lại.

Cuộc sưu tầm rất khó khăn vì những trang sử ghi trên lá thốt nốt chỉ đánh dấu không đầy 200 năm gần đây mà thôi. Ngoài ra là những bia đá rải rác khắp chùa chiền, đền, tháp trong nước, và ở Chiêm-thành, ở Thái-Lan, ở Lào-hạ là những quốc-gia có liên lạc với Cao Miên thời ấy.

Một tài liệu quý giá vô cùng là những tập ký ức của

người Tàu đi theo phái đoàn Sứ giả sang viếng Cao-miên hồi thế kỷ thứ 13. Ông này ghi tất cả những điều mắt thấy, tai nghe ngót một năm lưu ngụ ở Kinh-đô, lúc ấy ở vùng Angkor.

Người Pháp đã dịch những tập này, và nhờ chúng rất nhiều để tìm hiểu thành phố Angkor đang hồi cực thịnh, cùng phong tục người Miên 700 năm trước.



Nhà khảo cổ Goerges Coedès viết trong quyển « Pour mieux comprendre Angkor » :

« Vào đầu thế-kỷ thứ 8, những trang tập ký của người Tàu ghi rằng nước Cao Miên chia làm hai :

— Phía Nam là Cao-Miên ở miền nước, giáp ranh với biển và có ao, hồ.

— Phía Bắc là Cao Miên ở miền cao, có nhiều núi và thung lũng.

Tính theo bản địa đồ ngày nay thì trung tâm điểm của miền Nam là Angkor Borei ở trong tỉnh Kandal gần thị trấn Takeo, còn kinh đô miền Bắc là Sambor trên tả ngạn sông Mékong, phía dưới chợ Kratié. »

Trong tập chí của Trường Bác cổ Viễn-dông năm 1936, ông có viết :

« Xứ Cao - Miên miền Bắc gồm cả miền Hạ và Trung Lào, thủ đô là « Cammon », còn miền Nam là vùng hạ lưu Cửu long giang, nơi ấy có một cuộc biến thiên vào thế kỷ thứ 8. Cuộc tra cứu cho ta thấy sự hiện diện của

hai triều Vua và nhiều thủ đô, trong ấy có hai nơi chánh yếu là « Cambhupura » hay là « Sambor » trên bờ sông Mékong và « Aninditapura » mà người ta còn đang tìm cho các Tiên Vương đóng thuở ấy.

Việc sáp nhập hai quốc-gia do hôn-lễ của vị Công Chúa ở Sambor và vị Hoàng tử ở Aninditapura, mà sau đây Quốc Vương Jayavarman II lấy đó đề tưởng nhất. »



Nhà khảo cổ George Groslier viết trong quyển « Angkor, villes d'art célèbres » rằng :

« Nước Cao Miên thuở xưa gọi là « Kôk Thlok », khởi thủy từ thời lập quốc do một vị Hoàng tử An-dô ở Delhi bị Vua Cha đuổi sang đây.

Người đặt tên xứ là « Kambuja ».

Theo những tài-liệu tìm được ở Chiêm-thành thì người Chăm gọi đất Miên là « Bhavapura ».

Còn người Tàu ghi chép từ năm 357 rằng Miên-quốc tên là « Phu-Nam » (Fou Nan). Qua đời nhà Tùy (Histoires des Souei 589-618) người Tàu gọi Cao-Miên là « Chân-lạp » (giọng Bắc-kinh phát-âm là Tchen-La).

Chắc chắn từ đây chúng ta có thể cho rằng nước Cao Miên vào lịch sử thế giới giữa khoảng thế kỷ thứ 3 và thứ 6 dưới tên Chân Lạp và trên bản địa đồ ta ghi biên giới phía « Tây-Nam nước Chiêm-thành » (Champa). Nhờ biên giới này, qua thế kỷ thứ 8 chúng ta phân tách những đền đài có ghi năm tháng trên bia đá rất dễ dàng.

Lúc ấy nước Chân-lạp chia làm hai, một phần ở hướng Bắc gọi là Bắc Chân-lạp, một phần ở hướng Nam gọi là Thủy-Chân-lạp. Cả hai thường dấy động can qua, vì Quốc vương Thủy Chân-lạp là dòng dõi vua Kaundinya phối hợp với Somâ, là giống thuộc về mặt trăng, còn Quốc vương Bắc Chân-lạp là dòng dõi vua Kambu phối hợp với Méra, là giống thuộc về mặt trời ».



Vẫn theo nhà khảo cổ George Groslier (trong quyển Angkor, villes d' art célèbres) thì : « Những đấng Tiên Vương trước tiên thuộc về dòng Vua « Maharshi Kambu Svayâm-bhuva » và nữ Thần (apsara) « Méra ».

Thuyết này tìm được trên bia đá khắc từ năm 947. Nhưng trước lúc ấy, các Quốc Vương Miên bảo rằng nhà Vua lập quốc tên là « Prah Thong », con của một vị Vua ở Delhi, Ấn-độ, bị cha đuổi đi đến bãi cát xù « Kôk Thlok » (tên xứ Miên thuở ấy), gặp nước thủy-triều dâng cao không đi được, phải ngủ tạm ở đấy. Hoàng-tử thấy một con rắn thần « Nâgi », nửa hình người, nửa mình rắn vẫy vùng dưới nước. Rắn này tên « Somâ », vốn là Công chúa Thủy-tề, con của « Nâgarâja » đang trị vì ở lãnh thổ này. Hoàng tử yêu Công chúa. Nàng cầm cây giáo xuống đất và xin cưới nàng Somâ yêu kiều. Theo tục lệ nàng lấy hiệu là « Somâ-vamca », giòng Somâ : thuộc về mặt trăng.

Vua Nâgarâja uống hết vùng nước rộng để lập một miền đồng bằng mới, lấy tên là Kambuja và xây cất kinh đô đầu tiên.

Mặt khác, ở Chiêm thành, một nước láng giềng về hướng Đông, trước thế kỷ thứ 7, vào năm 638 có ghi trong

bia đá gọi xứ Cao-Miên là Bhavapura, vị Hoàng tử Ấn-đô tên Kaundinya và nàng Công chúa là Çri Carvâni, con của vị Quốc Vương được khoa minh văn học nhìn nhận.

Chiếu theo những bản khắc trên bia thì đấng Tiên Vương thứ nhất là « Crutavarman » và người con nối nghiệp là « Çresthavarman » trị vì vào năm 539-550. Kinh-đô là « Çresthapura » ở hữu ngạn sông Mékong, về phía Bắc nước Cao-Miên, thuộc tỉnh Paksé (Lào hạ) ngày nay. Nhân thấy địa thế không thuận lợi, những nhà Vua kế nghiệp dời đô lần xuống hướng Nam.

Sau nhiều cuộc phiêu lưu và nhiều lần chạm trán, Tiên vương mới chọn được một chỗ thật tốt, trên bờ Biển hồ, về phía Đông-Bắc. Ấy là vùng Angkor. Trước đây trong khoảng nửa đầu thế kỷ thứ 6 các Quốc-vương có lập nhiều thủ đô rải rác theo dấu chân

Vị Hoàng tử nối ngôi tên « Mahendravarman », truyền cho con là « Içanavarman ». Nhà Vua xây thành « Vyâdhapura » giống theo lối kiến trúc của người Tàu, ngự trị năm 616. Kinh đô có 30 lau dài lớn, chứa 20.000 gia đình. Ngày nay, người ta định chắc thành Vyâdhapura ở Angkor Borei thuộc tỉnh Kandal, gần thị trấn Takeo.

Ngoài ra nơi này, Vua Içanavarman còn ở ba chỗ khác nữa là : « Chokrapura » (Chi-kreng, gần Koə pong Thom) « Amoghapura » (Batlambang) và « Bhimapura » (Phimai thuộc đất Xiêm ở phía trên dãy núi Dangrek). Trong lúc ấy, vùng Angkor được nhà Vua nghỉ đến, nhưng cuộc phân chia vì chính trị và chiến tranh giữa nước Miên ở hướng Bắc và nước Miên miền Nam khiến ý định ấy chìm trong bóng tối.

Thành « Cambhupura có thể là kinh đô của Bắc Miên hồi thế kỷ thứ 8, bây giờ là Sambor ở gần chợ Kratié ».



Ông Georges Coedès viết trong quyển « Đề hiều Angkor rõ ràng hơn » :

« Lịch sử thời xưa của dân Miên đều chiếu theo lịch sử của nhà Vua bởi vì những lời ghi trên bia đá toàn là kể công nghiệp về tôn giáo của các Quốc Vương và những vị quan cận thần.

Trước hết, có một thời kỳ thứ nhất mà chúng ta biết được nhờ các sử gia Tàu từ thế kỷ thứ 1 đến thứ 6 theo Tây lịch Kỷ nguyên. Trong thời kỳ ấy, nước Miên ở phía dưới là trung tâm diêm của một quốc gia bị Ấn độ hóa, hình như mở rộng bờ cõi trong một phần lớn của bán đảo, và người Tàu gọi « Phù Nam » (Fou Nan) là tiếng phát âm theo giọng Bắc Kinh của hai chữ « B'iu nam » viết theo tiếng Miên cổ là « Bnam » (phnom : núi).

Các Quốc-vương lấy một uy hiệu có nghĩa là Vua của vùng núi, vì thế người Tàu mới gọi tên xứ như vậy. Kinh đô ở trong vùng núi Ba Phnom gần làng Banam ngày nay, hai địa danh ấy vẫn còn giữ nguyên vẹn.

Ở phía Bắc xứ Phù Nam, trên Hạ Lào, giữa thác Khône và Thakhek, trong vùng đất cao là lãnh thổ của dân « Kambuja ». Một vị Hoàng tử trong hoàng tộc Phù Nam tên « Bhavavarman » cai trị dân này vào giữa thế kỷ thứ 6.

Nhân dịp loạn ly, Bhavavarman tự xưng độc lập và hợp với người anh tên « Citrasena » kéo binh đánh

Phù Nam, khiến nhà Vua bị mất phần đất ở phía Bắc và dôi dỏ về hướng Nam.

Qua thế kỷ thứ 7, những vị Quốc vương nổi nghiệp hai lãnh thổ chấm dứt cuộc xung đột và kinh đô của xứ Phù Nam trở thành cung điện của Vua Kambuja.

Một trong những vị Tiên Vương : « Içanavarman I », cất một thành phố bây giờ còn ghi ở cảnh hoang tàn « Sambor Prei Kuk », trong tỉnh Kompong Thom.

Một vị khác : « Jayavarman I » hình như có đóng đô ở « Angkor Borei » trong vùng Takeo.

Tất cả thời-kỳ ấy, từ khi nước Phù Nam bị đánh dẹp vào khoảng năm 550 đến thế-kỷ thứ 8, là thời-kỳ cổ nhất, hoặc trước cuộc xây cất thành Angkor của lịch-sử Cao-Miên.

Qua thế-kỷ thứ 8, trong nước có loạn (mà chúng tôi không hiểu nguyên do) : lãnh thổ bị chia đôi : nước Cao Miên ở hướng Bắc và nước Cao Miên ở hướng Nam vì có sự xúi giục của người Java, hình như có nhiều quyền lực ở một trong hai phần đất.

Trong những năm cuối cùng của thế-kỷ đen tối này, một vị Hoàng-tử có dính dáng với các đời Vua trước ở Java trở về lên ngôi tuyên bố nước Miên được độc-lập bên cạnh xứ Java. Nhà Vua đem về một tôn-giáo mới : đạo thờ Phật Vua (Culte du Dieu Roi). Rời bỏ vùng hạ-lưu sông Mékong. Nhà Vua tìm ở phía Bắc Biển-hồ một vùng đất tốt rất tiện cho cuộc xây cất một thủ đô và lần lượt đóng ở « Kutî » về hướng Đông Angkor hướng Bắc đến Bantey Kdei), ở « Hariharâlaya » (đền Rôluos) ở « Amaren-

drapura » và sau cùng, năm 802 ở trên đồi « Mahendra » (Phnom Kulên, núi Trái Vải).

Vị Quốc Vương này tên « Jayavarman II », bằng hà ở đền « Hariharâlaya » sau 50 năm trị vì dưới một thời loạn lạc. Ngài đã dẹp yên và bình trị xứ Cao Miên đồng thời đặt kinh đô Miên quốc vĩnh viễn trong vùng Angkor ».



Nhà văn Pierre Loti ghi trong quyền Pèlerin d'Angkor về nguồn gốc người Miên do ông nhận xét, khi viếng cảnh hoang tàn Đền-thiên Đền-thích :

« Thành phố này bị bỏ hoang hàng mấy thế kỷ, trước kia là một trong những kỳ-quan trên đời. Giống như giòng sông Nil ôm ấp ở miền hạ lưu một dân tộc văn minh kỳ lạ, ở đây Cửu-long-giang hằng năm đem cho dân Miên bao nhiêu là nguồn lợi phong phú và ấp ủ thành trì thần bí này.

« Quả đúng vào thời kỳ Alexandre le Macédonien tả một dân tộc ở Ấn-độ di cư đến tả ngạn trường giang, sau khi đã đuổi đám thổ dân nhút nhát. Kẻ chinh phục truyền bá đạo Bà la môn, thuyết cho dân nghe những chuyện truyền kỳ về vị Thần Ramayana và lần hồi thế lực vững vàng trên vùng đất phì nhiêu, họ xây cất khắp nơi nhiều đền đài, chùa, tháp không lồ chạm trổ muôn hình, muôn mặt ».

Bản về dân tộc Miên, ông Georges Coedès luận rằng :

— « Lịch sử thế giới là cuộc xây dựng đến sự sụp đổ và sự suy vong của những cường quốc hùng mạnh

nhất, nhưng ta có rất ít bằng cứ về sự tiêu diệt hoàn toàn của tất cả một dân tộc.

Người Chăm ở sát cạnh và là cựu thù nghịch của người Miên, lại vô phước không còn một lãnh thổ mang tên quốc gia mình, không có gì để tồn tại, ngoài những nhóm người Chăm ở miền Nam Trung-Việt. Dân tộc ấy, đã dòng ở miền duyên hải nhiều thế kỷ qua, bây giờ còn lại những người mặc quần và đội khăn của người Việt-Nam.

Trái lại, ở Cao-miên, người Khmer không thay đổi tên xứ, vẫn giữ một tiếng nói của tổ tiên đã dùng từ thế kỷ thứ 6 ghi trong bia đá, thì ta lấy lý gì mà tin rằng họ không phải là dòng dõi của những đấng Tiên vương anh dũng và những vị này sau khi chết không lưu lại dấu vết nào?». ●

Những tập ký ức của người Tàu có phần phong phú và rõ ràng hơn.

Dưới triều vua Thành Tông nhà Nguyên, năm Ất-Vị, một phái đoàn Sứ giả được lệnh sang viếng Cao Miên, lính theo Tây lịch kỷ nguyên là năm 1295. Trước đấy lối 20 năm người Miên không nộp cống lễ sang Tàu nên Vua Nguyên không bằng lòng. Đến năm 1283, nhà Vua sai tướng Lăng Đô chiếm đất Chăm. Họ Lăng phái 2 viên quan vào đất Miên. Hai viên quan này biệt tích luôn.

Năm 1296 phái đoàn Sứ giả khởi hành trong ấy có ông Châu đạt Quan, tên chữ là Thảo-Định, gốc người ở huyện Vĩnh Gia, tỉnh Triết Giang. Họ Châu có ghi mấy

tập ký ức : « Châu lạc phong thổ ký ». « Thành trai tập ký », « Cổ kim thuyết hải », « Đồ thư tập thành » kể rõ cuộc du hành và lúc lưu ở Cao-Miên ngót một năm. Qua năm Đinh Dậu, niên hiệu Đại Đức (1297) Châu-đạt.Quan trở về Tàu. Những tập này được danh sĩ Ngô-khâu-Diên tán tụng trong « Trúc tử sơn phòng thi tập » bằng nhiều bài thơ khen tài nhận xét của tác giả.

Họ Châu chép rằng:

— « Nước Cao-Miên thuở ấy gọi là « Chân lạc » (Tchen-La) và cũng có tên là « Chiêm lạc » (Tchan-La). Người trong xứ gọi là dân « Kan-po-Tche » (phát âm theo Bắc-kinh, do đấy người Pháp mới gọi là Cambodge : chữ nho đọc là « Cao Bội Tri »). Người Miên theo đạo của người Tây phiên (Sa-Fan) nên gọi là « Kan P'ou-Tche » (chữ Nho đọc là « Cẩm phổ chỉ) đọc ra gần giống như « Kan-po-Tche ».

Chúng ta hãy theo chân nhà văn sĩ Tàu, ngồi thuyền từ Trung quốc sang Cao Miên.

« Rời bến Ôn - châu, chúng tôi lái thuyền « Tứ minh bạch » theo hướng Đinh Vị qua những hải cảng dọc theo bờ biển Quảng Đông và Bắc kỳ. Chúng tôi vượt Thất châu dương (mer des Paracels) 7 hòn đảo (Amphirrite) và Giao chỉ dương (mer du Kiao- Tche) chạy dài từ vịnh Bắc-Việt đến Trung-Việt và đến xứ Chiêm-thành (Champa) (1).

Ở đấy, nhờ thuận gió, ta có thể đến thị trấn Chân -

(1) Nước Chiêm thuở ấy do Vua Chế-Mân trị vì. Kinh đô ở Qui nhơn, người Tàu gọi là SIN TCHÉOU Tên Vua viết theo chữ Pháp là : PO DEBATAÇ-VOR, tên xứ, phát âm theo tiếng Bắc-kinh là : ICHAN - CHENG.

phố (Tchen p'ou) lối 15 ngày. (Chân phố ở giữa vùng Baria và Vũng Tàu). Đó là biên giới xứ Cao-Miên.

Từ Chân phố theo hướng Khôn thân (Tây Nam — Nam) chúng tôi đi ngang biển Côn lôn (mer de K'ouen Lonen), Poulo-Condor và vào cửa sông. Sông này có hàng chục ngả, nhưng ta chỉ có thể vào được cửa thứ tư (ngả sông vào Mỹ-tho) ; các ngả khác có nhiều bãi cát, hải thuyền không đi được.

Từ cửa biển, may được xuôi gió tiến lên hướng Bắc lối 15 ngày, chúng ta vào một lãnh thổ tên là Tra - Nam (Tch'aNan tỉnh Kompong Chhnang) một trong những lãnh thổ của quốc gia Cao-Miên.

Ở Tra-Nam, chúng tôi sang một chiếc thuyền nhỏ, thuận giòng đi qua Bân lộ thôn (Paulon ts'one) và Phất-thôn (Fo ts'one) vượt bên nước ngọt Đàm - dương (Tan - Yang [onlésap] trong 10 ngày đến thị trấn Can-bân (Kan-p'ang) cách thủ-đô 50 lý.

Theo quyền « Chư-phiên-chí » của Triệu-nhữ-Quát một nhà buôn ở Tuy-ên-Châu hồi thế-kỷ thứ 13 thì nước Cao-Miên rộng 700 lý. Phía Bắc ta đi 15 ngày tới nước Chiêm-thành, phía Tây-Nam, đi 15 ngày tới nước Xiêm-la, phía Nam, đi 10 ngày tới nước Chiên ngu (?) và phía Đông là Đại dương. Ngày xưa Cao-Miên là một nước rất thịnh vượng về thương mại.

Khi Thánh vương lãnh mạng Trời cai trị bốn bề, người sai Nguyên Soai Lăng Đô đi chinh phục Chiêm-thành. Họ Lăng phái một vị « Hồ phù bách hộ » (trước quan võ thống lãnh một trăm quân, vị nào coi 1000 quân gọi là

« Hồ phù thiên hộ ») và một vị « Kim bài thiên hộ » qua Cao Miên, nhưng cả hai đều bị bắt và không có trở về.

Tháng 6 năm Ất-Vị, triều Nguyên-Trinh (nhằm từ ngày 14-7 đến 11-8-1295) Hoàng thượng phái một vị Sứ-giã đem phong thư giao hảo. Tôi được lệnh theo vị này.

Tháng 2 năm sau Bính thân (nhằm từ ngày 5-3 đến 3-4-1296) tôi rời huyện Minh Châu và ngày 20 (nhằm ngày 24-3-1296) chúng tôi ngồi thuyền lìa bến Ôn-châu.

Ngày 15 tháng 3 (nhằm ngày 18-4-1296) chúng tôi đến Chiêm Thành. Lúc đi đường, chúng tôi gặp gió ngược mới đến chầu vào mùa thu, tháng 7 (nhằm từ ngày 1 đến 29-8-1296), chúng tôi vào triều kiến Quốc vương Cao Miên, lãnh thư phúc đáp và trở về thuyền nhỏ sào tháng 6 năm Đinh Dậu, niên hiệu Đại Đức (nhằm từ ngày 21-6 đến 20-7-1297). Ngày 12 tháng 8 (nhằm ngày 30-8-1297) chúng tôi đến chỗ thuyền Tứ-minh-bạch-dậu (ở Tra Nam). »



Vị Quốc Vương chọn vùng Angkor làm kinh đô tên « Jayavarman II » lên ngôi năm 802, trị vì được 67 năm. Nhà Vua ở Java trở về tuyên bố nước nhà độc lập bên cạnh xứ Java, theo tài liệu của ông Georges Coedès ở đoạn trên. Từ đấy trở đi, các vị Quốc-Vương nối nghiệp kế tiếp nhau ngự ở Angkor hàng mấy trăm năm mới bỏ hoang, dời đô về Phnom Penh (Nam-Vang).

Trong tập « Angkor, thành phố mỹ thuật danh tiếng » nhà Khảo cổ George Groslier viết :

— « Ban đầu, vua Jayavarman II đóng đô ở « Indrapura » kế dời qua « Hariharâlaya » và « Amarendrapura ». Một trong những kinh kỳ có lẽ ở trong những đền đài

còn lại, tên là « Banteai-Chmar, về phía Bắc Sisophon ngày nay. Một lâu đài thứ tư được vị Quốc Vương hay dời chỗ và có tài xây dựng này, cất dưới chân núi « Mahendraparvata » (Phnom Kulên, núi Trái Vải) gọi là đền « Beng Méaléa ».

Vị Vua kế nghiệp là « Jayavarman III » trị vì từ năm 869 đến năm 877 đóng đô ở Hariharâlaya và băng hà, không có điều gì đáng ghi trong lịch-sử.

Vua « Indravarman I » nối ngôi năm 877 và dời đô liên tiếp. Có lẽ chính nhà Vua này bắt đầu xây hoàng thành ở Angkor và thân bắt tay vào việc. Nhưng Ngài ở ngôi có 11 năm thì băng hà.

Vua « Yaçovarman » kế vị tiếp tục xây ngôi đền chánh. Theo lối mỹ thuật riêng biệt, Ngài cho xây vòng thành với 5 cửa ra vào, đền Bayon và Sân Voi (Terrasse des Elephants) luôn một mạch không ngừng.

Dù sự thật chính Vua Indravarman hay Yaçovarman đặt viên đá đầu tiên ở đền Angkor, chúng ta có thể nói để đồ vĩ-dại của người Miên được xây dựng vào năm 877 và toàn thể được hoàn thành trong năm 910.

Bia đá tìm được ghi bằng tiếng Phạn và tiếng Miên do hai ông Barth và Aymonier dịch ra là một bằng chứng chắc chắn rằng chính Vua Yaçovarman xây thành Angkor Thom :

*« Đoạn, Đức Vua Paramaçivaloka (1) : Yaçovarman
cất thành phố Yaçodharâpura (2) cung điện của Yaçovar-*

(1) Tên hiệu của vua Yaçovarman.

(2) « Yaçodharâpura » là tên cũ của Angkor, lúc mới cất cung điện Nhà Vua đặt tên này.

man, và thỉnh vị Kamratent jagat ta raga : vị Phật của nhà Vua thờ ra khỏi Hariharâlaya (3) để vào kinh đô này. Đoạn, đức Vua Paramaçivaloka xây ngôi đền chánh (Bayon)».

Bia này tìm được trong ngôi đền nhỏ « Sdok Kak Thom » ở phía Tây-Bắc phủ ly. Sisophon. Niên khoản ghi trong bia là năm 1052 đúng vào năm khắc những dòng chữ ấy.

Sau khi Vua Yaçovarman băng hà, hai vị QuốcVương kế nghiệp bỏ dở cuộc xây cất Angkor. Nếu không phải vì một cuộc chiến tranh với Chiêm thành như trong bản minh văn học, chúng ta không hiểu được nguyên do sự bỏ rơi này.

Nhưng không bao nhiêu lâu, đến lúc Vua « Rajendravarman » lên ngôi năm 944 thì Ngài lập tức thỉnh vị Phật của nhà Vua và dời triều về Yaçodhrâpura (Angkor). Kinh đô cũ của hai đấng Tiên Vương vừa qua là Chok Gargyar ở về phía Đông Bắc cách đây lối trăm cây số. Người ta tìm thấy nơi đó một nhóm đền đài cổ-lồ, hiện thời gọi là « Kok Ker » và một con đường còn thấy rõ, có lẽ để nối liền với Angkor.

Như thế từ năm 944, đền đài Angkor Thom là kinh-độ vĩnh viễn và không bị gián đoạn nữa. Trải qua hơn 200 năm, các đấng Tiên Vương bồi bổ và cất thêm nhiều đền đài mới trong châu vi hoàng thành và khắp vùng đất thiêng. Người ta có thể nói rằng hai thế kỷ thứ 10 và thứ 11 là thời kỳ toàn thịnh của Hoàng-Gia Cao Miên.

(3) Kinh đô của Vua đang đóng.

Hai trăm năm sau triều Yaçovarman, năm 1112, Vua Suryavarman II lên ngôi trị vì 40 năm (đến 1152). Không những nhà Vua cất đền « Phimai » trong đất Xiêm về phía Tây Bắc ~~xá~~ Cao-Miên mà thôi (ngày xưa gọi là « Bhimapura » ở phía Bắc dãy núi Dangrek), Ngài còn xây đền Angkor Wath cách điện Angkor Thom 150 , thước về phía Nam. Đây là một kiệt tác nghệ thuật trong ngành kiến trúc của người Miên.

Ngoài việc xây cất mà nhà Vua vẫn chưa thỏa mãn, Ngài nổi lại sự giao hảo với nước Trung Hoa, trước kia bị gián đoạn, và gởi Sứ giả sang viếng thăm.

Ngài có động binh chống xâm lăng và bình như thất bại trước quân Chiêm-thành vào năm 1150. Năm ấy, Ngài nhường ngôi cho một người em rể.

Gần 150 năm sau, nghĩa là hơn một thế kỷ sau khi cất xong Angkor Wath, năm 1296, Vị Tùy viên Sứ giả Trung-Hoa Châu-đạt-Quan (Tchéou-ta-Kouan) theo phái đoàn Sứ giả sang Cao-Miên có mô tả trong tập ký ức bình thế xứ Miên và điện Angkor Thom. Họ Châu có thuật rõ rằng kinh đô đã bị quân Xiêm tàn phá một thời gian trước, nhưng suốt quyền sách, không cho ta thấy một nơi nào là lãnh thổ suy-vị, một thủ đô chết và một triều Vua hoang tàn, trái lại là khác.

Nếu vào cuối thế kỷ thứ 13 nền văn minh của người Miên có vẻ uể oải, thì cuộc sống ngoài xã hội vẫn hoàn toàn thịnh vượng và trong hoàng thành cảnh tượng luôn luôn rất phong phú, hùng vĩ như thường.

Chúng ta không tìm được những tài liệu về thời kỳ ấy, và theo bản minh văn học cổ điển thì nhà Vua chợt

có tên rất dài : Jayavarmaparamesvara lên ngôi vào cuối thế kỷ thứ 13. Vào thế kỷ thứ 14, tình trạng sa sút bắt đầu ».



Theo chân nhà khảo cổ Georges Coedès, chúng ta biết thêm nhiều điểm quý giá hơn.

Tiếp vào đoạn tường thuật về nguồn gốc dân Miên, ông viết :

« Sau khi Vua Jayavarman II băng hà, người cháu nối ngôi đóng đô ở Hariharālaya, tên là « Indravarman I ».

Năm 889, vua Indravarman 1 băng. Hoàng - tử Yaçovarman 1 dời đô về hướng Tây Bắc cách đây vài cây số, đặt tên là « Yaçodharapura » Angkor ngày nay. Ngài cho đào cạnh đây một cái hồ vĩ đại lấy tên là Baray ở hướng Tây. Bốn góc hồ có bia đá ghi rõ việc làm thuở ấy.

Đến năm 921, Quốc Vương « Jayavarman IV » bỏ vùng Angkor về ở Kuk Ker xây nhiều cung điện to tát.

23 năm sau, vào năm 944, Vua « Rajendravarman » nối ngôi trở về ngự ở Angkor và từ đó không có nhà Vua nào dời đô nữa.

Trọn thế kỷ thứ 11, nước Miên bị nằm dưới một triều đại ngoại lai.

Kể qua năm 1080, vị Quốc vương phiêu lưu « Jayavarman VI » dòng dõi của các đấng Tiên vương hồi

thế kỷ thứ 10, nhờ một người Balamôn xây cất một kinh đô ở phía Bắc dãy núi Dangrek. Sau đấy, Ngài trở về Angkor thì quốc gia gặp nạn chia rẽ thêm một lần nữa.

Từ năm 1113 đến 1150 triều Vua được Ngài Suryavarman II một « Quốc vương anh dũng nhất » trị vì. Hiện thời ta còn thấy long nhan ở Angkor Wath chạm trên vách đền về hướng Nam, một tượng ngồi giữa triều, một tượng đứng trên lưng voi.

Sau 40 năm trị quốc chấn dân, Ngài xua quân chiếm một phần đất Chiêm thành.

Qua năm 1177, người Chiêm cất quân báo thù, đánh vào Angkor đốt phá tới bời.

Quân Chiêm bị nhà Vua Jayavarman VII vị Quốc-Vương anh dũng cuối cùng của Cao-Miên, đánh bật ra khỏi nước. Ngài lên ngôi năm 1181 và sửa sang, xây cất kinh đô lại.

Sau Ngài, những vị Quốc Vương kế nghiệp bị nạn xâm lăng của dân Xiêm ở hạ lưu sông Ménam tràn qua. Thời ấy sự sa sút bắt đầu, nhưng cũng còn khá lâu, mãi đến giữa thế kỷ thứ 15, nhà Vua mới bỏ hoang Angkor dời đô về Phnom Penh, cách những kinh đô xứ Phù-Nam (Fou-Nam) và Cao-Miên ngày xưa không bao xa ».



Để chứng thất Angkor do tay người tao nên, chúng ta hãy đọc những lời tường thuật của ông Coedès :

« Xung quanh đền Bayon có ghi tên của những tượng đá trong tháp và trong phòng do Quốc Vương

Jayavarman VII dạy khắc hồi cuối thế kỷ thứ 12. Nhà Vua theo đạo Phật. Người ta cho rằng những bùa ấy khắc sau khi cất xong đền đài rất lâu.

Thêm nữa, ở một trong những đền đài ấy, điện «Ta Prohm», có một tấm bia rất lớn cũng do nhà Vua dạy khắc và ở bốn góc thành Angkor Thom có 4 tấm bia kể công trạng của nhà Vua.

Tôi có trình bày trong tạp chí của Trường Bác-cổ Viễn-dong năm 1928 về sự nghiên cứu 4 tấm bia ấy và thấy rằng cổ nhân ghi lại đề truy niệm cuộc xây dựng hoàng thành và hao lũy Angkor Thom của Vua « Jayavarman VII ».

Tôi xem xét thật kỹ những lời ghi trong tháp và nhận thấy rằng rất nhiều bài được khắc trên mặt đá đã sửa soạn và đề dành sẵn từ trước.

Điều ấy chứng tỏ người ta đã có dự định và những đền đài ấy không phải có trước triều đại Jayavarman VII.

Chúng ta được biết nhà Vua rất sùng bái đạo Phật. Trong những bia đá, Ngài tự hào đã xây cất khắp lãnh thổ nhiều đền đài và dựng 102 bệnh viện. Theo sự cải cách về tôn giáo, Ngài sửa sang điện Angkor Thom vào cuối thế kỷ thứ 12 sau cuộc xâm lăng của quân Chăm Thanh hồi năm 1177 đã phá hoại kinh đô rất nhiều ».



LỊCH-SỬ NHÀ VUA CHỌN NƠI XÂY DỰNG HOÀNG-TRIỀU ANGKOR : « JAYAVARMAN II »

Quốc vương Jayavarman II là vị Vua đầu tiên đặt Hoàng triều Cao Miên ở Angkor.

Người ta biết rằng trong 2 thế kỷ đầu của lịch sử Miên, những đấng Tiên Vương của xứ Kambuja, sau khi đã thoát khỏi quyền lực của xứ Phù Nam (Fou Nan) giữa thế kỷ thứ 6, nhà Vua đóng đô về hướng Đông và hướng Nam của xứ Miên ngày nay. Nhiều đền đài xây theo lối mỹ thuật « tiền Angkor » (piéangkorien) và nhiều bia đá hồi thế kỷ thứ 6 và thứ 7 hiện thời còn tồn tại đủ làm bằng chứng chắc chắn cho thuyết này.

Người ta tìm thấy nhiều ngôi tháp kiến-trúc theo lối xưa có khắc tên các Tiên Vương « Içanavarman » và « Jayavarman I » trong vùng Siem Réap, Battambang và tận khỏi biên-thùy, nhưng toàn là những ngôi tháp đứng cheo leo một mình với khuôn khổ nhỏ. Trong 2 thế kỷ thứ 6 và thứ 7 trung tâm của lãnh thổ ở giữa vùng hạ lưu sông Mékong.

Suốt thế kỷ thứ 8 là thời kỳ đen tối nhất. Những di tích và tài liệu không có ghi chép lại bao nhiêu.

Có một việc hơi rõ ràng, là những cuộc loạn lạc có dính lứu với việc giao thiệp cùng dân Mã-lai.

Giữa thế kỷ này có nhiều quốc gia được thành lập trong vùng đại dương ở hướng Nam.

Ông Coedès có viết trong bài : Le Royaume de Çrivijaya đăng trong Tạp-chí của trường Bác-cổ Viễn-

đông năm 1918 đoạn này : « Về phía Nam là xứ Sumatra, ấy là lãnh thổ Hoàng gia Mã lai : « Çrivijaya » mới thành lập hồi cuối thế-kỷ thứ 7 và qua thế kỷ thứ 8 thì bắt đầu choán một phần đất trên bán đảo và có mộng chiếm các eo đất gần đấy.

Ở Java, một triều Vua mới dựng lên lấy vương hiệu là « Vua của các ngọn Núi ». Vương hiệu này là của nhà Vua ở Phù Nam ngày trước. Do đấy, Vua Java có ý định xâm lăng lãnh thổ các nước láng giềng.

Ý định thành sự thật, dân Mã-lai ở đảo Sumatra và Java kéo binh vượt biển sang đánh phá miền duyên hải Việt-Nam nhiều lượt.

Năm 767, miền Bắc Việt-Nam bị quân ấy đánh thủng đến Sơn-Tây. Viên Thái thú Tàu là Tchang-po-Yi, người xây thành Đại la (Hà nội bây giờ) phá tan quân nghịch, đánh bật chúng xuống biển.

Năm 774, quân Java tàn sát dân chúng ở bờ biển Trung-Việt. Những bia đá trên Tháp Bà (Ponagar) ở Nha trang có ghi lại thời kỳ bãi hùng ấy :

« Bọn chúng là giống ăn thịt người, gốc ở nước khác, sống bằng những thức ăn ghê lởm hơn là xác chết, hình vóc đống sợ, đen thui, nhỏ người, hung dữ và tàn bạo như Thằn Chết, ngồi thuyền đến cướp bóc ngôi tháp của vị Nữ Thần ».

Năm 787, chúng tàn sát một lần nữa cũng ở vùng ấy. Lời ghi trên bia có nói rõ : « quân đội Java cỡi chiến thuyền sang ».

Về những cuộc xâm chiếm Cao-Miên của quân Mã-Lai hay Java, chúng ta có một bằng cứ tìm được sau cơn biến cố 150 năm. Ấy là bài tường thuật của ông Abuzayd người Ả-rập viết trong năm 916 theo lời của người lái buôn tên Sulayman.

Ông Grabriel Ferrand dịch bài ấy trong quyển « Relation de voyages et textes géographiques arabes, persans et turks, relatifs à l'Extrême-Orient » xuất bản ở Paris năm 1913, như vậy :

« Một vị Quốc vương Cao-Miên, trẻ tuổi và thích hoạt động, nói với viên quan thay mặt mình ở bên cạnh vua « Maharaja », vị Đại Hoàng đế các đại dương miền Nam rằng :

« Trẫm có một ý thích, Trẫm muốn thấy trước mặt Trẫm cái thủ cấp của Vua Maharaja để trên một cái mâm ».

Và mặc kệ những lời can gián của viên quan trung thành, Quốc vương cứ lập đi lập lại câu nói ấy mãi. Lần lần tiếng đồn đến tai Vua Maharaja.

Nhà Vua tuyên bố rằng con người trẻ tuổi kiêu căng ấy đáng nhận lãnh một bài học, rồi giả bộ ngồi thuyền đi dạo quanh các hòn đảo nhỏ trong vùng, Ngài huy động hải quân kéo sang Cao-Miên. Ngài không phí chút công khó nhọc nào lúc ngược giòng sông tiến thẳng vào kinh đô. Ngài vây thành, bắt vị Quốc vương mà nói rằng :

« Nhà ngươi đã có ý muốn ngắm thủ cấp ta trên một cái mâm ; nếu nhà ngươi muốn lấy nước của ta thì ta cũng sẽ làm y như vậy. Nhưng ở đây, nhà ngươi chỉ

muốn thấy đầu ta, vậy ta cũng bắt chước làm theo rồi ta sẽ trở về nước ta tức thì, không dă động đến đất đai của nhà ngươi ».

Ngài sai quân cắt đầu Vua Miên và bảo một vị quan Miên lập Vua khác. Xong Ngài trở về lập tức, không cho quan quân lấy một chút gì của dân chúng.

Khi về đến nước nhà, Vua Maharaja ngồi trên ngai, sai quân đem thủ cấp Vua Miên để trên cái mâm, rồi Ngài thiết triều, giải thích cho các quan biết việc vừa xảy ra. Sau đấy, Ngài dạy rửa thủ cấp sạch sẽ, ướp dầu thơm, để trong một cái bồn và sai người đem dâng vị Quốc vương Miên vừa kế nghiệp, kèm theo một bức thư cắt nghĩa rằng đây là một việc trừng trị cá nhân và Ngài không lấy làm hạnh diện với việc này ».

Bài tường thuật kết luận như vậy :

« Khi tin ấy truyền đến tai Vua Ấn-độ và Trung-Hoa, tiếng tăm Vua Maharaja được nổi như cồn. Kể từ ngày ấy, các Quốc vương Cao Miên đều tỏ ý nể vì vua Java ».

Tiếp theo chuyện ấy, Vua Maharaja đã bó buộc ít, nhiều một nền đô hộ trên lãnh thổ Miên. Chúng tôi nhận chắc việc này do những tài liệu của tập mình văn học, và chiếu theo đấy chúng tôi lập thành hệ thống những công trạng của Quốc vương Jayavarman II.

Chính nhà Vua không để lại một di tích nào của mình cả, thật là một việc gần như duy nhất trong lịch sử Cao-Miên ; hoặc giả người ta chưa tìm được hay chăng ? May mắn thay những giai đoạn chánh của Hoàng triều được ghi đầy đủ chi tiết trong một bia đá thật đẹp hồi

thế kỷ thứ 11, dựng trong một căn cứ ở vùng « Aranya » và trình bày ở Bảo tàng viện Bangkok. Ấy là bia đá của đền Sdok Kak Thom mà một đoạn dịch không dùng đã làm sai bản sưu tầm rất lâu về cuộc xây điện Angkor thứ nhứt hồi thế kỷ thứ 9 cho rằng lấy trung tâm trên đền Bayon, nhưng sự thật là trên đồi Bakheng.

Để sắp lại tiểu sử nhà Vua Jayavarman II, chúng tôi dùng bia đá này làm kim chỉ nam, theo bản dịch của ông Louis Finot đăng trong Tạp chí của trường Bác cổ Viễn-dông năm 1915. Trong bia có câu :

« Đức Vua ở Java trở về lên ngôi tại kinh đô Indrapura ».

Mặc dầu trong những tài liệu cũ, tên Java không phải chỉ riêng đảo Java, mà có khi nói về đảo Sumatra và luôn cả bán đảo Mã-lai, ở đây ta có thể cho rằng đúng là ở Java. Chúng ta đã thấy Hoàng tộc nhà Vua Jayavarman II có dính dáng với những triều đại hồi thế kỷ thứ 8 ở Cao-Miên có lẽ chắc chắn đã thiên về miền Nam lánh các cuộc tao loạn hoặc giả bị bắt buộc phải dời đi theo một trong những lần quân Java tấn công như câu chuyện vừa kể ở trên ; vì thế chúng ta sẽ thấy thái độ của nhà Vua đối với xứ ấy sau này.

Ở Java, nhà Vua trở về vào năm 800 ; chúng ta có rất nhiều bằng cứ chứng thật rằng năm Ngài lên ngôi là 802. Bấy giờ quốc gia Miên đang làm mồi cho một thời khởi lửa toàn diện, trong nước không có Vua, thế nên muốn cho dân chúng công nhận quyền lực hoặc ý định tức vị của mình, việc cần phải làm trước nhất của vị Hoàng tử trẻ tuổi là chinh phục lãnh thổ.

Trong bản kê cứu : Những kinh đồ của Quốc vương Jayavarman II đăng trong Tạp chí của trường Bác cổ Viễn-dông năm 1928, ông Coedès viết :

« Nhà Vua bắt đầu đóng đô ở « Indrapura », bảy giờ chiều theo những đoạn sử trong bản minh văn học thì thành phố ấy ở trong tỉnh « Thbong Khmun » về phía Đông tỉnh Kompong Cham. Người ta có thể nghĩ đến ngôi đền « Bantéay Prei Nokor » mà theo tên gọi nơi ấy là một đền đồ cũ và lối kiến trúc « tiền Angkor » cho ta biết vài chi tiết thuộc về thế kỷ thứ 9.

Hình như ở Indrapura, nhà Vua dùng một nhà Bác học Bà la môn tên « Çivakaivalya » làm Giáo chủ trong cung. Vị này phải theo Vua trong những lúc dời đô và trở nên vị lãnh đạo thứ nhất một tôn giáo mới : « Sự thờ cúng Đức Phật Vua ».

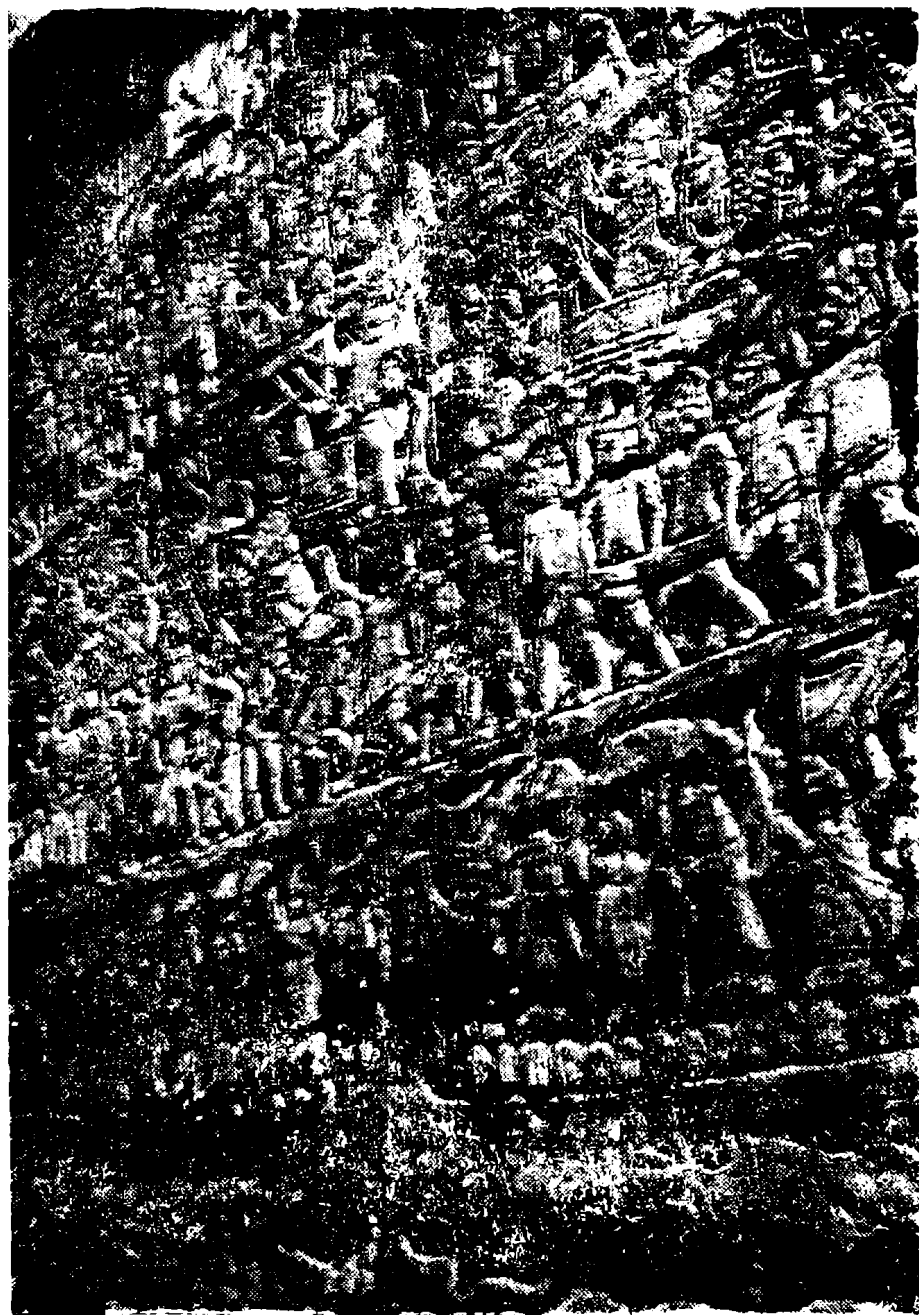
Sau một thời gian đóng ở Indrapura, Quốc vương Jayavarman II dời đô về hướng Tây, về phía Bắc Biên hồ trong vùng đất thiêng mà cung điện Angkor được xây dựng ở thế kỷ sau. Vị Giáo chủ Bà la môn cùng gia quyến cũng đi theo nhà Vua.

Trong bia đá có câu ;

« Khi triều thần đến vùng đất ở hướng Tây, nhà Vua phong tặng cho vị Giáo chủ một khoảng đất và một làng tên gọi là Kuti ».

Bia đá này khắc vào giữa thế kỷ thứ 11, trong khoảng thời gian cung điện Angkor đã được thành lập 150 năm rồi. « Vùng đất ở hướng Tây » chỉ vào vùng ở hướng Đông Angkor ngày nay. Tên làng Kuti chỉ vào Bantéay





Hình chạm ở hành lang đền ANGKOR THOM

Kdei, ngôi đền cất sau và ở bên cạnh một đền khác xưa cũ hơn.

Nhà khảo cổ Henri Marchal có tìm được trong năm 1930 gần Bantéay Kdei về phía Bắc một nhóm 3 ngôi tháp mà chúng ta có thể cho là tháp Kutí hay « Kuticvara » cất vào đầu thế kỷ thứ 9.

Ông Marchal viết trong quyển « Kuticvara » xuất bản năm 1937 :

« Trong hình thức bấy giờ, ngôi tháp không phải được xây trước thế kỷ thứ 10, nhưng hình như 1 phần của ngọn tháp chính giữa có vẻ cũ kỹ hơn »

Bia đá ghi :

« Sau đây, Quốc vương đóng đô ở kinh thành Hariharálaya. Vị Giáo chủ cũng ngự trong kinh thành và thân tộc của người được phong vào hàng quan lại ».

Tên Hariharálaya chỉ vào những ngôi đền : « Bakong, Prah Kô, Lolei » trong nhóm đền « Roluos » ở cách thị trấn Siem Réap lối 15 cây số về hướng Đông-Nam. Những đền này cất sau triều Vua Jayavarman II và có ghi ngày tháng vào cuối thế kỷ thứ 9.

Như thế, kinh thành của Quốc vương Jayavarman II ngự ở đâu ?

Chúng tôi sẽ giải thích ở đoạn sau vào dịp nhà Vua trở về Hariharálaya lần thứ nhì. Ở đây, chúng tôi trình bày rằng kinh thành ấy gồm có nhiều đền đài xây theo lối mỹ thuật « tiền Angkor » mà Quốc vương Jayavarman II và các vị Vua kế nghiệp có sửa chữa lại vài nơi.

Ở Indrapura và Hariharâlaya nhà Vua ngự trong những cung điện cũ kỹ đã có trước khi Ngài lên ngôi. Nhưng bấy giờ nhà Vua mới khởi đầu mở cuộc xây dựng.

Bia đá ghi rằng :

« Sau đấy, Quốc vương xây cất kinh thành Anarendrapura và vị Giáo chủ cũng đến ở trong thành để phụng sự nhà Vua »

Trong bản kê cứu « Hariharâlaya và Indrapura » đăng ở tạp chí của trường Bác cổ Viễn-dông năm 1938, ông Coedès viết :

« Sau khi xây cất Kinh thành « Amarendrapura » xong, nhà Vua dời đế đô mới, ngự ở « Mahendraparvata » nghĩa là trên núi Trái Vải (Phnom Kulên), ngọn đồi đá bùn nằm trên miền đồng bằng Angkor ».

Bia đá ghi rằng :

« Sau đấy, Quốc vương ngự ở Mahendraparvata. Vị Giáo chủ cũng đến ở trong thành để phụng sự nhà Vua như trước. Quốc vương có rước một nhà bác học Bà la môn thông hiểu khoa huyền bí ở chánh quốc sang lập một tôn giáo để nước Cao-Miên không còn tùy thuộc Java và để trong lãnh thổ có một vị Vua là người lãnh đạo mà thôi. Nhà bác học này đọc những sách vở từ đầu đến cuối để dạy vị Giáo chủ và chỉ cách làm lễ thờ phụng vị Phật Vua ».

Lễ giao tiếp giữa Đức Vua và Đức Phật, nhờ một vị Pháp sư làm trung gian, cử hành trên một ngọn núi thánh thiên tạo hay nhân tạo, và nhờ đấy chúng ta mới nhận được những điều tin tưởng trước kia. Nhiều vị



Tượng Phật TEP PRANAM



Tượng Vua Cui

Quốc vương thuộc triều đại Ấn độ có những ngọn núi thánh : các Quốc vương của xứ Phù Nam (Fou Nan) có ngọn đồi Ba Phnom ở phía Bắc quốc lộ số 1, giữa huyện Kompong Trabek và bến đò ngang sông Mékong ở Néak Lương.

Những vị Vua trị vì ở Java hồi thế-kỷ thứ 8 thuộc về triều đại « Çailendra » đều truy tôn là Vua của những ngọn Núi. Để đặt ngôi Vua của mình tương đối với các vị Vua và các ngọn Núi, dùng danh nghĩa của một vị Quốc vương thống nhất, Vua Jayavarman II phải nhờ một vị Pháp sư Bà lễ môn làm lễ trên một chót núi để nhận linh phù huyền bí của vị thần Çiva, nhờ đấy, sau này Hoàng gia Cao Miên sẽ giữ ngôi Trời trường cửu. Vì thế nhà Vua mới đóng đô ở núi Trái Vải (Phnom Kulén) và rước vị Pháp sư Bà la môn ở Ấn độ hay ở Java đến làm lễ và truyền dạy cho vị Giáo chủ của nhà Vua.

Qua những thế kỷ sau, cuộc dời đô của Quốc vương Jayavarman II lên núi Kulén được xem là một cuộc biến thiên của lịch sử đánh dấu ngày khởi đầu một kỷ nguyên mới. Trong những lời khắc trên các bia, thì Quốc vương Jayavarman II được nhìn nhận là một vị Vua đã xây dựng kinh đô trên chót núi Mahendra.

Bia đá ghi rằng :

« Sau đấy, Quốc vương trở về ngự trong kinh thành Hariharálaya, có thỉnh vị Phật Vua đem về. Vị Giáo chủ và thân tộc của người cũng đi theo làm việc quan như trước. Vị Giáo chủ chết dưới triều này. Quốc vương băng hà trong kinh thành Hariharálaya, nơi thờ vị Phật Vua, và vị Phật Vua này ngự ở tất cả kinh-đô nào của nhà

Vua đến đóng đẽ phù hộ Hoàng triều của các vị Quốc vương kế nghiệp ».

Như vậy, sau thời gian ngự ở núi Kulên, Quốc vương Jayavarman II trở về Hariharâlaya lần thứ nhì và băng hà ở đây năm 854, sau 52 năm giữ ngôi trời.

Đây là lúc chúng ta tìm trong các đền đài ở « khém Roluos », những ngôi nào của nhà Vua cất và chỉ rõ nơi xây dựng Hoàng thành.

Trong quyển : « Études d'orientalisme publiées par le Musée Guimet à la mémoire de Raymonde Linossier », tập thứ II có đoạn :

« Sự tìm kiếm có ít điều khó khăn vì Quốc vương Jayavarman II ngự hai lần ở Hariharâlaya, giữa 2 khoản ấy, nhà Vua ở núi Kulên. Hơn nữa, kinh thành này được giữ làm thủ đô lối 40 năm, sau ngày nhà Vua băng hà, đến triều Vua Yaçovarman là vị Quốc vương xây dựng ngôi đền Angkor thứ nhất ».



Triều đại dài dằng dằng 52 năm của Quốc vương Jayavarman II để lại một trang sử oai hùng Giữa lúc phải lo binh định và thống nhất lãnh thổ, nhà Vua luôn luôn đề ý tìm kiếm nơi dựng Kinh-kỳ sau này, trong một vùng đất gần hồ cá khổng lồ : Tonléap, ở khá xa vùng bị nước ngập mỗi năm, cách những hầm đá xanh ở núi Kulên lối 30 cây số và đúng các nẻo đường vào đồi Korat và hạ lưu sông Ménam. Giống như con đại bàng bay lượn trên không, nhà Vua đã xây dựng thành Hariharâlaya, thành Amarendrapura và các đền đài ở núi Tô giống như một

vòng tròn bao quanh vùng đất Angkor mà người cháu của Ngài, vị Quốc vương kế nghiệp lần thứ 3 : « Yaçovarman » cất cung điện Yaçodharapura làm kinh đô của quốc gia Cao Miên trong 600 năm.

Quốc vương Jayavarman II thờ vị Phật Vua theo bia đá của đền Sdok Kak Thom ghi rằng : « vị Phật Vua ngự ở tất cả kinh đô nào của nhà Vua đến đóng, để phù hộ Hoàng triều của các vị Quốc vương kế nghiệp ». Đó là ngôi tháp của nhà Vua cất trên một ngọn núi thiên nhiên hay nhân tạo và đánh dấu từ đó về sau là trung tâm diềm của Hoàng thành.

Nhà Vua ở nước ngoài trở về trị dân nhưng lúc nào cũng nghĩ đến phong tục nước nhà. Ngài đánh dấu trong lối kỹ thuật xây dựng sự giao tiếp giữa thời kỳ « tiền Angkor » mà Ngài đã áp dụng sát theo và « thời kỳ Angkor » đã chịu ảnh hưởng của những khuôn mẫu mới của Ngài.

Tất cả những điều này có ghi trong các bia đá dưới triều Vua Jayavarman II và trong những tài liệu do ban khảo cổ tìm được trái lại với phần đông các vị Quốc vương nối nghiệp của Ngài bảo rằng :

« Nhà Vua Jayavarman II không để lại một đoạn sử nào cả ». Có lẽ Ngài quá bận tâm tới việc đáng lo hiện tại mà không có thì giờ nghĩ đến việc ngày sau. Hơn nữa, cùng một tư tưởng với các đấng vĩ nhân, Ngài biết xữ dụng vương quyền với tánh cách nhũn nhặn. Một viên quan trong triều tán tụng Ngài trong một đoạn văn bằng tiếng Pnân sau khi Ngài băng hà 50 năm :

« Ngai ngồi trên đầu các mảnh sư tó điềm quanh ngai; Ngai truyền lệnh trên đầu các vì Vua; Ngai lập kinh đô trên đỉnh núi Mahendra, và tuy vậy Ngai không có một chút kiêu hãnh nào ».





KINH THÀNH MỚI XÂY DỰNG DO QUỐC VƯƠNG YAÇOVARMAN I — NHỮNG NGÔI ĐỀN CHÍNH TRONG THÀNH VÀ NGOÀI THÀNH

Chọn nơi dựng kinh-đô là công lao của Quốc vương Jayavarman II, xây cất ngôi đền thứ nhất trong vùng đất thiêng là công của Quốc vương Yaçovarman I, con của Vua Indravarman I là người cháu thúc bá của Vua Jayavarman II.

Quốc vương Yaçovarman I lên ngôi năm 889 sau đăng Tiên vương 3 triều, cách 39 năm, Ngài băng hà vào năm 900.

Tuy Ngài chỉ ở ngôi có 11 năm nhưng chính tay Ngài đã xây dựng khá nhiều đền đài và kiến tạo kinh đô Angkor Thom thành một đô thị rộng lớn, tưng bừng.

Theo cuộc sưu tầm của nhà khảo cổ Coedès thì :
• Kinh thành vương vực của đế-đô Angkor Thom cho ta thấy hoàn toàn là một thành phố tôn giáo, một đô thị hành chánh và quí phái với cung điện, đền đài thiêng liêng, vô số viên chức dân sự và quân sự, thầy tu, nhà phú hộ và quân đội. Và xung quanh vòng thành, dân chúng qui tụ thành từng thôn xóm kéo dài không ngớt, dọc theo hai bờ hồ Tonlèsap.

Ta có thể tin chắc rằng ngôi đền to tát như Prah Khan, Ta Prohm, Pré Rup van vân... không phải ở giữa rừng hoang như ngày nay mà ở giữa những làng mạc trù phú, đông đảo.

Ở ngay giữa khu rừng hiện thời và trong một vùng lối 10 cây số quanh Angkor Thom và Angkor Watn dân số Angkor đã quây quần lập chợ, đắp đường, ngụ dưới hàng ngàn, hàng muôn căn nhà lá mỏng manh. Những bình chạm vào vách đá trong các đền và cách sống của dân quê Cao Miên ở thế kỷ thứ 20 chứng tỏ cho chúng ta thấy hình ảnh ấy đúng sự thật. Rải rác đó, đây có những căn nhà to rộng của các công chức, các Bộ trưởng hay Thôn trưởng. Họ đã cất lại những ngôi đền bằng vật liệu nhẹ, những nhà thiêu xác, đào những hố sâu và lập nên những căn nhà cho khách bộ hành ghé nghỉ giống như hiện thời ở tận xóm làng hẻo lánh nhất nào cũng có, Chính Quốc vương « Suryavarman I » đã cất những căn nhà ấy hồi thế kỷ thứ 11 dài theo các ngã đường.

Họ đã khai khẩn trên vùng đất rộng những thửa ruộng dâu tiên có đánh dấu theo bờ, theo ranh cần thận Họ không quên dọn chỗ cần thiết cho số gia súc khổng lồ, cho những đoàn voi và ngựa.

Đây là hình ảnh của kinh thành Angkor Thom đang hồi cực thịnh.

Không có một bản văn nào cho ta biết rằng trước ngày Quốc vương Yaçovarman I đến đây, đã có một thị trấn quan trọng như thế. Song lo, cuộc xây dựng thành phố không phải nhà Vua định chọn giữa sa mạc mà trái lại trong một vùng nổi tiếng thuận lợi và đặc biệt phong phú từ lâu ».

Trong kinh thành, nhà Vua đã mở mang như thế, chúng ta thử kê cứu cuộc xây cất các đền đài trong thành và ngoài thành dưới sự trông nom của nhà Vua.

« Ngòi đền cất trên đỉnh đồi « Bakheng », chính của Quốc vương Yaçovarman.

Thoạt đầu vì sự cần dùng gấp, nhà Vua cho đào hai hồ Baray. Hồ ở hướng Đông được đào trước và chậm nhất là xong ngày 23 tháng 2 năm 948, bởi vì bản chữ ở tháp Baksei Chamkrong có ghi : tháp này cất vào ngày ấy và chính ở trong công cuộc xây dựng của Quốc vương Yaçovarman I và Rajendravarman.

Đền « Phiméanakas » được khởi thảo, kể sau đấy ít lâu, đền « Baphuon » hoài thai một lối kiến trúc mới mà người ta không thấy ở nơi nào khác ngoài nhóm Angkor và theo lối ấy, 3 thế kỷ sau người ta xây đền Angkor Wath : ngòi đền hình giác chùy (pyramidal) có nhiều tầng lầu giảm nhỏ dần và có nhiều ngọn tháp và nhiều hành lang. Ta có thể nói : đền Phiméanakas là ngòi đền quan trọng cuối cùng của Quốc vương Yaçovarman.

Nhưng Ngài hoãn công việc lại vì ý định của Ngài và nhất là vì những cửa thành cất theo chương trình cũ.

Vòng thành này không phải xây một lượt với « Sân Voi » (Terrasse des Éléphants), vì chúng ta thấy có những vết sửa lại, những vật liệu đã dùng rồi hoàn toàn thiếu một sự kết hợp giữa 2 nền kiến trúc ấy. Như thế, cung điện của nhà Vua bây giờ không phải cất ở nơi này chỉ có đền Phiméanakas mà thôi.

Theo bản văn ở đền Bat Chum thì qua triều sau, Quốc vương « Rajendravarman » ngự ở Angkor mới xây

vòng thành và các cửa theo một kiểu mới để bao quanh cung điện và luôn cả đền Phimeanakas. Bản văn có ghi rõ rằng : nhà Vua truyền cho vị quan « Kavindrârimathana » cất cung điện để nhà Vua ngự ở Yaçodharâpura (Angkor).

Vậy điện này được xây giữa năm 944 và 953. Ngôi điện trước của Quốc vương Yaçovarman I đã hư sập vì cất bằng những vật liệu nhẹ, trong lúc Ngài ngự ở « Chok Gargyar » một thời gian.

Khi Hoàng triều thiên về Yaçodharapura (Angkor) nhà Vua cho xây cất một loạt đền đài, bắt đầu từ đền « Baphuon ». Lối kiến trúc được áp dụng theo bản họa đồ của đền Phimeanakas nhưng đầy đủ hơn. Kế đó, là tháp « Prah Pithu » mà những ngôi tháp cất riêng xây trên những nền cao và đẹp ; rồi đến đền « Takeo » ở cách cửa Đông của Hoàng thành một cây số, xây theo bản đồ của đền Baphuon.

Sau rốt, bản minh văn học ghi rằng nền « Bát Chum » và « Pré Rup » cũng ở vào thời kỳ ấy, đánh dấu bằng niên hiệu Quốc Vương « Suryavarman I » bằng hà năm 1049 ».

THEO TÔN GIÁO, XÂY CẤT ĐỀN, THÁP TRONG VÙNG ANGKOR ĐỂ LÀM GÌ ?

Khởi từ thuở lập quốc, các đấng Tiên vương Cao Miên đã dời dờ không biết bao nhiêu lần. Mãi đến đầu thế kỷ thứ 9, Quốc vương Jayavarman II theo một tôn giáo mới : Đạo thờ vị Phật Vua, mới chọn đỉnh núi Kulên làm lễ rước linh phù (linga) và chọn vùng Angkor làm kinh-dô vĩnh viễn,

Ý định của Ngài truyền đến vị Quốc vương kế nghiệp thứ ba : Yaçovarman mới bắt đầu thực hành. Hoàng thành Angkor Thom được dựng lên, các cung điện lần lần được xây cất, trang hoàng. Ngay trung tâm thành phố, nhà Vua dựng đền Bayon để thờ vị Phật Vua, hầu vương nghiệp được phù hộ dồi dào bền vững.

Thế theo mỗi đạo này, các vị Quốc vương kế nghiệp lần lượt xây đền, cất tháp rải rác quanh vùng đất thiêng để thờ phụng Phật Trời và làm nơi yên nghỉ linh hồn cho thân nhân hoặc cho mình.

Angkor Thom, Angkor Wath và các đền, tháp tạo nên một kỳ-quan trên hoàn cầu ngày nay, đều do đạo này mà có.

Kể từ khi nước Cao Miên còn gọi là Phù Nam (?) vào đầu thế-kỷ thứ nhất đến thế-kỷ thứ 14, có hai ngành tôn-giáo : đạo Bà la môn và đạo Phật là hai giáo phái lớn nhất ở Ấn-độ truyền sang.

Hình như phần đông những vị Quốc vương Miên không chú ý đến việc bắt đầu phai theo một tín ngưỡng với mình, để họ tự do lựa chọn.

Đạo Bà la môn phát nguyên ở Ấn-độ hơn 20 thế-kỷ trước Tây lịch Kỷ nguyên có những vị Thần, Quỷ và Linh vật dưới đây :

— Thần BRAHMA là đấng Tạo Sinh, tượng trưng cho sự hoạt động ; Thần có 4 mặt, 4 tay cầm 4 quyển Kinh Vêda cõi con thiên nga (ngỗng thần) HAMSA.

— Thần VISHNOU là đấng Bảo Tồn, tượng trưng cho lòng tốt ; Thần có 4 tay, một tay cầm con ốc (cankha)

một tay cầm chày vồ (gada), một tay cầm bông sen (padama), một tay cầm hòn quẩn (cakra), cưỡi chim Garuda. Thần Vishnou được dân chúng tôn sùng nhất, người ta thường thờ chung với vợ Thần là Nữ thần LAKOMI ;

— Thần ÇIVA là đấng Phá Hoại, tượng trưng cho sự đen tối ; Thần có 4 tay, hai tay trên một tay cầm cái trống, một tay dắt con nai cái, hai tay dưới một tay bế thi, một tay an ủi, cưỡi bò đực NANDIN. Tóc Thần tết thành từng lọn ; Thần có 3 con mắt, thường mang đồ nữ trang, da thần như da cọp. Thần hay bắt rắn làm vòng đeo.

— Thần INDRA tương truyền là Ngọc Hoàng Thượng Đế, ngự ở thượng giới trên đỉnh núi Tudi (MÊRU) dùng sấm sét làm khí giới, thường làm giông gió và mưa để giúp người phàm. Ngài cưỡi bạch tượng tên AIRÁVATA, gốc ở vùng Biển sữa, thường hiện ra 3 đầu.

— Thần YAMA là vị thần cầm cân pháp luật hay quan Tòa tối cao ở Âm phủ, Thần cưỡi trâu hoặc ngồi xe bò.

— Thần NÂGARÂJA là Long Vương. Vua Thủy phủ, cốt là Rắn 7 đầu hoặc 9 đầu (một loài vật linh thiêng như Rồng của người Tàu), tương truyền là tổ tiên huyền bí của dòng Vua Cao-Miên.

— Thần GANEÇA hay GANAPATI là vị Thần mình người đầu voi, người lùn, bụng lớn, có 4 tay và cưỡi con chuột, thường cứu người khổ nạn nên cũng được gọi là VIGHNEVARA. Thần Ganeça vốn là con của Thần Çiva và nữ Thần PÂRVATI. Tương truyền một hôm, Thần Çiva vào thăm mẹ của Ganeça (Thần Çiva có rất nhiều vợ). bị cậu con cản trở không cho vào. Thần Çiva tức giận rút

groom chém đứt đầu con. Bà mẹ quá đau đớn, van vái xin cho Ganeça mọc đầu khác giống người hay con vật nào bà thấy trước nhất. Vái xong, bà chạy ra cửa gặp ngay con voi. Thần Ganeça liền mọc ra đầu voi.

— Thần KÂMA là vị Thần ái tình, một chàng trai trẻ cầm cung bằng cây mía với những mũi tên bằng búp sen. Vợ Thần tên RATI. Thần cỡi con kết.

— Thần KUBERA là vị Thần của sự giàu sang (Thần Tài) tướng dị dạng và lùn, chỉ huy giòng Chăng YAKSHA hay YAK là những con quỷ khổng lồ, dữ tợn, mắt lộ, móng dài, ta thường thấy chúng đứng giữ cửa chùa tay cầm chày vồ.

— Thần TÊVODA là vị Thần giữ nhà, giữ đền Vua và giữ gìn sinh mạng của mọi người. Mỗi lần có việc gì xảy đến mình, người Miên thường gọi Thần Têvoda cũng như người Việt quen gọi : « Trời ơi ! Chúa ơi ! ».

— Thần DEVA là vị Thần giúp đời, luôn luôn chiến đấu với giòng quỷ ASURA và giòng Chăng.

— Nữ Thần APSARA là tiên nữ ở thượng giới, vũ nữ của Thần INDRA, gốc ở vùng Biển sữa luôn luôn nhảy múa, bay lượn trên Thiên đàng. Tương truyền khi đạo Bà la môn sắp suy tàn, Nữ Thần dùng sắc đẹp cam dỗ những kẻ tu hành khắc khổ.

— Nữ Thần DEVATA ăn mặc sang trọng, tay cầm hoa theo hầu bốn vị Thần Çiva, Indra, Vishnou, Brahma.

— Ông TÂ (Néak Ta) là vị Thần coi sóc một vùng như các vị quan to khi mất được nhà Vua sắc phong làm

Thần như ở Việt-Nam, rất được sùng bái, thường thường dân chúng thờ bằng một viên đá, hoặc nhiều viên, chứ không có tạc tượng.

— Bà NÉANG KHMAU, gọi là Bà Đen, vốn là nữ thần KALI là một vị nữ thần coi sóc một vùng và được sùng bái như Ông Tà. Người Việt quen gọi là Bà Chao. Hai vị Thần này thường giúp người bằng cách báo mộng, hoặc cho xăm. Ông xăm của Ông Tà chỉ có 26 thẻ mà thôi.

— Nữ Thần UMĀ, vợ của Thần Çiva, tên thật là PO-NAGAR. Nữ Thần rất nhân từ.

— Nữ Thần LAKSMI có tên là ÇRI, vợ của Thần Vishnou, là vị Nữ Thần coi về sự phú quý. Nữ Thần cỡi rắn, xung quanh có nhiều rắn theo hầu.

— Nữ Thần SARASVATI vợ của Thần Brahma là vị Nữ Thần coi về âm nhạc và khoa học, chuyên đánh đàn Vina.

— SKANDA, vị Thần coi về binh thơ đồ trận, con của Thần Çiva và nữ thần Parvati. Thần có 6 đầu, cỡi con công.

— SURYA, vị Thần Mặt Trời, được người đời thờ phụng rất long trọng. Ở miền Nam Ấn-Độ, người ta tạc tượng Thần hai tay giơ lên cầm những bông sen chưa nở, chân không đi giày. Ở miền Bắc Ấn-Độ, người ta tạc tượng Thần giơ hai tay cầm bông sen nở lớn, chân mang hia. Tuy vậy ở Nam và Bắc Ấn, tượng Thần đều ngồi xe do 4 hay 7 ngựa kéo.

— TĀRA là một nhóm gồm 24 vị Thần hung dữ, nhân từ lẫn lộn.

— VICVAKARMAN vị Thần phát minh ra mỹ nghệ và kỹ nghệ thực hành. Thần có 5 người con, người thứ nhất đúc sắt, người thứ hai làm thợ mộc, người thứ ba làm đồ đồng, người thứ tư làm thợ đá, người thứ năm làm thợ bạc, ngọc thạch.

— RIAHU vị Thần định nuốt mặt trời và mặt trăng, bị Thần KOMPHONLAK chém đứt khúc mình chỉ còn cái đầu và hai tay mà vẫn sống. Người Miên thường vẽ hoặc tạc tượng hình Riabu ở cổng chùa hoặc trong chùa, hai tay nắm mặt trăng đưa vào miệng ngậm. Người theo đạo Ba la môn cho rằng mỗi lần có Nhật thực và Nguyệt thực là lúc mặt trời hoặc mặt trăng đi ngang đỉnh núi có Riahu chờ, bị Riabu chụp lấy định nuốt, nhưng nuốt không được phải nhả ra. Sự tích Riabu do câu chuyện dưới đây :

« Ngày xưa có ba anh em mồ côi cha mẹ, ở chung với nhau. Một hôm, ba anh em muốn dâng cơm cho một vị La hán thường qua xóm khát thực. Hai anh lớn bảo đưa em chụm lửa nấu cơm. Vì củ ươt không cháy nên gần đến giờ vị La hán đi ngang mà cơm chưa chín. Hai người anh không biết, rầy mắng đưa em. Người anh lớn quá giận lấy muống xúc cơm đánh trên đầu em. Người em tức tối, khóc thầm mà chịu. May nhờ đức tốt của ba anh em, lửa cháy cơm chín. Khi đặt bát, dâng cơm, người em nghĩ rằng số dĩ kiếp này nó là em mới bị hiếp đáp, bèn nguyện kiếp sau đầu thai thành một người có sức mạnh vô biên, xin thành Riabu hay gió bão, mạnh không ai chặn đứng nổi. Hai người anh nghe lời em nguyện sợ sau này bị em làm khổ mới cầu xin cho kiếp sau, người lớn thành mặt trời, người kẻ thành mặt trăng. Nhờ đức tốt của ba anh em cúng dường vị La Hán nên kiếp sau cả ba đều được như ý nguyện. Anh cả thành Mặt Trời gọi là Preah A

Tik, anh kể thành Mặt Trăng gọi là Preah Chan, em út thành Riahu. Hai anh bị em rượt chạy theo núi SAKMÈRUK. Riahu chạy không kịp, tức giận vô cùng, hèn xuống ao ANOTATAK tắm rửa. Ao này do một vị chư Thiên biến hóa ra, giao quyền quản trị cho vị Thần KOMPHONLAK dặn rằng dù cho chư Thiên, Chàng tinh hay kẻ nào muốn lấy nước hoặc tắm rửa phải có sự thỏa thuận của vị Thần này, ai trái lệnh Thần có quyền xử tử. Riahu ý mình vô địch nên không thèm xin phép trước khi tắm, bị Thần KOMPHONLAK chém đứt ngang ngực. Nhờ có phước lớn, Riahu không chết, nhưng không còn chân để chạy nên bò lên nửa chừng núi SAKMÈRUK nằm hã họng chờ mặt trời và mặt trăng đi ngang qua thì nuốt. Quả nhiên mặt trăng bị Riahu nuốt một năm một lần hay hai lần còn mặt trời thì 2, 3 năm một lần. »

Người Miên tin tưởng rằng nếu mặt trăng bị Riahu nuốt hết thì ngũ cốc sẽ hao hụt, còn Riahu nhả ra thì lúa gạo dồi dào. Người dân bà có thai thường van vái Thần Riahu phò hộ được sanh mau mắn vì Riahu là vị Thần có miệng rộng, nuốt mặt trăng rồi nhả ra dễ dàng !

— YAK, YAKSHINI, YAKASHA, ASURA là giống quỷ dữ tợn, gọi là Chăng, có giang sơn riêng, thường bắt dân bà đẹp làm vợ và gây rối loạn luôn luôn.

Ngoài các vị Thần, còn có một số thú có tánh linh như :

— IANUMAN là Hầu Vương, Vua loài khỉ, có phép thần thông, giúp các vị Quốc vương trong các trận mạc và những trận đại chiến với giống Chăng.

— GARUDA, là giống chim gann thành người, tay

chân và thân mình là người, đầu chim, có cánh. mỏ và đuôi, thường giúp đỡ người đời. Thần Vishnou cỡi Garuda.

— HARISA, con Thiên nga của Thần Brâhma cỡi, tiêu biểu cho Ái tình và Hạnh phúc.

— NANDIN, con bò đực của Thần Çiva cỡi, có khi biến thành hình người đầu bò, còn gọi là LAMAU.

— GAJASIMHA, một loài vật quái dị có vòi như voi, thân mình giống sư tử.

— MAKARA, loại thủy tộc đầu rồng, mình cá của Nữ Thần sông Hằng Hà cỡi. Nữ Thần là GANGA DEVI.

— NAGA rắn thần giữ kho vàng cho chư Thần ÇIVA, VASUKI, TAKSAKA.

Đạo Phật cũng phát nguyên ở Ấn-độ lối 6 thế-kỷ trước Thiên Chúa giáng sinh, truyền bá sang Cao-Miên theo phái Tiểu thừa (Hinayâna).

Vào đầu thế-kỷ thứ 9, Quốc vương Jayavarman II ở Java về đóng đô ở hướng Bắc Biển hồ có truyền một đạo mới, phổ biến đến ngày tàn tạ của đế-đô Cao-Miên, ấy là đạo Devarâja hay là vị Phật Vua (tiếng Miên gọi là Kamrateng jagat ta râja). Từ đây, Đức Phật là Đức Vua, hay đúng hơn là « bản thể của Hoàng tộc » ngự trong một linh-phù (linga) xem như sự nhập cốt của Thần Çiva.

Linh phù này để trong một ngọn tháp cất ở giữa kinh đô và được thờ phụng ngay chỗ Vua ngự. Theo những lời ghi trong bia đá của đền Sdok Kak Thom thì cả một gia quyến tu sĩ Balamôn được cử coi sóc việc cúng lễ này suốt hơn hai thế kỷ.

Nhà khảo cổ George Groslier viết trong quyển « Angkor, Villes d'art célèbres » về vấn đề tôn giáo đối với kinh đô Cao Miên thời ấy cùng các đền đài quanh vùng như vậy :

« Kinh thành Yaçodharâpura (1) không phải là nơi Vua ngự không mà thôi, nó trở nên, ngay sau khi hoàn thành, là « kinh đô thánh » của xứ Kambuja. Hai ngành tôn giáo của Ấn-độ, đạo Bàlamôn và đạo Phật được truyền bá ở Cao-Miên và bành trướng cũng như ở mẫu quốc. Sự liên lạc giữa hai quốc-gia vẫn tiến hành luôn luôn hoặc theo đường biển miền Nam hoặc theo các thung lũng ở Ấn-độ vượt sông Hằng hà.

« Không khác ở Ấn, đạo Bàlamôn và đạo Phật tranh chấp lẫn nhau ở đất Miên, phái nào cũng đánh trư-thế tùy theo uy lực của vị Quốc vương tôn sùng đạo của mình. Thế nên, kinh đô Angkor Thom đánh dấu hồi thế-kỷ thứ 10 một trư-thế của phái thờ thần Çiva, nhưng cũng có một số ít nhà Vua theo đạo Phật.

« Ngoài ra cả hai giáo phái đều bị cải cách ít nhiều. Một cuộc gia nhập tôn giáo rất quan trọng do Quốc vương Jayavarman II đem về giữa năm 802 và 809 và đặt nơi phụng thờ vĩnh viễn ở kinh đô và ngôi tháp chánh : Bayon. Cuộc cải lương về chánh trị cũng như về tôn giáo này tỏ rằng Hoàng triều mới muốn phổ trương uy lực và nền độc lập của mình. Một cách thờ cúng riêng biệt được thành lập với đạo thờ vị Phật Vua của Quốc vương, gọi là « Kamrateng jagat ta rāja ». Quyền Giáo chủ coi sóc về

(1) Tên đặt trước khi có điện Angkor Thom.

việc thờ cúng được dành riêng biệt và trường cửu cho thần nhơn của một gia đình mà thôi.

« Trong tấm bia ghi cuộc xây dựng thành Yaçedharapura có chép phổ hệ của gia đình vị Giáo chủ này trong khoản thời gian hơn hai thế-kỷ (từ năm 802 đến 1052). Ấy là gia quyến của các vị Đại giáo chủ của đạo Devarāja (thờ vị Phật Vua) lúc kinh đô Angkor mới thành lập.

« Vị Phật Vua tượng trưng bằng 1 linh phù. Mỗi lần đi 1 đô, vị Giáo chủ cùng gia quyến thỉnh linh phù đi theo nhà Vua. Sau khi ở Mahendrapura một thời gian, rồi ở Hariharâlaya, chúng ta thấy Quốc vương vào Angkor Thom, nơi đó, đền Bayon được dành cho linh phù ngự. Sau đấy, Quốc vương Harshavarman có thỉnh đến điện Chok Gargyar một thời gian ngắn, kế qua năm 944, Vua Rajendravarman thỉnh về Angkor Thom ngự vĩnh viễn trong đền Bayon.

« Việc thờ phụng của nhà Vua giống các lối cúng lạy của người Ấn độ, không có gì khác lạ lắm.

« Cách hành lễ riêng biệt do một Giáo chủ Balamôn trông nom rất giản dị.

« Tuy thế, nền Phật giáo vẫn còn ảnh hưởng rất mạnh do nơi sự truyền bá thuyết Đại thừa (Mahâyâniste) từ ngày lập quốc, cho nên có người bảo rằng tất cả đền đài trong vùng Angkor đều thuộc giáo phái Balamôn là sai lầm. Đền Bantéay Kdei hoàn toàn thuộc về Phật giáo, cả khóm đền Bantéay Chmar cất trước đền Bayon cũng vậy. Đền Angkor Wath không phải để thờ phụng linh phù,

không phải đề thờ Phật Kambujadeca, không phải đề thờ Phật Thích-ca mà đề thờ Thần Visnou ».



Trong quyển « Đề hiểu Angkor rõ ràng hơn » ông Coedès viết :

« Tất cả đền đài ở Cao Miên đều là nơi thờ phụng, bởi vì chỉ có những đấng thiêng liêng mới có quyền dựa vào chỗ ở cất bằng đá hay bằng gạch là những vật liệu chống vững được với thời gian và khí hậu. Chính nhà Vua ngự trong điện cất bằng cây và tạc lệ này đến thế kỷ thứ 17 ở Xiêm còn dùng.

« Từ triều đại Phù Nam đến thế kỷ thứ 17, đạo Bà la môn và đạo Phật được truyền bá ở Cao Miên. Ở xứ Phù Nam (Cao Miên ngày xưa) và trong thời kỳ « tiền Angkor », người ta theo đạo Bà la môn thờ Thần Harihara hay Çiva và Vishnou hợp chung một thể xác. Đến thời kỳ Angkor, trước hết phái Çiva có ảnh hưởng rất lớn, trong Hoàng tộc, qua thế kỷ thứ 12 là thời kỳ Angkor Wath, phái Vishnou được lan rộng. Còn Phật giáo là khởi đầu của phái Tiểu thừa, nhưng truyền bá bằng tiếng Sanskrit. Từ thế kỷ thứ 9 đến thế kỷ thứ 13 những bản khắc và những hình chạm Đức Phật Bodhisattvas chứng thật ảnh hưởng của phái Đại thừa. Nhưng qua thế kỷ thứ 13, Phật giáo ở Ceylan theo đường Xiêm truyền sang Cao Miên bằng tiếng Páli và dần áp gần hết các tôn giáo khác,

• Như thế các đền đài ở Cao Miên là những nơi thờ Thần Thánh hay là những ngôi đền phụ của một ngôi chùa. Nhưng ta không nên tưởng rằng những

ngôi chùa ấy giống như nhà thờ Công giáo hay chùa Phật ngày nay mà dân chúng tập nập đến lễ bái. »



Đã có nhiều người cho rằng những đền đài ở Angkor xưa kia là cung điện của Hoàng triều nhưng đây là một điều sai lầm.

Ngay từ buổi đầu, những nhà khảo cổ trước tiên đã nhìn nhận các nơi ấy đề riêng biệt cho việc thờ phụng chứ khó thể dùng để ở. Hơn nữa, ông Châu-đạt-Quan có thuật rằng : « Cung điện của nhà Vua và Hoàng tộc đều lợp ngói bằng chì hay bằng đất hăm », như thế chứng thật cung điện xây cất bằng gỗ, và cách lợp mái nhà như vậy không

bao giờ được dùng trong các đền bằng đá hay gạch.

Sự thật, ở Angkor Thom, trong vòng thành « Phimeanakas » là chỗ xây cung điện cũ, có những căn nhà đề ở chỉ còn lại nền móng của loại nhà bằng gỗ mà thôi. Do theo những hình chạm trong vách đền, chúng ta biết rằng các loại nhà mông manh này không còn gì cả; và ngày nay chúng ta còn thấy được trong vùng Angkor cái bộ xương, cái sườn nhà của kinh thành mà về mặt tôn giáo ví như cái vòng thành là bốn bức tường của ngôi đền chánh : « Bayon ».

Nhưng, ta thử hỏi : « Những ngôi đền này cất để làm gì ? »

Nếu ta liệt những ngôi đền ấy vào những nơi thờ phụng hay chùa chiền để dân chúng lễ bái thì ta phải nhận thấy rằng số lượng và khuôn khổ của các đền này không

hợp với số dân cư quá đông. Ta phải lấy làm lạ vì sao các vị Quốc vương xây cất đền đài liên tiếp, triều sau có phần sắc sảo nhiều hơn triều trước mãi đến sự cuồng vọng về kiến trúc ở thế kỷ thứ 12, mà ta thấy những ngôi đền lần lượt được dựng lên : Beng Méaléa, Angkor Wath, Bantéay Samrè, Bantéay Kdei, Ta Prohm, Prah Khan, Bantéay Chmar và Bayon. Đây là những công trình to tát, ngoài ra vẫn còn nhiều.

Bấy giờ ta mới nắm được câu trả lời khó khăn ấy : nhờ những cuộc tìm kiếm gần đây của ban mình vẫn học, ta được biết rằng những ngôi đền chánh do nhà Vua tạo nên đều là những ngôi mộ, những nhà mồ để chứa tro của xác chết và dựng tượng người quá cố dưới hình thức của các vị Thần, Phật.



THỜ CÚNG CÁ NHÂN, THỜ PHỤNG VỊ PHẬT VUA VÀ PHONG THẦN HOÀNG TỘC

I.— THỜ CÚNG CÁ NHÂN

Trong những đền đài khắp lãnh thổ Cao Miên, người ta thấy vô số những tượng đá Thần Visunou, Thần Civa và các vị Thần khác.

Đại đa số những tượng ấy đều là hình dạng của các đấng Tiên vương, các vị Hoàng tử hoặc các viên quan lớn trong triều chạm theo hình vị Thần nào mà lúc còn sống họ thờ phụng. Danh tánh của tượng đá đều kết hợp bằng tên của người chết và tên vị Thần. Đó là cách « thờ cúng cá nhân ».

Lối thờ cúng này ít có thực hành ở Ấn độ chánh quốc, mà được các nước láng giềng có chịu ảnh hưởng về tôn giáo Ấn hưởng ứng rất nhiều. Dân Chiêm thành ngày xưa, nhất là dân Java và Bali rất sùng bái việc cúng kiến này ».

Những tượng đá thật đẹp ở Bảo-tàng-viện Batavia và ở Hòa-lan, trước kia mang tên Thần Vishnou, Thần Çiva vân vân... sự thật là hình dáng những vị Quốc vương và Hoàng tử đã băng hà dưới hình một vị thần Balamôn hay Phật giáo.

Cách « thờ cúng cá nhân » được thông dụng vào đầu thời kỳ Angkor. Trong những hình tượng ấy, ta nên phân biệt tượng nào để truy niệm người đã chết và tượng nào để tặng người còn sống, hoặc nhà Vua truy tặng những tượng của cha mẹ mình, hoặc tạc giống theo hình Phật hay dùng một Linh thật, hay dùng một hình khác mang tên người.

Hồi thế kỷ thứ 9, trong vùng Angkor có một khóm đền đài thờ nhất thờ Hoàng tộc : ấy là khóm đền Roluos, ở cách Angkor lối 20 cây số về hướng Đông-Nam, có ba ngôi tháp : Bakong, Prah Kô và Lolei. Do đấy ta tìm thấy những mối liên quan đến sự thờ phụng vị Phật Vua.

Quả thật, năm 881, Quốc vương « Indravarman » tôn vị Phật Vua ở đền « Bakong », dưới danh hiệu là « Indravarman » (1), đồng thời Ngai cất bên cạnh 6 ngôi tháp tên Prah Kô » truy tặng dưới hình thể của Thần Çiva và vợ của Thần, những tượng đá của ông bà ngoại, của cha mẹ Ngai và của Tiên vương Jayavarman II.

(1) tên nhà Vua ghép với tên vị Thần : Indra (varman) çvara là Çiva : Indravarman.

Năm 893, tại đền « Lolei », Hoàng tử con Quốc vương Indravarman là « Yaçovarman » (người lập kinh-đô Angkor) dựng tượng của ông bà ngoại và cha mẹ Ngài. Tất cả những tượng này mang tên đôi, phần thứ nhất là phân nửa tên thiệt, phần thứ nhì, tùy theo dân ông thì đề « Içvara », dân bà thì đề « devi ».

Qua thế kỷ sau, vào năm 952, Quốc vương « Rajendravarman » truy-tặng cha mẹ Ngài trong những ngôi tháp tên « Mébon ở hướng Tây » và « Pré Rup ».

Cuối thế kỷ thứ 12 vào năm 1186, Quốc vương Jayavarman VII cất diên Ta Prohm để đặt tượng thờ mẹ Ngài và ông thầy của Ngài.

Qua năm 1191, Ngài xây diên Prah Khan để đặt tượng thờ cha Ngài.

Một bằng cứ xác thực, chứng thật thuyết này là tấm bia đá ở đền Phimeanakas, ghi rằng :

« Hoàng hậu « Jayarajadevi », chánh cung của Vua « Jayavarman VII » tạc tượng ở khắp nơi ; cha, mẹ, anh em, bè bạn, bà con và thân tộc trong gia đình mà Ngài quen biết và nghe nói đến.

Hơn nữa, sau khi Hoàng hậu băng hà, bà chị cả của Ngài tên là « Indradevi » tạc vô số tượng của Hoàng Hậu mang tên là « Çri-Jayarajadevi » cùng với tượng của nhà Vua và của chính mình trong khắp Hoàng thành ».

Ngoài ra ta được biết chắc rằng những tượng đá ở đây các đền đài của Quốc vương Jayavarman VII tạo nên phần nhiều là hình thể của các vị Hoàng tử hay những viên quan trong triều được phong Thần. Ta thấy tên tuổi

của họ khắc trên cửa tháp, cả tiền sử và công nghiệp của họ.

II.— PHONG THẦN BỐN TƯỚNG SĨ

Ngoài những tượng nhà Vua, Hoàng hậu và thần như trong Hoàng tộc, còn có những tượng của các tướng sĩ đã lập chiến công hiển hách hoặc hy sinh vì nước.

Một bia đá ở đền « Bantéay Chmar » ghi cuộc phong Thần của bốn tướng sĩ đã cứu vị Hoàng tử con Vua Jayavarman VII. Đây là những đoạn chánh trong bia :

« Khi tên phản tặc Bharata Riahu muốn đánh chiếm Hoàng thành thì tất cả quân đội ở thủ đô đều trốn sạch. Hoàng tử xuất trận với hai tướng theo hầu: tướng « Sanjak (1) Arjuna » và tướng « Sanjak Çri Bharadeva-pura ». Hai vị đánh tên Bharata Riahu để che chở Hoàng tử, bị tên này giết chết, Hoàng tử chôn Riahu ngay sống nữa và giết nó.

Đẹp giặc xong, nhà Vua phong hai tướng tước Amteng và cho tạc tượng đá, Hoàng tử phong tặng chức lược và tiền bạc cho thân nhưn hai gia đình ấy rất nhiều.

Xưa kia, Hoàng tử cầm quân đánh Chiêm thành. Sau khi chiếm được một pháo lũy của Vua Chăm, Hoàng tử trở về. Lúc đang đi đội binh tiền phong của Chăm, theo đường tắt chặn đánh đoạn hậu của quân Miên. Hoàng tử huy động hết lực lượng trở lại tiếp cứu. Ngài kéo quân lên một ngọn đồi vừa lúc quân Chăm tụt lại ở sát tấn công. Quân Miên ở đoạn hậu bị bao vây, chỉ còn có 30

(1) Chức vị của tướng võ theo hầu cạnh một ông Hoàng, như Garde-corps ngày nay.

người. Hoàng tử tiến đánh lời chân núi. Quân Chăm vây Ngai vào giữa và không có một tên quân Miên nào dám vào cứu. Tướng Sanjak « Çri Deva » và tướng Sanjak « Çri Vardhana » là đôi bạn kết nghĩa có thể nguyện với nhau chạy tìm Hoàng tử. Hai tướng xông đến cạnh Ngai và đánh bật quan Chàm. Nhưng đối phương quá đông hai tướng mất cả khí giới, chỉ còn tay không bị quân Chăm đâm vào bụng; hai tướng chết đứng theo lời nguyện.

Sau trận ấy, Hoàng tử cầm quân đánh 78 trận khác, các binh sĩ Miên chiến đấu rất anh dũng.

Ngài làm lễ táng hai tướng theo nghi lễ Hoàng gia. Trở về đất Kambuja, Ngài phong hai tướng tước « Amteng » và cho tạc tượng đá ».

Quốc vương Jayavarman VII tạc tượng Hoàng tử, phong Thần đề giữa đền Bantéay Chmar, còn 4 tượng đã hy sinh của Hoàng tử thì đề ở 4 góc đền.



III.— THỜ PHỤNG VỊ PHẬT VUA

Đền Angkor Wath là một ngôi đền thờ Thần Vishnou, nhưng tượng Thần Vishnou trong tháp không phải chánh vị Thần Ấn độ, cũng không phải tượng của Thần nhập vào theo lệ cổ truyền mà chính là Quốc vương « Suryavarman II » phong tặng mình là Thần Vishnou sau khi băng hà và ngự trong ngôi mộ lộng lẫy của mình có chạm tro nhiều liên nữ Apsara cũng như Thần Vishnou ở trong cung điện của Ngài trên trời.

Lúc còn sống, nhà Vua ngự trong cung cất bằng cây và vật liệu nhẹ, nhưng khi bỏ xác phàm thành Thần, nhà Vua ngự trong đền bằng đá.

Nhà khảo cổ Coedès giải thích rằng :

« Những đền đài to lớn của người Miên không phải để cho dân chúng đến chiêm bái, cầu nguyện như nhà thờ đạo Gia tô. Đây là những ngôi đền của nhà Vua, của các vị Hoàng tử hoặc của các quan, để thờ phụng cá nhân, các vị Quốc vương và Hoàng tộc được truy phong theo một trong những vị Thần Balamôn hay Phật.

« Bảo rằng các đền ấy là nơi thờ cúng công cộng giống như nhà thờ và chùa miếu ngày nay là một điều sai lầm rất lớn.

« Nếu ta thấy dân chúng viếng đền đài, không phải vái lạy, hay cùng dường cầu xin lộc Phật, mà chính họ đến chiêm ngưỡng vị Phật Vua và những vị Thánh như đã liệt vào hàng Thần, Phật bằng cách phong Thần ».

ĐỀN CHÙA HAY MỘ THẦN ?

Chúng ta đã thấy đại khái công dụng của các đền đài trong vùng Angkor, để giải thích rõ ràng hơn, chúng ta nêu câu hỏi này để trình bày những tài liệu của các nhà khảo cổ.

Trong quyển Cambodge, tập III xuất bản năm 1905, ông Aymonier có viết về ngôi tháp bằng gạch cất ở phía Bắc đồi Bakheng, như vậy :

« Giữa tháp có nhiều mảnh vụn của tượng đá bị đập bể, và nhiều chân tượng bị lật đổ, phía dưới bị đào xới

thật sâu, chứng tỏ rằng những kho tàng chôn dấu trong lòng đất bị lấy mất, giống như nhiều đền, tháp khác. Kể gấu tóm thâu những bình đựng tro người chết và những báu vật khác ».

Năm 1933, ông Jean Przyluski nêu ra một luận thuyết trong quyển « Pradakshina et Prasavya en Indochine » ở trang 320 cho rằng đền Angkor Wath là mộ thần của Quốc vương Suryavarman II.

Chiếu theo việc xây cất ngôi đền đề cửa về hướng Tây mà không xoay qua hướng Đông như các đền khác, và chiếu theo những hình chạm dài theo hành lang trên tầng lầu thứ nhứt diễn tả những đám táng, nghĩa là ngôi đền được trình bày về phía tay trái, nhà khảo cổ kết luận rằng : Angkor Wath là một ngôi đền hoàn toàn khác hơn các đền khác. Không phải là một ngôi chùa mà người ta sùng bái một đấng thiêng liêng theo cách thờ phụng huyền bí bằng những cuộc cúng lễ huy hoàng, nhưng là một nơi chôn cất, nơi ấy người ta sùng bái một người chết bằng cách thờ cúng theo tang lễ.

Ông nhắc lại hồi cuối thế kỷ thứ 13, ông Châu-đạt-Quan so sánh Angkor như nhà mồ của ông tổ Lồ-ban bèn Tàu.

Ông Coedès không đồng ý với hai thuyết trên đây đã cho rằng Angkor Wath là ngôi đền hoàn toàn khác hơn các đền khác. Trong bài : « Angkor Wath, temple ou tombeau » đăng ở tạp chí trường Bắc cô Viễn đông năm 1933, ông viết :

• Tôi nhìn nhận việc chừa xương vụn hay tro tàn theo cách xoay hướng đền về hướng Tây, nhưng tôi không tin

rằng Angkor Wath chỉ là một nơi chôn người chết theo kiểu các nhà mồ của người Tàu.

« Nếu bảo rằng nhà mồ trong trường hợp dùng làm nơi yên nghỉ của nhà Vua sau khi băng hà thì được, nhưng đúng hơn, một vị Quốc vương Cao Miên khi bỏ xác phàm « thi lên trời » ngự trong cung điện ở thượng giới, ở giữa điện có hình tượng một vị Thần mà nhà Vua thụy phong mình vào. »

Qua năm 1937, trong báo « Journal of the Indian Society of oriental art » tháng 6 và tháng 12 trang 131 với đầu đề « Is Angkor Wath a temple or a tomb ? » ông Jean Przyluski trở lại bàn cãi vấn đề này.

Ông bảo rằng danh từ : « ngôi đền chôn người » của ông Coedès dùng cho Angkor Wath trong cuộc tranh luận với Bác sĩ Bosch (đăng ở tạp chí trường Bác cổ Viện đông năm 1932, trang 21) không đúng. Theo ông thì phải phân biệt những tang lễ cử hành trong lúc chôn người trong các nước Ấn-độ văn minh, hoàn toàn khác hơn những lễ Thần Thánh trong một ngôi đền.

Sự tranh luận có thể kéo dài vì thiếu tài liệu, nhưng nhờ cuộc tìm kiếm bất ngờ mới chấm dứt.

Mục phiếu chánh là vấn đề « tang lễ » ở Cao Miên ngày xưa. Trong hai cách chôn người thì với lối thiêu xác chết của nhà Vua cũng vậy rồi đem tro đổ xuống sông hay ngoài biển như ở Ấn độ, ta không cần phải bàn về mộ thần hay việc chôn cất trong nhà mồ, còn với cách thiêu xác rồi gom xương vụn và tro bỏ trong một cái bình để trong chùa thì ta cần phải tìm xem những ngôi đền

nào dùng làm nhà mồ để chứa tro, xương của các Quốc vương và các vị Hoàng tử.

Ở thời kỳ Phù Nam, vào đầu thế-kỷ thứ 6, bên Tàu có bộ sử nhà Lương ghi 4 cách táng người chết : dưới nước, trong lửa, dưới đất và cho chim chóc ăn thịt.

Qua thế.kỷ thứ 7, bộ sử của nhà Tùy chép rằng ở xứ Chân Lạp : « người chết được khiêng đi rất long trọng, người ta đốt xác bằng loại gỗ thơm, hốt tro bỏ trong một cái bình bằng vàng hay bạc rồi liệng theo dòng nước ; người nghèo dùng cái hũ đất tự tay họ nặn lấy. Cũng có người không đốt mà đem xác chết bỏ trên núi cho thú dữ ăn thịt ».

Cuối thế kỷ thứ 13, ông Châu-đạt-Quan có ghi vài chi tiết về cách bỏ xác cho thú ăn. Ngoài ra, ông viết trong tập ký ức :

« Cũng có người hắt đầu đốt xác chết, đó là tất cả những người thuộc dòng dõi người Tàu. Xác nhà Vua chôn trong tháp, nhưng tôi không biết người ta chôn xác hay chỉ chôn xương ».

Ta nên chú ý đến câu chót, họ Châu nói rõ về cách chôn xác nhà Vua trong tháp.

Ở Java và Bali người ta cũng thiêu xác chết. Trong nhiều ngôi đền ở Java người ta tìm thấy hòm đựng thành tích bằng đá, trong vài cái có tro và mảnh xương vụn bị đốt trộn chung với nhiều đồ vật bằng kim khí. Nhiều đền khác có những hòm đá đựng vàng lá và ngọc thạch, nhưng không có một vết tro nào.

Ở Cao Miên những đền đài đều bị bọn bắt lương đào xới tất cả. Chúng không để nguyên vẹn một ngôi nào và không ngần ngại lật đổ tượng Phật, đập bể những bệ đá to tát, để đào tận hầm vàng, mà lúc cất đền người ta để dưới một cái giếng cạn ngay chánh điện. Có chỗ chúng dỡ nóc tháp để lấy vàng bạc giấu trên ấy.

Đến ngày nay, không có một nơi chôn giấu nào còn nguyên, vì thế rất khó cho ta phân biệt những hầm đục trong mình đá ong đựng vật gì ?

Ta đã gặp rất nhiều mảnh vàng vụn, những hòn ngọc thạch hạng xấu trong các đền đài, nhưng không bao giờ chúng nằm trong những hầm có sẵn. Những hầm đá này không giúp ta so sánh được với cách hỏa táng của người Java, Bali.

Ở Java lại còn có một lối khác hợp với tục lệ Ấn độ ngày xưa. Người ta tìm thấy hai cái bồn hình bầu dục, một cái có đục một cái lỗ tròn để nước thoát ra ngoài, một cái chạm ở ngoài nhiều xương sọ để trên vành trắng khuyết. Bồn thứ nhứt bề dài 1 th 78, ngang 0th.87, cao 0th.69 ; cái thứ nhì 1th 67 x 1th 06 x 0th.78.

Ở Angkor, người tìm thấy 12 cái bồn bằng đá, trong ấy có một cái ở đền Bantéay Samrè còn cái nắp đây, còn 11 cái kia đều có đục lỗ cho nước thoát, giống như cái bồn ở Java.

Tất cả những bồn này đều trống trơn và không có cái nào nằm đúng chỗ chôn ngày trước. Cả đến những bồn ở đền Bakheng và Angkor Wath tìm được ngay chánh điện cũng bị bọn cướp dời sai chỗ và vỡ vét hết sạch.

Ta nên chú ý trọng lượng của những bồn ấy không kém hơn những cái hòm ngày nay người ta dùng để xác Vua và Hoàng tử Miên và Thái ngồi ở trong. Hòm này giống hình chậu măng nhưng 2 đầu tròn, bề dưới đường trực kính 6 tấc nhỏ hơn bề trên đường trực kính 1 thước 20, phía trên có nắp dầy giống hình nón lá.

Dù sao hình dáng toàn diện của những bồn bằng đá ấy, nhất là cái bồn còn nắp dầy, chỉ cho ta thấy chúng nó giống những quan tài của người Miên và người Thái nhờ cái nắp dầy hình nón lá.

Nếu chúng ta ví những bồn ấy như là những vật đựng thây người chờ cho thúi rục thì chúng ta sẽ nhận một trong hai luận thuyết này :

1) Cái lỗ đục dưới đáy bồn có thể dùng để đựng nước trong thi hài còn tươi chảy ra, giống như trường hợp của những quan tài hình tròn của người Miên và Thái dùng ngày nay để đựng xác chết trước khi hỏa táng.

Cái lỗ đục trên nắp (cái nắp duy nhất tìm được) có thể dùng để cho hơi khói thoát ra ngoài khi đốt xác, hoặc để cột sợi giây hay miếng vải trắng mà trong tang lễ ngày nay người ta nói rằng đấy là sự giao tiếp huyền bí giữa người chết và người sống.

Do điểm tương tự với tục lệ tang khó hiện thời, ta có thể cho rằng những bồn ấy người xưa dùng để đựng xác chết. Sau khi đốt xác rồi, người ta đựng tro tàn trong bình và chôn cái bồn trong đền thờ người xấu số.

2) Những bồn này để đựng xác đã róc hết thịt ; cái lỗ đục trên nắp và dưới đáy để rửa thi hài theo

tục lệ. Lễ rửa xác này còn tồn tại ở Lào, khi có người trong Hoàng tộc hay nhà sư chết, người ta đề thi thể trong hòm, đặt trên bệ cao và đổ nước vào.

Nhưng ta cũng thấy khó chọn luận thuyết nào có những bằng cứ xác đáng.

Điều thứ nhì giải thích cho ta khuôn khổ nhỏ hẹp ở phía trong của bồn đá, ít khi được khá rộng để chứa một thi hài người lớn còn tươi, nếu người ta không bẻ gập xác ấy trước. Ta lại thấy rõ cái lỗ đục dưới bồn giống những lỗ đục bên hông những hòm và bình đựng xác chết của vài giống dân thổ bán khai. Những lỗ ấy giúp cho người xấu số sự giao tiếp với người sống, hoặc để thoát lên thế giới Thần Tiên.

Cả hai luận thuyết chỉ rằng xác chết còn tươi để ngồi trong bồn đá chờ đến ngày tiêu tan chứ không phải bị đốt như ngày nay. Do đấy ta thấy tục lệ đề bồn đựng xác trong đền đài ở Cao Miên được giải rõ. Tục lệ này không khác tục lệ ở Java là cách để tro dưới tượng đá, bởi vì những bồn tìm được ở Cao Miên chỉ có một số ít trong những ngôi đền lớn, và có thể ở những ngôi khác, người ta đề xác tro trong bệ thờ.

Những tài liệu trên đây chứng thật những đền, tháp ở Cao Miên có tánh cách một mộ thẩn.

Trong tháng 11 năm 1939, người ta tìm thấy một tấm bia ở đền « Prah Khan » nêu ra một bằng chứng hết sức quí giá. Kề trong cuộc xây dựng đền đài của Quốc vương Jayavarman VII bia ấy có ghi một cuộc quyên góp của 13 500 làng xóm cho vị Thần « Dharmarâya » là

Diêm vương cầm cân Pháp luật, giống như Thần « Minos » « ngự ở địa ngục để xử tất cả hạng người ».

Trong bia có ghi thêm rằng số tiền quyền được dùng vào việc trang hoàng các đền đài của nhà Vua bằng 20.400 tượng Thần, Thánh bằng vàng, bằng bạc, bằng đồng và bằng đá, có cả tượng thần Yama và Kála gởi đi khắp cả các tỉnh ly.

Thần Yama và Thần Kála, tượng trưng cho « Sự phá hoại thì giờ » là hai tên khác dưới hai hình thể khác của vị Thần Chết. Hình như trong thời kỳ ấy, hai vị Thần này được tôn sùng mà sự bành trướng có liên quan với số sản xuất liên tiếp của những tượng thờ cá nhân hồi cuối thế kỷ thứ 12.

Đền chùa hay mộ thần?

Đền Angkor Wath là nơi yên tĩnh cuối cùng của một nhân vật, lúc còn sống có hưởng đôi phần thần quyền, khi bỏ xác phàm thì được truy phong vào một vị Thần trên thượng giới.

Ấy là ngôi đền vừa là mộ thần, trong ấy chứa tro tàn, xương vụn của nhân vật ấy, cả pho tượng đá tạc theo hình một vị Thần.

NHÀ VUA CUỐI CÙNG XÂY CẤT ANGKOR : QUỐC VƯƠNG JAYAVARMAN VII

Hoàn toàn không có mảnh sử nào đề lại, người Miên không nhớ rõ triều đại vị Đại Hoàng đế Jayavarman VII.

Những người Pháp có bản phạn soạn bộ sử Cao Miên, như ông Aymonier đã cho rằng triều đại này đánh dấu ngày khởi đầu sự suy vi của lãnh thổ. Mãi đến năm 1903, ông Louis Finot đăng trong tạp chí của trường Bác cổ Viễn đông một bản chữ Phạn ghi trong bia đá do ông Georges Maspero tìm được ở Say Fong gần tỉnh Vieng Chan (Hạ Lào) thuật rõ cuộc lập quốc của Quốc vương Jayavarman VII và kể những chi tiết cuộc xây cất một đường đường trong năm 1186. Ông giải thích rằng bản chữ này giống một kiểu với bia đá tìm được trên vịnh Thái Lan, gần biên thùi Miên-Việt và nhắc rằng Quốc vương được người Chăm nhắc nhở luôn luôn trong các bia đá là một vị Vua có tài chinh phục». Ông kết luận:

« Ngay bây giờ những bia đá ở Hạ Lào, ở bờ biển Trung Việt và ở Nam Việt, bia thì kể những chiến thắng của Ngài, bia thì kể những nghĩa cử của Ngài hợp lại thành một trang sử oai hùng của vị Đại Hoàng đế, chiếu sáng khoảng đen tối trong lịch sử Cao Miên ».

Quốc vương Jayavarman VII được xem là một nhà Vua oai dũng nhất của Cao Miên, chính Ngài mở rộng bờ cõi đến những ranh giới xa xôi, đã đặt nền đô hộ nước Chiêm thành một thời gian và xây cất quanh kinh thành cùng khắp trong nước rất nhiều đền đài tráng lệ.

Ông Georges Coedès sưu tầm được lịch sử của Quốc vương nhờ rất nhiều bia đá của nhà Vua để lại, đại khái như những bia ở đền Ta Prohm, đền Prah Khan và đền Bantéay Chmar, cả ba bia này ông có dịch đăng trong tạp chí trường Bác cổ Viễn đông một tấm bia lớn tìm được dưới chân ngôi tháp « Phimeanakas » trong Hoàng thành Angkor năm 1915, một tấm bia ghi việc cất

dưỡng đường và một bản chữ Chăm ở Mỹ Sơn, cả ba do ông Louis Finot dịch và đăng trong tạp chí.

Tên Jayavarman có nghĩa là « người che chở cho sự chiến thắng ». Phở hệ của nhà Vua được tìm hiểu rất đúng.

Theo bên nội, cha Ngài trị vì không bao lâu vào khoản năm 1155. Ngài là cháu của Quốc vương Suryavarman II, vị Quốc vương đã cầm quân tiến tới Bắc Việt và sau khi băng hà ngự trong đền Angkor Wath.

Theo bên ngoại, Ngài là dòng dõi của các Quốc vương của triều đại gốc ngoại lai, đã trị vì trong xứ gần suốt thế kỷ thứ 11 và được liên hệ nhờ những bà Hoàng hậu trong thời « tiền Angkor ».

Quốc vương chào đời vào năm 1120 hoặc 1125 dưới triều Vua Suryavarman II, thành thân rất sớm, sánh duyên cùng Công chúa Jayarajadevi.

Trong một ngày không có ghi rõ. Jayavarman cầm quân đánh Chiêm thành tại thủ đô Vijaya tức Bình định ngày nay.

Trong bia đá ở Hoàng thành do bà chị của Công chúa khắc, có đoạn kể rằng lúc vắng mặt chồng, Công chúa rất đau khổ. Nàng đã khóc như nữ thần « Sita », van vái ngày chồng trở về được đắc thắng và tìm cách khuây bớt nỗi buồn trong các cuộc thực hành khoa huyền bí của đạo Bàlamôn, sau cùng nàng tìm được một phương thuốc giải sầu trong ngành Phật giáo.

Bia đá ghi rằng :

« Nhờ bà chị cả tên Indradevi dạy bảo, nàng xem

Đức Thích-ca như một đấng thiêng liêng đáng phụng thờ và theo đúng lời Ngài truyền dạy giữa ngọn lửa Ưu phiền và Biển Khô. »

Trong lúc Jayavarman ở đất Chiêm, Đức Vua cha « Dharanindravarman II » băng hà. Quốc vương « Yaçovarman II » nối ngôi. Phổ hệ của Quốc vương không rõ ràng. Triều đại này đánh dấu bằng một tai nạn thảm khốc, có ghi trong bia đá ở đền « Bantéay Chmar » và chạm trong vách đền. Một nhân vật bí mật mà theo bia đá với bình chạm gọi là Riahu, con quỷ muốn nuốt mặt trời và mặt trăng lúc nhựt thực, nổi lên đánh nhà Vua. Một vị Hoàng tử cứu Vua và giết con quỷ. Hoàng tử này chắc chắn là con của Jayavarman.

Bia đá ghi rằng :

« Khi « Bharata Riahu » nổi loạn đánh Vua « Yaçovarman » định chiếm Hoàng thành, tất cả quân sĩ ở kinh đô đều trốn sạch. Hoàng tử xuất trận với hai tướng theo hầu. Ngài chém Riahu ngay sống mũi và giết nó chết ».

Nhưng sau đấy, Quốc vương Yaçovarman II lại bị một viên quan làm phản trong năm 1165, và bị giết. Tên phản thần lên ngôi, xưng tên là Tribhuvanaditya nghĩa là « mặt trời của 3 thế giới ».

Bia đá ở Hoàng thành ghi :

« Tin dữ đến Chiêm thành, Jayavarman vội vã trở về cứu Vua Yaçovarman. Nhưng nhà Vua đã mất ngôi và mất mạng vì tên phản tặc. Jayavarman ở lại nước nhà để cứu quốc gia đang rơi trong cánh giết chóc và chờ cơ hội. Nàng Công chúa được ở gần chồng, ngưng việc bỏ mình

theo Đạo ; nàng muốn thấy chồng cứu nước ra khỏi biển trầm luân mà chính nàng cũng chìm đắm trong ấy ».

Theo một bia khác thì Jayavarman về quá trễ và thấy kẻ cướp ngôi đã tức vị nên không trở lại Chiêm thành và nghe lời khuyên của vợ, ở lại Cao Miên chờ cơ hội.

Ngài phải chờ 15 năm.

Trong lúc ấy, một tên phiến loạn đoạt ngôi vua Cao Miên. Đó là một tay giang hồ đã chiếm xứ Chiêm thành hồi năm 1166-1167, xưng là « Jaya-Indravarman ».

Tức vị xong, việc đầu tiên của Jaya là giao hảo với nước Việt Nam, hoặc ít ra cũng tỏ sự trung lập của mình, mới sai một vị Sứ giả đem lễ vật đến châu Vua Lý anh Tồn trong năm 1170. Yên lòng về mặt Bắc, Jaya xoay về Cao Miên.

Bia đá ở Hoàng thành ghi rằng :

« Jaya Indravarman, Vua Chiêm thành kiêu căng như con quỷ « Ravana » chở quân lính trên các chiến xa, tiến đánh xứ Kambu giống như ở trên trời ».

Nhưng trận chiến bất phân thắng bại. Jayavarman thay chiến lược đánh úp Cao Miên theo đường biển. Cuộc tiến binh khởi hành trong năm 1177. Kéo buồm đi dài theo bờ biển, đoàn chiến thuyền Chăm nhờ một ghe buôn của người Tàu dẫn đường thẳng đến cửa sông Mékong, và tiến vào Biển hồ. Kinh thành Angkor bị đánh úp bất ngờ, nhà Vua đã soạn ngôi : Tribhuvanaditya bị giết. Quân Chăm cướp phá Hoàng thành và tóm thâu vô số của cải,

Ngai vàng bỏ trống, Jayavarman biết cơ hội đã đến tay. Nhưng trước khi tức vị, Ngài phải dẹp bọn xâm lăng cho thật hết. Ngài mộ quân đánh quân Chăm nhiều trận kinh hồn và chót hết là một trận thủy chiến có ghi lại trên vách đền Bayon và Banteay Chmar đã quét sạch đối phương ra khỏi nước.

Bốn năm sau cuộc xâm lược từ năm 1177, qua năm 1181, nước Cao Miên được thái bình và Jayavarman lên ngôi, đồng thời Ngài sửa sang kinh kỳ. Một trong những bia đá ở góc thành Angkor Thom ghi rằng :

« Kinh thành Yaçodharapura giống như một cô gái nhà lành, được vị hôn phu rất mến thích. Nàng chưng diện như một tòa lâu đài toàn ngọc quý giá và ăn mặc như những bức tường bao phủ xung quanh, được nhà Vua làm lễ cưới để phò bày niềm hạnh phúc do Ngài tạo nên, trong một buổi lễ huy hoàng dưới sự chiến thắng oai hùng ».

Kinh thành mà nhà Vua « làm lễ cưới » ấy chính là đế đô Angkor Thom, không phải kinh kỳ hồi thế kỷ thứ 9 lấy trung tâm là đồi « Bakheng », nhưng là kinh kỳ hiện thời, trung tâm ở đền Bayon.

Ngoài cuộc xâm lược của quân Chăm năm 1177, Jayavarman có thể sẽ trả thù những kẻ đối thủ với mình, sau 18 năm kiên nhẫn chờ đợi.

Việc này do nhà chép sử Ma-Touan-Lin người Tàu thuật lại.

Nhưng trước khi thực hành lời thề về việc kéo quân hời tội nước Chiêm thành, Ngài còn phải đối đầu với một bọn phiến loạn trong nước nổi lên ở vùng

« Malyang » về hướng Nam tỉnh Battambang. Ngài nhờ 1 vị Hoàng thân Chăm lánh nạn ở Cao Miên đi đánh dẹp.

Một bia đá của người Chăm ở « Mỹ Sơn » có ghi việc này :

« Năm 1182, lúc còn trẻ tuổi, Hoàng thân « Vidyānandana » đến xứ Cao Miên. Quốc vương Miên Jayavarman VII, tức vị năm 1181, thấy Hoàng thân có đủ 33 tướng tốt của bậc thánh nhân, nuôi Hoàng thân và truyền dạy như một vị Hoàng-tử tất cả ngành khoa-học và tất cả khí-giới. Trong lúc Hoàng thân ở Cao Miên, trong nước có một toán quân ở thị trấn Malyang nổi lên làm loạn chống lại nhà Vua ».

Quốc vương Miên thấy Hoàng thân võ nghệ siêu quần mới truyền cho cầm quân đánh dẹp. Hoàng thân vâng theo mọi ý muốn của Ngài.

Quốc vương Miên nhận thấy giá trị của Hoàng thân, phong chức Yuvarāja và ban cho tất cả sự sung sướng và tất cả của cải trong lãnh thổ Cao Miên ».

Vị Hoàng thân Chăm còn giúp Quốc vương Jayavarman trong cuộc trả thù Chiêm thành. Nhà Vua đã dự bị suốt 18 năm kiên nhẫn và tin ở sự trung lập của Hoàng đế Việt-Nam Lý-cai-Tôn; Ngài chờ cơ hội thuận tiện.

Cơ hội này đến trong năm 1190, do một cuộc tấn công của tên cự thủ địch « Jaya-Indravərman ».

Nhà Vua có thân chinh cầm quân đánh Chiêm thành không? Điều này không chắc lắm, mặc dầu trong bia đá ở Tháp Bà Nha trang (Po Nagar) có ghi rằng : « Nhà Vua chiếm kinh-đô Chiêm Thành và tóm thâu tất cả linh phù »,.

Sự thật thì nhà Vua giao quyền cầm quân cho vị Hoàng thân Chăm Hoàng thân chiếm kinh đô Vijaya (tức Bình-định ngày nay), bắt Vua Jaya-Indravarman đưa về Cao Miên cầm tù. Ngài đặt một vị Hoàng thân Miên, em rể của Quốc vương Jayavarman VII lên ngôi và lập riêng cho mình một quốc gia ở hướng Nam, trong vùng « Pânduranga » tức Phan Rang ngày nay. Nước Chiêm Thành bị chia đôi, một bên thì do vị Hoàng thân Cao Miên trị vì, một bên thì do vị Hoàng thân Chăm.

Tình trạng này không tồn tại được lâu. Trong một cuộc nổi loạn ở Bình-Định, Hoàng thân Chăm đánh đuổi Hoàng thân Miên, cỡi ách đô hộ của người Miên và thống nhất nước Chiêm thành. Hoàng-thân tức vị vẫn lấy tên « Vidyânandana », sau khi hạ sát nhà Vua cũ Jaya-Indravarman mà Quốc vương Jayavarman VII đã tha về ở đất Chiêm.

Nhưng đến năm 1203, Vua Chăm bị một vị Hoàng thân được Vua Miên cho tiền đánh đuổi. Từ năm 1203 đến năm 1220, đất Chiêm biến thành một tỉnh lệ thiết thọ của Cao Miên.

Mặc dầu phải đối đầu với quân Chăm ở hướng Đông, Quốc vương Jayavarman VII vẫn không ngưng mở rộng biên thùi về hướng Bắc và hướng Tây.

Trong các bia đá ở Cao Miên, nhất là tấm bia ở « Say Fong » gần tỉnh « Vieng Chan » và theo các Sử gia Tàu thì Quốc vương đã thống trị một phần bán đảo Mã Lai và kéo quân đến tận Miến Điện. Ngoài ra, một bia đá ở đền Prak Khan ghi rằng : « Nước thánh đề làm lễ do vị Giáo chủ « Suryabbhatta » và các vị Balamôn khác, do nha

Vua xứ « Java », nhà Vua xứ « Yavana » và 2 Vua xứ « Chiêm Thành » cống nạp ».

Vị Giáo chủ Balamôn Suryabbhatta là người cầm đầu phái Balamôn trong triều. Nhà Vua xứ Yavana chính là vị Hoàng đế Việt - Nam Long-Cần, con của Vua Lý-Anh-Tôn, lên ngôi năm 1175 xưng là Lý-Cao-Tôn và trị vì đến năm 1210. Hai nhà Vua xứ Chiêm thành là Vua ở Vijaya (Bình Định) em rể của Quốc vương Jayavarman VII và Vua ở Pânduranga (Phan Rang) vị Hoàng thân Vidyânandana.

Người ta biết rằng việc cống nạp nước Thánh là một dấu hiệu của sự qui thuận và tỏ thân phận chư hầu của mình. Đến ngày nay, mỗi lần tôn vương ở Phnom Penh hay ở Bangkok, số nước để làm lễ tẩm nhả Vua đều do ở các tỉnh và các ngọn sông chánh trong lãnh thổ.

Việc thần phục đối với hai Vua ở Chiêm thành là sự thường lệ, nhưng đối với xứ Java ở quá xa, và nhất là đối với Hoàng đế Việt Nam là để giữ chặt tình giao hảo mà thôi.

Giữa lúc ấy, nhà Vua có một cái tang đau đớn : Hoàng hậu từ trần.

Trong bia đá ở Hoàng thành có ghi :

« Hoàng hậu đã giúp đỡ, bố thí rất nhiều và trang hoàng những ngôi đền chánh khắp trong xứ ».

Bà có một người chị cả ăn học thông thái, được Quốc vương phong chức Trưởng Giáo sư trong một ngôi chùa Phật danh tiếng để dạy phụ nữ. Sau khi Hoàng hậu băng hà, Quốc vương Jayavarman VII cưới người chị vợ

Hình 1. Vườn rau sạch đã được ANU và FOR THUM



và phong chức Chánh cung. Tuy ở ngôi cao, nhưng Chánh cung vẫn chăm lo sự học vấn.

Chính bà soạn một bản chữ Phạn ghi trong bia đá ở Hoàng thành, có đoạn :

« Với người đàn bà nào ham học, bà ban thưởng những ân huệ của nhà Vua như ngựa tầu, thù rượu than tuyệt ngon để tặng cho sự hiểu biết ».

Người ta không biết chắc ngày Quốc vương băng hà, chỉ biết rằng Ngài ở ngôi đến năm 1201 và có phái sứ giả sang Tàu trong năm ấy.

CÔNG LAO QUỐC VƯƠNG JAYAVARMAN VII VỚI CUỘC XÂY CÁT KINH ĐÔ ANGKOR THOM VÀ CÁC ĐỀN ĐÀI

Ngoài những chiến công oanh liệt, Quốc vương Jayavarman VII còn để lại trong lịch sử một kỳ công về khoa kiến trúc.

Chính Ngài đã trông nom cuộc xây dựng kinh đô Angkor Thom với 12 cây sở tường thành, những hào rộng, cửa ra vào và đền Bayon.

Ở giữa, chính Ngài coi sóc việc cất đền Bantéay Kdej, Ta Prohm, Prah Khan, Néak Pean, Ta Som, Krol Kô, Ta Nei, và ngôi đền to tát Bantéay Chmar trong vùng Tây-Bắc, đền Vat Nokor ở Kompong Cham, đền Ta Prohm ở Bati, 121 ngôi nhà mát cho khách thập phương viếng chùa và đắp nhiều con đường dài bằng đất nện, 102 đường rải rác khắp 4 hướng của lãnh thổ.

Không có vị Quốc vương Cao Miên nào có thể tự hào đã vận dụng nhiều đá như thế !

Chúng ta hãy liệt kê những ngôi đền quan trọng nhất, mà theo tên đặt từ xưa đều có chữ « Jaya » nghĩa là « chiến thắng » đứng đầu; ấy là dấu hiệu của nhà Vua đã xây dựng những kỳ công ấy.



Ngôi đền thứ nhất kể theo ngày tháng có thể là đền Bantéay Kdei, ở phía Đông kinh thành, cất trên một thềm cảnh của thời xưa. Phía trước mặt, về hướng Đông có một cái hồ thật đẹp, quanh năm đầy nước, tên là « Sras Srang », nghĩa là « hồ của nhà Vua tắm » (Người Việt quen gọi là Giếng Tiên).



~~Sân~~ Sân sát đền Bantéay Kdei, góc thành hướng Đông-Nam dựng vào góc Tây Bắc, đền Ta Prohm được nhà Vua xây từ năm 1186 để thờ bà mẹ, thụ phong vào tượng Thần Prajñāpāramitā, nghĩa là « Sự thông minh hoàn toàn » và thờ 260 bức tượng, trong ấy có hình của vị thầy cũ hay Đức cha tinh thần của nhà Vua.

Trong bia đá lớn còn ở tại chánh điện có ghi rõ ràng về nhân số trong đền, những vật dụng, thức ăn đủ loại cần yếu trong sự cúng kiến, chúng ta được biết rằng ngôi đền được 3.140 làng có 79.365 công dân lo việc lễ bái trong số ấy có 18 vị Giáo sĩ, 2.740 viên chức, 2.202 quan khách, 615 vũ nữ. Vật dụng gồm có một bộ chén đĩa bằng vàng cân nặng hơn 5.000 ki-lô ; một bộ chén đĩa bằng bạc cũng nặng gần ấy, 35 hột kim cương, 40.620 hột ngọc trai, 4.540 ngọc thạch nhỏ, một cái tô không lồ bằng vàng, 967 tấm màn

của người Tàu dệt. 512 giường trải lụa, 523 cây tán. Kể đó là thức ăn đủ loại : gạo, mỡ, sữa, mật, đường, dầu, các thứ bột dùng để cúng lễ mỗi ngày, những lễ vật thâu nhận trong mấy ngày lễ và bản kê khai những vật thực do Ngân khố Hoàng gia cung cấp mỗi năm : các thứ bột, mỡ, sữa, mật, dầu, sáp, trầm hương, dầu bạc hà, 2.387 bộ quần áo để mặc cho các thần tượng.

Bia đá ghi câu cuối cùng :

« Quốc vương thực hành bao nhiêu nghĩa cử để tỏ lòng kính yêu đối với bà mẹ. Ngài phát lời nguyện rằng : « Nhờ âm đức của những nghĩa cử mà Trẫm đã thực hành, mẫu thân Trẫm sẽ thoát khỏi bể trầm luân, nhập vào cõi Phật. »



Năm năm sau khi cất đền Ta Prohm, qua năm 1191 Quốc vương xây đền « Prah Khan » ở phía Bắc Kinh thành để thờ Đức Vua cha Quốc vương « Dharanindravarman II » thụy phong vào hình thể của Đức Phật « Bodhisattva Lokeçvara ».

Ở giữa đền Prah Khan, có rất nhiều tượng đá bao quanh pho tượng lớn tại chánh điện. Tại cửa đền có những bản chữ nhỏ ghi cuộc phong Thần này. Bia đá tìm được trong năm 1939 có ghi số tượng ấy là 430. Giống như ở đền Ta Prohm, bản chữ Phạn này có kể những vật dụng cần yếu trong cuộc cúng lễ và cho các nhân viên.

Những vật dụng ấy cũng giống như nhau nhưng có phần nhiều hơn, do Ngân khố Hoàng gia cấp phát hoặc do 5324 làng có 97.840 dân cư cả nam lẫn nữ.



Ngoài việc xây cất hai đền phụ vào đền Prah Khan là Krol Kô và Ta Som, Quốc vương có dựng giữa một cái hồ đào ở phía Đông, một ngôi đền nhỏ : Néak Pean.

Bia đá ghi rằng :

« Một hòn đảo khá cao, tô điểm vẻ đẹp cho hồ nước, và rửa sạch bùn dơ của kẻ phạm tục nào muốn đến gần ».

Lối kiến trúc tượng trưng của đền Néak Pean là cất theo một cái hồ huyền bí, theo sự tích Ấn-độ thì hồ này ở biên thùý dãy Hi-mã-lạp-sơn. Nước hồ cho người ta nhiều phép lạ, thoát ra do những máng xối tạc hình đầu người, đầu sư-tử, voi và bò để trong bốn ngôi tháp ở bốn hướng.

CÁT TRẠM TRƯỜNG ĐÌNH

Sau cuộc xây cất các đền đài đề thờ phụng, Quốc vương thực hành nhiều việc có ích cho dân chúng.

Trong bài « Les gites d'étapes à la fin du 12^e siècle » đăng ở tạp chí trường Bác cổ Viễn Đông năm 1940, ông Coedès có thuật rằng :

« Bia đá ở đền Prah Khan ghi : Quốc vương Jayavarman VII cất 121 « căn nhà có lửa » dài theo những con đường khắp lãnh thổ. Trên đường từ Angkor Thom đến thủ đô Chiêm thành (Vijaya : Bình-Định) có 57 căn. Trên đường từ Angkor đến Phimai trên đồi Korat có 17 căn ».

Trên một đường vòng quanh các thành phố (không có di tích để lại cho ta biết chắc nơi nào) có 44 căn. Ở núi Chisor có 1 căn, còn 2 căn nữa chưa biết chắc ở đâu.

Đây là những trạm trường đình cách nhau từ 12 đến 15 cây số, khoản đường mà người đi bộ mất 4 hay 5 giờ. Người ta còn tìm được 8 căn trong số 17 căn cất dài theo đường Angkor đến Phimai.

Các ngôi đền Beng Méaléa, Ta Prohm, Prah Khan, Bantéay Chmar đều có riêng mỗi đền mỗi căn, cất ở giữa vòng thành, về hướng Đông của cửa vào đền.

Như thế, Quốc vương Jayavarman VII đã lập một hệ thống giao thông trong lãnh thổ, bồi bổ và tăng cường sự thuận lợi bằng lối cất trạm cách khoản đều nhau giống những trường đình ở Việt Nam ngày xưa.

Một trăm năm sau, cách tổ chức nay vẫn còn. Ông Châu đạt Quan theo phái đoàn Sĩ giả Trung Quốc có lưu ý và ghi trong tập kỷ ức như vậy :

« Trên các đại lộ có nhiều nhà đề nghỉ chân giống các trạm trường đình của ta ».

CÁT NHÀ THƯƠNG

Đồng thời với việc cất trạm, Quốc vương xây 102 đường đường rải rác khắp lãnh thổ.

Những nhà chữa bệnh này chắc chắn xây bằng vật liệu nhẹ, vì không ai dễ người ốm nằm trong nhà bằng đá hay bằng gạch là nơi dễ thờ phụng Thần, Thánh và chính nhà Vua và quần Thần còn ở trong cung điện cất bằng cây.

Vì thế chúng ta không mong gì tìm được một đường đường nào còn lại để biết cách xây cất thế nào. Nhưng theo lời trong bia đá thì đường đường có một ngọn tháp

bằng đá với bốn bức tường xung quanh. Nhờ tấm bia khắc chữ Phạn này người ta được biết rõ ràng lối kiến trúc của 15 căn, 8 căn trong số ấy có đánh dấu triều đại Jayavarman VII, cùng 1 khuôn khổ, cất theo một bản đồ với những hình thức chung : chính giữa có một ngọn tháp xây cửa về hướng Đông hoặc bằng đá xanh, hoặc bằng đá đỏ ; ở phía Đông-Nam cửa tháp có 1 căn nhà phụ xây cửa về hướng Tây ; một vòng thành bằng đá đỏ bao quanh ở đầu hướng Đông có một cửa ra vào hình chữ thập bằng đá xanh hay đá đỏ tùy theo ngọn tháp, và thường thường có một hồ nước ở giữa vòng thành.

Bản đồ và kiểu mẫu giống nhau, hợp với lời khắc trong bia chứng tỏ rằng đây là những đường đường của Quốc vương Jayavarman VII xây cất.

Hơn nữa có nhiều tài liệu xác thực về 17 ngôi đền khác hình như cũng ở vào thời kỳ ấy. Do đấy, ta có thể bảo rằng : người ta đã tìm được 33 đường đường trong số 102 của Quốc vương, nghĩa là gần một phần ba. Ngoài ra ta không thể hy vọng tìm được nữa vì có thể những ngôi nhà khác đều cất bằng vật liệu chóng hư.

Các bia đá thuật cuộc xây cất có ghi lại nhiều điểm rất cần thiết về cách tổ chức. Sau khi van vái Đức Phật Thích Ca và ca tụng nhà Vua theo thường lệ, bản văn trong bia thuật rằng :

*« Đường đường được thành lập theo lời cầu thỉnh
« Đức Phật cứu bệnh » tên Bhaishajyagurvaidurya prabha,
vị Tồ thầy thuốc, một vị Phật bình dân hơn hết ».*

Hiện thời ở Trung Hoa và Tây Tạng người ta vẫn còn tôn sùng Đức Phật này.

Tượng Phật dựng trong một ngọn tháp sát bên đường đường.

Kế đó bia đá ghi điều lệ trong nhà thương :

« Tất cả hạng người trong 4 đẳng cấp đều được vào dưỡng bệnh. Trong mỗi dưỡng đường có hai vị y sĩ, mỗi vị có một người đàn ông và hai người đàn bà giúp việc, hai người giữ kho thuốc phát cho bệnh nhân ; hai người đầu bếp giữ phận sự nấu nướng và gánh nước kiêm cả việc lau rửa phòng bệnh, hai người tạo công sửa soạn lễ vật cúng kiến, 14 y tá, 6 người đàn bà nấu nước và tán thuốc, hai người giã gạo. Tổng số người giúp việc ở trong dưỡng đường là 32, ngoài ra có 16 lao công phụ đo họ trả tiền lương. Tất cả là 98 người. »

Số gạo để cúng Phật, nhất định là 12 lít rượu mỗi ngày và lễ vật cúng xong thì cho những người bệnh. Bể kê khai những thực vật nhận ở kho lương của nhà Vua 1 năm 3 lần là : mật, đường, bạc hà, mè, đồ gia vị, cải chua màu đen, cây thì-là, quả nhục, đậu khấu, rau thơm, gừng, cây măng tang, cây hương bài, quế khâu, trái duối núi, dấm, trái táo, toàn là phẩm vật tốt đặc biệt ».

Ngoài những dưỡng đường ở các tỉnh kể trên đây, trong thủ đô có một vài ngôi rất quan trọng. Người ta tìm được chỗ xây cất 4 dưỡng đường ở gần 4 cửa thành Angkor Thom.

Bia đá ở đền Ta Prohm có tổng cộng số thực phẩm phân phát hàng năm cho các dưỡng đường ghi rằng nhiều hơn số 102 ở khắp xứ. Chính là những nhà thương lớn trong Hoàng thành đã tiêu thụ số phụ trội này.

Do đấy ta có thể bảo rằng cơ quan y tế chi phí mỗi năm 11.192 tấn gạo do 838 làng có 81.640 xuất đình cung

cấp; các đường đường cần dùng 2.124 ký lô mè, 105 ký lô đậu-khấu và 3.402 ký lô quả nhục đậu-khấu, 48.000 viên thuốc rét, 1960 hộp thuốc cao trị bệnh trĩ.

Một việc làm trước tiên khiến ta để ý ngay là những đường đường này không được chú trọng về mặt xã hội và y tế cho lắm; ý định của người sáng lập thiên về phần luân lý và đạo giáo nhiều hơn.

Trong bản văn thuật cuộc xây dựng có ghi :

« Nhà Vua đau lòng khi thấy con dân mang bệnh tật còn hơn chính Ngài đau đớn, bởi vì nỗi đau khổ của quần chúng làm nhà Vua đau đớn chứ không phải vì nỗi đau khổ của Ngài ».

Giữa lúc ban bố cho thần dân những sự cứu giúp về mặt y tế, Quốc vương Jayavarman VII thực hành về mặt tôn giáo một nghĩa cử đáng tôn trọng. Trong bản văn có chép rằng :

« Với một đức cả bao la đối với thần dân, Quốc vương phát lời nguyện này : « Trẫm có thể nhờ âm đức của việc làm này mà kéo chúng sanh thoát khỏi bể trầm luân hay không ? Trẫm cầu nguyện cho tất cả Quốc vương Cao Miên nối nghiệp Trẫm sau này sẽ được mạnh khỏe, không vương bệnh tật gì đến ngày giải thoát cùng với dòng dõi của họ, vợ, quần thần và bạn bè của họ. »

NIÊN KHOẢN CÁC ĐẢNG TIỀN VƯƠNG CAO MIÊN

Như trên có thuật rõ, chúng ta đã biết sơ qua lịch sử nước Cao Miên từ thuở lập quốc và những vị Quốc vương xây dựng kinh đô Angkor Thom và các đền đài,

nhất là nhà Vua có công khai thác vùng đất thiêng nhà Vua cất ngôi đền thứ nhất, và nhà Vua cất những ngôi đền cuối cùng.

Để tiện việc tra cứu, chúng tôi liệt kê niên khoản các đấng Tiên vương kể từ ngày khai nguyên lãnh thổ Cao Miên đến vị Quốc vương cuối cùng ở đế đô Angkor.

Bắt đầu từ lúc đất Miên gọi là Phù Nam (Fou Nan) ? đến ngày bỏ hoang Angkor, các Sử gia Pháp chia làm 5 thời kỳ. Thời kỳ thứ 6 là lúc các Quốc vương dời đô về Oudong rồi Phnompenh đến ngày nay.

THỜI KỲ THỨ NHẤT gọi là : « Triều đại xứ Phù Nam », kể từ năm (?) nào không ai được rõ đến năm 545 theo Tây lịch kỷ nguyên.

THỜI KỲ THỨ NHÌ đánh dấu bằng « Cuộc chiến tranh giữa nước Phù Nam và Chân Lạp » từ năm 545 đến năm 627. Trong 82 năm, lãnh thổ Miên có 3 vị Quốc vương :

— Bhavavarman I trị vì năm 598 đến 600.

— Mahendravarman, là em của nhà Vua trước, tức vị vào khoảng năm 600 đến 615 ;

— « Içânavarman I » là con của Vua Mahendravarman, tức vị năm 616 đến 635, đóng đô ở « Içânapura » (Sambor Prei Kuk gần Kompong Thom ngày nay).

THỜI KỲ THỨ BA là thời kỳ « Nước Chân Lạp thống nhất » kể từ năm 627 đến cuối thế kỷ thứ 7, Quốc vương « Bhavavarman II » tức vị năm 639 đến 655 kế Vua Jayavarman I nối ngôi năm 655 đến năm 681.

THỜI KỲ THỨ TƯ là « Cuộc phân chia : Thủy

Chân Lạp và Lục Chân Lạp » (nước Chân Lạp ở hướng Bắc) vào thế kỷ thứ 8.

THỜI KỲ THỨ NĂM gọi là « Thời kỳ Angkor » từ thế kỷ thứ 9 đến thế kỷ thứ 15.

1) Tiên khởi là Quốc vương « Jayavarman II », sau khi băng hà thụy phong theo tên Thần : Parameçvara, tức vị năm 802 đến 850, đóng đô ở Indrapura (vùng Kompong Cham ngày nay) rồi dời đô ở Hariharâlaya (khóm đền Roluos), ở Amarendrapura (Ak Yom) và Mahendraparvata (Núi Kulên).

2) « Jayavarman III, con nhà Vua trước, thụy phong Vishnouloka, tức vị năm 850 đến 877 đóng đô ở « Hariharâlaya » (khóm đền Roluos).

3) « Indravarman I », cháu của Vua Jayavarman II, thụy phong « Içvaraloka » tức vị năm 877 đến 889, cũng đóng đô ở « Hariharâlaya ».

4) Yaçovarman I, con của Vua Indravarman I, thụy phong Paramaçivaloka, tức vị năm 889 đến 900, đóng đô ở Yaçodharapura (kinh đô Angkor thứ nhất trên đồi Bakheng).

5) Harshavarman I, em Vua trước, thụy phong Rudrakola, tức vị năm 900 đến 922, cũng đóng đô ở Yaçodharapura.

6) Içanavarman II, cũng em của Vua trước, thụy phong Paramarudrakola tức vị năm 922 đến 928, cũng đóng đô ở Yaçodharapura.

7) Jayavarman IV, anh rể Vua Yaçovarman I, thụy phong Paramaçivapada, tức vị năm 928 đến 941, đóng đô ở Chok Gargyar (Koh Ker).

8) Harshavarman II. con Vua trước, thụy phong Brahmaloka, tức vị năm 941 đến 944, cũng đóng đô ở Chok Gargyar.

9) Rajendravarman, con rể của Vua Jayavarman IV, thụy phong Çivaloka, tức vị năm 944 đến 968 đóng đô ở Yaçodharapura (kinh đô Angkor thứ nhất).

10) Javavarman V, con Vua trước thụy phong « Paramavraloka », tức vị năm 968 đến 1001, cũng đóng đô ở « Yaçodharapura ».

11) Udayādityavarman I. cháu của Vua trước tức vị năm 1001 chỉ ở ngôi có vài tháng nên không có thụy phong, cũng đóng đô ở Yaçodharapura.

12) Jayaviravarman, tức vị năm 1002 đến 1010, cũng đóng đô ở Yaçodharapura.

13) Suryavarman I. cướp ngôi, thụy phong Paramanirvānapada, tức vị cùng năm với Vua Jayaviravarman 1002 đến 1050, đóng đô ở kinh thành Angkor thứ nhì (?).

14) Udayadityavarman II, cháu của Vua trước, tức vị năm 1050 đến 1066, cũng ngự một kinh đô.

15) Harshavarman III, anh của Vua trước, thụy phong Sadaçivapada, tức vị năm 1066 đến 1080, cũng ngự một kinh đô.

16) « Jayavarman VI », cướp ngôi, thụy phong Paramakaivalyapāda » tức vị năm 1080 đến 1107, cũng ngự một kinh đô.

17) Dharanindravarman I, em Vua trước, thụy phong Paramanishkalapada, tức vị năm 1107 đến 1113, cũng ngự một kinh đô.

18) Suryavarman II, cháu của Vua trước, thụ phong Paramavishnuloka, tức vị năm 1113 đến 1150, cũng ngự một kinh đô.

19) Dharanindravarman II, cháu của Vua Jayavarman VI, tức vị vào năm 1150, cũng ngự một kinh đô.

20) Yaçovarman II, bà con với Vua trước, tức vị năm 1160, cũng ngự một kinh đô.

21) Tribhuvanādityavarman cướp ngôi, tức vị vào năm 1165 đến 1177, cũng ngự một kinh đô.

Quân Chăm thành chiếm kinh đô từ năm 1177 đến năm 1181.

22.) «Jayavarman VII», con Vua Dharanindravarman II thụ phong «Mahāparamāṇa-saṅgata pada» tức vị năm 1181 đến 1201, ngự ở kinh đô Angkor thứ ba (Bayon).

23.) «Indravarman II», con Vua trước, tức vị năm 1218 đến 1243, cũng ngự kinh đô thứ ba.

24) Jayavarman VIII, thụ phong Parameçvarapada, tức vị năm 1243 đến 1295, cũng ngự một kinh đô.

25.) Çrindravarman, Hoàng thân triều trước, tức vị năm 1295 đến 1307.

Từ đây về sau không có lệ phong Thần nữa. Các vị Quốc vương vẫn đóng ở Angkor Thom đến ngày bỏ hoang.

26.) Çrindrajayavarman, tức vị năm 1307 đến 1327.

27.) Jayavarmadiparameçvara tức vị năm 1327. Đến năm 1432, kinh đô Angkor Thom bị bỏ hoang đến ngày nay.

NIÊN KHOẢN CUỘC XÂY CẤT KINH ĐÔ ANGKOR THOM VÀ CÁC NGÔI THÁP

Đề đối chiếu với các triều đại từ thời kỳ Angkor trở ngược lên xem mỗi ngôi đền do nhà Vua nào xây cất chúng tôi trình bày niên khoản chắc chắn của từng ngôi một, do các Sử gia Pháp tra cứu kỹ càng.

Trước kia đã có nhiều nhà khảo cổ nêu ra những luận thuyết sai lầm, có khi trật xa hàng mấy trăm năm.

Ví dụ, ông Mouhot cho rằng: « Lịch sử Angkor ở vào thời kỳ trước Tây lịch kỷ nguyên ».

Ông Francis Garnier viết trong năm 1869 : « Đứng trước thành quách cũ kỹ huyền bí này, người ta nghĩ cho rằng cổ nhân đã xây dựng từ thế kỷ 2 hay thứ 3 trước Tây lịch kỷ nguyên ».

Sự thật, những đền đài thật xưa cũ ở vào thế kỷ thứ 6 và cuộc xây cất các đền ở Angkor bắt đầu từ cuối thế kỷ thứ 9 đến cuối thế kỷ thứ 12.

Nhờ ông Philippe Stern và Bà de Coral Rémusat sắp một bản liệt kê theo cách phân loại các ngôi đền, căn cứ theo kiểu mẫu của cổ nhân dùng trong việc chạm trổ, chúng ta mới có tập niên khoản rõ ràng và chắc chắn.

Bà de Coral Rémusat viết :

« Khi ta thấy cách chạm trổ của một hay nhiều ngôi đền kiểu mẫu giống cách chạm trổ của một ngôi có ghi ngày tháng ta có thể liệt một hay nhiều đền ấy ở cùng thời với ngôi kia, những ngôi nào cất trước thì cách chạm trổ ít cầu kỳ hơn, ngôi nào cất sau thì bay bướm, đẹp dễ hơn ».

Tính theo từng thế kỷ, ta kể bắt đầu vào thế kỷ thứ 7 và chia làm 8 thời kỳ, đến đầu thế kỷ thứ 13 thì hết.

THỜI KỶ THỨ NHẤT, trong thế kỷ thứ 7, có đền Sambor Prei Kuk (hiện ở tỉnh Kompong Thom).

THỜI KỶ THỨ NHÌ, trong thế kỷ thứ 8 (gần cuối thế kỷ) có đền Roluos, những đền đài xưa cũ nhất.

THỜI KỶ THỨ BA, trong thế kỷ thứ 9 (khoảng đầu thế kỷ) có những ngôi đền ở núi Kulén (gần cuối thế kỷ) có khóm đền Roluos gồm có đền Prah Kô xây trong năm 879, đền Bakong xây trong năm 881 và đền Lolei xây trong năm 893.

THỜI KỶ THỨ TƯ, vào cuối thế kỷ thứ 9 và đầu thế kỷ thứ 10 có đền Bakheng xây lối năm 900 các ngôi đền ở núi Krom và núi Bok.

THỜI KỶ THỨ NĂM, trong thế kỷ thứ 10, ở đầu thế kỷ có đền « Prasat Kravan » xây trong năm 921, đền « Baksei Chamkrong », khóm đền Koh Ker xây trong năm 931 và 950.

Vào giữa thế kỷ có đền « Mébon ở hướng Đông » xây trong năm 952, đền « Pré Rup » xây trong năm 961, đền « Bantéay Srei » xây trong năm 967 và ngôi đền nhỏ ở phía sau tháp Khléang hướng Bắc.

THỜI KỶ THỨ SÁU, trong thế kỷ thứ 11, ở đầu thế kỷ có đền Ta Keo xây trong năm 1000, tháp Khléang hướng Bắc, Khléang hướng Nam, đền Phimeanakas, và cửa Hoàng thành.

Vào giữa thế kỷ, có đền Baphuon xây trong năm 1060 và đền Mébon ở hướng Tây.

THỜI KỶ THỨ BẢY, vào cuối thế kỷ thứ 11 và đầu thế kỷ thứ 12 có những đền « Beng Méaléa », « Prah Palilay » (ngôi điện thờ) « chánh điện đền Bakong », « Prah Pithu », « Chau say tévoda », Thommanon, Bantéay Samrê, Prah Khan ở Koumpong Svay (phần giữa) và đền Angkor Wat.

THỜI KỶ THỨ TÁM, vào cuối thế kỷ thứ 12 và đầu thế kỷ thứ 13, có ngôi đền Taprohm xây trong năm 1186, đền Bantéay Kdei, sân bờ Srah Srang, đền Prah Khan ở Angkor xây trong năm 1191 và những ngôi đền ; Néak Pean, Ta Som, Ta Nei, Bayon và vòng thành Angkor Thom, cửa thành và tượng đá, đền Prasat Chrung, sân của Hoàng thành, đền Prasat Suor Prat, Bantéay Prei, Prasat Prei và cửa vào đền Prah Palilay.

VÌ SAO ANGKOR BỊ BỎ HOANG ?

Chúng ta đã biết vị Quốc vương chọn vùng Angkor để xây cất Hoàng thành và các Quốc vương nối nghiệp dựng những đền đài đồ sộ là Jayavarman II.

Chính nhà Vua ở nước ngoài trở về lên ngôi trị nước, đồng thời đem vào mỗi đạo mới : thờ vị Phật Vua, tức là thờ nhà Vua sau khi băng hà, thụy phong vào một vị Thần. Các vị Quốc vương nối nghiệp vẫn giữ đạo ấy, mới xây cất những đền tháp cho mình và cho cha, mẹ, vợ con.

Xem đấy, ta có thể nói rằng nhờ ngành tôn giáo mới có cái kỳ quan lưu truyền vạn đại. Thế nhưng, sau một thời gian gần 700 năm từ thế kỷ thứ 9 đến thế kỷ thứ 15 trải qua 27 triều Vua, sau khi Quốc vương Jayavarman VII đặt viên đá cuối cùng thì ảnh hưởng của mới

đạo này không còn mạnh như trước nữa. Phật giáo theo phái Tiểu thừa ở đảo Tích lan (Ấn-độ) theo đường Xiêm qua Cao Miên, đánh đổ lối thờ phụng của đạo Bà la môn, đã khiến dân Miên khổ cực và nghèo nàn vì những lối kiến trúc vĩ đại dễ phụng sự Hoàng gia.

Các đấng Tiên vương nhìn nhận lời Đức Thích gia là viên mãn, bèn tôn làm Quốc giáo đến ngày nay. Lễ tự nhiên nhà Vua không nghĩ đến việc xây cất thêm đền đài để củng cố nền tài chánh. Vả lại những hầm đá bùn trong dãy núi Kulên đã cạn khô, đến nỗi có nhiều ngôi tháp phải xây bằng đá ong và có nhiều ngôi còn bỏ dang dở vì thiếu đá.

Đây là nguyên nhân chánh, ngoài ra còn vì nạn xâm lăng của người Xiêm, đã có lần tràn sang chiếm đóng Angkor một thời gian khá dài, cho nên đến năm 1432, Hoàng triều rời bỏ Angkor dời lần về phía Nam để giữ vững nền an ninh cho lãnh thổ.

Trong quyển « Pour mieux comprendre Angkor. » ông Georges Coedès có bàn :

« Sau khi Quốc vương Jayavarman VII băng hà, các vị Vua kế nghiệp không tôn trọng nền đạo cũ. Những bản chữ khắc trong các ngôi đền có ghi rõ sự phản ứng này. Có điều chắc chắn hơn hết là chính nhà Vua bỏ nước nhà suy vì vì tánh ham khuếch trương quá độ của mình và không có đủ lực lượng chống nổi các cuộc xâm lăng của quốc gia nhỏ bé và hẻo lánh ở sát cạnh về hướng Tây. Đến năm 1296, ông Châu Đạt Quan từ Trung quốc đến Cao Miên thấy cả lãnh thổ bị tàn phá sau một trận ác chiến với người Xiêm, mà ông thuật rằng « người ta đã bắt buộc tất cả dân chúng chống lại quân địch ».

Năm 1903, trong bài khai mạc trường Trung học Pháp, ông Louis Finot có nhắc một đoạn :

« Trải qua mấy thế kỷ xây dựng bao nhiêu đền đài trong khắp lãnh thổ, dân dân siêng năng này đã hao mòn vô số và suy sụp vô cùng Họ không dám chống lại những « vị Thần » tham lam quá độ, bên mình sẵn nhiều tài sản ửng bầu và chuyên môn thâu thuế thật nặng.

«Sau đây, một nền đạo mới, « dịu dàng» hơn mà từ lý thuyết đến thực hành rất hợp với những dân tộc mệt mỏi và sa sút. Đạo ấy có thể gọi là đạo về kinh tế, các tín đồ từ quan chức đến thường dân đều sống trong cảnh nghèo túng, bằng lòng ngu dốt dưới một mái rơm và ăn một nắm cơm, một mối đạo về tinh thần mà những qui điều giữ vững sự bình tĩnh của linh hồn và nền an ninh trong xã hội. Dân Miên bằng lòng nhận mối đạo này. »

Ông Coedès tiếp :

« Mối đạo này chính là ngành Phật giáo phái Tiểu thừa ở Tích lan theo đường Xiêm truyền bá sang Cao Miên do những vị Sãi người Môn và Miên-diện.

«Hoàn toàn chống lại thuyết vị ngã ngành đạo này thực hành khác hơn cách thờ phụng của Quốc vương Jayavarman VII, có thể đánh đổ lối thờ cúng cá nhân đã đè nặng dân chúng trong sự sùng bái vị Phật. Vua và những ông Hoàng được phong Thần. Và chắc chắn ảnh hưởng mới này giữ phần ưu thế trong tình cảnh suy vi của quốc gia Miên hồi thế kỷ thứ 14 đến ngày nay ».



PHẦN THỨ HAI

**Địa thế vùng Angkor và cuộc
xây cất Kinh thành**

ANGKOR gốc tiếng Phạn là Nagara, người Miền dịch là Angkor, nghĩa là kinh đô.

Quốc vương Jayavarman II chọn vùng đất dựng kinh đô, định xây nghiệp đế trường cửu với giang sơn, với nền đạo thờ vị Phật Vua theo Balamôn giáo. Ý định của Ngài qua đến triều Vua thứ tư, Quốc vương Yaçovarman I mới thực hành.

Những vùng đất được các đấng Tiên vương chọn xây cất đền đài, những lối kiến trúc khác nhau phù hợp rõ ràng thành 3 vùng riêng biệt, kết làm một ngôi sao 3 nhánh mà Angkor chiếm trung tâm. Mỗi vùng có mỗi hình thể đặc biệt.

Vùng Đông Nam có 2 nhánh sông Mékong thuộc hướng Nam và hàng trăm vùng đất thấp, phần nhiều là đất phù sa bồi lên và bị ngập mỗi năm, giáp biển cả.

Trong vùng Tây Bắc là những đầm lầy cạn khô. Con sông Cửu Long rộng thành thang được thay thế bằng nhiều kinh rạch nhỏ tập hợp vào Biên hồ. Vùng đất tốt đã thành đồng bằng phì nhiêu mà những thửa ruộng nổi tiếng là « kho lúa của xứ Cao Miên ».

Ở vùng Đông Bắc thì khác hẳn: rừng rậm bao la, núi đầy hầm đá và mỏ sắt.

Nơi cứ điểm của 3 vùng này qui tụ, kinh thành Yaçodharâpura ở vào một vùng hợp với địa thế kinh tế, chánh trị và thuộc về chiến lược quân sự đáng chú ý. Nhiều ngã đường thông qua khắp hết vùng và tụ hợp các thôn xóm về kinh đô, một hệ thống sông ngòi giao thông tiện vào bậc nhất, « cái túi cá » khổng lồ : Tonléap kết thành một phương tiện giao thông đặc biệt.

Thế nên vùng Angkor hồi thế kỷ thứ 10 cho ta thấy đúng như lòng bàn tay xoè trên miền Nam Đông dương; những ngón tay đụng vào dãy núi Trường sơn ở hướng Đông, dè nắm lên dãy núi Dangrek ở hướng Bắc, lên bờ sông Ménam ở hướng Tây và vỗ sóng tận Xiêm la cùng biển Nam Hai ở hướng Nam.

« Khi nhà Vua nhất định chọn chỗ lập kinh thành, việc cần trước tiên là tránh xa bờ hồ Tonléap quá thấp, nơi mà hằng năm nước ngập từ 6 đến 10 thước và tràn vào đồng bằng hàng chục cây số. Nơi đây có sông Siemréap, lấy tên theo thị trấn trong vùng, chảy ngang hướng Nam Angkor. Con sông này phát nguyên ở hướng Bắc

thành phố cách Biển hồ lối 50 cây số. Về phía Tây Bắc cửa sông, có một ngọn đồi không cây cối, hoang vu trên những vũng lầy, cao lối một trăm thước. Đồi này tên Phnom Krom (nghĩa là Núi ở dưới) toàn là một khối đá xanh rất tốt.

Không ở được trên đồi, nhưng người ta có thể dùng làm một đài quan sát tốt vô cùng. Đồi vượt cao gần trùm hết cả Biển hồ và vùng Angkor ở khắp các nẻo. Trong thế kỷ thứ 10, trên đỉnh đồi có một ngôi đền với ba ngọn tháp. Lúc trời quang đãng, đứng trước cửa Bắc của ngôi đền, ta thấy Biển hồ ở hướng Tây; về hướng Đông Bắc, ta thấy một rừng cây bao la đến tận chơn trời với dãy núi Kulên mờ mờ như ẩn như hiện. Chính ở ngọn trường sơn này, Quốc vương Jayavarman II dựng kinh thành Mahendraparvata hồi thế kỷ thứ 9. Từ chân đồi, xưa kia có một đường rộng đắp về hướng Bắc, thông đến cửa Nam thành Angkor Thom. Cách cửa này 500 thước ta thấy đền « Bakheng » cất trên ngọn đồi. Đền xây bằng đá xanh, cao lối 60 thước.

Vào thế kỷ thứ 8, vùng đồng bằng này đã thay đổi hẳn. Dân cư thưa thớt, rừng cây được khai phá làm đồng ruộng hết 2 phần 3. Kinh thành Yaçodharâpura ở ngay vào một kho lúa, mà ruộng rẫy đầy đủ nước quanh năm nhờ nước ở Biển hồ tràn vào gần đến nơi. Hồ này lại là một kho cá nhiều nhất thế giới. Lúa và cá là hai thức ăn cần yếu của người Miên. Các nhà kiến lập vùng Angkor đã thể theo định luật thiên nhiên vững chắc này mà gạch giới hạn cho phần đất xây cất các đền đài.

Nếu ta xem bản địa đồ Cao Miên về ngành kiến trúc cùng với bản địa đồ về sự trồng trọt, ta thấy rằng cuộc xây cất đền đài ngưng hẳn lại khi ruộng đất hết cày cấy được,

Và khi những ngôi đền nào phải xây riêng biệt ngoài vùng có nước vì những lý do không thể cưỡng được thì có những hồ rộng mênh mông do tay người đào lên để chứa nước cần yếu cho việc trồng trọt và sự cần dùng hằng ngày.

Vòng thành Angkor Thom là một hình vuông, bốn mặt xoay gần đúng về bốn hướng Đông Tây, Nam, Bắc. Ở hướng Tây ta thấy hai hồ nước thật lớn đào rất đều đặn, đất xới lên, đắp thành bờ đê. Một mặt hồ ngày nay biến thành đồng ruộng (hồ ở hướng Tây).

Những ngôi đền ở trong Hoàng thành Angkor Thom và ở xung quanh vòng ngoài, đều xoay mặt về hướng Đông, ngoại trừ đền Angkor Wath có hơi xoay về hướng Tây Bắc một ít. Theo ý định của các kiến trúc sư vòng thành phải xây một hình thật vuông ngay trung tâm điểm là đền Bayon : « Ngọn núi chánh ». Không liên quan với bốn bức tường tuyệt đẹp còn đứng vững đến ngày nay, một hào sâu ở ngoài, rộng 100 thước ngăn ngừa sự đột nhập vào thành.

Đi vào thành theo một trong 4 cửa lối 1500 thước, ta thấy những ngôi tháp của đền Bayon. Ta lấy làm lạ khi biết rằng những kiến trúc sư có phóng nhiều đường lớn theo trục tuyến mà đến bây giờ ta không tìm thấy chút dấu vết nào cả. Dọc theo hai bên các đại lộ ấy có hàng trăm cung điện của Hoàng tộc và nhà của dân chúng cất bằng vật liệu chóng hư.

Hợp với cách sắp đặt khởi đầu này, một chương trình mới được phác họa thêm. Trong vùng Đông-Nam của phần chia tư, thuộc hướng Tây Bắc của Hoàng thành và dọc theo đại lộ từ đền Bayon đến cửa Bắc, có một vòng

thành xung quanh có hào nước bây giờ đã cạn khô. Đây là một thành phố thứ nhì trong thành lớn, chu vi độ 200 thước x 600 thước, và xoay cửa về hướng Đông, cũng như toàn diện các đền đài Hiện thời ta thấy đền Phimeanakas ở gần chính giữa thành phố ấy. Ta có thể tin rằng cung điện nhà Vua ở trong vòng thành này và đã bị hư sập hết. Cách cửa chánh của Hoàng thành lối 500 thước về hướng Bắc có một cái cửa xoay về hướng Đông đối ứng với vòng thành này.

Tóm lại chúng ta vào thành Yaçodharâpura bằng 4 cửa đưa thẳng vào đền Bayon và bằng một cửa thứ năm xây trên trục hướng Tây Đông của Hoàng thành. Một con đường rộng lối 20 thước lẩn qua các hào nước và chừa ngõ vào phía ngoài của mỗi cửa. Ấy là mặt tiền của cung điện Hoàng gia xây ở góc vòng thành hướng Đông, mà ta thấy mảnh sân đắp cao thật đẹp xoay về phía mặt trời mọc những hình voi chạm nổi trên đá to gần bằng voi thật. Đó là « Công trường của Hoàng triều ».

Ở hướng Tây, hàng voi đá hình như chống đỡ cửa chính của cung điện ; ở hướng Bắc và hướng Đông, phía trong xa là cửa thẳng trận của Hoàng thành, và một hàng 12 ngôi tháp cắt làm ranh giới cho Công trường ; ở hướng Nam là đền Bayon, và sau hết, ở hướng Tây-Nam là ngôi đền Baphuon oai nghiêm.

Bao nhiêu đây cũng đủ cho ta nhìn nhận sự sắp đặt phong phú và rõ ràng của bản địa đồ kinh thành Angkor.



VẬT LIỆU VÀ LỐI KIẾN TRÚC

Những nhà kiến tạo Angkor, cùng với những người hiện thời đều dùng những vật liệu khác nhau. Sau lối kiến trúc bằng cây mà ngày nay vẫn còn di tích, cách dùng gạch được thay thế trước tiên cùng với đá ong. Sau cùng, cách dùng đá bùn được thành hành từ thế kỷ thứ 8.

1) GẠCH

Gạch dùng xây cất lối mười ngôi đền trong vùng Angkor, thường được nung rất kỹ và có màu hồng tươi. Gạch nắn theo hình cái hộp (hình hành lục diện thể), khuôn khổ to nhất là : 0th, 35 x 0th 16 x 0th, 08. Người thợ hồ để hai miếng sát nhau, cọ xát mặt gạch cho dính thật chắc.

Mặc dầu bị hạn chế không được dùng vào những đền đài còn tồn tại đến ngày nay, ngói vẫn được dùng lợp nhiều ngôi đền phụ và nhiều hành lang những đền trong lãnh thổ. Ngói này tráng men màu nâu hay xanh lá cây, và có một cái móc chạm hình tay bông sen, ở trên đường gạch sâu xuống để nước chảy.

Vách tường thành, những nền, những móng đền và những ngôi đền nhỏ đều xây bằng đá ong. Người Miên gọi đá này là « đá cơm cháy », thứ đá có nhiều lỗ như ở ong, màu sét, không thể chạm trổ được, nhưng có rất nhiều và rất dễ xử dụng.

2) ĐÁ BÙN

Vật liệu quý nhất là đá bùn. Hầm đá có rất nhiều. Màu đá thay đổi từ xám dợt, có khi vàng vàng, đến xám xanh và xanh màu lá cây. Người ta cho rằng đá

bùn dùng ở Angkor lấy trong dãy núi Kulên ở cách đây lối 40 cây số theo đường chim bay, nơi có vô số đá và được khai thác ra từng lớp. Ngoài ra gần khắp vùng Angkor đều có đá bùn. Có thể đồi Bakheng ở gần cửa thành Yaçodharâpura là một ngọn đồi to lớn, mà những tay thợ từ thế kỷ thứ 10 đã lấy bớt rất nhiều đá mới còn hình dáng nhỏ như ngày nay. Cũng như cách ghép những miếng gạch, các khối đá bùn để chồng lên nhau không có chút hồ, chỉ cọ xát cho ngay thẳng mà thôi. Trong những hình chạm nổi, người Miên ngày xưa cho ta « thấy » phương pháp họ xây cất. Họ làm sao chở, kéo, chồng chất, mài gọt những phiến đá to lớn ấy ? Chỉ có một bản khắc ở vách đền Bayon thật sơ sài và đã hư hỏng giải thích cho ta tất cả những điều thắc mắc. Ta thấy cách xử dụng « máy móc » của cổ nhân, một cái giá tầm thường treo cục đá mà hình như chỉ có hai người vận chuyển. Ta có thể nhận xét cách gọt dũa làm cho cục đá nhẹ bớt đi. Hình chạm bị mòn quá nhiều khiến ta không thể hiểu cách họ treo đá thế nào ? Bên cạnh đó, ta phân biệt được một toán người kéo những phiến đá bằng dây, nhiều người đánh đập chửi rủa để khuyến khích và hai ông thủ hai cây hèo cùng một mục đích ấy !

Nếu cách gọt dũa cho láng mặt đá cần nhiều thì giờ ngoài lúc xây cất, người ta dành riêng cho những thợ chuyên môn để tiết kiệm ngày tháng. Nhiều khối đá đủ khuôn khổ được để riêng cho thợ mài theo phương pháp đặc biệt, mặt đá láng trơn và không có rơi mảnh vụn ra ngoài ! Một người thợ dùng đục chia đá theo khuôn khổ nhất định, phải mất khá nhiều thì giờ.

Những chỗ nổi, thường thường theo sự thật thì rất hoàn toàn, nhưng cách thực hành không thấy diễn tả trên vách đá. Sau rốt việc làm chót này cần phải có một « đạo

binh » thợ chuyên môn, trong lúc cách mài mặt đá chỉ cần những lao công do một người thợ cái điều khiển mà thôi.

Ông Victor Goloubew bán về vấn đề chuyển vận đá bùn ở hẻm núi Kulên đến Angkor Thom như vậy : « Một bài toán quan trọng cần giải quyết là tìm hiểu người xưa đã làm cách nào chuyên chở những khối đá đục ra từ trong hẻm ?

Giữa núi Kulên với Angkor Thom xa lối 30 cây số theo đường chim bay (50 cây số đường đất). So sánh với số đá cần dùng xây Hoàng thành và các đền đài ta thấy khoảng đường này to lớn quá. Chắc hẳn xưa kia, người ta có đắp nhiều nẻo đường riêng để chở các vật liệu đến, ngoài ra trong mùa mưa, người ta có thể nhờ giòng sông Siemréap. Nhưng trong tình thế hiện thời của công cuộc tìm kiếm chúng ta rất khó mà gạch thừ trên bản đồ những ngã đường cò nhán dùng chuyển vận đá ở núi Kulên đến Angkor.

Về cách chồng đá lên từng lớp thì theo một bản hình chạm nổi ở đền Bayon, ta thấy một nhóm lao công đẩy, kéo những khối đá rất khó nhọc. Để khuyến khích và đánh nhịp theo việc làm, người ta đánh chập chả. Tên nào chập chập sẽ « ăn roi », của viên cai đứng bên cạnh. Khi gặp phải những khối đá quá nặng và mặt đường ngập lụt vì mưa, người ta nhờ voi kéo ».

3) GỖ

Gỗ đóng một vai quan trọng trong ngành kiến trúc của người Miên. Tất cả cung điện và nhà của dân chúng đều cất bằng gỗ. Giống như hầu hết các xứ trong hoàn cầu, những ngôi nhà gỗ được bắt chước theo hình thức các đền đài bằng đá. Người ta có tìm thấy nhiều ngôi

nhà còn giữ vẻ oai nghiêm, trong đền Angkor Wath người ta còn thấy một tấm trần nhà bằng gỗ chạm đầy một tắc, tất cả các ngõ đều có tấm trần như thế. Mỗi đền đều có hai cánh cửa gỗ to dày. Ngoài ra, có nhiều tấm ván dày đóng cầu hai bức tường trong những bệ cửa bằng đá xanh (ở đền Baphuon) hay nhiều thanh ngang dằng hai cây dọc với nhau trong các ngôi tháp (ở cửa thành Angkor Thom). Mặc dầu tình hình rắn của chất gỗ ở Cao Miên rất bền bỉ, những đoạn cây này vẫn mục nát mất hết. Nước làm mục, sâu bọ đục khoét, lửa đốt cháy đã tiêu hủy không còn khúc nào. Nhưng theo những dấu vết còn lại ta biết chắc rằng người xưa đã dùng gỗ vào những nơi ấy.

4) SẮT

Sắt dùng trong đền dưới hình thức: neo sắt hình đuôi én để giữ tường hay hình 2 chữ T dính nhau. Những cái móc này để giữ chỗ nối cho chắc và giữ những khối đá làm bao lơn hoặc đưa ra ngoài giữ mái hiên xây theo bụng rắn và những đầu cột. Người ta tìm được sắt rất nhiều và hiện thời dân thiểu số ở bộ lạc người Kuy trong núi (Phnom) Đek vẫn còn khai khẩn bằng những phương tiện cổ lỗ một mỏ sắt phong phú. Vài dấu vết còn lại trong lúc tìm kiếm, mặc dầu chưa được rõ ràng lắm, song cũng cho ta thấy rằng cổ nhân có dùng « đồng » trong vài hình chạm nổi. Người xưa nấu đồng thật chảy để tô lớp ngoài theo đường chạy chỉ trên khuôn cửa và bệ thờ.

Hồi thế kỷ thứ 16 có vài nhà du lịch thuật rằng họ có thấy nhiều trái tròn bằng đồng trên các chót tháp ở Angkor. Nhưng điều này không thấy những hình chạm nổi cho ta biết.

SƠN MÀU VÀNG

Chúng ta có thể minh xác rằng những đền đài ở Angkor, hoặc toàn thể, hoặc một phần lớn được áo màu vàng có thể vừa sơn vừa ao vàng một lượt.

Mảnh sân trên lầu thứ nhất của đền « Angkor Wath » và dãy hành lang hình chữ thập còn giữ dấu tích chắc chắn của một màu vàng cũ kỹ thật tốt, không phai dưới lớp mốc khá nhiều trên những cây mây cửa. Chúng ta còn gặp ở đền Preah Vihear trong dãy núi Dangrek màu vàng cũ này trên cây trụ cửa tháp.

Ở miền Nam nước Cao Miên, giữa một ngôi tháp xây bằng gạch thờ vị Hắc nương (Néang Khmau : (1) Cô gái Đen) có những tượng đá sơn màu hung đỏ. Người Miên ngày nay vẫn còn thích vẽ hào hoa của màu này, thường dùng sơn những khuôn cửa, thượng lương và đỉnh nóc chùa trong làng mạc xa xôi và nghèo nàn.

Ngoài ra họ còn thoa mặt ngoài của ngôi tháp gạch một lớp sơn chế bằng cát và vôi trộn rất khéo, dày từ 1 đến 5 phân, trét trên mặt gạch còn sống và đôi khi chấm từ chấm cho dễ dính. Đền Prérup, điện Angkor Thom về hướng Đông Nam cho ta thấy nhiều dấu vết của lối dùng màu này hồi thế kỷ thứ 7.

(1) Néang Khmau là một vị Thần thường nhập vào xác đồng rừng như Cô Hiên, Cô Mười ở Việt Nam. Người Miên thờ ông Tà, bà Chao và Néang Khmau là những vị Thần phò hộ làng ngày.

CÁCH XÂY CÁT VÀ THỜI GIAN

Người Miên thường dùng tất cả các vật liệu trên đây vào một ngôi đền. Chúng ta thấy những nền móng của đền Phimeanakas toàn bằng đá ong và các hành lang ở tầng trên bằng đá bùn. Xây một tấm vách bằng đá ong., họ để một cái mái hiên hình bụng rắn bằng đá bùn để chạm hình nổi, vì đá ong không dùng được.

Về cách ghép những khối đá chồng lên cao ta có thể tin rằng cò nhân thực hành rất mau chóng do một nhóm đông người vận chuyển bằng tay, hoặc xây lên lần hồi do một số thợ chuyên môn dùng phương pháp riêng biệt mà chúng ta không tìm ra, hoặc gọi rất nhiều người không rành nghề, chỉ cần dùng sức mạnh, sự kiên nhẫn mà thôi.

Các đền đài ở Angkor đều xây trên một cuộc đất cát và đất sét rất chắc, « móng cừ » được nện bằng một phương pháp rất thường : một hoặc hai lớp đá ong để trên một lớp đá đập nhỏ nện chặt. Ít có chỗ chỉ nện đất không ngoại trừ vài nền trên sân mà thôi.

Những NỀN THÁP là công trình đáng chú ý của ngành kiến trúc Cao Miên. Mỗi nền có một vành đá xây chung quanh giống như bức tường chắn các bậc đá một ngôi đền.

Vành đá này được chạy chỉ và khắc hình như những nền của sân đắp (terrasse).

Nền tháp của người Miên có tánh cách riêng biệt là không dính dáng đến ngôi tháp dựng ở trên, cũng như cái mâm dựng cái ly ở giữa.

Về cách xây tường, dù bằng đá bùn, bằng gạch hay

bằng đá ong, cò nhán vẫn theo lối ghép chồng lên chứ không dùng hồ. Riêng về gạch, người xưa dùng một chất keo lấy trong cây để thoa dính hai miếng lại. Ngày nay, không ai biết chế thử keo ấy.

Trong một lối kiến trúc mà tất cả việc chạy chỉ và chạm khắc thực hành khi tường đá đã xây rồi, người ta cần phải ghép những khối đá cho thật sát mặt với nhau và không cho chỗ ghép hở rộng. Cò nhán đã dùng đá cọ sát mặt trước khi đưa từng khối vào tường. Một bản hình chạm trên vách đền Bayon ở hành lang phía trong, mặt Tây, gần hướng Nam « thuật » lại đầy đủ chi tiết về phương pháp này.

Bề dày của tường cần phải thay đổi, nhưng luôn luôn dày hơn kích thước định sẵn. Những bức tường dày từ một thước đến một thước rưỡi là sự thường.

Ngôi tháp có những bậc là « nấc thang lên trời ». Lối tục này ? chỉ vào cách xây nấc thang gần như thẳng đứng mỗi góc đo từ 45 đến 70 độ, xưa kia đề những thầy tế lễ lên, xuống mỗi ngày giữ hương khói trong đền chứ không phải để dân chúng đến chiêm bái từng đoàn. Đứng về mặt kiến trúc các loại tháp, thì lối xây thang này rất có lợi vì nền tháp không xây lòi ra ngoài nhiều, và thân tháp đứng gần thẳng lên trời, theo một kiểu mẫu không nơi nào có.



Trái với những lời dự đoán trước về to lớn và số lượng của các đền đài, thời gian xây cất không lâu gì lắm. Sau khi trình bày những phương pháp phân tích của địa đồ, cách dùng vật liệu riêng biệt từng loại, một ngôi đền có thể được dựng bốn góc một lượt và tiếp tục đến khi

hoàn thành. Theo những bản tính toán rất đúng, chúng ta tin rằng một ngôi tháp bằng gạch bề cao lối 12 thước, mặt nền lối 5 thước có thể xây trong vòng 30 ngày không gián đoạn.

Do vậy, ta có thể tính rằng cất đền Angkor Wath, người xưa mất nhiều lắm là 50 năm. Điện Angkor Thom của Quốc vương Yaçovarman cũng được cất trong khoảng thời gian ấy, và khởi đầu vào năm 877.

Công cuộc kiến tạo lại rơi vào giữa lúc nhà Vua cầm quân đánh Chiêm thành. Sau khi thu hồi nền độc lập rất chậm và rất đắt giá, giữa khi xây cất kinh đô, Quốc vương Yaçovarman xuất binh tiến vào đất Chiêm.

Nhưng một kinh thành oai nghiêm từng bừng dựng lên và chói rạng hơn 4 thế kỷ. Những khối đá khổng lồ chạm trổ đầy hình tượng được chồng lên cao hàng 40 thước. Người ta dựng những tường thành mà thời gian không phá hoại nổi. Hình như việc lập bản đồ là điều cần thiết trước nhất, thế nên người ta hấp tấp thực hành ở khắp nơi và điều khiển những đám người làm mướn bắt tay vào việc. Trước những ngôi đền có những mặt tiền dài hàng 200 thước. Người ta đắp một cái sân dài 400 thước, rộng 20 thước, cao 3 thước. Và trên những công trình đáng tôn kính này đề dâng cho Thần, Phật, người ta hao tổn rất nhiều vàng.

Sự trang hoàng không được hoàn mỹ luôn luôn. người ta không có đủ thì giờ thu xếp, nhưng ít nhất họ phải làm gấp cho xong những mặt nền chánh. Người ta cố gắng hết sức mình trong cuộc kiến tạo khắp đền đài. Và giữa lúc hối hả cất những dãy hành lang, họ lại bỏ một ngôi đền chưa hoàn thành để qua một ngôi khác có một

đoàn thợ chạm đang khắc đang dở một cảnh trí đã sắp đặt đầy đủ ý tứ giống như cách khảm kim tuyến vào một vỏ khỉ vậy. Về khoe khoang trên một mặt tiền, ý muốn rõ rệt cho thiên hạ thấy sự sang giàu vô tận, phô bày đến những mái hiên của vài ngôi đền mà mắt người không thể thấy.



NHỮNG PHẦN CHÍNH YẾU CỦA NGÔI ĐỀN

1) TẦM ĐIỆN

Tầm điện là ngôi tháp thường thường cất theo hình vuông, mỗi góc từ 3 đến 8 thước. Người ta tìm thấy một vài ngôi hình vuông dài như tháp Prah Sei và tháp chữ C trong khóm Sambuor. Ngoài ra có 1 ngôi duy nhất hình bát giác là tháp chữ L trong khóm Sambuor. Người ta còn tìm được một ngôi hình tròn : ở Phnom Chisor những hình thức khác xa loại tầm điện.

Ngôi tháp này có một căn phòng một cái cửa luôn luôn xoay về hướng Đông. Giữa phòng có một tượng Phật, hoặc một vị Thần trong bốn vị của đạo Balamôn. Vị Thần này chính là Đức Vua, vị Hoàng tử hoặc một Hoàng thân sau khi băng hà được thụy phong vào hình thể đáng thiêng liêng. Có đền dề một linh phù bằng đá. Ấy là vật tượng trưng của Thần Civa, vị Thần của sự phá hoại. Kỳ dư không có gì khác hơn nữa.

Tầm điện ít khi đứng một mình. Đại đa số có từ 3 đến 5 ngôi hợp thành một khóm. Chúng tôi không dám quả quyết có những khóm 2 ngôi tháp, thế nên khi nào có một khóm 2 ngôi, 4 hoặc 6 ngôi thì người ta biết ngay rằng có

một ngôi bị hư sập mất hoặc người đời sau cất thêm một ngôi nữa, chứ bản địa đồ chánh từ ngàn xưa không bao giờ có.

Những tâm điện sau đây có nhiều ngôi tháp : Koh Ker, Prasat Dong Kuk, Prasat Dap, Prasat Phnom Sandak, và Prasat Tram Khna.

2) VÒNG THÀNH VÀ KHUNG CỬA

Khi nào những vòng thành không có hành lang xây xung quanh thì người ta xây những bức tường không có vẽ cầu kỳ trên đầu tường có sóng như nóc nhà. Ở mỗi trục tường đều có một khung cửa ra vào gọi là « gopura », mà thân chánh luôn luôn cất theo hình chữ thập. Phía trong thường có căn phòng trước, có cửa ngăn, có mái song hành và ngõ vào phụ. Mặt ngoài, khung cửa xây thành hình một hay ba ngọn tháp giống như các tâm điện, hoặc xây theo hình bốn gian treo nhau có bốn cây đầu xòe kết thành mí nhà.

3) NHỮNG GIAN PHÒNG CẤT PHỤ THÊM

Một vài ngôi đền có thêm một căn phòng cất phụ với tâm điện. Phòng này hình dài và khum đỉnh với phần nhỏ ra về hướng Đông trong các bức vách có một cánh cửa cái và nhiều cửa sổ. Kiểu này do các ngôi đền Ấn-độ truyền lại.

Trong phần ở hướng Đông của vòng thành thứ nhất, hai bên trục chánh có hai căn phòng kiểu ấy, cửa xoay về hướng Tây, trái với tâm điện. Trong phòng có nhiều cửa sổ nhỏ không đủ đưa ánh sáng vào, mang tên là « thư viện ». Một bản văn ghi trong bia đá ở đền Prasat Khna có giải thích rõ về loại phòng này, hình như

cổ nhân xây thêm để dùng cất đồ thờ, ngoài những quyền sách Thánh. « Phòng sách » luôn luôn ở về hướng Nam của tâm điện.

Mặc dầu ở trong là hình chữ nhật, mặt ngoài thư viện có hình giống một gian giữa của ngôi tháp. Một mái phân nửa khung vòm che gần hết bề dày của bức tường, phía trên có một tầng lầu thấp xây dưới những mô nhà hình tam giác.

Ở giữa những vòng thành các ngôi đền lớn vào cuối thế kỷ thứ 12 về hướng Đông kinh đô Angkor Thom, như ở đền Prah Khan và Ta Prohm, có nhiều căn phòng rộng hơn các thư viện kể trên, nhờ lối cất hai khung vòm, dùng làm nhà nghỉ chân cho khách bộ hành. Xưa kia, người Miên gọi những căn phòng ấy là « dharmasala » và chính ông Châu đạt Quan có ghi trong tập ký ức : « Trên các ngã đường lớn có nhiều chỗ nghỉ giống như trạm trường đình của ta ». Bia đá đền Prah Khan có thuật về 121 trạm cất dài theo những đại lộ khắp lãnh thổ trong ấy có 57 trạm trên đường từ Angkor đến kinh đô Chiêm thành, con đường ở hướng Đông, đi ngang đền Beng Méaléa và Prak Khan (1) ở Kompong Svay, mỗi trạm cách nhau lối 12 cây số 500 thước.

Ngoài 3 loại phòng này người ta thấy trong những vòng thành kế tiếp đủ thứ nhà cất bằng cây, lợp ngói đến bây giờ còn dấu vết. Đây là một dãy phòng dài hay là hành lang cất đầy theo vòng thành để những vị thầy tu ở, hoặc dùng làm kho chứa hàng hay nhà ở tạm cho những kẻ có phận sự trong việc cúng tế.

(1) Ở Cao Mên có 3 đền mang tên Prah Khan, một đền ở Angkor, một đền ở Kompong Svay và một đền ở Pareat.

4) XUNG QUANH ĐỀN ĐÀI

Theo nguyên tắc mỗi đền có hào nước rộng đào xung quanh, tượng trưng cho mặt biển ở tiểu thế giới ấy. Ngoài ra hào sâu còn dùng làm vật phòng ngừa rất tốt. Ở ngay cửa chánh hoặc các cửa khác có nhiều tượng Thần (dvárapála) võ trang chày võ đứng giữ. Qua hầm nước có một đường đắp bằng những khối đá lớn bề dài có khi đến hàng trăm thước, hai bên có tượng rắn nhiều đầu. Giữa đường có nhiều bậc tam cấp, thỉnh thoảng có một mảnh sân hình chữ thập thật rộng để thiết lễ và nhảy múa, bên cạnh vài hồ nước trong xanh.

Ông Alfred Meynard có viết trong quyển : « Les Pierres, les Eaux et les Gestes d' Angkor » đoạn này :

« Có nhiều hồ nước cho dân cư uống và để Quốc vương xem những đoàn ghe đốt đèn sáng bởi lượn ».

Ở Ấn-độ, những ao đầm bí mật, nước đục ngầu chứa vô số kỳ đà, là những tên canh giữ hung tợn của các điều bí ẩn của sự thờ cúng. Bờ ao nhuộm đầy máu của những kẻ bị bắt làm vật hy sinh, và trên đợt sóng bập-bành vô âm thầm ấy người ta bỏ các xác chết trôi vật vờ.

Ở Taf Mahal, trên làn sóng bạc vỗ vào vách đá vân đen, có những tiếng khóc nức nở không ngừng.

Nhưng ở Angkor, vùng nước trong hồ giống như biên giới của sự yên ổn giữa kinh thành và ngoài thành. Giữa vòng khuôn tam cấp, không có gì xao động mặt hồ ngoài đám sen xanh tốt.

Hồ nước tượng trưng sự tẩy trần cần thiết cho dân chúng trước khi đề chân vào chốn thiêng liêng, là sự

nhúng mình vào nước Thánh, trong ấy, người nào sắp đến gần nơi huyền bí đã bỏ lại những ô trọc của trần gian.

Thế nên ở đền Angkor Wath có đầm nước rộng hàng 200 thước, dài gần 4 cây số, vây quanh vòng thành. Mỗi bên bờ có bảy bậc đá chạm trổ trong những phiến đá khổng lồ.

5) BẢN VĂN VÀ BIA ĐÁ

Những bản văn còn lưu lại phần nhiều khắc trên các đền đài hay là trên các bia đá.

Bản văn khắc trên cột cửa vào tầm điện và trên khung cửa vào đền. Ít khi nào người xưa khắc theo mép cột cửa và mày cửa và không khi nào khắc theo mặt ngoài của vách tường và trên hàng cột vây quanh đền. Có điều cần chú ý: khi nào một cây cột cửa có khắc chữ thì luôn luôn là cột ở phía tay trái, nghĩa là ở về hướng Nam.

Bia đá thường làm bằng đá bùn và có nhiều kiểu khác nhau. Có bia nguyên một khối, dẻo làm một cái bệ, phía trên là mặt bằng thẳng có khi gần giống hình vuông. Bia mặt đẹp trên đầu có một đường hình chữ « nhon » nằm, đầu nhọn ở trên.

Bia hình vuông trên đầu có một cái bông sen nở. Bản chữ khắc trên một mặt hay 4 mặt đá. Ở bia mặt đẹp, có khi người xưa khắc luôn cả phần dọn sóng ở phía trên và luôn cả bệ, cả những đường chạy chỉ.

Một trong những bia đá ở « Baray » có khắc hết 6 mặt. Mỗi lần đề bia nằm xuống, ta chỉ xem được 5 mặt còn mặt kia in trên đất !

Người ta thường thấy trong vài hốc núi, vài hang

đá trước kia là nơi trú ngụ của mấy vị ẩn sĩ có nhiều bản chữ như ở núi Pung Keng Kang.

Rất nhiều bia không được ai gìn giữ kỹ bị mưa nắng làm mòn, có bia bị đập bể và có bia bằng đá bùn được dân cư ở gần lấy mài dao.

NGHỆ THUẬT TRANG HOÀNG

Sự trang hoàng của người Miên là một điểm thành công trong ngành nghệ thuật. Lối kiến trúc chỉ đề riêng cho sự thờ phụng mà thôi. Mặc dầu cách trình bày không đúng theo phương diện kỹ hà học về các đường và các khối, người xưa vẫn cho ta thấy rõ hình thức muốn diễn tả. Khung cảnh, nhân vật đều khắc chạm rõ ràng.

Không có một ngôi đền nào không được trang hoàng do ý kiến tạo hình của người sáng lập. Có nhiều ngôi đền không một bức tường nào bỏ trống; cổ nhân đã ghi lên đấy những nét bay bướm của một tài hoa riêng biệt.

Cũng như các giáo sĩ, kiến trúc sư và điêu khắc sư chỉ là những vị mục sư của một nền tôn giáo cổ truyền; họ làm việc thiện với tấm lòng vong kỷ. Tất cả tác phẩm của họ đều vô danh và không đánh dấu riêng của một người nào, một nhóm nào. Nhà nghệ sĩ thực hành tùy theo một ý tưởng trừu tượng và sản phẩm của họ căn cứ vào sự lập lại vững vàng, nghệ thuật tinh xảo ở chỗ sự lập lại này không hề ta thấy vẻ không thay đổi đến buồn chán mà nêu rõ sự nhịp nhàng.

« Thực hành » ấy là lời giải duy nhất; bởi vì họ không đợi nhà Vua truyền lệnh mới cho hàng ngàn nhà điêu khắc chạm trổ hàng ngàn thước vuông mặt tường thành.

Nhà nghệ sĩ thực thụ là một nhân vật phi thường mà sự hoạt động phụ vào người thợ cả. Hẳn được quyền tự do thay đổi những đề mục nhất định, nhưng giữa những nét mới phác họa trên đá và những mũi đục cuối cùng, hẳn phải nhờ tất cả một toán thợ thủ công của điêu khắc sư. Những tay thợ chuyên môn khắc các tác phẩm tầm thường và chỉ có thể tạo nên những chi tiết thấp kém mà thôi.

Mỗi người đều có phận sự rõ rệt và nếu ta có thể nói, họ có thể thành công trong « khu vực » của họ với đôi tay khéo léo mà không cần người thợ cả trông nom. Đôi khi có những nhà nghệ sĩ thực thụ biểu lộ tài năng, như ta thấy ngôi đền Banteay Srei mà toàn thể đều hoàn mỹ như nhau, nghệ thuật được nâng cao ở vài điểm tuyệt kỹ vô cùng.

1) HÌNH CHẠM VÀO ĐÁ

Người Miên đã thoát khỏi sự cứng rắn của những qui tắc trong lối chạm hình vào đá, họ đã « nói » cho ta thấy trên vách tường các đền đài những cảnh về thần thoại, lịch sử, những chuyện truyền kỳ hùng tráng, hoặc những chuyện về nhân chủng chí.

Ngoại trừ ở đền Bakong, trên bậc cao nhứt của ngọn tiêm tháp chúng ta thấy vài dấu vết của một bản hình chạm ngoài trời. Hình như đến thế kỷ thứ 11, người Miên thích trình bày những bức chạm trên các mặt rất hẹp của mái nhà và cửa ; những hình thật đặc sắc đều ở đền « Banteay Srei ». Tiếp theo đó, họ giữ thói quen khắc trên mái nhà khi thì theo lối cấu tạo duy nhất khi thì theo lối chồng lên nhau. Người xưa không hiểu nguyên tắc viên thị đã chọn cách phát biểu chót này để biểu thị những

bản đồ liên tục bức hình ở dưới hình dung cho mặt thứ nhất.

Ở đền Baphuon có những hình chạm từ từng trên vạt tường hẹp : đây là một dọc bức tranh nhỏ về những loại truyện hoang đường, nghệ thuật điêu khắc rất non nớt.

Trái lại ở đền Angkor Wath, trên 1200 hay 1300 thước vuông mặt vách hành lang lớn ở phía ngoài, có những sự cấu tạo khổng lồ đối chiếu với sự chinh đồn tuyệt hảo của ngôi đền. Những thành tường đều được chạm trổ đầy đủ không một chỗ trống tạo thành nguyên một bức hay chia từng đoạn tùy theo bản chất của đề mục đã miêu tả theo những cảnh sống thường ngày hoặc những bức hình nghiêm chỉnh theo thể thức cao kỳ. Tất cả đều chạm trên mặt đá.

Sau hết, ở đền Bayon phía hành lang mặt ngoài có những hình chạm về những chuyện truyền kỳ, những đoạn lịch sử của triều đại và cảnh sinh hoạt trong xã hội. Những bức hình này, khắc theo một thể tài bình tục là một nguồn tài liệu phong phú về cổ tục của người Miên thời bấy giờ. Nhà nghệ sĩ đã cố gắng hòa hợp dân chúng với tư tưởng của mình đã truyền thụ, nâng cao họ lên trong những bức chạm ấy.

Ở Sân Voi (Terrasse des Éléphants) trong Hoàng thành Angkor Thom có nhiều hình voi chạm bán diện trên gần 400 thước vách tường, lớn bằng hình thật, diễn tả các cuộc đi săn rất đúng với cảnh ngoài đời. Trên vài bức tường hẹp có khắc tượng Thần Garuda, mình người, đầu chim, có cánh.

Gần bên sân, về phía Bắc, trong bức vách tường đôi của « Sân Vua Cù », có nhiều dãy tượng đàn bà, mặt mày rất đẹp.

2) HÌNH CHẠM NỮ THẦN DEVATA, APSARA VÀ THẦN DVARAPALA

Những hình này là những bình người chạm riêng một mình hay từng nhóm, khắc ngay trên vách đá hoặc trên một cảnh vật nhưng thường thường ở trong những khám đục trong tường.

Nữ thần Devata là những vị tiên ở trên trời luôn luôn được chạm vào những đoạn tường của các tấm điện, kể qua thế kỷ thứ 12 người ta chạm vào vách phòng và hành lang. Ở đền Angkor Wath có hàng trăm vị nghìn năm vẫn nở nụ cười bình tĩnh với thế nhân. Phần nửa hình Nữ thần chạm rất khéo : thân trên không mặc áo để lộ những đường cong đặc biệt, những cử động dịu dàng, những ngón tay óng chuốt cầm bông sen hay bó hoa. Đôi chân thì rất thô kệch, khuất hẳn sau tấm chắn, để lộ hai bàn chạm theo bán diện và cùng xoay về bên trái. Người xưa chạm hình Nữ thần bằng phần nửa hình người thường, đeo rất nhiều đồ trang sức và thay đổi tùy theo thời đại bằng cách mặc cái sarong và kiểu kẹp tóc, cùng mảnh khăn choàng trên vai.

Nữ thần Apsara được chạm từng hàng dài như ở đền Prah Khan, hoặc từng nhóm hai hay ba vị như trên các cột trụ đền Bayon, cũng minh trần, mặc một mảnh chắn mỏng để vật bay ra phía sau, đeo nữ trang rất nhiều và kẹp tóc bằng những cây trâm thật đẹp. Nữ thần ngự trên một bông sen nở hoặc bay trên không là vị Thần tượng trưng cho sự vui vẻ.

Thần Dvarapala đứng cầm cây giáo hay cái chày vồ, trên cột trụ bên hông cửa vào đền, như ở đền Prah Khan, một bên là vị Thần tốt với nụ cười hiền lành, một

bên là quỷ sứ, mặt mày hung tợn. Hai vị Thần lãnh sứ mạng đuổi giồng tà ma như ông Thiện và ông Ác ở cửa chùa của Tàu và Việt.

Trước kia người ta tạc tượng những vị Thần này trong các khám trên cột trụ ở góc đền tượng trưng cho những chiến sĩ anh dũng dưới binh thế giống người thường như ở đền Prah Kô và Bantéay Srei.

3) CÁCH TRANG HOÀNG TRÊN TƯỜNG

Trong tất cả ngành hoạt động về nghệ thuật của người Miên, cách trang hoàng trên tường hoàn toàn hơn các lối khắc, chứng tỏ sức cải tiến mãnh liệt về phương pháp diễn tả rườm rà lạ thường của nhà điêu khắc. Người xưa không bằng lòng bỏ trống một chỗ nhỏ nhất nào và chạm trổ tất cả mặt tường.

Khi một vạt tường được chạm đầy hết, thì có khi là một lối khắc đều đặn những hình kỷ hà học hoặc theo thuật trang hoàng thanh bạch như ở đền Bantéay Srei, có khi là sự phối hợp của vài phần trong cảnh vật với một hậu cảnh về cây cối như một vài điểm ở đền Prah Khan. Cũng như thường lệ những yếu tố khuôn mẫu rất ít, và cách dùng lại căn cứ vào lối lặp lại, nên sự phát triển vẫn tiếp tục và những việc bất ngờ cứ chổng chất theo từng thế kỷ.

Trong cách dùng về hình cây cối, cổ nhân chọn hoa sen : sen búp, cây sen hay bông nở, áp dụng vào tất cả lối khắc trong hoa đài đủ các loại. Đôi khi, nhất là ở thời kỳ thứ nhất của thuật điêu khắc, người xưa có chạm « chùm hoa tán » loại sen xanh, giống theo loại sen ở Ai-cập. Kể đó, người ta dùng kiểu lá cây ghép lại, cuộn theo

hình tròn ốc chạm rải rác theo những tượng Phật nhỏ hoặc tượng thú vật. Sau cùng, bỏ hết tất cả kiểu dùng vài hình kỷ hà học làm thường, nhà điêu khắc đem hết sở năng của hình tròn, bánh chả vuông ghép vào những kiểu chạm hoa, lá.

Trên vách tường hay cột trụ trong đền vào thế kỷ thứ 12, có nhiều kiểu chạm tỉ mỉ trên mặt đá làm tăng vẻ tôn nghiêm của các dãy hành lang là những hình người quỳ niệm kinh giữa các khám xây trong tường.

4) NHỮNG CÂY CỘT NHỎ

Vào thế kỷ thứ 7 và thứ 8 những cây cột nhỏ để đỡ cây mây cửa đều tiện tròn; qua thế kỷ thứ 9 người xưa hào hình vuông dài, theo kiểu trên đền ở núi Kulén; đến khoảng đầu của lối mỹ thuật cổ điển thì đổi lại bát giác.

Dưới gốc cột, người ta tiện một hình người nhỏ trong một cái khám, thân cột có nhiều vòng chạy chỉ nhiều, ít không nhất định, cách khoảng bằng những hình người đàn ông không mặc quần áo và những viên tua chạm lá cây. Số vòng tăng thêm nhiều vào cuối thế kỷ thứ 9 đến thế kỷ thứ 13 còn những hình người được tiện nhỏ lại, lá cây tăng thêm nhiều và chạm mỏng dần dần đến khi mất hẳn.

5) CÂY MÂY CỬA

Cây mây cửa cùng với cây cột nhỏ là những phần bằng đá bùn có chạm trổ trong các ngôi đền bằng gạch ở vào thời đại thứ nhất. Cách trang hoàng này vốn ở Ấn độ truyền sang và thể theo lối kiến trúc bằng cây gồm có một lối vòng cung rộng mà móng phía trên có khắc hình thuẫn, hai đầu chạm tượng quỳ « Makara », giống quỳ ở

biên có vôi dài, đầu quay vào trong. Tiếp theo đấy là lối chạm theo cây cối, hình lá nhiều đến đôi xem như vòng cung biến thành nhánh cây. Cũng trong thời ấy xuất hiện lối chạm của người Java là để đầu quỷ Kalá trên mây cửa. Giống quỷ này vỗ trang cả hai tay, cũng gọi là đầu của « Rياهو ».

Trong lối mỹ thuật cổ điển, nhánh cây luôn luôn chạm theo đường thẳng hoặc dợn sóng, đôi khi bị cắt đứt ở khoảng chia tư bằng một hình nổi, và ở giữa luôn luôn có vài hình người và đầu quỷ Kalá.

Nhánh cây này nhô lên một nền lá cây chạm theo hình ngọn lửa thường nổi sau hình sư tử và sau cùng là rần nhiều đầu. Những cây mây cửa ở đền Prah Kô vào cuối thế kỷ thứ 9 có chạm rất nhiều hình người nhỏ phần nhiều khắc theo bề cao, phía trên có một tràng hoa nhỏ.

Vào thế kỷ thứ 12, người ta thấy vài cây mây cửa mà phân bộ chạm thành hình mảnh bề vò sỏ, kể đó loại này mất hẳn, trục chiều đứng trở thành trục tương xứng để chạm trở những lá cây dài theo hình ngọn lửa, còn đầu quỷ Kalá thì hạ xuống thấp hơn.

6) CỘT TRỤ VUÔNG XÂY TRONG TƯỜNG

Trước kia người ta xây cột trụ vuông bằng gạch trét hồ trộn vôi nên nhà điêu khắc không phô tài được, đến khi cột đá bần ra đời, chúng ta mới có dịp thưởng thức nghệ thuật của cổ nhân.

Cột trụ này xây bên hông cửa ra vào và đỡ cây mây cửa sắp thành hàng dài. Đầu cột và chân cột có chạy chỉ xây tròn, thân cột chạy cạnh lá thường có khắc nhiều vòng

trên tất cả bề ngang của hình chạm. Trải qua thời kỳ cổ điển, người xưa bỏ lối chạm vòng để khắc những lá nhỏ, vẽ cầu kỳ của nhà nghệ sĩ trình bày ở chỗ thêm vào những hình người và thú nhỏ.

Cùng một kiểu chạm với cột trụ có lối chạm theo đòn tay nhà, ngay chính giữa cột có một cái hoa để làm trung tâm, hai bên có hai hàng lá rủ xuống giống in nhau, kèm theo hình giữa có một cái khám tí hon khắc vòng cung, bên trong có một hình Phật hoặc một cảnh lá. Kiểu sau này thường có vào thế kỷ thứ 11. Qua thế kỷ thứ 12, giữa lúc dân chúng thích lối chạm hình cánh vật, nhà điêu khắc diễn tả nhiều cảnh sống ngoài đời ở thân dưới cột trụ, phía trên đường chỉ dưới chân.

Trong các thân cột ở đền Baphuon (thế kỷ thứ 11) hình cảnh lá trở thành hình chanh và lan hết bề mặt để dành chạm. Có khi ta thấy nhiều kiểu chồng lên nhau theo hình lục huyền cầm như ở đền Bakheng và Angkor Wath, hoặc hình miếng chĩa vào cuối thế kỷ thứ 9.

7) NHỮNG CỬA LỚN

Mỗi ngôi tháp có ba tấm cửa giả và hai cánh cửa thật. Cửa giả đục vào vách đá giống in hai cánh cửa gỗ xoay về hướng Đông, cũng có hai cánh chia đôi bằng hai nút vuông thật lớn như là tay cầm có khóa. Mặt cửa giả cũng chạm như trên cột trụ nhưng xung quanh rìa có chạy chỉ nhiều hơn.

Vào thế kỷ thứ 9, cổ nhân có chạm kiểu mặt qui ngay giữa mỗi cánh cửa, chỗ tay cầm cửa thật.



NHỮNG LỐI TẠC TƯỢNG

1) LOẠI THỦ VẬT BẰNG ĐÁ

Tượng rắn Naga là hình rắn hổ có nhiều đầu, xòe ra như cây quạt, luôn luôn số đầu lẻ từ 3 đến 9. Hình rắn gốc ở Ấn-độ truyền sang theo chuyện truyền kỳ từ lúc Cao Miên mới lập quốc là vật tượng trưng của quốc gia.

Người xưa thường dùng tượng rắn ở khắp các đền đài. Bắt đầu vào cuối thế kỷ thứ 9, ở đền Bakong, người ta tạc hình rắn nằm dài trên mặt đất, đầu ngẩng cao lên xem rất oai hùng. Kế đấy, hình rắn được nằm trên những tảng đá và đầu rắn nở to thêm như ở đền Angkor Wath và đền Prak Palilay.

Ít lâu sau, ở đền « Bantéay Samrè », thân rắn được sửa đổi giống như hình rồng, ở trên ót có một đầu quỷ Kalá và một con « chim mình người » (garuda) ở trên mỏng giữa. Trong đền « Bayon », rắn bị một con « chim mình người » thật lớn cỡi trên lưng cũng như trên sân hồ « Srah Srang », hình rắn chạm rất thô.

Ở cửa điện Angkor Thom và đền Prah Khan mình rắn được những vị Thần Deva và thần Asura ôm ở hai bên.

Hai hình rắn nối đuôi nhau ở đền Néak Pcan được chạm tằm thường cũng như rắn Mucilinda, tượng rắn xòe đầu làm cây tàn che đức Thích ca ngồi nhập định.



Tượng sư tử tạc làm người gác cửa đền, ngồi hai bên bậc thang, đúng sự thật thì không đẹp lắm. Hình dáng con thú không thấy có ở rừng Đông dương nên cổ

nhân bắt buộc phải bắt chước theo kiểu ở Ấn độ, ở Java và ở Tàu.

Trong kiểu chạm ở đền Prah Kô, vào cuối thế kỷ thứ 9, hình sư tử được tạc theo dáng ngồi quá ngắn. Sau đấy, ở đền Bakheng, dù đầu thú vẫn còn khác lạ, với cái mõm quá rộng và đôi mắt lộ ra ngoài, nhưng thân mình xem khá giống hơn nhờ có bề dài. Vào cuối thế kỷ thứ 10, người xưa tạc hình sư tử ngồi với dáng điệu nhẹ nhàng hơn; trong đền Bayon, mặt thú xem rất đủ tợn và có khi xoáy đi hết ba phần tư.

Toàn thể sư tử đá ở các thời đại đều có đuôi nằm trên sống lưng, còn sư tử bằng đồng thì không có đoạn nào.

Giống « sư tử voi », người Miên gọi là « Gajasimba » là một loại sư tử có vòi, rất ít có truyền lại.



Tượng voi không có chạm rời ra như sư tử. Chúng ta chỉ thấy hình voi khắc nổi trong vách thành hoặc lộ đầu ra ngoài mà thôi. Thường thường đầu voi được chạm trong một phiến đá nguyên.

Ta có thể kể vào loại tượng đá nổi ra ngoài; 3 đầu voi khít nhau ở góc cửa vào điện Angkor Thom, vòi buông thẳng xuống bề một chùm hoa sen.



Bò tót, tượng bò « thánh » Nandin là con vật của Thần Çiva cỡi, nằm trước cửa của vài ngôi đền thờ vị Thần này. Khi ngôi đền có 4 cửa ra vào như đền Bakheng

và Bakong, tượng bò Nandin được đề 4 góc, tượng trưng cho quyền lực của vị Thần bao trùm cả bốn phương.

Ở đền Prah Kô, có tượng bò nằm trước cửa vào duy nhất của 3 ngôi đền ở hàng thứ nhất và ở đền Bantéay Srei, Ta Keo và Chau Say Tevoda cũng có tượng bò nhưng bị gãy chân, cụt đầu, mất đuôi khá nhiều.

Bò Nandin có một cái hươu như bò u, nằm quặp hai chân trước, cổ đeo một vòng chuông nhỏ hoặc vật trang sức.

2) TƯỢNG THẦN, PHẬT BẰNG ĐÁ

Rất nhiều người phải ngạc nhiên trước số tượng Thần, Phật đầy đầy khắp các đền đài ở Cao Miên. Người Pháp đã chọn những tượng thật tốt gửi vào các Bảo tàng viện Phnom Penh, Hà Nội, Sài Gòn, bên Pháp và các thuộc địa nhất là Bảo tàng viện Guimet ở Paris. Số còn dư lại thì cất vào một cái kho.

Lối mỹ thuật của người Miên chú trọng vào việc tạo nên một hình thể. Nhà nghệ sĩ không thông cảm với thiên nhiên, không gắng sức trình bày hoạt cảnh của đời sống chỉ thích đưa ra một lối trừu tượng theo ý nghĩ huyền hoặc của mình. Việc làm của người là một sự thừa nhận tín ngưỡng do lòng tin của nhiều người chứ không phải riêng về cá nhân, mà mỗi người có thể tìm thấy sự rung động của mình ; tác phẩm thoát thai do sức mạnh của ngọn lửa trong tâm đã rung cảm, do tình trạng đồng tâm huyền bí với Thần minh. Vì thế những tượng Phật, Thần ấy thiếu vài chi tiết, mà chính người Miên không cho là quan trọng. Ngoài ra có những hình kỳ dị như Phật nhiều tay và nhiều đầu chồng lên.

Tuy vậy, chúng ta nhận thấy có nhiều tượng tuyệt tác, đánh dấu từ thời kỳ mở đầu của nền mỹ thuật Cao Miên đến thế kỷ thứ 9, lúc ấy nhà điêu khắc đã cố gắng tạc đúng theo hình người.

Những tượng đáng kể nhất là Thần Civa có 8 tay ở Phnom Da, tỉnh Takeo đã dời về Bảo tàng viện Phnom Penh giữa hai vị theo hầu Hari Hara, và nhiều tượng Thần Vishnou ở Phnom Kulên. Hai vị Hari Hara này là một vị ở đền Asram Maha Rosei, hiện thời viện Bảo tàng Guimet giữ và một vị ở đền Prasat Andet, (hiện thời ở viện Bảo tàng Phnom Penh). Một trong những đặc điểm của thời kỳ ấy là cái mũ hình ống mà ta không thấy ở nơi nào có, trong lối mỹ thuật thật trong sạch cái tánh chất hung hăng, cuồng bực của vài lối điêu khắc của người Ấn.

Vào khoảng cuối thế kỷ thứ 9, ở đền Bakong và Bakheng có vài tượng đàn bà rất đẹp mà nhà nghệ sĩ hướng về lối kiến tạo thể thức và một nghi thức tôn giáo lần lần nghiêm chỉnh và theo đúng tập tục, nhưng không kém năng lực dồi dào. Kế đến cuối thế kỷ thứ 10, vào thời kỳ Angkor Wath, cổ nhân thích tạc loại tượng nhỏ với bộ mặt dịu dàng, xinh đẹp hơn.

Qua thế kỷ thứ 12, ý tưởng khái niệm về tâm linh được chú trọng, và trong khi thân mình chạm theo kiểu còn non nớt cộm trên bộ đùi to béo, lại có thêm cách xoay về bên trái cả hai bàn chân.

Ở khắp nơi ta thấy bên cạnh những tượng Nữ thần xinh đẹp và đeo đầy nữ trang có rất nhiều tượng Phật Thích Ca ngồi trên mình rắn cuộn tròn, đầu rắn xoè như cây quạt làm tán che ở trên. Ở đền Bayon có vài tượng rất đẹp. Vài tượng Phật Bodhisattvas tạc theo hình thể những người được phong Thần cho ta thấy một nghệ

thuật đặc biệt, như tượng Prajnapârâmita ở đền Prah Khan (hiện thời ở viện Bảo tàng Guimet) và tượng Lokeçvara cũng ở trong đền ấy.

3) TƯỢNG BẰNG ĐỒNG

Người ta chỉ tìm thấy nhiều tượng bằng đồng nhỏ mà thôi. Hình dáng của tượng cũng giống như tượng đá. Vì số đồng trong xứ không có nhiều nên cỡ nhân không thể đúc những tượng lớn hơn.

Ở đền Mébon hướng Tây người ta tìm được trong 1 cái giếng 1 thân trên (đầu và ngực) thật lớn của vị Thần Vishnou đúc theo kiểu nằm, to hơn hai lần người thường và đánh dấu từ thế kỷ thứ 11. Xem kỹ tượng này ta phải nhìn nhận người Miên không phải vụng về cách xử dụng các loại kim khí, mặc dầu bằng những phương tiện thô sơ.



TẠI SAO ĐỀN ĐÀI BỊ HƯ SẬP ?

Vào khoảng cuối thế kỷ thứ 12, việc xây cất không được kỹ lưỡng như xưa gây ra một trong những nguyên nhân hư hại các đền đài. Có khi người ta cho rằng tự nhiên mà ngôi đền bị hư hoặc vì nạn chiến tranh như đền Beng Méaléa.

Trong tạp chí của Hội Địa dư Rochefort trang 161 xuất bản năm 1882-1883, có người hỏi ông Delaporte :

— « Ai đã phá hư những ngôi đền ấy ? »

— « Người ta trước nhất, kể đó là thời gian ».

Chúng tôi không chối cải diễm thứ nhất vì quả thật người ta đã phá hại rất nhiều. Nhưng chúng tôi không tin rằng họ làm như thế vì tánh thích phá hoại đồ đạc thật sự hay vì sự tín ngưỡng cuồng nhiệt bởi vì có một lý do rất thông thường là họ muốn tìm vàng lá và hột ngọc dưới các bệ thờ, nền tháp là những nơi chứa Thánh tích. Để chiếm các kho ấy, bọn gian phi không ngại ngừng gì mà không lật đổ các pho tượng, đập nát bệ thờ và dùng đến lửa nếu cần để thối những chữ T đôi bằng sắt, bầu tháo banh nền tháp ra. Bọn chúng có phải là địch quân thắng trận hay là những tên cướp thường đến viếng những nơi bỏ hoang ? Khó mà xác định được.

Nhưng dù sao, những lối phá hoại này cho ta thấy cảnh xáo trộn ở giữa tháp và chứng nhận sự chắc chắn của nền móng, chúng nó không có liên quan gì đến sự sụp đổ của ngôi đền.

Trong xứ nóng, khí hậu ẩm thấp, một ngôi đền bỏ hoang bị mưa thấm vào và loài mối làm ổ nên không sớm thì muộn sẽ bị cây cối mọc lên và đè sập,

Nhà văn sĩ Pierre Loti có viết trong quyển « Pellerin d'Angkor » đoạn này :

« Đó là cây da của cảnh hoang tàn đang làm bá chủ Angkor hiện thời (1). Ở trên Hoàng thành, trên nóc đền nó đã kiên nhẫn đục rã các lớp đá, nó tung ra khắp nơi mớ cành xanh láng chấm chấm, lổm đổm và vòm lá to rộng. Trước kia nó chỉ là 1 hột da nhỏ, nhờ gió đưa rơi xuống 1 khe chạm trên đá hay trên nóc một ngôi tháp. Nhưng sau khi nó có thể nảy mầm, thì rễ của nó như những sợi nhỏ li ti chen vào khe đá để đi xuống tới đất, và sau cùng, khi gặp rồi, lập tức rễ nở lớn ra nhờ hút chất bồi, đến ngày trở nên to kèch, bỏ chỗ này, vắt qua chỗ khác, nảy bật những vách tường thật dày từ trên xuống dưới, chừng ấy, không còn cứu vãn gì được nữa, ngôi đền phải chịu sụp đổ ».

Chúng ta có thể cho rằng cảnh hoang tàn ngày nay gây ra vì mấy nguyên nhân sau đây : những loại cây leo siết chặt tường đá, những rễ cây soi lật các chỗ nối của vách tường, những thân cây to bị gió thổi ngã trúng ngôi đền.

KINH THÀNH ANGKOR DƯỚI MẮT NGƯỜI NGOẠI QUỐC

Sau cuộc xây cất và lối kiến trúc kinh thành Angkor cùng các đền đài, chúng tôi trình bày một vài điều nhận xét của những người ngoại quốc có phận sự phải ở Angkor hoặc có dịp viếng Angkor.

Quý bạn sẽ thấy thủ đô hoang tàn này dưới thời cực thịnh, theo sự quan sát của một Tùy viên theo đoàn Sứ giả Trung quốc sang đất Miên vào cuối thế kỷ thứ 13.

(1) Ông Pierre Loti ghé Angkor vào năm 1922.

Kể qua thế kỷ thứ 16, kinh thành bị bỏ hoang hơn 150 năm, có một Đức Cha Cơ đốc giáo người Tây ban nha ghé viếng đã kể lại những gì ?

Đến thế kỷ thứ 19, một vị Giám mục Hòa lan nhìn thấy những gì ?

Và trong thế kỷ 20, một nhà khảo cổ Pháp đã giải thích như thế nào ?

1) *VỊ TỪ VIÊN SỬ GIẢ TÀU : CHÂU ĐẠT QUAN* (TCHÉOU-TA-KOUAN)

Chúng tôi có thuật rõ tiểu sử và cuộc hành trình của ông Châu đạt Quan ở đoạn « Nguồn gốc xứ Cao Miên », dưới đây là những lời họ Châu miêu tả Hoàng thành và cung điện Angkor dưới triều Vua Çindravarman Nhà Vua tức vị năm 1295, ở ngôi đến năm 1307 ; họ Châu đến Cao Miên trong năm 1296.

HOÀNG THÀNH (1)

« Vòng thành kinh đô có đến 20 dặm (li) : có 5 cửa ra vào, mỗi cửa có 2 cánh. Vách thành xoay về hướng Đông có hai cửa, ba mặt kia mỗi mặt có một mà thôi. Ngoài cửa là một cái hào to và ngoài hào có nhiều đại lộ và cầu lớn. Mỗi bên cầu có 54 tượng tạc vị Thần bằng đá ; tượng rất lớn, giống tượng các đại tướng và có vẻ mặt hăm dọa. Cả năm cửa đều giống nhau. Cột cầu toàn bằng đá và thanh cầu tạc theo hình rắn. Mỗi chú rắn có 9 đầu. Tất cả 54 tượng Thần ôm một con rắn như dè phòng

(1) Bản dịch của M. Abel de Remusat trong quyển Nouveaux mélanges asiatiques và Recueil de morceaux de critiques et de mémoires do nhà xuất bản Schuber và Heide Joff ở Paris năm 1829.

khách bộ hành đến gần. Trên cửa thành có tượng đầu Phật thật lớn bằng đá, có 5 mặt xây về hướng Tây mặt ở giữa có đội một cái mũo khảm vàng.

Hai bên cửa có nhiều đầu voi chạm trên đá. Tất cả những thành khác đều được xây tường đá lối 2 trượng (mỗi trượng 30 thước 6 tấc) khối đá rất lớn, chồng nổi thật khéo, thật chặt và khéo đến nỗi cỏ mọc không được. Tường thành không có bao lơn. Trên tường ở vài nơi người ta có trồng giống cây lớn gọi là « Kouang lang » (cây thốt nốt) cách khoảng đều nhau. Từng khoảng, từng khoảng có nhiều căn nhà cất sâu xuống hoặc phào dài nhô vào trong như một bờ đê và dày hơn một trượng. Ở mỗi phào dài có một cửa lớn ngày mở, đêm đóng, viên quan thủ môn cẩn thận không cho chó chạy vào.

Thành phố xây thật vuông và mỗi góc thành có một ngôi tháp bằng đá, người ta cấm ngặt không cho những kẻ có tội vào tháp, những kẻ này bị chặt các ngón chân. Trong một nơi ở Hoàng thành có một ngôi tháp bằng vàng, xung quanh có hai chục ngôi tháp bằng đá và hơn 100 căn nhà cũng bằng đá đều xoay mặt về hướng Đông.

Ở đây có một cái cầu bằng vàng và hai tượng sư tử cũng bằng vàng để bên mặt và bên trái đầu cầu : người ta thấy một tượng Phật bằng vàng có 8 thân mình để ở phía dưới những căn nhà về phía tay mặt. Ở phía Bắc của ngôi tháp vàng, cách lối một dặm, có một ngôi tháp bằng đồng cao hơn tháp trước nhiều mà người ta không khỏi ngạc nhiên khi nhìn thấy, dưới chân tháp cũng có lối mười căn nhà bằng đá.

Cách xa đây một dặm về hướng Bắc là cung điện của vị Quốc vương. Trong cung còn có một ngôi tháp bằng

vàng nữa. Tôi nghĩ rằng lời tán tụng của những thương gia ở xứ này trở về nói đến sự sang giàu của nước Chân Lạp là do họ thấy những ngôi tháp ấy.

Ra cửa Nam lối nửa dặm, người ta thấy một ngôi tháp bằng đá mà theo lời truyền tụng do ông Lỗ Ban (Lou Pan) cất trong một đêm (Phnom Bakheng). Ngôi mộ của ông Lỗ Ban ở ngoài cửa Nam, cách một dặm, trong một vòng thành lối 10 dặm; người ta thấy ở đó cả ngàn căn nhà bằng đá.

Hồ nước Đông ở về hướng Đông Kinh thành cách 10 dặm; hồ này có đến 100 dặm vòng quanh. Giữa hồ có một ngôi tháp bằng đá và một ngôi đền bằng đá (hồ Baray đã khô cạn và đền Mébon). Người ta thấy trong sân có một tượng Phật nằm bằng đồng, một vòi nước chảy không ngừng, từ trong rún vị Phật vọt ra.

Hồ nước Tây ở về hướng Tây Kinh thành, cách 5 dặm. Trong hồ này có một ngôi tháp vuông bằng vàng và nhiều ngôi đền bằng đá, một tượng sư tử bằng vàng, một tượng Phật bằng vàng, một tượng voi, một tượng bò, một tượng ngựa cả 3 bằng đồng và nhiều món vật khác cũng bằng đồng (Preah Reah, Néak Pean).



CUNG ĐIỆN

« Cung điện nhà Vua, nhà của các quan và những dinh thự chánh đều xoay cửa về hướng Đông. Cung điện ở về phía Bắc ngôi tháp và cây cầu bằng vàng: gần cửa ra vào có một vòng thành hoặc một hoa viên từ 5 đến 6 dặm vòng quanh; ngôi lợp phía trước cũng đúc bằng chì, còn ở những phần khác nóc cung thì bằng đất hầm màu

vàng ; cột và đà ngang thật lớn và có vẽ hình Phật : trên nóc cung có một cái tháp nhỏ tuyệt đẹp ; ở hai bên chái người ta cất hành lang đối với một cái sân ở phía trước, trong cùng có một cái nhà tròn cất theo bờ giốc. Trong chỗ thiết triều có một cánh cửa sổ mắt cáo bằng vàng ; ở bên trái và bên mặt có 2 cột trụ vuông, phía trên cột người ta đề 40 hay 50 mặt kiến xoay về hướng cửa sổ để nhìn thấp người nào đứng ở dưới.

Tôi có nghe nói rằng ở trong cung có nhiều chuyện lạ lùng lắm, nhưng có một lệnh cấm vô cùng nghiêm ngặt không cho ai thấy. Nhà Vua ngủ trong ngôi tháp bằng vàng giữa cung. Nhiều nhà tai mắt trong nước thuật với tôi rằng : xưa kia trong tháp ấy có một nàng Tiên ẩn vào hình rắn chín đầu là vị Tiên bảo hộ cho quốc gia rằng : dưới triều của một vị Quốc vương, nàng Tiên ấy mỗi đêm hiện thành một thiếu nữ và đi tìm nhà Vua để ân ái, và vì nhà Vua đã có vợ nên bà Hoàng hậu không dám vào cung trước một giờ nào đó, nhưng với hai tiếng gõ làm hiệu, nàng Tiên đi rồi, nhà Vua mới có thể tiếp Hoàng hậu hay mấy bà vợ khác ; nếu nàng Tiên không đến một đêm, đó là dấu hiệu nhà Vua sắp băng ; nếu nhà Vua vắng mặt trong cuộc hội ngộ thì người ta có thể tin chắc rằng sẽ có một trận hỏa hoạn hoặc những thiên tai khác.

Sau cung điện, dinh thự của những vị Hoàng thân và các quan cất rộng và cao hơn nhà của dân chúng ; ngoài ra tất cả đều lợp tranh, chỉ có những ngôi đền ngoài mặt tiền và những phần ở trong được lợp bằng ngói mà thôi. Những ngôi nhà của các quan Tòa cũng cao rộng sắp theo hàng của các quan ; những nhà nhỏ hơn là nhà của thường dân lợp bằng tranh, bởi vì những người này không dám dùng ngói. Nhà của các bậc trưởng giả thì cất lớn, nhỏ tùy theo sự giàu sang hay nghèo túng ; nhưng những bậc phú

hộ thì không dám làm liều cất một ngôi nhà giống như dinh thự của các quan trong triều ».



2) ĐỨC CHA TÂY BAN NHA : *GABRIEL QUIROGA DE SAN ANTONIO*

Đức Cha Antonio ngồi thuyền rời thành phố Séville (Tây ban Nha) ngày 18 tháng 7 năm 1594, và sau một thời gian ngừng ở Mỹ tây cơ (Mexico). Ngài đến Ma ni (Manille, thủ đô Phi luật tân) trong những ngày đầu tháng 6 năm 1595. Ngài giữ phận sự truyền bá giáo lý nhưng không quên phận sự về chánh trị và có một lần tham dự vào vấn đề Cao Miên. Ngài trở về Tây ban nha trong năm 1603, và ghi những kỷ niệm vào quyển sách. « Breve y verdate arelacion de los successos del Reyno Camboxa, al Rey Don Philipe, nuestro Senor Por fray Grabriel de San Antonio de la Orden de Saint Domingo » xuất bản năm 1604 do nhà Pedro Lasso ở tỉnh Valladolid.

Bản dịch dưới đây của ông Antoine Cabaton Giáo sư Trường Đông phương ngữ, đăng trong tạp chí : *Collection des Documents historiques et géographiques relatif à l'Indochine* » xuất bản dưới sự trông nom của quý ông Henri Cordier và Louis Finot. Tựa bài là : « Brève et véridique relation des événements du Cambodge par Gabriel Quiroga de San Antonio », do Đức Cha đến viếng Angkor khi kinh thành đã bị bỏ hoang hơn 160 năm. Quốc vương Cao Miên đã dời đô ở Oudong, rồi xuống Phnom Penh. Chúng ta có thể cho mấy dòng dưới đây là bản văn đầu tiên của người ngoại quốc trước cảnh hoang tàn. Từ đây đến ngày nay, lần lượt giấy, mực mới được dùng ca tụng kỳ quan độc nhất vô nhị ấy.

KỸ THUẬT ĐẶC BIỆT VỀ KINH THÀNH ANGKOR

« Trong năm 1570, người ta tìm gặp trong lãnh thổ này một thành phố mà thổ dân chưa thấy, chưa biết. Thành phố ở trên bờ biển (1) Mékong, cách xa 170 dặm. Thủy triều và nước ngập lan đến nơi ấy cũng như sông Guadalquivir đối với thành Séville.

Thành phố cất rất đẹp có một vòng tường thật dày, chung quanh đo được 4 dặm, dày 4 sải (2) và cao 4 sải, trên tường có những lỗ để bắn rất gần nhau, nơi ấy có tượng voi, beo, cọp, sư tử, phụng hoàng và chó ; có nhiều huy chương hình cái khiêng và chữ mà không ai biết, không ai nghe nói đến.

Nhà cửa cất bằng đá thật đẹp, sắp theo đường rất có thứ tự và lối kiến trúc của những ngôi nhà này; những cửa ngõ và sân, phòng trong nhà hình như của người La Mã. Người ta thấy ở đó nhiều vòi nước và kinh rạch để giữ sự sạch sẽ và từng khoảng đường người ta gặp các ngôi chùa và các sân rộng. Trên dòng sông Mékong có một cây cầu 70 cột ; cột cầu rất cao, nhưng cầu không rộng lắm. Cột cầu tiện theo hình người khổng lồ, đầu và bài tay đỡ thân cầu. Bao lơn cầu cao hơn một vare (3) có những hình tiêm tháp cách khoản và đề ở đầu cầu. Có 5 ngôi tháp trong thành phố này và ở trên một ngôi có một trái tròn bằng đồng mạ vàng.

Người Miên tìm gặp nơi này trong lúc họ đi săn u tầy. Người ta cũng gặp một trường hợp như vậy ở Castille, dưới triều Vua Charles Quint, gần đền Pena de Francia

(1) Chính là Tonlésap, Biền hồ.

(2) Sải : Brasse, đơn vị đo ngày xưa : 1 thước 62.

(3) Vare : cách đo của người Tây ban Nha ngày xưa lối 1 thước tây.

(nhà thờ cất ở Tây ban Nha ngay ở chỗ một người Pháp bắt gặp tượng Thần Nữ Đồng Trinh).

Người Miên gọi thành phố này là Angkor, có nghĩa là kinh thành có 5 ngọn núi nhọn, thể theo 5 ngôi tháp trong thành ».

3) ĐỨC GIÁM MỤC HÒA LAN : MGR PALLEGOIX

Đức Pallegoix, Giám Mục ở Mallos giữ chức Đại diện Giáo hoàng ở Xiêm, có viết trong quyển « Description du Royaume Thai ou Siam », xuất bản năm 1854 một đoạn về Angkor :

« Ở đầu xứ Cao Miên người ta thấy một cái hồ rất đẹp tên Thale Sap (Tonlésap), vòng quanh 20 dặm. Hồ có cá nhiều vô cùng. Hằng năm, khi nước giựt xuống, người ta đánh được một giống cá thật ngon : gọi là cá « Savai », đem muối với tro cây thốt nốt, thịt cá ngọt dịu dàng.

Gần bờ hồ này có cảnh hoang tàn của đền Nokor Vat (Angkor Wath). Đây là một ngôi đền thật rộng, những cột trụ, tiêm tháp và đền hoặc chùa, tất cả xây bằng đá đục chạm rất khéo ; người ta chú ý đến lối kiến trúc dị thường mà người Miên cho rằng do Thần, Thánh tạo nên chứ không phải người. Có lẽ cảnh hoang tàn này ở vào triều Vua Phra Pathum Surivong, lúc ấy có một vị tu sĩ ở Tích Lan mang những quyển kinh của Đức Thích Ca và truyền bá đạo Phật vào vùng ấy ».

4) NHÀ KHÁO CỔ PHÁP GEORGES COEDÈS

Sau khi nhận bảo hộ xứ Cao Miên, người Pháp

phải nhiều nhà khảo cổ vào tìm di tích trong vùng Angkor để lập một quyển sử đầy đủ về cuộc xây cất vĩ đại này.

Dưới đây là lối trình bày của ông Georges Coedès trong quyển « Pour mieux comprendre Angkor » bản riêng về kinh thành Angkor Thom.

TƯỜNG VÀ CỬA THÀNH

« Từ hướng Đông vào thành, ta phải đi dọc theo bờ hồ Baray 5 cây số. Kế đó là một cái cầu bằng đá bắc ngang con rạch sâu và khi đến trục của thành phố ta thấy từ 600 thước, hình bóng của một lối kiến trúc dị thường.

Xung quanh có hào rộng hàng trăm thước, kinh thành có một vòng tường màu đỏ, cao 9 thước, dài 3.000 thước bao quanh. Trước khi vô cửa, ta thấy một con đường đắp giữa hai bức tường có nền và rộng lối 20 thước, bắc ngang qua hào. Một hàng tượng đá khổng lồ ôm rắn Naga ngồi dài ở mỗi lề đường.

Nếu chúng ta tin lời ông Châu đạt Quan thì hồi năm 1296 người ta đếm tất cả 108 tượng. Mỗi tượng đo được 2 thước 65 bề cao. Những tượng ở trước ôm đầu rắn và những tượng ở sau ôm khúc đuôi có nhiều tay, nhiều đầu và cao hơn 3 thước. Ở phía trái đi vào đền, có tượng Thần Deva, vị Thần mặt mày sáng láng, bình tĩnh và kiêu căng ; ở phía mặt có tượng Thần Asura, giống quỷ mặt mày hung tợn.

Trên cửa thành có 3 ngôi tháp xây theo kiểu hành lang rộng 3 thước 50 và dài lối 16 thước. Các khung vòm bị tấm trần che kín.

Ngang lối đi và ở mỗi bên, có hai căn phòng ở trên cao đề quân canh gác đền đài. Hai cánh cửa vĩ đại

chặn bít lối đi, người ta đóng lại về đêm những tấm ván dầy ăn khớp vào vách tường, chặn cứng cửa vào khác nữa.

Trong mỗi góc cửa, ở phía ngoài và phía trong thành có 3 tượng đầu voi đục nổi, hình như cả 12 con ở 4 góc chở 3 ngôi tháp trên lưng. Voi voi cuốn bó hoa sen xem dịu dàng vô cùng Xưa kia, có tấm cửa ngăn giữa khúc mình rắn uốn cong đóng khung vòm cả hai mặt và vị Tù viên Tàu đã nói : « người ta không cho chó chạy ngang ».

Rừng cây đã mọc lẫn qua hào. Nhưng nhìn giữa tượng Thần Deva và phía trên mình rắn, người ta thấy cách 500 thước, về hướng Nam con đường song song và giống như con đường đắp thẳng vào trục Tây Đông của đền Bayon.

Ba cửa thành Yaçodarâpura (Angkor Thom) và cách kiến trúc quanh cửa đều giống một kiểu với nhau. Như vậy có tất cả 540 tượng đá khổng lồ, 16 ngôi tháp và 20 bộ mặt bề cao 2 thước.

Vòng thành dày 9 tấc xây bằng những khối đá ong đẹp đều nhau, rất vững chắc với thời gian. Phía trong có một vòng đất đắp dài từ trên đầu tường, dưới chân rộng hơn 25 thước, ở trên có chừa một đường cho quân đi canh. Ông Châu đạt Quan nói có nhiều căn nhà gác cất cách khoảng nhau cạnh đường này.

Ở bốn góc thành có bốn ngôi tháp kèm một ngôi đền nhỏ theo hình cái tàn gọi là Prasat Chrum.

Còn những hầm chứa nước, chẳng những giúp cho sự cần dùng của thành phố và trình bày cho đẹp mắt lại còn làm chỗ hứng nước mưa vì ở mặt phía Nam và gần góc Tây Nam dưới chân tường có khoét một đường cống che bằng khung vòm có cây bao lơn hai bên ».

ĐỀN BAYON

Đây là đền Bayon, trung tâm « thế giới Cao Miên » hồi thế-kỷ thứ 10, là « Ngọn núi chánh » có 50 ngôi tháp và 172 mặt người ! Theo bia đá ở đền Sdok Kak Thom thì Quốc vương Yaçovarman đặt viên đá đầu tiên ở Bayon giữa năm 880 và 910 để thỉnh vị Phật Vua : Kamrateng Jagat ta rája và hành lễ thờ phụng cá nhân, một tôn giáo mới do nhà Vua Jayavarman II bày ra lối 50 năm trước.

Bia đá ghi rằng :

« Sau khi ngôi đền xây xong, vị giáo chủ Çivacrama thỉnh « tinh phù » (Linga) để ở giữa và khi thỉnh xong, Giáo chủ cáo tri linh phù cùng nhà Vua ».

Không có một ngôi đền nào ở Cao Miên để lại cho lịch sử ngày tháng xây dựng đầy đủ và rõ ràng từ tên người kiến tạo, cách thờ phụng và linh vật được sùng bái bằng ngôi đền Bayon.

Trước đây người ta quen gọi 4 mặt tượng trên các chót tháp là mặt của Thần Brahmá. Nhiều nhà khảo cổ đã nhắc điềem sai lầm này dù ông Finot có nhìn nhận trước rằng đây là 4 mặt của Thần Çiva và chưa tên mỗi ngọn tháp là một mukhalinga, vị linh phù để trên đầu vị Thần được truy phong.

Chúng tôi đã tìm một vật tượng trưng khác là ngôi đền được xây để thờ Thần Çiva và linh vật chánh để tôn sùng là linh phù (linga), chúng tôi nhớ rằng ở Ấn độ, Chiêm thành và Cao Miên, linh phù này có vỏ bao ở ngoài. Vỏ ấy hình mục mặng làm bằng vàng, cần ngọc, có chạm mặt vị Thần trên ngoại diện, Thế nên mỗi ngọn tháp ở đền Bayon cho ta thấy như một cửa những cái vỏ ấy,

nhưng to lớn hơn, đề đúng ở trên và xung quanh linh phù đặt ở trong.



SỰ BÍ MẬT CỦA ĐỀN BAYON

Đền Bayon ở Angkor Thom là một ngôi đền bí mật đã gây cho các nhà khảo cổ một loạt bài toán có những lời giải thường trái ngược nhau.

Đền Bayon có vẻ bí mật vì bản đồ rắc rối, kết quả của sự biến hình liên tiếp, do những mảnh sân nhỏ thụt vào sâu, những hành lang tối om, hình dáng kỳ dị của lối kiến trúc, những bức hình chạm nổi có phần không thể giải thích, những khám xây trong tường trông trơn và lối xây cất các ngọn tháp có một không hai trong lịch sử ngành Mỹ thuật.

Ông Doudart de Lagrée viết trong quyển Voyage d'exploration, xuất bản năm 1873 : « Đền Bayon là một lối kiến trúc lạ lùng vào bậc nhất cho ta thấy một cảnh tượng thật dị thường ».

Ông Delaporte thấy :

« Một lối xây dựng thần tiên, một đền đài kỳ bí nhất trong các đền đài của người Miên để lại ».

Những hình chạm nổi đều khắc trên vách tường hành lang phía ngoài, và trên phần hình vuông dài của hành lang ở trong.

Thoạt mới xem ta thấy những hình ở ngoài và ở trong khác hẳn nhau, mỗi loại thuộc vào một thể giới : hình ở ngoài là thể giới của dân sự, của những chuyện lịch sử và có lẽ chuyện hiện tại. Hình ở trong là thể giới của

Thần Phật, của chuyện truyền kỳ. Tượng 4 mặt là tượng của vị Thần nào ? Câu hỏi này đã làm hao nhiều giấy mực, cả trong giới thông thái.

Trước nhất người ta đã cho đấy là tượng Thần Brahma, vì ai cũng biết rằng vị Thần Sáng Tạo có 4 mặt ; lập luận này được dân chúng đồng ý. vì những tượng 4 mặt đề trên cửa đền Ta Prohm có ghi tên :

« Ông lão Brahma ».

Lập luận này gần như được nhìn nhận đến năm 1902. Năm ấy, Tạp chí trường Bác cổ Viễn Đông có đăng bản dịch của ông Paul Pelliot về bài kỹ thuật của vị Tùy viên Tàu Châu đạt Quan đến viếng Angkor năm 1296. Họ Châu cho ta biết rằng những tượng đá đề trên cửa thành có 5 mặt, mặt ở giữa đúc bằng vàng.

Bình luận đoạn này, ông Pelliot ghi rằng : « Dựa vào bản ký ức, người ta định rằng tượng Thần Brahma 4 mặt kia sự thật là tượng thần Çiva có 5 mặt mà cái đầu bằng vàng ở trên bị lấy mất. »

Qua năm 1911, ông Louis Finot nhắc lại điểm này và kể rằng vài ngôi tháp Chăm, như tháp Bà (Po Nagar) ở Nha trang có một cục đá đề thờ giống hình linh phù, và ở nơi khác thì linh phù đều có chạm mặt người.

Ông nêu lên một thuyết, theo đấy những ngôi tháp ở đền Bayon, xây theo hình như thế, tất nhiên là một số linh phù có mặt người. dùng làm vỏ bọc ngoài, như rương cất Thành tích, để che những linh phù được sùng bái ở trong các đền thờ.

Thuyết này đứng vững ở chỗ tin chắc rằng đền Bayon là một ngôi đền cất theo Ấn độ đề thờ Thần Çiva. Nhưng rồi người ta phải bác bỏ nó vì các nhà khảo cổ

nêu ra ánh sáng : cái mi đền hình tam giác bị cái nền của khối đá xây đặt ở giữa che khuất và trình bày tượng Phật (Bodhisatta) Lokeçvara với đôi mắt mở theo đặc tính căn bản của nhà Phật ở đền Bayon. Những mặt tượng này quả là của ngành Phật giáo và chắc chắn là tượng Đức Phật Bodhisatta từ bi.

Luận đến đây, chúng tôi nghe các nhà phê bình la ó :

« Hãy xem các nhà khảo cổ của trường Bác cổ đây ! Trước một hình tượng đặc biệt như 4 mặt tháp Bayon mà các ông không thể giải thích cho chúng tôi biết là tượng của vị Thần Brahma, Thần Çiva hay Phật Thích Ca ! »

Nhưng, giữa vị Thần Brahma, đáng (Sáng tạo ra muôn loài,

Vị Thần Çiva, vị Thần ban ân huệ cho khắp vùng trong vũ trụ,

Đức Phật thần thông biến hóa không cùng,

và Đức Phật Lokeçvara có nhiều mặt, trong các ngành tôn giáo ở Ấn độ không có phân biệt căn cứ trên chủ nghĩa cá nhân,

nhà điêu khắc muốn trình bày một hình ảnh trừu tượng, ẩn dưới hình thể các đáng thiêng liêng, chứ không phải riêng một vị nào.

Nhà văn sĩ Pierre Loti đã thông cảm được ý nghĩa này qua những dòng sau đây :

« Và, trên cao mỗi tháp, bốn mặt nhìn bốn hướng, nhìn khắp nơi, giữa hàng mi dầy xuống cùng một vẻ thương hại trào phúng, cùng một nụ cười, đã xác định,

đã nhắc lại tánh vô sở bất tại của vị Thần ở Angkor ».

Vị Thần ở Angkor này, chúng ta đã biết là nhà Vua, vị Phật Vua được thụy phong hồi trước thế kỷ thứ 12, trong một linh phù bằng vàng và giữa thời đại Bayon, trong tượng Phật ấy mà người ta đã tìm thấy dưới một cái giếng sâu giữa ngôi tháp chánh.

Dù là vị Thần Brabma, mặt vị Thần Civa, mặt Đức Phật Lokeçvara tất cả đều cùng một ý nghĩa với lối trùu tượng này, và nếu người ta nhận là mặt của Đức Phật chỉ vì các đặc tính Phật giáo rõ ràng của những yếu tố khác của đền Bayon.

KẾT LUẬN VỀ ĐỀN BAYON

Theo những cuộc tìm kiếm mới đây thì đền Bayon được xây vào cuối thế kỷ thứ 12, vượt lên như một vật tượng trưng cho quả núi trên vũ trụ, cho cái trục của thế gian ở ngay giữa kinh thành, và cho tiểu thế giới mà chính ngôi đền đánh dấu trung tâm điểm cho lãnh thổ.

Những hành lang, những đền thờ và vô số Thần tượng tạo thành một Vạn Thần miếu thật sự, tổng số của những lối thờ phụng cá nhân và địa phương thực hành trong nhiều vùng ở khắp nước. Trên chót đền, trong cái trục của thế gian có tượng vị Phật Vua : Quốc vương Jayavarman VII là người kiến tạo ngôi đền, ngự ở đấy.

Những hình chạm nổi trên vách « nhắc lại » những đoạn lịch sử về đời sống của nhà Vua, để cho hậu thế thấy sự có mặt thật sự của Ngài ở ngôi đền.

Còn 4 mặt tượng chắc chắn là của Đức Phật Bodhisatta từ bi, và sự biến hóa thêm nhiều thực hiện tại

thần thông của Đức Phật Lokeçvara, vị Phật có mặt ở khắp hướng, xác định cách đóng đô khắp nơi của nhà Vua và uy lực của Ngài bao trùm khắp các lĩnh thành.

Đền Bayon, trung tâm điểm của thế giới Cao Miên, là nơi thần bí mà tất cả các lối thờ phụng địa phương trong xứ qui tụ lại, và phát xuất uy lực tối cao của vị Phật Vua đã được truyền bá khắp giang sơn ».



PHẦN THỨ BA



QUí vị đã biết qua lịch sử cuộc xây cất đền đài ở vùng Angkor và lối kiến trúc tuyệt mỹ ấy, sau đây là phần trình bày từng ngôi đền một.

Chúng tôi đưa quí bạn đi xem tất cả đền, bắt đầu từ thị trấn Siemréap vào Angkor Wath, qua Angkor Thom, quanh Vòng lớn (Grand Circuit) và Vòng nhỏ (Petit Circuit) mỗi

đền cách nhau bao nhiêu cây số, tên gọi thế nào, hình dáng ra sao, cớ nhân thờ vị Thần nào v.v... Sau hết là những đền đài ở ngoài 2 Vòng ấy như đền Banteay Srei, Phnom Kulén và Phnom Krom.

Quý vị có thể hình dung ngôi đền ở trước mắt, hoặc ngắm các ảnh kèm theo mà tưởng tượng như mình đến viếng kỳ công độc nhất vô nhị trên hoàn cầu. Rồi ngày nào có dịp ghé thăm cảnh hoang tàn, quí vị sẽ không bỏ ngỡ trước công trình vĩ đại, mà có người không có thì giờ tìm hiểu nguồn gốc ra sao ?

ĐỀN ANGKOR WATH

Đền Angkor Wath được xây dựng vào khoảng giữa thế kỷ thứ 12 do Quốc vương Suryavarman II, thụ phong là Paramavishnoulaka trông nom, và tôn thờ vị Thần Vishnou theo Balamôn giáo.

Vào đền có ba ngã đường : một, theo đại lộ tráng nhựa cẩn thận từ chợ Siemréap đi 6 cây số ngay cửa hướng Nam, một ngã theo con đường trải đá cũ kỹ gọi là đường Commaile (1) cũng cấp theo đại lộ trên về phía trái vào ngay góc Tây Nam, và một ngã từ sân bay, cách Siemréap 8 cây số đi thẳng vào cửa chánh ở hướng Tây.

Lối xây cửa chánh về hướng Tây của đền Angkor Wath trái hẳn với toàn thể các đền đài trong vùng Angkor đều xây về hướng Đông. Nhiều giả thuyết được nêu ra về sự trái ngược này, người thì cho rằng : vì địa thế bất buộc, kẻ thì bảo : vì theo lối thờ phụng vị Phật Vua.

Đền này cất theo hình chữ nhật, vòng thành chiếm một khoảng đất rộng gần 200 mẫu tính luôn cả hào nước vây quanh, bề rộng 190 thước. Bề dài của vách thành lối 1500 thước, bề ngang 1300 thước.

Trong vòng thành, ngôi đền chiếm trọn một vùng bề dài 1025 thước, ngang 800 thước (82 mẫu). Đây là một ngôi đền lớn nhất trong vùng Angkor.

Nhờ có hào nước rộng bao quanh, đền Angkor Wath không bị rừng cây mọc lấn áp và tàn phá, nên trải qua 700 năm, toàn thể vẫn còn giữ vẻ huy hoàng.

(1) Commaile, nhà khảo cổ Pháp đã tìm ra Angkor Wath vào năm 1908.

Xung quanh hào có nấc thang từ trên đường xuống mặt nước và bờ thành chạm trổ. Kéo thẳng ra, bề dài của hào đo được 5500 thước. Mặt hào bị hai con đường chắn ngang, một đường ngay cửa Đông, đắp đất cao lên khỏi mặt nước, có lẽ người xưa dùng để tải đá chở theo đường sông vào đền, và một đường ở cửa Tây lót đá bùn, dài 200 thước, rộng 12 thước, hai bên có lan can bằng đá hiện thời chỉ còn vài khoảng mà thôi. Bao nhiêu khoảng kia đều rớt xuống hào hết ráo. Phía ngoài đầu đường một mảnh sân lót đá hình chữ thập xây trên vài bậc tam cấp có tượng sư tử ngồi phía trước, hai bên có hai tượng rắn bảy đầu.

VÒNG THÀNH là một bức tường bằng đá ong thật cao ở cách hào nước lối 30 thước. Ngay giữa hướng Tây, người xưa xây một cửa ra vào rộng 235 thước, có cái cổng ba phần, xây theo hình chữ thập, hai gian ở hai đầu có nền đồ bằng phẳng để cho voi vào, ra dễ dàng và nhiều hành lang liên kết với nhau. Những ngõ khác đều có cửa giả bít lại. Loại cửa giả này chạm trổ rất khéo. Phía trên ba phần của cổng chánh có ba ngọn tháp, tiếc thay, bị sụp đổ mất đoạn trên. Đại đa số các tầng lầu kế tiếp nhau đều bị hư nát.

Những dãy hành lang có tường xây kín về phía đền và che bằng một dãy mái hiên hình bụng rắn và một trụ gạch thấp chạm hình Tiên nữ Apsara. Bề ngang của hành lang quá hẹp, vừa đúng 2 thước 2. Ngoài đền có một hàng cột vuông xây xung quanh một gian che mái hình bán nguyệt cũng cất trên loại cột y như vậy.

Toàn thể cổng chánh này đều có chạm trổ rất khéo theo cột kèo, mày cửa, trụ, vách vân vân.

Bề mặt ở hướng Đông của dãy hành lang có nhiều

cửa sổ giả chấn song tiện tròn, phía trên có một hàng dài hình chạm các loại thú.

Các cửa giả này đóng khuôn cho cái nền chạm hình những vị Nữ thần Devata đứng một mình, hoặc hai, ba vị gần nhau. Hành lang này được giữ gìn thật kỹ, ta có thể cho vào hạng tốt nhất của ngôi đền.

Còn cửa vào đền ở hướng Đông ngay con đường đất đắp ngang hào nước thì cổ nhân xây chưa xong. Hình dáng của cổng này nhỏ hơn cổng chánh. Du khách ít chịu khó băng bờ, lướt bụi đến đây để xem một chỗ gần như bỏ hoang.

Bước vào cổng chánh ở hướng Tây ta thấy ngay hình dáng ngôi đền nổi bật trong khuôn cửa vừa vặn y như một bức tranh tuyệt khéo. Hình dáng này đã nổi tiếng đẹp nhất hoàn cầu, không có một cảnh nào so sánh kịp.

Từ cổng vào đền ta phải qua một con đường dài 350 thước, rộng 9 thước 40, hai bên có xây nền, chừa khoảng giữa 8 thước.

Cổ nhân lát đá cao lên 1 thước 50 cách mặt đất, và tạc hình rắn bảy đầu làm lan can dài hai bên đường. Từ đầu đến cuối có 6 khoảng rộng ra hai bên đường và cũng để hình rắn xoay đầu ra ngoài.

Đi quá phân nửa đường, ta thấy hai bên có hai hồ nước hình vuông. Hồ ở hướng Nam có nhiều cây, cỏ mọc đầy, đến tháng nắng thì cạn khô. Hồ phía Bắc, xung quanh có bậc đá thì chứa nước quanh năm. Nếu đến góc hồ Tây Bắc ta sẽ thấy bóng đền Angkor Wath chiếu hắt xuống mặt hồ, đẹp vô cùng.

Ngôi đền xây trên một vùng đất cao, có trồng cây thốt nốt và xoài. Ngay cửa chánh có một mảnh sân cao hai bậc, đắp theo hình chữ thập, gọi là « Sân danh dự » để bày cuộc nhảy múa và dựng cộ cùng là làm khán đài cho các đấng Tiên vương xem lễ.

Phía trong là mặt thứ nhất của ngôi tiếm tháp xây ba tầng, có hành lang bao ở ngoài. Hành lang này rất hẹp nhưng chiếm gần hết bề dài của ngôi đền, hơn 1400 thước, làm thành 1 dọc khuôn liên tục đứng thẳng theo chánh diện, nơi ấy, gian đền thờ vị Phật Vua không rộng quá 5 thước mỗi bề ngang.

Dãy hành lang làm căn bản cho ngôi đền là nơi chạm trổ khéo léo vô cùng và nổi tiếng nhất vùng Angkor. Vừa bước vào cửa ta đã thấy ngay một khoảng tường đá vĩ đại ngoài có một hàng cột, trên là mái che hình khung vòm, chừa một đường rộng 2 thước 45.

Phía trên hành lang nổi bật hình ngọn tháp ở góc đền, tiếc thay bị mất phần trên chót vì bị hư sập hay cổ nhân làm chưa xong, không ai có thể đoán chắc được.

Dãy hành lang ở vòng thứ nhì nối liền với dãy trước ở góc phía Tây bằng một mảnh sân hình chữ thập có che mái. Hai dãy hành lang ở hướng Bắc và Nam rộng 2 thước 90 có hai hàng cột che về phía sân đền. Trên những phần đất trống, người xưa đào 4 cái hồ xây nền và tam cấp chạm trổ tỉ mỉ, ngày nay có chỗ còn là hồ nước, có chỗ giống như mảnh sân thấp. Những mái che khung vòm của các khoảng sân hình chữ thập đều có tẩm trần bằng gỗ khắc tai hoa sen quanh theo từng khuôn vuông dài.

Từ cửa chánh đi vào theo khoảng sân có mái che ta thấy bên tay mặt một gian phòng để vô số tượng Phật

bằng đá, bằng gỗ đủ hạng lớn, nhỏ và đủ kiểu nằm nghiêng, ngồi xếp bằng tròn. Hai bên tượng Phật lớn ở giữa có hai bàn chân đá cao 1 thước 50, rộng 7 tấc chạm từng ô vuông nhỏ, trong mỗi ô có hình mặt trăng, mặt trời, thú vật và các loại hình kỷ hà học. Gian này, người Miên gọi là Prah Péan có nghĩa « Một ngàn vị Phật. » Trước tượng có đề lư hương cho khách thập phương cùng vái.

Những tượng Phật này không có tượng nào đáng giá, có tượng mất tay, thiếu đầu, sức mẻ thân thể. Xem đoạn trên chúng ta đã biết một số vĩ đại tượng Phật tốt và quý bị kẻ có quyền « lưu » đi ngả nào rồi.

Theo phía tay trái, ngay trước mặt phòng Prah Péan, ta đi thẳng đến vách đền, vào một gian phòng hẹp, vuông vức lối 9 thước nhưng rất cao. Đó là lầu Trống, lầu Chuông. Đứng sát lưng với vách đá phía trong, ta vỗ vào ngực sẽ nghe tiếng vang dội như tiếng trống; đứng dựa vách phía ngoài ta nghe như tiếng chuông.

Từ lầu trống ta theo nấc thang lên viếng một gian phòng trống gọi là « thư viện » theo sử sách. Nơi đây ta được thấy những tầng lầu cao nhất và tuyệt đẹp của ngôi đền.

Giữa vòng thành thứ hai và thứ ba có một mảnh sân rộng vây xung quanh. Mặt tiền dài dằng dặc của sân có « hàng rào giả » và 11 nấc thang của các cổng chánh và các ngôi tháp ở mỗi góc sân. Hai « phòng sách » của đền, cất rộng theo chiều dài, có 4 cửa ra vào, nhưng chỉ có 2 cửa ngăn và nhiều cửa sổ châu song tiện tròn.

Trở lại dãy hành lang phía Bắc của mảnh sân hình chữ thập, ta thấy trong phần sân ở hướng Tây một bia đá có khắc chữ trước khi cất ngôi đền. Bia đá này

do người Pháp tìm được giữa rừng và đem vào để trong đền.

Nơi đây, ta đi về phía tay trái theo nhiều nấc thang mới sửa lại mà lên tầng lần thứ nhì. Thang này không trơn trượt như các bậc thang ở hành lang ngay giữa.

Dãy hành lang của vòng thành thứ hai rộng 2 thước 45 xây bằng vách tường đá bằng phẳng ở mặt ngoài và có cửa sổ chắn song tiện tròn ở mặt sau. Bù lại những mặt vách thiếu nét điêu khắc, cổ nhân có chạm vô số hình Nữ thần Devata với lối kết tóc và trang điểm đặc biệt lạ lùng.

Đứng dưới chân tháp ở góc Tây Bắc lúc trời nghiêng bóng, và ở góc Đông Bắc vào buổi sáng hoặc về đêm trăng tỏ ta thấy ngôi đền chánh đẹp đẽ, uy nghi không thể tưởng tượng. Ngôi đền khổng lồ này xây hai tầng cao 13 thước, tính từ nền vòng thành thứ ba.

Xung quanh đền có nhiều bậc thang dốc đứng đến 70 độ, thẳng tuột một loạt tới từng trên. Hình dáng ngôi đền xây vuông vức với 5 ngọn tháp cất theo lối ngũ diêm : ngọn tháp chánh ở giữa 4 ngọn nhỏ hơn ở 4 góc, mỗi góc 60 thước có hành lang, có xây cổng và cửa ngăn bằng cột trụ. Những hành lang này khác hơn các nơi khác được ánh mặt trời chiếu vào cả hai mặt : một mặt nhờ nhiều cửa sổ có chắn song tiện tròn, một mặt nhờ hai hàng cột trụ của một gian bên cạnh. Ngôi đền chánh ở trung tâm, cao 42 thước, được xây dựa vào sức vững chắc của bốn ngọn tháp xung quanh, vượt lên đến 65 thước, tính theo mặt đất từ ngoài cửa vào.

Đi vòng mảnh sân trên từng thứ nhì, ta có thể ngắm vài tấm mi hình tam giác của dãy hành lang xây quanh đền còn nguyên vẹn, đại khái như những tấm mi của cửa

xây về hướng Đông của dãy hành lang phía Bắc, và của cửa giữa ở dãy hành lang phía Nam. cùng là những tấm mi của các ngọn tháp ở góc đền. Những tấm được giữ gìn hoàn toàn nhất ở về phía Đông Bắc, chạm hình các trận đánh nhau. Về phía Tây có hai thư viện nhỏ, luôn luôn có 4 cửa nhưng các cửa sổ đều bít hẳn vào tường.

Hai phòng này cách nhau bằng một con đường hình chữ thập có mái chống bằng cột trụ nhỏ. Những bậc thang lên từng thứ ba không đứng quá thẳng như 11 bậc thang của tất cả ngôi đền, lối 50 độ mà thôi, nhưng du khách nào nhát gan thường dùng thang ở phía Nam có những nấc bằng xi măng cốt sắt và một cái lan can bằng sắt để vịn.

Ở từng cuối cùng, dãy hành lang xây quanh chỉ rộng 2 thước. Ta nên đi hết cả vòng hành lang này để ngắm cảnh đồng bao la và cửa vào đền.

Ngôi tam điện ở giữa tháp chánh là nơi để tượng vị Phật Vua tạc theo hình Thần Vishnou. Xưa kia, người ta để tròn bốn bề, nhưng sau này những vị tu sĩ theo Phật giáo dời Thần tượng đi nơi khác và tạc bốn tấm vách tường khắc thành « cửa giả » có hình Đức Thích ca đứng. Cửa vào tam điện ở phía Nam được nhà khảo cổ Commaillie phá vỡ trong năm 1908 và để nguyên đến bây giờ. Nhờ đấy, qua năm 1934 ông Georges Trouvé mới xuống đến giếng ở giữa đền. Giếng này sâu 25 thước đúng với mực đất của vòng ngoài của ngôi đền.

Cuộc khám phá không đem lại kết quả như ý muốn « tóm thâu kho tàng giấu dưới bệ thờ », có lẽ đã bị bọn cướp đào lấy từ lâu. Nhưng đào lần tới 23 thước, ông Trouvé gặp hai miếng vàng lá tròn 18 phân trực kính, nặng 65 gờ ram, gắn trong một khối đá ong.

Có một điều đáng phân nân là ở trên tầng cao nhất này các vị Sãi lấy vải cây cột và mây cửa ở bộ phận khác trong đền thếp vào những chỗ bị mất làm sai hẳn lối kiến trúc tuyệt mỹ của cổ nhân.



Những hình chạm trên vách chiếm một khoảng rộng một ngàn thước vuông, cao 2 thước trong dãy hành lang ở vòng thành thứ ba. Đó là không kể hai dãy ở góc đền. Nơi đây người xưa trình bày những bối cảnh trong truyện truyền kỳ và lịch sử. Hình chạm bằng thật, đục theo những nét rất nhỏ cho ta thấy các nhà nghệ sĩ này là thợ vẽ chứ không phải là điêu khắc gia. Tất cả đề tài đều rút ở các chuyện thần thoại về vị Thần Vishnou.

Chúng ta hãy xem từng chuyện một, bắt đầu từ cửa vào đền hướng Tây qua hướng Nam.



« Ở dãy hành lang hướng Tây phần phía Nam, diễn 4 câu anh hùng ca Mahābhārata của Ấn độ, về trận giặc Kuruksetra giữa quân Kauravas bên trái, và quân Pandavas bên mặt.

Hai toán quân kéo thành hàng dài đi gặp mặt nhau, trong ấy ta thấy vài tên đánh nhạc, nhiều binh sĩ đi chân không, các vị Tướng soái cỡi voi hoặc ngồi trên xe ngựa. Ngay giữa trận là một cuộc xáp lá cà dữ dội, có một con ngựa bị tên giầy chết khéo léo vô cùng. Bên trái, Tướng Bhisma cầm quân Kauravas bị tên nấp hấp hối và Tướng Drona bới đầu tóc ngay đỉnh đầu theo lối cổ điển của người Balamôn, bên mặt là Tướng Arjuna và Krishna, tên chăn ngựa có 4 tay.

Trong gian phòng ở góc Tây Nam có 12 chuyện :

Thứ 1 : ở phía trên cửa hướng Bắc ; tích Râmâyana, Hoàng tử Râma giết con nai thần tên Mârîca để cản trở không cho Chấn Râvana bắt cóc vợ là Sîtâ.

Thứ 2 : ở phân bộ Bắc tường hướng Đông ; tích Krishna cùng đi với Balarâma, đưa thẳng cánh tay mặt đỡ ngọn núi Govardhana để che chở đám mục tử và đoàn cừu tránh cơn bão táp nổi lên vì cơn giận của Thần Indra. Ngọn núi được chạm tượng trưng bằng nhiều hình miếng chĩa dính liền nhau.

Thứ 3 : ở phân bộ Bắc, tường hướng Tây : tích thần thoại về Thần Vishnou « Khuấy động biển sữa » để lấy nước amrita là linh dược trường sanh bất tử mà các vị Thần và Quỷ tranh giành lẫn nhau. Ở trên cao ta thấy trong 2 cái đĩa phép của Thần Vishnou có hình mặt trăng và mặt trời.

Thứ 4 : ở phân bộ Tây, tường hướng Bắc ; tích Chấn Râvana biến hình các kẻ chun vào phòng cung nữ của Thần Indra.

Thứ 5 : ở phía trên cửa hướng Bắc : tích Krishna hồi nhỏ kéo một cái cối đá thật nặng mà người ta trói bà mẹ nuôi tên Yacoda của ông vào. Lúc đi đường ông kéo ngã luôn hai cây cỏ thụ arjuna.

Thứ 6 : ở phân bộ Tây tường hướng Nam : tích Chấn Râvana có nhiều đầu và nhiều tay đang tìm cách lật đổ ngọn núi của Thần Çiva và vợ là Umâ đang ở.

Thứ 7 : ở phân bộ Nam, tường hướng Tây: tích Thần Çiva đang ngồi thiền định trên chót núi với vợ là Umâ ngồi bên cạnh bị Thần Âi tình Kâma bắn một mũi tên

bằng cây mía. Thần Çiva nổi giận vì bị phá rầy, dùng sét đánh Thần Kama chết trên tay vợ là Rati.

Thứ 8 : ở phía trên cửa Nam : tích cuộc ám sát tướng Pralamba và cách chữa lửa của Krishna.

Thứ 9 : ở phân bộ Nam, tường hướng Đông : tích Râmâyana. Ở trên, trận đấu gươm giữa hai anh em thù nghịch nhau : Valin và Sugriva là Vua loài khỉ, Hoàng tử Râma vào tiếp chiến giúp Sugriva là người đồng minh với mình. Râma bắn Valin chết.

Ở dưới, Valin chết trên tay vợ là Târa. Bà này đội mũ ba chòm cao lên, xung quanh có một bầy khỉ ngồi khóc. Hình Vua Khỉ chạm trở rất khéo.

Thứ 10 : ở phân bộ Đông, tường hướng Nam : hình vẽ lu mờ gần hết và không có ghi chữ để lại. Ta thấy ở giữa có một người ngồi trò chuyện với nhiều người khác ở trên có nhiều nét mặt của kẻ tu khổ hạnh.

Thứ 11 : ở trên cửa Đông : tích Krishna nhận lễ vật đem cúng Thần Indra.

Thứ 12 : ở phân bộ Đông, tường hướng Bắc : tích cuộc lễ của Nữ thần Dvâravati ở trên mặt sông, có 2 chiếc ghe chõng lên, phía trên các Tiên nữ Apsara bay múa. Chiếc ghe ở trên có nhiều người ngồi đánh cờ, ghe dưới có nhiều người giống với trẻ con. Bên phía mặt có một cái lồng gà.



Dãy hành lang hướng Nam, trong phần phía Tây là « hành lang lịch sử » riêng chiếm 90 thước bề dài, chạm những chuyện xảy ra trong triều Vua Suryavarman II, vị

Quốc vương xây đền Angkor Wath, thụy phong tên Thần Paramavishnouloka.

Phần ở bên trái bắt đầu từ hai bộ : phía trên là triều Vua, ngai vàng ngự trên núi Çivapáda. Ta có thể nhận thực ở sức lớn của ngai Vua và lối chạm trổ cầu kỳ. Phía dưới là đoàn cung nữ.

Xa xa là nơi tập hợp quân đội : các vị Tướng lãnh ở bộ trên đi xuống nhập vào đoàn chiến sĩ. Đoàn này sắp thành hàng dài, bộ binh trà trộn với kỵ binh ở mặt trước. Các vị Tướng đều có lọng che, số lọng nhiều hay ít tùy theo chức phận. Bên cạnh mỗi vị có ghi chữ giải thích rõ ràng. Tất cả có 28 bản chữ. Bấy nhiêu Tướng lãnh đứng trên mình voi uốn cong vồi hoặc cất thẳng lên cao, vây quanh nhà Vua.

Suryavarman II, vị Quốc vương đứng vào hàng thứ 12 đếm từ trái sang phải, hình vóc rất lớn, đầu đội mũ nhọn, có 15 cây lọng che, tay cầm một con dao cán cong giống như loại dao đi rừng của người Miên ngày nay.

Xa hơn chút nữa, một đoàn tu sĩ Balamôn bới đầu tóc tay cầm chuông rung. Ấy là cuộc diễn hành của vị Rájahotar hay là thầy tu của nhà Vua. Vị này nằm trong chiếc võng khiêng đi sau cái rương chứa pháp điển đựng ngọn lửa thần. Phía trước rương ấy có đoàn nhạc sĩ, bọn cầm cờ và bọn hề.

Trong phần sau cùng ở phía mặt có đoàn người Xiêm, lúc bấy giờ là đồng minh với dân Miên, ăn mặc kỳ dị : sà rông có tua dài, đầu dắt lông chim. Thuở ấy người ta gọi những chiến sĩ này là « quân dã man ».

Dãy hành lang hướng Nam, trong phần phía Đông dài 60 thước, chạm làm ba bộ về sự phán xét người chết

của vị Thần Yama (1) và hai bộ về cảnh Thiên đàng và Địa ngục. Theo 36 bản chữ ghi trên vách, ta thấy cổ nhân truyền rằng có 32 cảnh Địa ngục và 37 cảnh Thiên đàng. Những cảnh sau này được trình bày bằng những ngôi đền cất trên không, trong ấy người có phước vào ở có đầy tớ hầu hạ, và hưởng những sự khoái lạc tầm thường như ở trần gian. Xung quanh đền có nhiều Tiên nữ Apsara bay lượn. Về cách hành hạ ở địa ngục thì không có gì ghê rợn. Tôn giáo Ấn độ không trình bày các tội đầy vĩnh kiếp, cổ nhân chỉ ghi lại bằng hình những tên đao phủ to lớn và nhiều thú dữ mà thôi.

Từ phía trái, ở trên cao có hai ngã đường đi lên Trời và ở dưới thấp là đường xuống Âm phủ. Yama, vị Thần có nhiều tay ngồi trên lưng trâu truyền lệnh cho hai vị phán quan Dharma và Çriragupta dùng một cái bẫy sập bắt người có tội. Trong những lối khảo tra, ta thấy có có nhiều hình phạt không cân xứng với tội lỗi ví dụ như : kẻ sang đoạt của người bị đánh gãy xương, kẻ tham ăn bị cưa làm hai khúc, kẻ ăn trộm gạo bị đốt bụng bằng cây sắt nung đỏ, kẻ hái hoa trong vườn của Thần Çiva bị đóng đinh vào đầu, kẻ ăn cắp vật bị bỏ ngoài trời lạnh giá.

Giữa hai cảnh Thiên đàng và Địa ngục có một hàng hình Garuda, giống chim mình người chia phân biệt đôi bên.



« Ở dãy hành lang hướng Đông, phần phía Nam diên tích Bhāgavata-Pourāma là một đoạn đã sử nổi tiếng

(1) Yama : quan Tòa xử người chết giống như Diêm vương của Tàu.

trong nền nghệ thuật Cao Miên về khoảng « Khuấy động biển sữa ». Tất cả cảnh này chiếm gần 50 thước bề dài.

Theo sử sách truyền lại, các vị Thần Deva khuấy động biển sữa để lấy nước cam lộ, uống vào sẽ được trường sanh bất tử. Vì thế bọn Quỷ, Tinh, Chấn Asura rập lại đánh giết.

Trong vách chạm hình một vị Thần Avatar của Thần Vishnou ngồi trên lưng rùa, dùng ngọn núi Mandara làm trục, sợi dây là thân con rắn Vāsuki mà bọn Quỷ nắm đầu, các vị Thần nắm đuôi. Bọn Quỷ đứng về bên trái có 92 tên, đầu đội một thứ nón, còn các vị Thần đứng bên mặt có 88 vị đội mũ mukuta do ba vị cao lớn cầm đầu và ở trong cùng, phía mặt, có Vua Khỉ Hanuman, theo phe các vị Thần.

Vị Thần Vishnou tạc dưới hình người thường tên Caturbhuj, đứng chứng kiến cuộc tranh chấp. Theo lời truyền tụng thì cuộc khuấy biển này kéo dài hơn một ngàn năm, nhiều người và vật khác nhau kế tiếp ra mặt như : Bạch tượng Airavana của Thần Indra, Thần mã Uccaihoravas, đoàn Tiên nữ Apsara, Nữ thần của sắc đẹp : Lakshma.

Rắn thần phun nọc háláhala, chất độc giết người tràn trên mặt biển. Sợ các vị Thần và bọn Quỷ phải bỏ mạng nhất là bọn Quỷ vì chúng nắm đầu rắn, Thần Brahmā yêu cầu Thần Çiva uống hết nọc độc nóng giãy ấy. Uống xong, cổ Thần có một cái dấu thẹo không thể lành được.

Sau rút nước cam lồ vọt lên, bọn Quỷ ào đến chiếm nhưng Thần Vishnou hiện ra dưới hình người tên Mâyá xinh đẹp vô cùng, thâu hết nước ấy vào bình.

Ta còn thấy phía dưới chân vách có hai hàng lính

và gia nhân đứng chờ dưới các xe bò, voi và ngựa của các nhân vật trong trận đấu, một hình rắn Vāsuki bò dưới đáy biển trước khi bị khuấy động. Xung quanh rắn có đủ loại cá và quái vật dưới nước bị sóng dồi dập tan tành.

Ở đây hành lang hướng Đông, phần phía Bắc diễn tích Thần Vishnou đánh thắng bọn Chấn Asura. Đội quân của bọn Quỷ bị vị Thần cỡi trên lưng chim hình người Garuda rượt chạy tơi bời, sau một trận xáp lá cà dữ dội. Bọn Quỷ này mặt mày giống nhau, cả đến kiểu nón đội trên đầu. Về phía tay mặt có một nhóm Quỷ cỡi chim đại bàng.



« Ở đây hành lang hướng Bắc, phần phía Đông diễn tích vị Thần Krishna đánh thắng Chấn Bana. Từ trái qua mặt, ta thấy vị Thần tám tay và nhiều đầu chồng lên nhau, cỡi chim Garuda vượt đến ngọn lửa che thành trì của Chấn.

Phía sau ngọn lửa có Agni, vị Hỏa Thần cỡi con tây, Thần Agni có 4 tay. Kế đó, Chấn Bana có nhiều tay ngồi trên chiến xa do sư tử kéo từ phía mặt đi ngược lại.

Một lần nữa, Thần Krishna cỡi chim Garuda với hai tướng bên cạnh đắc thắng trở về.

Sau rốt, ở trong cùng phía mặt, Thần Krishna qui gối trước Thần Çiva ngự trên núi Kalāsa với vợ là Pārvali và con là Ganeça. Thần Çiva khuyên Krishna tha Chấn Bana khỏi chết.



« Ở đây hành lang hướng Bắc phần phía Tây diễn cảnh đánh nhau giữa Thần Deva và Chấn Asura. Nơi đây

là nơi qui tụ của tất cả các vị Thần trong lịch sử Thần thoại Balamôn, mỗi vị sử dụng binh khí nào và cỡi thú nào. Hình chạm trình bày trận đấu giữa một vị Thần đại diện cho 21 vị có mặt tại chiến trường, với một tên Chảo. Bên trong là cuộc xáp chiến của hai đám chiến sĩ.

Từ trái qua mặt, phía sau 7 nhóm dịch quân có Kubera, vị Thần tài ngồi trên vai một con quỷ Yaksha; cách hai nhóm khá xa, có Skanda, vị Thần chiến tranh có nhiều đầu và nhiều tay cỡi trên lưng con công; Thần Indra đứng trên lưng voi Airavana 4 ngà; Thần Vishnou 4 tay cỡi chim Garuda, chim này xé lét các con ngựa kéo xe bọn Chảo; tên Chảo Kálanemi có nhiều đầu chồng lên nhau, cầm đao quay tít mù; Thần Yama, quan Tòa xử người chết ngồi trên xe bò; Thần Çiva bắn cung; Thần Brahmá cỡi ngỗng thần Hamsa; Thần Surya, vị Thần của Mặt trời quăng đĩa phép và sau rốt là Váruna vị Thủy Thần đứng trên mình rắn 5 đầu có bắt yên cương như ngựa.



« Trong gian ở góc Tây Bắc, cổ nhân cũng chạm 12 chuyện giống như gian ở Tây Nam :

Thứ 1 : phía trên cửa Đông diễn tích Rámáyana về cuộc hội kiến giữa Hoàng tử Râma và người em là Lakshmana cùng với Hầu vương Sugriva đề thảo luận một bản hiến chương đoàn kết. Cuộc hội họp này nhóm trên núi Malaya.

Thứ 2 : ở phân bộ Đông, tường hướng Bắc, chạm Thần Vishnou nằm ngủ trên mình rắn Ananta, bà vợ ôm hai chân chồng. Phía trên có nhiều Tiên nữ Apsara bay lượn; phía dưới có một đoàn 9 vị Thần đến yêu cầu

Vishnou cho phép hóa thân xuống phàm trần. 9 vị ấy là : Surya ngồi trên xe ngựa, Kubera ngồi trên vai một con quỉ Yaksha, Brahmā cỡi ngỗng Hamsa, Skanda cỡi công, một vị Thần cỡi ngựa không có đề tên, Indra cỡi Bạch tượng, Yama cỡi trâu, Çiva cỡi bò tót Nandin và một vị Thần cỡi sư tử không có đề tên.

Thứ 3 : ở phân bộ Đông, tường hướng Nam, tích Thần Krishna mang ngọn núi Maniparvata trở về. Vị Thần cỡi chim Garuda với bà vợ Satyabhâmâ dẫn đầu đoàn quân chiến thắng và đả tử huyệt xác tên Chấn Naraka bị Thần giết. Ngọn núi chạm ở phía sau vị Thần.

Thứ 4 : ở phân bộ Bắc, tường hướng Đông, chạm cuộc trò chuyện trong một đền Vua. Ta thấy phía dưới hai người ngồi đàm luận có hai người đàn ông nằm sấp và trong nhiều bộ phận khác có những cảnh đẹp trong khuê phòng cung nữ.

Thứ 5 : ở phía trên cửa Bắc, chạm tích Râmâyana một cảnh rừng núi, con Quỉ khổng lồ Virâdha định bắt cóc Công chúa Sitâ, bị Hoàng tử Râma và Lakshmana bắn tên.

Thứ 6 : ở phân bộ Bắc tường hướng Tây, diễn tích Râmâyana cảnh Hoàng tử Râma dõng Công chúa Sitâ sau khi được giải cứu để xem sự thành thật và trong sạch của nàng. Gần đông cũi đang cháy, ta nhận thấy bóng của Hoàng tử Râma, Lakshmana, và 2 vị Hầu vương Sugriva và nàng Công chúa Bì che khuất trong khói và lửa.

Thứ 7 : ở phân bộ Tây, tường hướng Bắc, chạm tích Râmâyana, sau một trận chiến thắng, Râma ngồi xe Pushpaka trở về thành Ayodhya. Cỗ xe này chạm trở rất tốt, do một bầy ngỗng Hamsa kéo chính là của Thần Kubera bị Chấn Râvana ăn cắp. Kế đó một dãy hình chạm theo

bề đứng : nhiều con khỉ tỏ vẻ hân hoan trông rất khôi hài.

Thứ 8 : phía trên cửa Tây, chạm tích Rāmâyana. Giữa một bầy khỉ, Rāma có Lakshmana đi theo kết giao với Chấn Vibhisana. Vị này phản bội người anh là Chấn Ravana đã bắt tay với bọn Quỷ đánh Rāma.

Thứ 9 : ở phần bộ Tây tường hướng Nam, chạm tích Rāmâyana, cuộc đàm thoại giữa Công chúa Sita bị Chấn Ravana bắt cóc, cùng Hầu vương Hanuman giữa một khu rừng nhỏ. Nàng Sita ngồi cạnh cô gái tên Tryatā là người có lòng tốt đối với nàng. Công chúa trao cho Hầu vương Hanuman chiếc nhẫn để đưa cho Hoàng tử Rāma tin rằng Hầu vương có lên đến giáp mặt Công chúa. Phía dưới có nhiều hình phụ nữ.

Thứ 10 : ở phần bộ Nam, tường hướng Tây, diễn tích nào không có lời ghi chú. Ta thấy ở phần trên, hình Thần Vishnou có 4 tay ngồi nhận lễ của đoàn Tiên nữ Apasara yêu kiều bay lượn đèn.

Thứ 11 : ở phía trên cửa Nam, chạm tích Rāmâyana, Hoàng tử Rāma và Lakshmana đánh với Chấn Kabandha. Vị này thân thể rất lớn, ngực rộng vô cùng, không có đầu nhưng có một cái mặt trước bụng.

Thứ 12 : ở phần bộ Nam, tường hướng Đông, chạm tích Rāmâyana cuộc bắn cung thi, Hoàng tử Rāma ở giữa được trúng giải. Tại triều Vua Janaka, bên cạnh Công chúa Sita trang sức huy hoàng. Hoàng tử Rāma oai dũng buông mũi tên vào con chim đậu trên bánh xe. Phía dưới có một hàng sĩ tử đứng chờ đến phiên mình.



« Trong dãy hành lang hướng Tây, phần phía Bắc, cổ nhân chạm trổ Lanká (Tích Lan) là đoạn sau cùng của tích Râmayana. Trong trận này, Hoàng tử Râma hợp với Vua Khỉ đánh thắng bọn Chấn cứu Công chúa Sitá. Giữa tường, một tên Chấn khổng lồ có mười đầu và hai chục cái tay đánh với vị Thần cỡi khỉ đột. Ta có thể phân biệt hai phe đối thủ một bên là Râma đứng trên vai Hầu vương Hanuman bị nhiều mũi tên phóng tới, phía sau có em của Hoàng tử là Lakshmana và Chấn Vibhisana cả hai đứng im lìm, một bên là Chấn Râvana có nhiều tay và nhiều đầu chồng chất lên nhau đứng trên chiến xa do sư tử kéo. Chính giữa hai phe có con khỉ tên Nila đang nổi giận quăng một địch thủ vừa bị nó giết chết lên đầu mấy con sư tử kéo xe. Một con khác tên Angada, con của Chúa Khỉ Valin nhờ bật một cái ngà của một con voi đội mũ mukuta có ba góc nhọn và đâm vào mình voi, một lượt với tên Chấn đang cỡi trên lưng nó. Trong xa về phía mặt, có một con khỉ khác dùng hai chân đánh bật hai con quỉ. Ngoài ra có nhiều trận xáp chiến khác tương tự như thế.



ĐỀN TA PROHM KEL

Cách cửa chánh đền Angkor Wath 300 thước về hướng Bắc, trên đường vào đền Angkor Thom, bên tay trái có đền Ta Prohm Kel xây bằng đá bùn và bị hư hại rất nhiều.

Đền này cất vào khoảng cuối thế kỷ thứ 12, do Tiên vương Jayavarman VII, thụy phong là Mahāparamasangata-pada, thờ đạo Phật.

Nhờ cuộc tìm kiếm trong năm 1928 gặp một tấm bia ghi bản chữ của Quốc vương Jayavarman VII về những nhà thương của Ngài, ta có thể cho rằng ngôi đền nhỏ bé này là một trong những ngọn tháp của 102 đường đường do nhà Vua thường đề tâm đến việc xã hội xây cất. Trong bia đá ở đền Ta Prohm có ghi sự tích này.

Mặt khác, ông Coedès viết rằng : « Đền Ta Prohm Kel có dính dáng đến truyện ông Poná Krek vị hành khất bại絮, mà hai chân bị cứng khớp xương của ông nhờ Thần mã của vị Thần Indra kéo ra tại nền của ngôi đền. Sau đó ông cỡi ngựa bay lên trời ».

Vào đền, qua vài phiến đá có chạm trổ, ta nhận thấy bình Đức Phật Lokeçvara, vị y sư, kế đó là một gian phòng nhỏ rồi tới chánh điện. Điện này chỉ còn có một từng chánh còn nguyên vẹn mà thôi. Ngôi đền xoay cửa về hướng Đông, có ba cánh « cửa giả » và xây trên một tảng đá thật lớn làm nền. Tảng đá này có chạm trổ rất khéo. Một rãnh nước từ trên vách phía Bắc chảy xuống, được gọi là rãnh nước cam lộ hoặc « somaçuna ».

Lối chạm trổ tuy có vẻ phần lượng nhưng thiếu về phẩm đều theo kiểu ở đền Bayon, lấy căn bản ở hình các vị Thần Devata khắc trên hàng cột ở góc đền.



NGÔI ĐỀN BAKHENG

Cũng trên đường vào Angkor Thom, cách đền Ta Prohm Kel 1000 thước về hướng Bắc, ta thấy bên tay trái một ngọn đồi bề cao lối 60 thước, cách bờ lộ một khoảng gần. Đó là ngọn đồi Bakheng trên ấy có đền Bakheng của Quốc vương Yaçovarman I, thụy phong là Parama-çivaloka xây cất vào năm 900 để thờ Thần Çiva theo Bàlamôn giáo. Nơi đây là trung tâm diềm của kinh thành Angkor thứ nhất (gọi là Yaçodharapura), chu vi lối 16 cây số vuông bao trùm cả đền Angkor Wath hiện thời.

Trước kia, các đấng Tiên vương đóng đô ở thành Hariharālaya (đền Roluos ngày nay) dưới đồng bằng.

Đến năm 889, Quốc vương Yaçovarman tìm vùng cao nguyên để xây kinh đô gọi là trên đỉnh núi « Meru », ngọn cao sơn của các chư Thần cư ngụ và ngọn sông Gangā, mới chọn đền Bakheng và sông Siemréap làm nơi đóng đô.

Ngay lẽ đường, ta thấy 2 tượng sư tử ngồi hai bên lối đi, tạc rất khéo. Từ đây ta có 2 cách lên đồi. Một là đi thẳng theo con đường dốc, hai là theo con đường chữ chi phía bên trái dễ đi hơn. Đường này người ta đắp cho voi chở du khách lên xem ngôi tháp.

Trước mặt đền lối 100 thước có 2 linh phù bằng đá và một cái dấu chân Phật in xuống nền đá sâu lối 4 tấc, dài 1 thước 50 ngang 7 tấc. Linh phù là một khối đá tròn hoặc vuông bình ống, trên dấu tròn và láng, tương truyền là dương vật của Thần Çiva.

Dấu chân Phật được che bằng một mái ngói và đắp xi măng thành bờ xung quanh. Trên dấu chân có chạm từng ô vuông, trong mỗi ô có hình mặt trời, mặt trăng, hình Thần, Phật, thú v.v., giống như 2 dấu chân đá trong

đền Angkor Wath. Bên cạnh dấu chân có chỗ cắm nhang để du khách tiện bề cúng vái.

Vào đến chân đền, ta thấy có hai ngôi tháp nhỏ bằng đá ong, trong tháp có tượng Phật, lư hương. Cửa tháp đều xây về hướng Tây. Nơi đây, có lần nhiều nhà tu hành Việt Nam trú ngụ một thời gian khá lâu.

Ngôi đền xây 5 tầng trổ trui chồng lên nhau, mỗi tầng nhỏ bớt lần. Dưới chân tầng chót bề dài 67 thước, chân tầng trên cao có 47 thước. Bề cao của 5 tầng là 13 thước. Mỗi tầng có nấc thang thẳng đứng 70 độ và có tượng sư tử ở mỗi chặng và nhiều ngôi tháp nhỏ ở mỗi góc đền. Đến tầng trên, ngay giữa có 1 ngôi tháp lớn còn nguyên nóc và 4 tháp ở 4 góc mất đầu. Có lẽ 4 ngôi tháp này bị bọn lưu manh phá đồ để tìm kho tàng cũng như dưới chân phía sau đền có nhiều ngọn tháp xây bằng gạch cũng bị phá hư. Những ngọn tháp này xoay cửa về hướng Đông và có ngọn thêm một cửa về hướng Tây. Tất cả có 44 ngọn sắp một hàng dài xây trên 36 nền đá vì có vài ngọn gần nhau chung vào một nền. Theo sử sách thì có nhiều ngôi tháp bị hư sập mất cả dấu vết.

Ngôi tháp chánh được xây kỹ lưỡng nhất là nơi phụng thờ vị Phật Vua. Tháp có 4 cửa xây theo 4 hướng và ở dưới chân tháp ta thấy còn 3 tượng (trong 4) bò tót thần tên Nandin là linh vật của Thần Çiva cỡi để vị Phật Vua có thể cỡi bay đi khắp 4 phương trời. Ngay giữa tháp có một cái giếng cạn mà người Pháp đào xuống 2 thước thấy có một cái bồn bằng đá hình chữ nhật dài 1 thước 40, ngang 8 tấc, cao 7 tấc 2, có khoét một lỗ tròn dưới đáy. Đây là cái hồn (1) đựng xác nhà Vua để làm lễ

(1) Chúng tôi có nói rõ vấn đề này ở phần thứ nhất. Bây giờ linh phù không còn nữa, chắc chắn là bọn lưu manh đào giếng tìm vàng đã quặng mất từ lâu. Du khách chỉ thấy một nền đất bị đào xới mà thôi, tuyệt không còn gì cả.

trước khi an táng và chôn luôn giữa tháp, phía trên đề linh phù.

Ở bốn góc đền có 4 cái bệ đá dựng 4 linh phù bằng đá. Hình dáng bệ này giống như thớt dưới của cối xay bột của người Việt nhưng mặt trên lại vuông vức, giữa một cạnh có xẻ một đường mương. Linh phù đề ngay giữa, đầu trên tròn và hình dáng của cổ nhân làm thế nào không hiểu chỉ thấy ngày nay người ta đập bỏ và trét một lớp xi măng lên.

Theo thuyết Bà-la-môn, thì ngày xưa các tu sĩ đổ nước rửa linh phù cho tín đồ hứng dưới đường mương mà uống, tắm và rửa mặt để tiêu trừ bình tật.

Trên cánh cửa phía Đông của cổng vào tháp hương Bắc có ghi một bản văn đề niên hiệu Quốc vương Jayavarman V (968-1001) thuật cuộc xây cất đền này của Quốc vương Yaçovarman.



ĐỀN BAKSEI CHAMKONG

Cách đền Bakheng 150 thước về hướng Bắc, dọc theo đường vào Angkor Thom bên phía trái có ngôi đền Bakei Chamkrong nhỏ nhắn, xây giữa đám rừng cây theo hình tiêm tháp có nấc thang bằng gạch và đá ong. Những vật liệu này được thông dụng nhất ở thế kỷ thứ 14.

Đền Baksei Chamkrong nghĩa là « con chim nấp dưới đôi cánh của nó », do Quốc vương Rajendravarman thuy phong là Çivaloka xây năm 947 thờ Thần Çiva. Trước kia, quanh đền có một vòng tường gạch, nhưng bây giờ đã tiêu tan gần hết. Bề dài mỗi chân đền là 27 thước, bề cao tới đỉnh 15 thước. Đền xây bằng đá ong 4 tầng, mỗi tầng cao thì nhỏ bớt lần ; tầng trên hết cất theo nóc tháp. Quanh đền có bốn bậc thang thẳng dốc tuột lên tới trên và nấc thang rất hẹp, khó đi vô cùng.

Ngôi tháp chánh xây bằng gạch không trét hồ, rộng 8 thước mỗi chiều cất trên một tầng đá bùn có chạm trổ chỉ chừa bốn bên một khoảng dư nhỏ mà thôi. Tháp xoay cửa về hướng Đông, ba mặt kia là « cửa giả » chạm trên tường. Chỉ có hàng cột nhỏ và cây mây cửa làm bằng đá.

Lối chạm trổ quanh tháp rất công phu và khéo léo. Giữa tháp có một tượng Phật nằm dựa vào vách phía trong.

Trên các cánh cửa có ghi chữ đề niên hiệu triều Vua Rajendravarman và ngày xây cất ngôi đền trong năm 947, có chạm hình Thần Çiva phết vàng.



ĐỀN THMA BAY KAEK

Ở giữa đền Baksei Chamkrong và bờ hào thành Angkor Thom có đền Thma bay Kaek nghĩa là « phiến

đá dề gạo cho qua ăn », xây cách xa đường cái 125 thước về hướng Tây. Đền này cất vào thế kỷ thứ 10 để thờ Thần Civa. Ta phải đi vào bằng con đường mòn ngay đầu lộ ở cửa Nam Angkor Thom.

● Đền xây bằng gạch theo hình tháp, khuôn cửa bằng đá bùn, hiện thời đã hư sập gần hết. Phía trước đền về hướng Đông có một mảnh sân có bậc tam cấp bằng đá ong xưa kia có lót một lớp đá bùn mỏng.

Trong lúc người Pháp tìm kiếm kho tàng có gặp dưới nền đá ngay chánh điện một kho cũ chưa bị ai đào xới đựng 5 miếng vàng lá sắp theo hình ngũ diêm. Miếng lớn nhất ở chính giữa có khắc hình con bò tót đứng. Đó là bò thần Nandin của Thần Civa cỡi.

● ĐỀN PRASAT BEI

Cách đền Thma bay Kaek 175 thước, cũng theo con đường mòn ấy, nghĩa là cách đại lộ 300 thước về hướng Tây ta thấy đền Prasat Bei (1).

Đền này có 3 ngôi xây bằng gạch, sắp hàng dài theo hướng Tây Nam, và xoay cửa về hướng Đông, cùng đứng trên một cái nền cao có vách tường bằng đá ong bề dài 24 thước, ngang 9 thước 60. Ngôi tháp ở hướng Bắc cất chưa xong, giống như tháp ở hướng Nam chỉ xây đến cây mây cửa mà thôi.

Trong ngôi tháp chính giữa có chạm hình Thần Indra cỡi voi ba đầu ở ngay cây mây cửa và giữa tháp có một bệ đá dựng linh phù Cây mây cửa của tháp hướng Nam có chạm hình Thần Indra nhưng con voi có 1 đầu, còn cây mây cửa của tháp hướng Bắc chưa có chạm gì cả.

(1) ba ngôi đền thờ.

KINH THÀNH ANGKOR THOM



ANGKOR Thom là kinh đô của Quốc vương Jayavarman VII, thụy phong Mahâparamasangata pada xây dựng vào cuối thế kỷ thứ 12. Trong thành có đền Bayon thờ vị Phật Vua. Đền dài, cung điện xưa kia cất bằng gỗ, lợp ngói nên bị hư sập không còn di tích gì cả, chỉ còn những đền thờ và nền móng bằng đá mà thôi. Nhưng không phải vì thế mà lối kiến trúc tuyệt kỹ không còn lưu lại vẻ hoàn mỹ, chúng ta có thể thưởng

thức từ ngoài cửa thành lần vào trong và ngắm kỹ từng ngôi đền một.

VÒNG THÀNH

Tính từ cửa đền Angkor Wath đến mặt phía Nam thành Angkor Thom ta phải theo đường bộ 1700 thước về hướng Bắc. Vòng thành xây theo hình vuông mỗi chiều dài 3.000 thước, bề mặt là 900 mẫu. Thành cao 8 thước,

xây bằng đá ong, phía trên có một cái bao lớn chứa lỗ hồng để đặt súng, phía trong có đắp đất thành một con đường vòng quanh.

Ngoài thành có hào nước rộng một trăm thước bao bọc, ngay 5 cửa ra, vào có đắp đường có nền đá chắn ngang. Sở nước chứa trong hào hình như rút ở hồ Beng Thom trong thành hướng Đông Bắc Tây Nam. Hồ này thông thương với hào ở ngoài bằng 5 lỗ cống chui ngang nền đất và vách thành.

BỐN NGÔI THÁP PRASAT CHRUNG

Ở mỗi góc thành có một ngôi tháp nhỏ gọi là Prasat Chrung, trong tháp có một bia đá ghi cuộc xây dựng kinh thành của Quốc vương Jayavarman VII chép rằng :

« Ngọn của ngôi tháp Jayagiri đụng đến nền trời xanh và chân tháp Jayasindhu chạm đến thế giới của Long Vương dưới đáy biển ». Cờ nhân dùng lối tượng trưng so sánh những vách thành là núi và hào nước là đại dương.

Mỗi tháp có một tháp thờ bằng đá bùn xây theo hình chữ thập, trở cửa về hướng Đông, có hai lớp nóc chạm hoa sen. Mặt tường ngoài có chạm hình Thần Devata trong những khám xây hủng vào, và có nhiều « cửa sổ giả » chắn song tiện tròn, thỉnh thoảng vài cửa có treo bức sáo ở ngoài. Về hướng Đông cửa tháp, cờ nhân xây theo hình vuông để bia đá, bốn mặt đều để trống, trên nóc xây theo hình vòng cung. Xung quanh tháp chỉ có một cửa ra, vào ngay hướng Đông.



CÁC CỬA THÀNH ANGKOR THOM

Kinh thành có 5 cửa ra, vào. Bốn cửa chia đúng 4 phần của bề mặt thành phố bằng 4 con đường rộng đắp theo hình chữ thập, trung tâm điểm là ngôi đền Bayon. Cửa thứ năm ở mặt thành hướng Đông, mở ngay con đường rộng bằng 4 đường kia, đi thẳng vào cửa chánh đền Bayon. Mỗi cửa có một cổng thành xây hình ba ngọn tháp, mỗi ngọn có bốn mặt Phật vĩ đại.

Trước khi vào đến cửa thành bằng khoảng đường đắp có nền đá, ta thấy hai hàng tượng đá thật lớn, mặt mày hung tợn ngồi ôm hai con rắn 9 đầu. Ở cửa hướng Nam chỉ còn một hàng tượng đá bên tay trái, còn hàng bên mặt đồ nát gần hết.

Vị Tùy viên Sứ giả Tàu: Châu đạt Quan thuật rằng: *« Ở hai bên đường có 54 vị Thần bằng đá, to lớn và hung tợn. Hai bao lớn bằng đá tạc hình rắn 9 đầu. Cả 54 vị Thần ôm mình rắn có vẻ như giữ rắn lại không cho lủi trốn ».*

Theo sự nhận xét của 2 nhà khảo cổ Coedès và Paul Mus thì hai tượng đá hình rắn này tạc theo lối tượng trưng cho hai chiếc cầu vòng, tương truyền theo lịch sử tôn giáo Ấn độ là cái gạch nối giữa người phàm với cảnh Phật. Người phàm ở ngoài vòng thành, cảnh Phật là phía trong. Các nhà kiến trúc tạc thêm hai hàng tượng: một bên là những vị Thần Deva, một bên là Quỷ Asura để diễn tích « Khuấy động biển sữa » hầu rút nước cam lộ. Mặt biển là hào nước, dãy núi để làm trục là bờ thành và cổng thành. Tác động này đem lại cho quốc gia sự Chiến thắng và nền Thịnh vượng.

Hiện thời chỉ có hai hàng tượng Thần và Quỷ ở cửa

phía Đông, gọi là cửa Thăng trạn và cửa hướng Bắc còn nguyên vẹn. Ta có thể nhận rõ nét mặt hung tợn của bọn Quỷ và vẻ hiền từ, vui vẻ của các vị Thần.

Cả 5 cổng thành đều xây một kiểu, ngày nay bị hư sập khá nhiều. Hai cửa Bắc và Nam chạm trổ chưa hoàn toàn. Cửa hướng Bắc và « cửa của kẻ tử hình » ở hướng Đông, ngay cửa chánh đền Bayon còn tốt gần toàn diện. Ở cửa Tây, những hình mặt Phật còn giữ vẻ đẹp y nguyên.

Nền đất đắp phía sau tường cao 7 thước, dày 3 thước 50. Trước kia, gần bên cửa ra vào, người ta có gắn cửa đề đóng ban đêm. Cửa làm bằng gỗ, hai cánh đặt trên trục. Bây giờ ta còn thấy những lỗ đục trong vách là chỗ đề cây thông hồng chắn ngang.

Cổng thành xây bằng đá bùn, cao 23 thước có ba ngọn tháp sắp hàng ngang. Ngọn chánh ở giữa có hai mặt Phật, một xây ra ngoài, một xây vào trong, hai ngọn ở hai bên, mỗi ngọn chỉ có một mặt xây ra ngoài, hình dáng nhỏ hơn. Toàn thể 4 mặt tạc giống tượng Bayon, có nghĩa là uy quyền của nhà Vua tỏa khắp 4 phương trời.

Dưới 4 góc tháp, mỗi góc có tượng voi 3 đầu bằng đá, thông vôi thẳng xuống làm cột, vôi voi bẻ một chùm bông sen. Ấy là Voi của vị Thần Indra cỡi mà ta thấy ở cửa Thăng trạn, về hướng Đông có hình Thần ngồi giữa hai nàng Tiên Apsara, tay cầm lưới tầm sét Vajra.

ĐỀN BAYON

Từ cửa Nam đi vào, ta phải qua một khoảng đường 1500 thước mới tới đền Bayon. Cửa chánh của ngôi đền xây về hướng Đông ngay đó là con đường đi thẳng ra « cửa của kẻ tử hình ».

Trước đền có một cái nền đá cao có tam cấp và nhiều tượng rắn 7 đầu, tượng sư tử. Toàn thể ngôi đền chiếm một khoảng đất dài 160 thước, ngang 140 tính ngay vòng thành thứ ba, chỗ có hình chạm trên vách đá. Trên một tòa chõng chất những phiến đá đủ cỡ có 50 ngọn tháp 4 mặt Phật, xây từ dưới thấp lần từng bậc lên cao ở ngay giữa. Trong ngọn tháp chánh có thờ tượng vị Phật Vua gọi là Devarâta của những ngôi đền cất trên núi theo phái Bàlamôn, tạc hình Quốc vương Jayavarman VII ngồi trên mình rắn khoanh tròn. Tượng này tìm được trong năm 1933 dưới lòng đất sâu 14 thước, ngay ngọn tháp ở giữa, bề cao 3 thước và bị bể làm nhiều miếng. Đến năm 1935, Quốc vương Sisowath Monivong sửa lại hoàn mỹ và để thờ trên nền một ngôi đền bị sụp đổ cạnh đường ra cửa Thăng trập, gần công trường Hoàng gia Angkor Thom. Quốc vương có cất một mái ngôi để che tượng Phật.

Đền Bayon có dãy hành lang bao xung quanh ở vòng thành thứ ba. Mỗi góc thành có một gian phòng chạm trổ tỉ mỉ. Kế đó là một mảnh sân hẹp chạy vòng quanh. Ở hướng Đông có hai căn phòng gọi là « phòng chứa sách » xây cao lên, rồi đến dãy hành lang của vòng thành thứ hai có bốn ngôi tháp ở 4 góc, và 3 ngôi tháp ở khoảng giữa ba góc kia, còn ngôi ở giữa xây thành cổng chánh. Vào vòng thành thứ nhất có một dãy hành lang xây từng đoạn hình chữ thập có 4 ngọn tháp ở 4 góc và 4 mảnh sân nhỏ hình thước thợ. Cách đấy một khoảng rất gần có một cái nền đá vĩ đại chỗ một khối đá không lồ có 50 ngôi tháp mà ngọn cao nhất đến 43 thước.

Về phía Đông của nền đá có một loạt phòng nhỏ cất bằng đá nằm theo chiều dài. Ở bốn phía cửa nền có bốn bậc thang đưa lên, phần nhiều đều dốc đứng và trơn

trợt. Bây giờ người ta phải trét thêm xi măng từng bậc mới dễ đi.

Vào đền theo cửa chánh (hướng Đông) ta đi giữa hàng cột của cổng đền xây theo hình chữ thập ngay vòng thành thứ ba. Ở phần dưới hàng cột, ta thấy nhiều hình Tiên nữ Apsara tay cầm bông sen múa nhảy, khắc trong những cái khám đục sâu vào thân cột. Ở đây, quanh qua phía trái, ta vào trong dãy hành lang có chạm bình nổi và đi thẳng qua cổng phía Nam. Hành lang này có một gian giữa xây cạnh một bức tường phẳng mặt bề cao 4 thước 50, bên kia là hai hàng cột chạy dài. Các hình chạm chiếm hết 3 thước 50 bề cao của mặt tường. Ngắm những bình trên mặt tường Đông Nam, ta có thêm điều lợi là qua mỗi cửa dọc theo hành lang, ta được ngắm toàn diện ngôi đền theo mỗi cạnh khác nhau.

Tại gian phòng ở phía Nam có một tượng người lưng gù. Ngoài cửa phòng, về hướng Bắc, cở nhân có khắc một hàng Tiên nữ Apsara thật lớn. Tại đây ta đi qua mảnh sân bao vòng quanh mà vào ngôi tháp xây làm cổng của dãy hành lang quay về tay mặt ngay giữa ngôi tháp, ta theo dãy hành lang thẳng về hướng Đông đến ngôi tháp ở góc Đông Nam sẽ thấy một tượng Phật ngồi trên mình rắn bảy đầu khoanh tròn, đầu rắn cất cao làm cây tán che đầu Đức Phật.

Thẳng qua hướng Bắc ngay ngôi tháp này ta đi trong dãy hành lang xây theo hình chữ thập từng chặng, phía ngoài có một mái hiên phần nửa hình khung vòm.

Đến mảnh sân nhỏ hình thước thợ ở góc Đông Nam, và đi qua ngôi tháp phía Nam của ba ngôi xây gần nhau ấy là ta đã đi hết vòng thành thứ nhì, ta thấy ngay bậc

thang thứ nhất ở bên trái đưa lên sân thượng của ngôi đền.

Trên sân ta đi quanh quần thể đền, tha hồ ngắm hàng 50 tượng 4 mặt cao, thấp và lớn, nhỏ khác nhau, bề cao của mỗi mặt từ 1 thước 75 đến 2 thước 40. Toàn thể nền sân xây theo hình tròn có hơi bầu dục một ít, đường trực kính dài 25 thước. Đây là một lối kiến trúc ít có đối với người Miên.

Ngôi tháp ở giữa cao hơn hết, có lẽ ngày xưa được sơn màu vàng. Theo lời vị Tỳ viên Sư giả Tàu Châu đạt Quan đã thuật trong tập ký ức, bây giờ ta còn thấy dấu của loại sơn dính ở kẹt đá nhưng màu đã biến thành đen.

Trong tháp tối om không có cửa cho lọt ánh sáng vào, là nơi để thờ tượng vị Phật Vua. Tượng này bị đập bể và chôn dưới giếng cạn mà chúng tôi có thuật ở đoạn trên. Gian phòng để tượng Phật hình tròn, đường trực kính 5 thước, xung quanh về phía ngoài có một hành lang hẹp. Vào tháp, ta phải theo cửa Đông, dưới một loạt phòng nhỏ xây hình chữ thập. Hai bên tháp, cách nhau khá xa, có hai gian phòng chứa sách y như ở các đền khác. Gần gian ở hướng Bắc, phía góc Đông Bắc, trên khoảng tường xây thụt vào có cái mi hình tam giác chạm hình vị Phật Lokeçvara đứng thẳng, còn tốt vô cùng.

Trở xuống dãy hành lang ở vòng thứ nhì bằng bậc thang cũ (hướng Nam mặt Đông) ta xem những hình chạm trên vách đá từ ngôi tháp xây cổng hướng Đông quanh đến tháp hướng Bắc. Đây là hình chạm về sự tích Vua Cù.

Từ đó qua hướng Tây, ta thấy một cái giếng cạn, sâu hơn mười thước ở phía tay trái, xung quanh có một dãy lan can,

HÌNH CHẠM VÀO VÁCH ĐÁ

Trong vùng Angkor chỉ có đền Bayon có hai dãy hành lang cùng một trung tâm điểm chạm hình mà thôi. Hành lang ở trong khắc chạm hoàn thành là nơi người xưa thuật lại những đề tài về thần thoại Bà la môn, trái lại hành lang ở ngoài toàn là những cảnh ngoài đời và vài đoạn lịch sử về cuộc bành trướng và các trận chiến dưới triều Vua Jayavarman VII.

Những hình chạm này hơi thô kệch và có vẻ ngầy ngô nhưng được chạm sâu hơn ở đền Angkor Wath. Đây là những tài liệu rất quý giá về phong tục và sự sinh hoạt của xứ Cao Miên thời xưa.

Bắt đầu từ cửa hướng Đông ta qua hướng Nam về mặt Đông, như thế, ngôi đền sẽ ở phía tay mặt của ta.

Ngoài vòng thành thứ ba ở hành lang Đông, nửa phần về hướng Nam, có một đoàn quân đi từ hướng Nam đến hướng Bắc, võ trang bằng kích và khiên, phần nhiều để tóc ngắn hay trọc đầu, nhưng có một đám ở phần dưới để râu cằm và đội thứ mũ kỳ dị có chạm lộng ngay đỉnh đầu. Nhiều tay nhạc sĩ theo đoàn, trong ấy có một người nhỏ nhắn vừa nhảy vừa đập trống cái. Bên cạnh có nhiều kỵ binh cỡi ngựa trần, không yên cương. Những vị Tướng soái cầm cung và kích cỡi voi có lọng che. Các tên nài voi múa cây móc vờ về mặt kiêu kỳ.

Sau đoàn binh có nhiều xe bò chở lương thực tiếp tế, hình dáng xe hiện đang dùng. Ở phần trên có 3 nàng Công chúa ngồi võng thật đẹp do lính khiêng, và ở trên góc trong cùng có chiếc thuyền chở ngọn lửa Thần, giống như ngọn lửa ở dãy hành lang lịch sử trong đền Angkor Wath.

Qua khỏi cửa đục ngang vách, ta vẫn thấy đoàn binh giống như trước, nhưng bầy voi không có nài cỡi. Trên nền đá có chạm hình cây dừa rất đẹp, và ở phía trái của phần thứ nhì có một con bò cột vào gốc cây, hình như để giết tế Thần.

Sau rồi còn 4 phần vách chạm cảnh trong gia đình. Mái nhà được trình bày bằng nhánh và lá cây, phía trên có vài con chim đậu. Nhìn vào mái tóc và quần áo của nhân vật cùng những đồ lễ treo trên trần nhà, ta có thể đoán rằng nhà điêu khắc muốn chạm hình người Hoa kiều đang buôn bán.

Trong gian phòng ở góc Đông Nam, hình chạm chưa hoàn toàn xong hẳn. Bên tay mặt có hai nàng Tiên nữ Apsara múa nhảy, bên tay trái có 3 ngọn tháp, ngọn ở giữa có một linh phù.

Ở các phần khác là những cảnh ở trên mặt nước. Trên hành lang phía Nam, nửa phần về hướng Đông diễn cảnh thủy chiến giữa người Miên và Chiêm thành vào cuối thế kỷ thứ 12. Người Miên tóc cụt, quân Chiêm đội mũ giống hình hoa sen lộn ngược.

Đây là 1 cảnh xáo trộn của một đoàn chiến thuyền xé dịch bằng chèo chùng dọn thật tốt, trước mũi có nhiều chiến sĩ cầm kích, bắn cung và cầm khiên. Những xác chết bị quăng xuống nước và đôi khi bị sấu ăn.

Trong cùng, bên tay mặt có hình nhà Vua cao lớn hơn hết, ngồi trong cung quan sát mặt trận và truyền lệnh, dưới chân có một người nhảy nhót như thăng hễ trên ghe đua ở Phnompenh trong ngày lễ Đưa Nước. Nhiều giống cá chạm cạnh thân cây cho ta biết là khu rừng bị ngập. Các loại cá này đều giống các loại ở Biển hồ.

Trên bờ sông, ở phần dưới của mặt tường có nhiều cảnh sinh hoạt của dân chúng: chợ búa, nấu ăn ngoài trời, săn bắn, giết thú dữ. Một người đàn bà bắt chích cho một người khác, một người đùa với trẻ con, người khác khóc cạnh một bình nhơn đang oằn oại; ở trong cùng về phía trái có một người thợ săn sửa soạn cây ná để bắn một con trâu rừng. Thử khí giới cổ lỗ này ngày nay người Miên vẫn còn thích dùng.

Cách xa cửa hành lang là cảnh chài cá: một chiếc ghe hình như do người Tàu điều khiển cho ta thấy cái neo thả bằng rõ rệt, và trên một chiếc khác, khoang ghe thấp hơn có nhiều người ngồi bày nhiều trò chơi. Phía dưới cũng chạm cảnh sinh hoạt của dân chúng, trong đó có một cuộc đá gà khéo léo vô cùng.

Kế đó là cảnh trong cung điện: các nàng Công chúa và nữ tỳ nhảy múa, chuyện trò, đánh cờ, phía dưới là các võ sĩ vật lộn, đánh gươm, giết heo rừng. Tất cả hình ảnh này chạm dưới một người cao lớn nằm nghiêng hơi mỉm cười có lẽ là nhà Vua nằm trong cung.

Dưới chân tường, lại có cảnh đánh nhau: diễn cuộc đồ bộ của quân Chăm trên hải thuyền và ở phía trên là trận chiến trên bộ với quân Miên. Quân Chăm bị quân Miên cao lớn hơn, đầu bốt trọc, cột gãy ngang lưng đè bẹp hẳn ở dưới.

Phần khác diễn cảnh thái bình, nhà Vua ngồi trên ngai thiết lễ thắng trận giữa các thần dân làm đủ nghề: thợ làm sườn nhà, thợ rèn, đầu bếp sửa soạn buổi ăn.

Trong cùng về phía trái, sau cánh cửa có một khoảng hẹp chạm ba cuộc thương nghị giữa các Tướng soái ở trên những cảnh chiến tranh.



Ở hành lang phía Nam, nửa phần hướng Tây chia làm hai phần: ở dưới chạm xong còn ở trên chưa đục nét nào. Hình chạm cũng trình bày đoàn quân đi hàng một với nhiều voi trận. Ta có thể nhận xét vài khi giới trong thời ấy như: một thứ ná khổng lồ để trên lưng voi do hai người xử dụng và một cái máy bắn đá để trên xe có 2 bánh. Trong cùng về hướng Tây, một bày voi của nhà Vua xuống sông tắm. Voi có lọng che, dưới sông có bầy cá.



Ở hành lang phía Tây, nửa phần hướng Nam vẫn có nhiều chỗ chưa chạm. Trong phần dưới có nhiều chiến sĩ và các vị Tướng cỡi voi đi trước một cảnh rừng, núi, tượng trưng bằng nhiều hình tam giác chồng lên nhau. Ở giữa có một vị đạo sĩ treo lên cây tránh con cọp.

Phía trên có nhiều hình vẽ cuộc xây cất ngôi đền như thợ đẩy một khối đá dưới mắt một viên chỉ huy cầm roi, nhiều thợ khác gánh vật liệu và nhiều người kéo cục đá lên cao bằng một khí cụ riêng biệt. Xa hơn nữa có vài cảnh sống của các nhà tu khổ hạnh.

Cách xa cánh cửa có một khoảng chạm dài diễn cảnh nội chiến: xáp trận trước một dãy nhà, đàn ông, đàn bà múa tay, múa chân và gờm nhau, nhiều người khác cầm khí giới sẵn sàng chiến đấu. Phía trên có một người quì gối chờ người khác bưng hai cái đầu lâu hình như để cho dân chúng xem. Trên cao nữa có một người ngồi vông đi về phía cung điện trong ấy có một vị Hoàng tử ngồi chờ.

Xa hơn nữa là trận xáp lá cà. Các chiến sĩ gần như trần truồng, để tóc ngắn theo lối đặc biệt của người Miên,

ta không thể phân biệt được phe nào cả. Nhiều voi trận cũng dựa vào cuộc chiến.



Ở hành lang phía Tây, phân nửa về hướng Bắc có nhiều binh sĩ cầm hèo định đánh đám quân khác cầm khiên tròn đứng trước đoàn voi. Dưới chân họ là một cái hồ có con cá thật lớn tấp một con thú 4 chân. Cạnh đấy có một hàng chữ giải thích rằng « *con nai là món ăn của chú cá* ».

Một bản chữ dài hơn, khắc dưới hình con tôm lớn ghi rằng: « *Nhà Vua rượt giặc bị đánh bại* ». Tiếc thay phần ở trên chưa chạm xong nên ta không thể thấy những nhân vật cao cấp.

Cách cánh cửa khá xa có một bản chữ ghi rằng: « *Sau đấy, nhà Vua lui vào rừng lúc Ngài thiết lễ thờ Thần Indrâbhisaka* », bên cạnh một đoàn người đi thông thả dưới rừng cây, phía sau có đàn bà và trẻ con. Ta có thể nhận ngay Đức Vua cao lớn hơn mọi người đứng trên lưng voi, về phía trước là chiếc xe chở ngọn lửa Thần.



Ở hành lang phía Bắc, phân nửa về hướng Tây, cổ nhân chỉ chạm có phần dưới mà thôi, nhưng vẫn có vài khoảng chưa hoàn thành.

Phần thứ nhất là hình ảnh tiếp theo cuộc lễ của nhà Vua thờ Thần Indrâbhisaka như các cuộc chơi của võ sĩ, bát xiếc, múa rối, cỡi ngựa đua vân vân. Phía trên khắc cảnh có Vua ngự, một đoàn thú đủ loại đi ngang. Ở phía khác có nhiều vị tu sĩ ngồi trong rừng và trên bờ

rạch, một nhóm đàn bà ngồi gần một người cao lớn, xung quanh có nhiều người bưng lễ vật đến.

Qua cửa ngăn, ta thấy cảnh chiến tranh mà quân Chăm là kẻ thù truyền kiếp của người Miên.

Ở hành lang phía Bắc, nửa phần về hướng Tây, mặt vách sụp đổ gần hết còn lại hai khoảng ở hai đầu, nơi đây quân Chăm bị gài bẫy. Đoàn quân từ hướng Tây đi từng hàng khít nhau, nhưng lần này người Miên chạy vào núi, không chống cự gì cả. Tất cả phần phía Tây chạm trở rất khéo.

Trong gian phòng ở góc Đông Bắc, cở nhân chạm hình chiến sĩ và voi trận kéo từng đoàn. Giữa phòng có một bệ đá thật tốt hình tròn, tạc theo kiểu đề tượng Thần Brahmă, chỉ có cái bệ không, còn tượng Thần ai lấy đâu mất !



Ở hành lang phía Đông, nửa phần về hướng Bắc có một trận xáp lá cà giữa quân Miên và Chiêm thành cả voi trận cũng dục vào thật hăng hái, một con quơ vòi quần cặp ngà của voi địch, con khác được chạm ngay đầu nên không thấy cử động nào. Cờ hiệu, lọng nhiều vô số.

Ta có thể nhận thấy người Miên thắng thế hơn. Họ cầm những tấm khiên đương bằng mây treo nhau đề che tên của đối phương:



Ở vòng thành thứ nhì, theo dãy hành lang phía trong ta không còn đi dọc dài như ở vòng ngoài nữa, trái lại ta vào từng phòng riêng biệt, từng đoạn phân cách rõ ràng.

Trong hành lang phía Tây, nửa phần hướng Nam, ở giữa hai ngôi tháp, bên mặt có hình các nhà tu khổ hạnh và thú trong rừng dưới chân núi; ngay giữa là hình cung điện, có một ông Hoàng ngồi. Bên trái có cảnh cung điện khác, ông Hoàng nằm nghiêng.

Trong gian phòng nhỏ bên tay mặt có hình nhà Vua trong cung với các nhà tu khổ hạnh.

Ở trên có cảnh đồng ruộng và săn bắn. Ngay giữa là chánh điện của một đền thờ có hình các tu sĩ Balamôn đứng xung quanh một lò lửa, ở trên có nhiều Tiên nữ Apsara bay lượn.

Trong hành lang dưới tháp bên mặt cánh cửa có một nàng Công chúa ngồi trong cung với đám thị nữ: bên trái là 2 đoàn quân Miên Chàm đánh nhau, giữa đấy có một vị Hoàng thân đứng trên mình voi, phía trước có chiếc xe chở ngọn lửa thiêng.

Ở góc Đông Nam vẫn là hình đoàn quân diễn hành, vị Tướng soái đứng trên mình voi.



Trong dãy hành lang phía Nam, nửa phần về hướng Đông, từng dưới thấp có hàng binh sĩ kéo di, phía trên có hai người ra vẽ Tướng soái đánh nhau, nhiều quân lính bên kia kéo lại, có vẽ cùng một sắc dân.

Kế đó là cung điện. Cạnh đấy có một người leo trên cây dừa, một con chim thần Garuda và một cá khổng lồ tượng trưng cho biển cả, và một ngọn núi có các vị tu sĩ khổ hạnh và thú vật, tượng trưng cho núi thiêng Méru. Rồi trở lại cảnh đoàn quân diễn hành sau một vị Tướng lãnh trước cửa đền Vua. Trong đền chỉ có đồ vật chớ không

có người, thỉnh thoảng vài phòng có các nàng Công chúa ngồi soi gương và ngủ hoa.

Trong phòng thứ nhì, một vị Hoàng thân to lớn đánh một con sư tử, bên trái một con voi vừa bị đánh ngã. Nhà lực sĩ còn nắm hai chân trước của con vật.

Ở giữa hai ngôi tháp bắt đầu từ vách tường đi trở lại phần phía trái, ta thấy phía trên có đoàn chiến sĩ, một vị Quốc vương rời cung để Công chúa ở lại với đám thị nữ. Trên vách có treo cung, ống đựng tên và quạt.

Ngay giữa từ trái qua mặt là cảnh chiến tranh giữa một vị Hoàng tử và đoàn chiến sĩ, kẻ đó là một cung điện gần bờ ao, cạnh một tòa nhà khác có vài nhân vật vây quanh một đồng lửa.

Rồi đến một đoàn nhạc sĩ và nhiều người khiêng trên vai một cái gai trống tròn ở trong cung đi ra.

Trong cung chỉ có đàn bà, vị Tướng soái đi vắng. Trong phần dưới, một nàng Công chúa sửa soạn bỏ một đĩa nhỏ trong một cái rương, hình như đĩa trẻ này sẽ bị quăng xuống ao nước gần bên. Một người đánh cá đứng trên ghe quăng chài trước một nàng Công chúa trang điểm lộng lẫy, ngồi trên chiếc thuyền tuyệt đẹp, trên mây có nhiều Tiên nữ Apsara bay vờn. Giữa ao có một bông sen khổng lồ dùng làm cái bệ để Thần tượng hay nhân vật nào bị hỏa thiêu, bên cạnh một đám tín đồ đứng tưởng niệm.

Ta có thể cho rằng cảnh này là đoạn đầu của câu chuyện truyền kỳ chạm trên khoảng tường phía mặt diễn sự tích của « vị Thần Pradyumna lúc còn bé, con của Krishna và Rukmini, bị con quỷ Cambara quăng xuống

biển. Đứa trẻ bị cá nuốt. Dân chài lưới được cá đem dâng cho Cambara.

Lúc xẻ cá ra, bọn dân chài thấy Pradymna chính là Kâma, vị Thần Ái tình sau này. Một tỳ nữ của quỷ Cambara tên Máyâvati vốn là Nữ thần Rati đầu thai, vợ của Kâma sau này, lên đem Pradymna giấu một nơi nuôi đến lớn. Về sau, Pradymna thành Thần Ái tình tên Kâma cưới nàng Máyâvati làm vợ và giết chết quỷ Cambara ».

Ta thấy đứa trẻ còn sống ngồi trong bụng cá, bên cạnh ông Vua ra lệnh mổ con cá ra, kể đó có hình nàng Máyâvati đưa tay bồng nó.



Trong dãy hành lang phía Nam nửa phần về hướng Tây giữa hai ngôi tháp trên khoảng tay mặt, ta thấy một người nằm trong cung có bà vợ ngồi bên cái án hình như kêu khóc.

Ngay giữa có hình Thần Çiva chạm hai lần : một lần đứng trên ngai, một lần đứng trên hoa sen đã tàn giữa các tín đồ của Ngài. Trong đám này có một người nằm dài dưới đất. Bên cạnh có cái xe bò chở rương đựng Thánh tích.

Bên trái, một hình Thần Çiva có nhiều tay cầm cây chĩa ba đứng trên đám Tiên nữ Apsara bay lượn và đám nhạc công đang hòa tấu.

Trong gian phòng nhỏ, về phía mặt ở dưới có cảnh trong gia đình, trên mái nhà có chim bồ câu đậu. Ở trên, vị Thần Vishnou có 4 tay bay xuống, Thần Çiva đứng cầm cây chĩa ba. Ngay giữa cũng có cảnh giống như thế nhưng không có vị Thần 4 tay.

Trong dãy hành lang thấp có nhiều hình Tiên nữ Apsara nhảy múa, một người dùng cầm sợi dây phép nhấc lễ vật của các tu sĩ Bà la môn. Có lẽ đó là Thần Çiva. Bên cạnh có một ngôi đền đóng cửa ở giữa cảnh rừng núi có con cạp chụp người.

Kế đó là những nàng Công chúa đi dạo trên bờ hồ, nhiều Tiên nữ Apsara nhảy múa trên hoa sen. Phía trên là Thần Çiva ngồi trong cung điện giữa triều thần.

Xa hơn một chút có đền đài của Thần Çiva cất giữa hồ nước. Trên bờ hồ có nhiều nhà tu khổ hạnh và thú vật, một con cạp rượt một vị tu sĩ. Nhiều vị khác ở trong đền và xung quanh có nhiều tín đồ quì trước mặt Thần Çiva ở giữa là Thần Vishnou có 4 tay đứng trên bờ hồ, xung quanh có nhiều Tiên nữ Apsara bay lượn. Một đám người quì trước vị Thần, có người nằm dài dưới đất, ở phía sau có 1 cái rương đựng Thánh tích để trên chiếc xe bò. Trong đám ấy có nhiều ngựa ở trong một đền đài ở phía trái đi ra. Tại bậc trong của đền có hai tượng sư tử, trong đền có người ra vẻ quan, tướng truyền lệnh cho đám thủ hạ sửa soạn hởi hải cuộc hành trình. Ngoài đầu vách có nhiều nàng Công chúa đi dạo trong vườn, gần bờ hồ, một nàng bẻ hoa sen. Đây là cảnh nhà Vua sắp đi hành hương ở một ngôi đền thờ Thần.



Trong hành lang phía Tây, nửa phần về hướng Nam, phía dưới thấp, bên tay mặt có nhiều người đàn bà trong cung gian giữa bỏ trống. Ngay giữa, vị Thần Vishnou 4 tay cầm đủ khí giới: bánh xe, vỏ ốc, chày vỡ và trái bóng tròn, đứng trên lưng chim thần Garuda, phía sau là một đoàn binh Chấn. Kế đó là cảnh cung điện có một chỗ ngồi trống trơn.

Trong gian phòng nhỏ chạm cảnh trong cung điện, nhiều Tiên nữ Apsara nhảy múa theo một giàn nhạc, bên trái một toán đàn bà lộ dưới hồ bẻ hoa sen, bên bờ có một nhà tu khổ hạnh, phía trên nhiều người nhảy múa và cao hơn hết có hai người ôm nhau vật lộn.

Ở giữa hai ngôi tháp, bên mặt chạm cảnh lễ bái vị Thần Vishnou 4 tay, phía trên có vài đoạn diễn lại cuộc xây cất một ngôi đền khắc rất khéo và đầy đủ hơn những hình ở hành lang ngoài. Ta nhận thấy nhiều lao công đẩy một khối đá trên hàng trục, những người khác kéo các khối đá lên cao bằng một phương pháp riêng có cây chống, nhiều người khác nữa khiêng vật liệu dưới ngọn roi của viên Kiểm soát.

Ngay giữ lại có cảnh lễ bái vị Thần Vishnou. Tượng Thần đứng trên một vòi nước từ trong giữa ngôi đền vọt ra, phía trên có Tiên nữ Apsara bay lượn và một đoàn người bung mâm lễ vật. Có lẽ là lễ khánh thành của ngôi đền.

Kế đó là cảnh trên mặt nước, một chiếc thuyền lộng lẫy xung quanh có nhiều ghe nhỏ, trên thuyền có người ngồi đánh cờ và đá gà. Bên trái ở trên có cảnh cung điện, vị Thần Çiva và Thần Vishnou nhảy múa, ở dưới có vài cảnh sinh hoạt của các vị tu sĩ khổ hạnh, vài ông ngồi tham thiền trong hốc đá, vài ông lội dưới hồ giữa đám hoa sen gần một con chim ngậm cá.



Ở dãy hành lang phía Tây, nửa phần về hướng Bắc, giữa hai ngôi tháp về bên mặt có cảnh cung điện.

Ngay giữa chạm cuộc hành quân, phần nhiều là tay

ky mã đi cạnh hai vị Tướng soái ngồi trên chiếc xe có ngựa kéo. Bên trái vẫn là cuộc hành quân tiếp tục đoạn trước.

Trong gian phòng nhỏ, bên mặt có hai vị quan ngồi đàm đạo trong tòa lầu đài, hai nàng Công chúa đứng cho tỳ nữ mặc áo và bên trái có một ngôi đền che cái kiệu để trên một cái bệ hình tiêm tháp có bậc thang. Ngay giữa có một toán tu sĩ Balamôn, nhiều vị vây quanh cái lò dưới một mái nhà, một vị khác sửa soạn khi giới.

Trong dãy hành lang thấp có cảnh bắn thi bằng cung tên và bên trái có một vị quan ngồi trong lầu đài. Toàn mặt vách vẽ bề dài, cổ nhân chạm cuộc « Khuấy động biển sữa » của các vị Thần. Ta thấy một toán tu sĩ Balamôn và một đoàn chim cùng Tiên nữ Apsara bay lượn, ở trên là hình con Rắn thần bị bọn Chấn Asura nắm khúc đầu, mấy vị Thần Deva hợp với Hầu vương Hanuman nắm khúc đuôi. Bên cạnh có hình rắn bò dưới đáy biển và hầy cá. Chính giữa, cái trục được trình bày bằng một cây cột để trên lưng con rùa là vị Thần Vishnou biến hình. Một vị Thần chạm theo hình người có 4 tay ôm thân cột ấy, đứng dưới một vị khác ngồi trong ngôi đền hình hoa sen ở trên cao hơn hết.

Bên cạnh có hình mặt trăng và mặt trời và cái bầu đựng nước cam lồ, nước phép trường sanh mà các vị Thần và Quỷ tranh nhau cướp lấy. Bên trái, một vị Thần ngồi trên lưng chim hình như định dẹp bọn Quỷ nổi loạn. Tên Chúa đoàn đứng trên một chiếc xe do sư tử kéo.



Trong dãy hành lang ở góc Tây Bắc chạm hình đoàn quân thầy hành.

Ở dãy phía Bắc, nửa phần về hướng Tây dưới thấp có cảnh đền Vua. Kế đó, một đoàn gia nhân đội lễ vật đi sau một người cao lớn tiến vào một ngọn núi đầy thứ dữ : voi, tây, rắn 7 đầu và các loại rắn khác. Giữa đường có một hồ nước và một ngôi đền thờ đóng cửa kín mít. Gần đấy có một ngôi đền khác lớn hơn và cũng đóng cửa. Ngoài ngỏ có hai vị Tiểu thần đứng canh.

Một đoàn người khác ở phía trái đi đến do 2 người cao lớn cầm chìa ba dẫn đầu. Nhiều nhà tu khổ hạnh qui đón đường. Có lẽ đoàn người này sắp xuống thuyền ra khơi, vì trước mặt là bờ biển có ba chiếc ghe thật lớn trang hoàng lộng lẫy. Hai ghe đầu có nhiều người hót tót cút và một vị quan cầm chìa ba, chiếc kia có nhiều người đội cái bông lật ngược vây quanh một cặp vợ chồng ngồi giữa và tổ chức tất cả trò chơi. Trên trời có bầy chim bay lượn.

Qua dãy đất liền có ngôi đền cất trên núi, giữa đền, một vị Thần ngồi cầm chìa ba xung quanh có nhiều vị Thần khác và các nhà tu khổ hạnh.

Trong gian phòng nhỏ ngay giữa có hình vị Thần Civa 10 tay nhảy múa theo bản nhạc Thần « Tândava », phía trên là đoàn Tiên nữ Apsara bay lượn. Bên mặt có Thần Vishnou, bên trái có Thần Brahmá 4 mặt đứng gần Thần Ganeça, phía dưới có hình Quỷ Riahú. Trên vách tường gần bên cạnh, phía trên có một ngọn núi, vị Thần Civa ngồi giữa Thần Vishnou và Thần Brahmá trên lưng một con heo rừng vĩ đại, xung quanh có nhiều nhà tu khổ hạnh.

Giữa hai ngôi tháp, bên tay mặt vẫn có hình Thần Civa ngồi giữa các nhà tu khổ hạnh và đàn bà. Người thứ nhất là vợ vị Thần tên Pârvati bên cạnh có con bò tót Nandin.

Ngay giữa, trong cảnh rừng núi các nhà tu khổ hạnh ngồi cầu nguyện, một người đàn bà đưa tay đỡ tóc chảy dài xuống chân, chính giữa một vị Hoàng tử và một nhà tu. Trên cây mây cửa, ta thấy hình các kè. Đây là sự tích truyền kỳ có chạm ở đền Angkor Wath diễn đoạn Chấn Ravana biến hình các kè lên vào cung mỹ nữ của Thần Indra. Hoặc giả có người nói là tích Nữ thần Gangà hạ phàm.

Kế đó là hình vị Thần Ái tình Kama bắn Thần Çiva một mũi tên lúc Çiva đang tham thiền trên ngọn núi bên cạnh vợ là Umá. Thần Çiva nổi giận dùng sét đánh Kama té nằm dưới đất, vợ là Rati ngồi dưới chân. Cạnh đây có con bò tót Nandin đi lên dốc núi. Cuối cùng là một tòa lâu đài trên chót núi có một vị Hoàng tử ngồi ở trong. Bên trái có hình Thần Çiva cỡi bò tót Nandin.



Trong dãy hành lang phía Bắc, nửa phần về hướng Đông giữa hai ngôi tháp bên tay mặt có hình Thần Çiva cỡi bò tót Nandin bà vợ tên Umá (1) ngồi trên đùi Thần, đi ngang một tòa lâu đài trong ấy có Long vương. Vua rắn Naga tạc thành hình rắn nhiều đầu, phía dưới có Tiên nữ Apsara nhảy múa.

Ngay giữa là cuộc sửa soạn thiêu xác một người chết đang nằm trên đòn khiêng tay ở phía dưới; phần trên có cái hòm và ngôi tháp đề thiêu, trên chót tháp có đầu Quỷ Kala.

Kế đó là đoạn sử truyền kỳ Mahābhārata. « vị Thần Çiva biến hình Thần Kirāta đánh với Thần Arjuna đề

(1) Thần Çiva có rất nhiều vợ.

dành con heo rừng là Tiểu thần Muka hóa ra. Thần Çiva thắng trận, hiện lại nguyên hình và cho Thân Arjuna bừa bởi Pācputa để dùng về sau ».

Bên trái của cánh cửa, có hình một người ngồi trong tòa lâu đài trên chót núi, xung quanh có nhiều đàn bà. Rồi đến sự tích Chấn Ravana bị Thần Çiva đè dưới trái núi đang vùng vẫy. Nhà điêu khắc không quên chạm chiếc xe Puspaka do ngỗng Hamsa kéo.

Trên tấm vách gần bên có hai cảnh lâu đài cất chông lên.

Trong gian phòng nhỏ có cảnh đoàn quân trải hành như những bức chạm trước, không có gì lạ.

Ở dãy hành lang dưới thấp có nhiều gia nhân mang lễ vật. Gần đây ở trên một hàng tu sĩ cầu nguyện có một tòa lâu đài lộng lẫy có ba ngôi tháp ở trên, phía sau đền là vườn dừa. Trong chánh điện không có người, hai bên có tượng Thần Vishnou và Thần Lakshma. Xa một chút Thần Çiva ban phép cho các tín đồ dưới đoàn Tiên nữ Apsara bay lượn. Đây là một vị Quốc vương đi với đoàn quân sĩ đến cầu khẩn vị Thần. Bọn lính đi thành hàng dọc cũng hót tót ngắn, có giàn nhạc, voi, ngựa đi theo. Các nàng Công chúa nằm trên võng và một cái rương thật to và một cỗ xe bò.

Đoàn quân đi ngang dãy nhà không người ở, kể đó là nhà Vua đứng trên xe 6 bánh ở trong đền đi ra trước đám cung nữ nhảy múa để tiễn đưa.

Trong dãy hành lang ở góc thành Đông Bắc có cảnh đoàn quân đi như những hình trước kuông có gì lạ hơn.

Trong dãy phía Đông, nửa phần về hướng Bắc, ở hành lang thấp có đoàn chiến sĩ trải hành.

Ta có thể phân biệt hai phe : một hót tóc ngắn, một đội mũ hình hoa lật ngược. Phía dưới là đám nhạc sĩ, binh bộ, binh kỵ, xe của các ông Hoàng do ngựa kéo và loại xe kéo bằng tay. Phía trên một cái xe thật lớn, trên có giường để nằm, dưới có 6 bánh do bảy ngỗng Hamsa kéo. Trên xe có một vị Hoàng tử ngồi giữa hai người vợ. Cạnh đây là các nàng Công chúa ngồi trên vòng với đám trẻ con. Rồi đến chiếc xe chở ngọn lửa thiêng, một cái ngai bỏ trống và nhà Vua cầm cung ngồi trên lưng voi dẫn đầu một đoàn Tượng soái.

Đi qua cửa, trên một khoảng tường nhỏ có hình vị Hoàng tử nằm dài dưới chân vị Thần Çiva cạnh cái ngai bỏ trống.

Trong gian phòng nhỏ, trên mặt hồ có bức đá xây quanh, hai chiếc ghe chèo trên đoàn cá, trong ấy có hai con có đầu người. Nhiều người lặn xuống nước hình như để tìm vật gì. Trên mây có hình Tiên nữ Apsara và chim bay lượn.

Bên trái, chạm cảnh phá phách đền chùa : nhiều người định lật đổ và đập bể một tượng Nữ Thần, cột giầy xung quanh và kéo ngã. Trong đám ấy có đàn ông và voi. Hình như cảnh này hợp với một truyện truyền kỳ nhiều người biết. Một vị Hoàng tử đi ngang ngọn núi nghe tiếng hát và than khóc, bèn truyền quân tìm gặp nàng Công chúa và cưới làm vợ.

Giữa hai ngọn tháp có sự tích Vua Cùi. Nhà Vua ngồi trong cung gần bà vợ xung quanh là quần thần và cung nữ. Ngài đánh với 1 con rắn, phía dưới có đám người đứng xem. Con vật phun nọc độc truyền bệnh cùi. Nhà

Vua ngồi trong cung ra lệnh cho quân nhân hấp tấp xuống thềm hình như chạy hồi mấy nhà tu khổ hạnh ở trong rừng tìm thuốc trị. Nhiều người dân bà cầm tay nhà Vua xem vết lở. Sau đó có hình nhà Vua nằm bên cạnh một thầy tu.



XUNG QUANH ĐỀN BAYON

Chúng ta đã biết đền Bayon hình vuông vức, thế nên sau khi quan sát trong đền, ta đi quanh theo 4 con đường ở ngoài sẽ gặp ở phía Bắc và phía Nam hai tượng Phật khổng lồ sơn vàng. Hai tượng này mới tạo gần đây và để dưới hai mái chùa kiểu kim thời. Tượng Phật ngồi gần đưng nóc chùa, xung quanh chùa không có vách che.

Ở góc Tây Nam có ngôi mộ của ông Commaille, nhà khảo cổ đầu tiên ở vùng Angkor bị quân cướp ám sát năm 1916. Ở góc Tây Bắc, gần kho chứa đồ chạm của trường Bác cổ Viễn đông và ngôi nhà cũ của ông Commaille có bia đá kỷ niệm ông Ch. Carpeaux bỏ mình trong lúc khai phá năm 1904.

Nếu ta đi theo đường Carpeaux ra khoảng giữa đền Bayon và cửa Tây thành Angkor Thom, quanh về hướng Nam 200 thước ta sẽ thấy một ngôi tháp nhỏ không biết tên gì mà cổ nhân không có đề di tích lại. Người Pháp cho một con số gọi là Đền số 486.

NGÔI ĐỀN SỐ 486

Đền này xây cất vào cuối thế kỷ thứ 10 thờ Thần Balamôn, về sau đổi lại thờ Phật. Trước đền có một nền đá ong trên có tượng sư tử, kể đó là mảnh sân theo

loại sân trước của chùa Phật ngày nay. Xung quanh sân có nhiều bia đá ở đầu góc còn cái bệ để Thần tượng. Sau đây là ngôi chánh điện xây trên một nền đá bùn cao ba bậc. Ngôi đền bị hư sập rất nhiều, trước kia cổ nhân cất để thờ Phật theo bức tượng Đức Thích ca ngồi dưới gốc bồ đề trên tấm mi hình tam giác ở phía Đông. Lúc mới cất đền này để thờ một vị Thần Balamôn do nơi nền dưới bằng đá ong, sau này được xây chồng thêm 2 lớp đá bùn.

Những cây cột nhỏ và cây mây cửa bằng đá bùn màu hồng giống như lối kiến trúc ở đền Bantéay Srei được gìn giữ kỹ lưỡng. Ta thấy về phía Đông, cổ nhân chạm hình Thần Çiva cỡi hổ tót Nandin và ở phía Bắc hình Thần Indra cỡi voi. Hai hình này chạm trở rất khéo.

Ngôi tấm điện ở giữa cất theo hình chữ thập, bề ngang 2 thước, dài 2 thước 30, bốn mặt tường trống trơn, không có cửa.

Hai ngôi tháp hai bên cất sau chánh điện ít lâu, xoay cửa về hướng Đông và cùng xây trên một nền. Ngôi ở phía Nam có vài phần vách tường gần sập. Ngôi ở phía Bắc còn nguyên vẹn, ta thấy ở trên cánh « cửa giả » hướng Tây có chạm hình vị Phật đứng, chỗ u trên đầu hốc lửa, ở dưới tấm mi tam giác có hình vị Phật ngồi. Cánh « cửa giả » ở hướng Nam vẫn còn nguyên vẹn.

Xung quanh đền có nhiều tấm mi khác bỏ nằm dưới đất đều có chạm trở theo một lối riêng biệt, một đầu Quí Kála thật lớn, một cái bình đựng nước hình mỏ chim.



CÔNG TRƯỜNG HOÀNG GIA Ở ANGKOR THOM

Ở mặt Bắc đền Bayon có hai đường song hành qua hướng Nam Bắc, bọc một khoảng đất hình chữ nhật dài 720 thước, ngang 80 thước. Chính giữa khoảng đất này có con đường chẵn ngang ấy là đường trục của vòng thành Angkor Thom đưa ra cửa Thăng trạn (cửa Đông). Hai đường này liên lạc với nhau, một bên có những ngôi đền về hướng Tây trên công trường Hoàng gia là đền Baphuon, Sân Voi với Cung điện nhà Vua và ngôi đền của Quốc vương Phimeanakas, Sân thượng của Vua Cui, đền Tep Pranam và Prah Palilay ; một bên có những ngôi đền về hướng Đông: đền Suor Prat và hai dãy tháp Kléang, đền Prah Pitthu.

Công trường Hoàng gia hiện thời được dọn dẹp quang đãng chu vi 550 thước bề dài, 200 thước bề ngang. Đứng trên nền cao và rộng này ta có thể ngắm những đoàn binh sĩ, xe cộ diễu hành đi ngang qua. Từ triều Vua Jayavarman VII người ta xây nền Sân Voi vào cuối thế kỷ thứ 12 để nhà Vua và triều thần có thể dự các quốc lễ. Trên sân là cung điện cất bằng vật liệu nhẹ, chóng hư.

Năm 1296, vào cuối thời kỳ vinh quang của quốc gia Cao Miên vị phái viên Tàu Châu đạt Quan có thuật lại vài cuộc lễ như vậy :

« Trước Hoàng thành người ta đắp một nền đất thật lớn có thể chứa hơn ngàn người. Người ta treo toàn đèn và bông hoa. Phía trước người ta rắp những ngọn cây làm nhiều giàn trò cao, ở trên đề pháo thăng thiên và pháo nổ. Tối đến, quần Thần rước nhà Vua ra dự lễ. Người ta đốt pháo thăng thiên và pháo cối to bằng một khối đá và tiếng nổ làm rung động cả Hoàng thành.

« Mỗi tháng có một ngày lễ : vào tháng chín, cuộc lễ cử hành trước nhà Vua và tất cả dân chúng trong lãnh thổ ; tháng năm, người ta thỉnh tất cả các tượng Phật ở khắp xứ và mực nước đem đến trước nhà Vua làm lễ tắm rửa.

« Khi Quốc vương du hành, binh kỵ đi trước, kẻ là cờ hiệu, cờ lệnh, giàn nhạc Đoàn cung nữ từ 300 đến 500 mặc quần áo đẹp dắt bóng trên đầu cầm đèn cây lớn và hợp thành một đoàn ; dù giữa ban ngày họ vẫn đốt đèn như thường. Kế đó một toán cung nữ cầm những vật dụng của nhà Vua bằng vàng và bạc và tất cả vật chưng diện đủ kiểu lạ khác nhau. Tiếp theo, có đoàn cung nữ cầm kích và khiên, đây là binh hộ vệ riêng của nhà Vua, đám này cũng hợp thành một đoàn. Phía sau là những cỗ xe dê kéo và xe ngựa, tất cả đều chạm vàng. Các vị quan, các vị Hoàng tử đều cỡi voi, những cây lọng đỏ của quý vị nhiều vô số. Sau quý quan là Hoàng hậu và Thứ phi ngồi trên rồng, ngồi xe, cỡi voi. Mấy bà này có hơn một trăm cây lọng chạm vàng. Sau đây, là nhà Vua đứng trên lưng voi, tay cầm gương báu.

Ngà voi bao bằng vàng. Nhà Vua có hai mươi cây lọng màu trắng dát vàng và cán lọng bằng vàng. Nhiều thợ voi vây quanh nhà Vua và một toán kỵ binh bảo hộ Ngài ».

Ngày nay, cung điện các đấng Tiên vương không còn dấu vết gì cả. Khách du lịch chỉ thấy nền sân rộng, xung quanh là hình voi chạm trên nền đá mà thôi. Có người bán khoán tự hỏi :

— Như vậy thì nhà Vua ở chỗ nào ?

Có người lại cho rằng nhà Vua ở trong đền Bayon. Đó là một điểm sai lầm mà chúng tôi có thuật rõ công dụng của mỗi ngôi đền trong phần thứ hai.

Cung điện Hoàng gia cất bằng gỗ, lợp ngói nên sau thời kỳ bỏ hoang đã sập đổ không còn dấu vết gì.

Lần lượt chúng tôi trình bày từng nền móng của đền đài còn lại để quý bạn hoài niệm một kinh thành huy hoàng xây dựng trước 700 năm nay.

SÂN VOI

Sân Voi dịch theo tiếng Pháp : Terrasse des Éléphants là công trình của Quốc vương Jayavarman VII thụy phong là Mahâparamasangata pada xây dựng vào khoảng cuối thế kỷ thứ 12.

Bề dài của sân hơn 300 thước, cao 3 thước bắt đầu từ đền Baphuon đến Sân Vua cù. Phía trước có 5 phần nhô ra ngoài, có bậc thang lên mặt nền sân, trong ấy có 3 bậc chánh.

Hai bên bậc tam cấp ở hướng Nam có tượng voi 3 đầu thông với xuống làm cột, giống như ở cửa vào thành Angkor Thom. Mũi voi cũng hái hoa. Hai bậc tam cấp phụ ở hai bên bậc chính cũng có tượng voi như thế.

Bậc thang chính ngay giữa sân, được xây lớn hơn tất cả, hai bên có vách tường đá hợp với tường của nền sân chạy dài đến tam cấp phụ. Trên vách tường có khắc hình sư tử và chim thần Garuda nổi hẳn ra như thân cột. Ở phía trên có những phần nhô ra chạm hình sư tử nổi lên và hình rắn bảy đầu với chim thần Garuda.

Về phía Bắc, thay vì để nhiều bậc thang, cổ nhân xây hai bậc tam cấp dốc đứng. Một cái thang khác ở về mặt Bắc, giống như thang ở hướng Nam có chạm hình chim thần Garuda và hình sư tử nổi ra như thân cột. Cạnh đây có nhiều đoạn diễn tả các môn thể thao như đấu võ, đua xe, chơi cầu. Lối chơi cầu này gốc ở Ấn Độ.

Toàn thể nền sân về mặt ngoài đều chạm hình voi có nài cỡi, gần bằng voi thật, trình bày theo lối bán diện trong những cuộc di sản. Hình chạm rất giống hình thật. Phía trên có bao lơn hình rắn bảy đầu.

Lên trên nền sân, ta thấy ở từng dưới vòng thành và ngay cổng ở hướng Đông của cung điện chia làm hai bậc : một khoảng đất thấp rộng 4 thước và một nền rộng 10 thước có bậc đá chạm hình ngỗng thần Hamsa. Ngoài ra ta còn gặp vài tảng đá ong ở hướng Bắc mà người đời nay đưa ra nhiều giả thuyết bảo rằng di tích của nền móng Hoàng thành thời xưa xây cất bằng vật liệu nhẹ.

Trong một cái hố trên nền, các nhà khảo cổ tìm gặp một tấm đá có chạm hình, có lẽ đề trước mặt tiền cung Vua. Nhà điêu khắc để lại những nét kiêu kỳ và linh hoạt, trình bày một con ngựa 5 đầu, chính là Thần mã của nhà Vua, có lưng nhiều tầng che, xung quanh có Tiên nữ Apsara nhảy múa và các vị Thần hung dữ cầm hèo rượt vài người bé nhỏ bỏ chạy với vẻ mặt sợ hãi. Đây là vị Thần Lokeçvara biến hình Thần mã Balaha.

SÂN VUA CÙI

Sát bên Sân Voi về hướng Bắc cách một khoảng đường hẹp, sân Vua cùi trên xây nền đá 25 thước mỗi cạnh hình vuông bề cao 6 thước. Đây cũng là công trình của Quốc vương Jayavarman VII xây dựng vào khoảng cuối thế kỷ thứ 12. Mỗi mặt nền đều có hình chạm nổi trên mình đá. Về phía Nam, ngay Sân Voi bước qua, một phần vách nền bị một lớp vách ngoài che kín, chừa một đường hẹp ở giữa vừa một người đi. Mặt vách trong có chạm hình nổi. Ngay đầu đường có bậc thang lên tới mặt sân.

Sân này được ví như ngọn núi Méru theo thần thoại Balamôn, và các tượng chạm quanh vách nền đều là những vị Thần, hay thú biến hình, đại khái như rắn bầy đầu, chim thần Garuda, Quỷ Kumbhanda, hình người khổng lồ có nhiều tay cầm gươm hay chày vồ và hình đàn bà ở trần. Về mặt phía Bắc những hình chạm còn tốt hơn cả; trở lại dọc theo đường lộ, có vài cảnh trong cung điện như một người hã hơng nuốt cây gươm và nhiều cung nữ bới tóc trật qua một bên đầu. Qua mặt phía Nam, vào đường hẻm giữa kết vách, thoát đầu có một hàng cá dưới thấp, trên là hình voi và một con sông chạm đứng. Nhờ vách ngoài che kín nên hình chạm còn tốt hoàn toàn. Hết đường hẻm có nấc thang bằng đá ong lên mặt sân.

Tượng Vua cùi ngồi bẹp theo kiểu người Java chân mặt dựng lên, chân trái để nằm trên một miếng đá hình chữ nhân, đầu nhà Vua bới tóc ngay trên đỉnh, mặt để râu mép vành lên, mắt nhìn xuống, tay mặt để trên đầu gối, cong các ngón lại như cầm vật gì tròn, tay trái để nằm trên vế chân trái. Nhà Vua không có mặc quần áo, theo một kiểu riêng biệt có một không hai trong ngành mỹ thuật Cao Miên. Bên trái có 2 mỹ nữ ngồi trên bực đá chấp tay, bên mặt có 1 nàng. Cả ba đều bị chặt mất đầu. Trước mặt nhà Vua có một khối đá nhỏ tạc hình cái bệ trên có cái lư hương. Tuy tượng đá trần truồng nhưng nhà điêu khắc không để cho ta thấy bộ phận sinh dục. Khắp mình nhà Vua chỉ có vài vết sẹo nhỏ tượng trưng cho chứng bệnh bất trị.

Tuy gọi là Vua cùi, nhưng tượng đá đặc biệt này được nhiều giả thuyết truyền tụng cho nhiều tên khác nhau. Có người nói là tượng của vị Thần Çiva hoặc Dharmarāja vị Thần Chết thể theo bản chữ khắc trên bệ đá của tượng vào thế kỷ thứ 15.

Nếu bảo là Thần Dharmarāja thì có khi người ta gọi là Thần Yama, vị Diêm vương phán xét tội lỗi, có khi lại gọi là vị Phó vương của Thần, giữ chức phân tách các tánh xấu và tánh tốt của người đời, đang ngồi phán xử.

Nhà khảo cổ Coedès cho rằng lối chải tóc rất đặc biệt của tượng đá : uốn từng lọn lớn từ trán phủ ót cũng như hai móc râu quấn tít trên mép có tánh cách như hình ma quỷ. Theo ý ông thì sân Vua cù là nơi tượng trưng ngọn núi Méru với những hình Tiên, Thần và linh vật chạm quanh theo vách nên cổ nhân xây nền sân ở về phía Bắc Hoàng thành là nơi để nhà thiêu xác nhà Vua cùng những vị trong Hoàng tộc, cũng như hiện thời ở Phnom Penh và Bangkok có khoảng sân trống gọi là Val Prah Men để khi nào có người thất lộc, người ta dựng nhà thiêu lên. Do đấy, sân Vua cù có thể là sân Men thời ấy và tượng đá là vị Thần chết Dharmarāja ».

Ở góc Tây Bắc trên sân, ta có thể đi thẳng qua tượng Phật Tep Pranam theo một con đường mòn, không cần phải xuống bậc thang ở mặt Nam.

TƯỢNG PHẬT TEP PRANAM

Cách sân Vua cù lối trăm thước về phía Bắc, xuyên qua một khoảng rừng cây rậm rạp, ta thấy tượng Phật Tep Pranam (1) ngồi ngoài trời. Trước tượng Phật có một nền đá ong bề dài 75 thước, ngang 8 thước, kể đó là một mảnh sân theo lối xây cất các ngôi chùa Phật, xung quanh có bia đá chạm 2 mặt dựng theo trục sân và góc sân.

Mảnh sân này dài 50 thước, ngang 14 thước, ở đoạn cuối về phía Tây có một phần hình chữ thập vuông vức

(1) Tep Pranam nghĩa là « vị Phật được tôn sùng ».

mỗi cạnh 30 thước. Vách nền bằng đá bùn có chạm trổ luôn cả một phần tam cấp. Hai tượng sư tử ngồi trước sân về hướng Đông tác theo kiểu ở đền Bayon, còn những tượng rắn bảy đầu nằm dọc theo chiều ngang lại theo lối xưa hơn nữa.

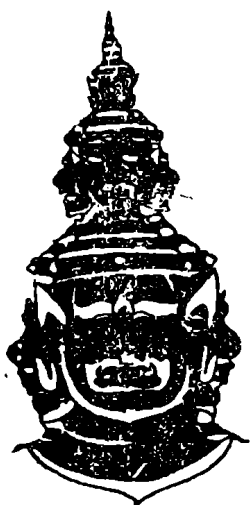
Ngay đầu sân có một tấm bia vuông, bốn mặt đều khắc chữ ghi cuộc xây dựng ngôi đền thờ Phật gọi là Sangatâcrama, do Quốc vương Yaçovarman cất vào khoảng cuối thế kỷ thứ 9. Lề lối kiến trúc này gần giống như cách xây đền Brâhmarâcrama thờ Thần Çiva và đền Voiranavacrama cũng do Quốc vương cất ở phía Nam hồ Baray Đông. Ngôi đền che tượng Phật làm bằng vật liệu nhẹ nên hư sập mất hết, sau này người ta còn thấy rải rác quanh đây vài dấu vết của ngôi tháp thiêu người chết và hai cái bồn đựng xác bằng đá.

Tượng Phật bề cao 6 thước ngồi trên một bệ đá bùn có chạm trổ một thước bề cao. Đây là vị Phật không lồ ngồi tham thiền trên hoa sen. Thân mình tượng Phật có nhiều mảnh đá đắp vá lại, chỗ lồi lên trên đầu Phật có hình ngọn lửa bốc cao.

Sát bên tượng về hướng Tây còn di tích một hồ nước có bậc tam cấp bằng đá ong, bên cạnh có một tượng Phật đứng, bề cao hơn 4 thước, mất hẳn cái đầu, người đời sau không tìm được.



ĐỀN PRAH PALILAY



PHÍA sau tượng Phật Tep Pranam có một con đường mòn đi chênh về hướng Tây Bắc lối 150 thước, đến một nền sân của Hoàng thành xây hai bậc, ngay đầu sân có một tượng Phật ngồi, một cổng đền và ngôi đền Prah Palilay. Xung quanh đền là rừng cây dây đặc. Ngôi đền cất vào khoảng giữa thế kỷ thứ 12, còn cổng đền cất vào khoảng cuối thế kỷ ấy.

Nền sân hình chữ thập bề dài lối 30 thước, bề ngang cả hai bậc là 8 thước 50, riêng về bậc trên bề ngang 6 thước còn tốt hoàn toàn, hai bên có hình rắn bảy đầu chạm trở rất khéo. Ngay mặt hướng Đông có hai tượng Thần Dvârapâla đứng giữ, hiện thời bị chặt mất đầu, và hai tượng sư tử lùn, mập ngày nay chỉ còn có một con.

Từ ngoài nền sân vào cổng đền, ta phải qua một khoảng đường dài 33 thước, trước kia có chạm hình ngỗng thần Hamsa trên mặt đá bùn.

Trước cổng có một tượng Phật thật lớn ngồi trên bệ hình hoa sen bề cao luôn cả bệ là 3 thước 50, phần

lời lên trên đầu Phật tạc theo hình ngọn lửa bốc cao như tượng Tep Pranam.

Đầu tượng Phật bị chặt mất từ lâu, mãi đến năm 1931 người ta mới tìm được trong mớ rễ một gốc cây to và gắn lên đến bây giờ.

Vòng thành bao quanh đền xây bằng đá ong hình vuông mỗi chiều 50 thước, chỉ có mỗi một cổng ra vào ở mặt Đông mà thôi. Ngôi đền hình chữ thập có ba lớp cửa đi vào, chính giữa là ngôi tháp vuông vức có một tầng lầu cao. Trên những tấm mi hình tam giác có chạm sự tích Phật Thích Ca; về mặt Đông của mái đền phía Bắc có diễn cảnh các thú vật rừng dưng lễ vật cho Phật như voi, khỉ và công. Đây là sự tích rút trong đoạn sử tên Prah Palilay do sự thay đổi tên Pārilyyaka, một khu rừng của Đức Thích Ca vào ẩn trú một mình sau khi rời bỏ vùng Kosambi. Kế đó, về mặt Tây có hình Đức Phật ngồi nhận lễ vật của đệ tử Suyâtâ và ở trên đầu mái đền có hình voi dữ Nālagiri phủ phục trước Đức Phật.

Ngôi tháp xây toàn bằng đá bùn, gian chánh diện hình vuông mỗi chiều 5 thước, không có vách che, xây trên một cái bệ ba tầng bề cao tất cả là 5 thước. Ở mỗi chiều có bậc thang bị hư mòn khá nhiều. Phía trên chánh diện là một hình tiêm tháp cao vút có từng đoạn xoay quanh. Ở giữa, trên là cánh cửa người ta dùng gỗ kẹp với cây mây, hiện giờ ở mặt Bắc và Tây bị hư mục phải dùng bích ton cốt sắt thay vào. Bên phía Tây có một tượng Phật thật lớn ngồi dựa lưng vào vách, bên cạnh có thân trên của một tượng Phật đứng tuyệt đẹp.

Nhiều bình chạm trên các tấm mi tam giác được đem vào kho ở đền Bayon, còn nhiều tấm khác để quanh ngôi đền, diễn sự tích của Đức Thích Ca và các vị Thần

Bàlamôn, đại khái ở trong cổng đền và giữa vòng thành có hình vị Thần Indra cỡi voi ba đầu và hình Quỷ Mära kéo quân đánh Phật Thích Ca.

VÒNG THÀNH CUNG ĐIỆN

Vòng thành cung điện ở Angkor Thom xây vào khoảng cuối thế kỷ thứ 10 qua đầu thế kỷ thứ 11 do ba vị Quốc vương: Rajendravärman, thụy phong là Çivaloka, Javarman II thụy phong là Paramaçivaloka và Suryavarman I thụy phong là Paramanirvanapada xây cất. Ba vị Quốc vương đều theo đạo Bàlamôn.

Từ đền Prah Palilay, qua mặt Nam, theo một con đường rậm mát lối 200 thước, quẹo sang tay trái về hướng Đông, trên đường mòn cấp theo vòng thành cung điện gần 100 thước ta thấy di tích một hồ nước và trên vách hướng Tây về mặt Đông có chạm nhiều hình ghe thuyền.

Trở ngược lại, ta vào giữa Hoàng thành bằng ngòi cổng Tây về mặt Bắc. Vòng thành xây bằng đá ong bề cao 5 thước rất chắc chắn, có thêm một lớp tường ở trong; khoảng giữa là hào nước rộng 25 thước. Tính từ vòng ngoài, khoảng đất tường thành bao bọc rộng 250 thước, dài 600, tất cả là 15 mẫu theo hình vuông dài. Ở mỗi mặt Bắc và Nam có hai ngòi cổng bằng đá bùn giống cổng ở mặt Tây mà ta vừa đi vào. Cổng xây theo hình chữ thập, có một ngọn tháp vuông và hai mái hình khung vòm. Mặt nền xây cổng đắp cao hơn mặt đất ngoài vòng thành 1 thước 20, bằng dưới nền của ngòi đền Phimeánakas ở ngay trung tâm. Nền đắp thành hai bậc có tam cấp.

Đi về hướng Tây nghĩa là quanh qua tay mặt, ta thấy một hồ nước bề dài 50 thước, ngang 25 thước, có bậc

tam cấp bằng đá ong. Có lẽ đây là hồ tắm của cung nữ thời xưa. Đi theo mặt Bắc, ta đến một mảnh sân nhỏ mà bức tường sát cạnh có chạm hình một đoàn người, voi và ngựa dưới một vòng khung khắc hình ngỗng thần Hamsa,

Trở ngược lại và đi về hướng Đông hoặc xây qua bên trái ra khỏi cổng, ta đi đến góc Tây Bắc thấy một hồ nước thật lớn bề dài 125 thước, ngang 45, đào từ thế kỷ thứ 10 và bị lấp 200 năm sau. Sau này người ta đào ở mặt Bắc thấy 13 bậc bằng đá bùn đẹp vô cùng. Trong 13 bậc này có 7 bậc chạm trổ còn 6 bậc đề nguyên.

Bề sâu của hồ là 5 thước 32, đáy hồ lót đá ong.

Từ bờ hồ đến vách thành phía Bắc có lót đá bùn trên mặt đường, cũng như về phía Đông ; cách đây một khoảng khá rộng có một cái hồ khác nhỏ hơn, bề dài tới 40 thước, ngang 20 thước, sâu 4 thước 50.

Trên mặt vách Tây và Nam cùng một phần ở mặt Đông xây quanh hồ lớn có chạm phía trên bậc thang cao và rộng một hàng cá và quái vật dưới nước, phía dưới chạm rắn bảy đầu theo hình thú và biến hình người, xung quanh có các nàng Công chúa thủy tề ; trên hết là hình chim thần Garuda trống và mái và hình trên có cánh. Một bình rắn 7 đầu bao trùm tất cả các hình này.

Trên đầu vách là một nền sân khá cao dùng làm khán đài cho nhà Vua ngồi xem các cuộc lễ diễn trên mặt hồ. Trong những cuộc tìm kiếm trên mặt sân, người ta thấy dấu tích nền vách và đường lót đá về phía Đông chứng tỏ rằng cung điện thời xưa cất bằng vật liệu nhẹ. Hơn nữa ta còn thấy gạch ngói bề vụn và dấu than của sườn nhà bị đốt cháy.

Tuy thế, người đời bây giờ không thể nào biết được cung Vua cất ở đâu, hình dáng ra sao. Nhà khảo cổ Marchal căn cứ vào những vòng rào còn để lại di tích thử chia Hoàng thành làm 5 vùng :

Từ hướng Đông qua hướng Tây là một mảnh sân ở mặt tiền rộng 70 thước có 3 cổng ;

Cung điện xây trên khoảng rộng 280 thước có đền Phimeanakas, hồ nước lớn và 2 cổng ;

Một phần để dành riêng cho cung nữ rộng 150 thước ;

Một mảnh sân thứ tư ăn thông với sân trước có lẽ để riêng cho đám nữ tỳ ;

Và một mảnh sân chót gần cách riêng biệt. Tất cả những vùng này được xác nhận chắc nhờ các đồ dùng bằng đồng hoặc đất hãm chôn dưới đất, có chạm trổ theo lối đề thờ phụng hay đề dùng thường ngày.



ĐỀN PHIMÉANAKAS

ĐÂY là « Ngôi tháp vàng » theo lời ông Châu đạt Quan, trong ấy là « cung thất của nhà Vua ». Họ Châu viết trong lập kỷ ức ;



« Tất cả dân chúng đều tin rằng trong tháp có linh hồn một con rắn 9 đầu là vị Thần làm bá chủ lãnh thổ. Mỗi đêm rắn biến hình đàn bà vào long sàng ân ái với nhà Vua. Qua canh hai, nhà Vua mới có thể nằm với Hoàng hậu hay Thứ phi. Đêm nào rắn không hiện đến là nhà Vua sắp chết. Nếu nhà Vua không đến với Rắn một đêm sẽ có tai vạ ».

Đền Phiméanakas xây theo hình tiêm tháp có 3 bậc thang bằng đá ong, bề cao 12 thước, hình vuông dài, Chiều dọc theo hướng Đông Tây dài 35 thước, bề Nam Bắc 28 thước, sân thượng dài 30 thước, ngang 23. Ở mỗi mặt nền đều có bậc thang dốc đứng chia làm 6 đợt, hai bên mỗi đợt có tượng sư tử và ở mỗi góc đền có tượng voi nhỏ đứng trên bệ đá bùn rất tốt. Những bậc thang này rất hẹp và rất khó đi. Lên tới sân thượng theo bậc thang ở mặt tây, ta thấy một dãy hành lang hẹp và thấp có cửa sổ chấn song tiện tròn, mỗi góc có một phòng

nhỏ. Ngay đầu thang mặt Đông và ở phía đối diện có 2 ngôi cổng vào đền.

Qua khỏi cổng, ta còn phân biệt được nền móng của một căn phòng vuông dài, kế đó có một ngôi tháp thờ cất bằng đá ong và đá bùn theo hình chữ thập trên một nền đá ong bề cao 2 thước 50, bây giờ đã lư sập rất nhiều. Bốn mặt tháp nhô ra ngoài xây theo 4 hướng, phần trên chót tháp mất hẳn từ bao giờ.

Người đời sau cho rằng chót tháp này hẳn là bằng vàng theo lời ông Châu đạt Quan thuật lại và được cất bằng vật liệu nhẹ. Như thế, số vàng vĩ đại kia hoặc do nhà Vua dời đi lúc thiên đô, hoặc bị quân Chăm chiếm đoạt lúc xâm phạm kinh thành.

Theo một bản chữ khắc trong năm 910, trên chân tường hướng Đông của ngôi chánh điện thì đền Phimeanakas được xây cất dưới triều Vua Yaçovarman đồng thời với ngôi đền ở núi Bakheng.

Qua phía Nam, ta có thể theo một khoảng hẹp ở giữa bức tường của vòng thành đi thẳng vào cửa Đông ngôi đền Baphuon.





Đền ANGKOR THOM

ANGKOR WATH, ngôi đền đẹp nhất trong vùng đất thiêng.



ĐỀN BAPHUON

Xây dựng vào năm 1060 do Quốc vương Udayādityavarman II đề thờ Thần Çiva, ngôi đền Baphuon ở sát vòng thành cung đện về hướng Nam. Đền được che ba mặt bằng một vòng thành toàn bằng đá bùn có chạm trổ, tất cả chu vi là hình chữ nhật bề dài 325 thước, ngang 125; riêng ngôi đền chiếm một khoảng dài 120 thước về cạnh Tây Đông và 100 thước về Bắc Nam.

Đền Baphuon gọi là « ngôi tháp trên chót núi » xây ở giữa vòng thành cung Vua và bậc đất cao đắp làm bờ hào phía Bắc của kinh đô cũ, do Quốc vương Yaçovarman chọn vào thế kỷ thứ 9 trên đỉnh đồi Bakheng. Đây là ngôi tháp bằng đồng, cao hơn ngôi tháp Bayon theo lời ông Châu Đạt Quan thuật lại.

Trong bia đá Lovek và bản chữ Prah Ngok tìm được dưới chân đền Baphuon có ghi rằng: « Đền này do Quốc vương Udayādityavarman II xây cất cùng với « ngọn núi vàng » Svainâdri, ngay trung tâm điểm kinh thành, trong ấy có một tháp vàng giữ một linh phù của Thần Çiva, Thần tượng của vị Phật Vua sau khi băng hà ».

Do đấy, ta được biết rằng đền Baphuon là ngôi tháp chánh của kinh đô thứ nhì, sau đền Bakheng và trước đền Bayon (1).

Ngay vòng thành cung điện có một cửa vào đền xây thành cổng theo hình chữ thập làm 3 ngôi, nối liền nhau bằng hai dãy hành lang. Tất cả đều xây trên nền đá có chạm trổ giống như mặt Tây của đền Angkor Wath Đây là vòng thành thứ tư của ngôi đền tính từ trung tâm điểm,

(1) Mỗi vị Quốc vương chọn riêng kinh đô cho mình và cất ngôi đền chánh ngay trung tâm thành phố đề thờ Thần tượng của mình.

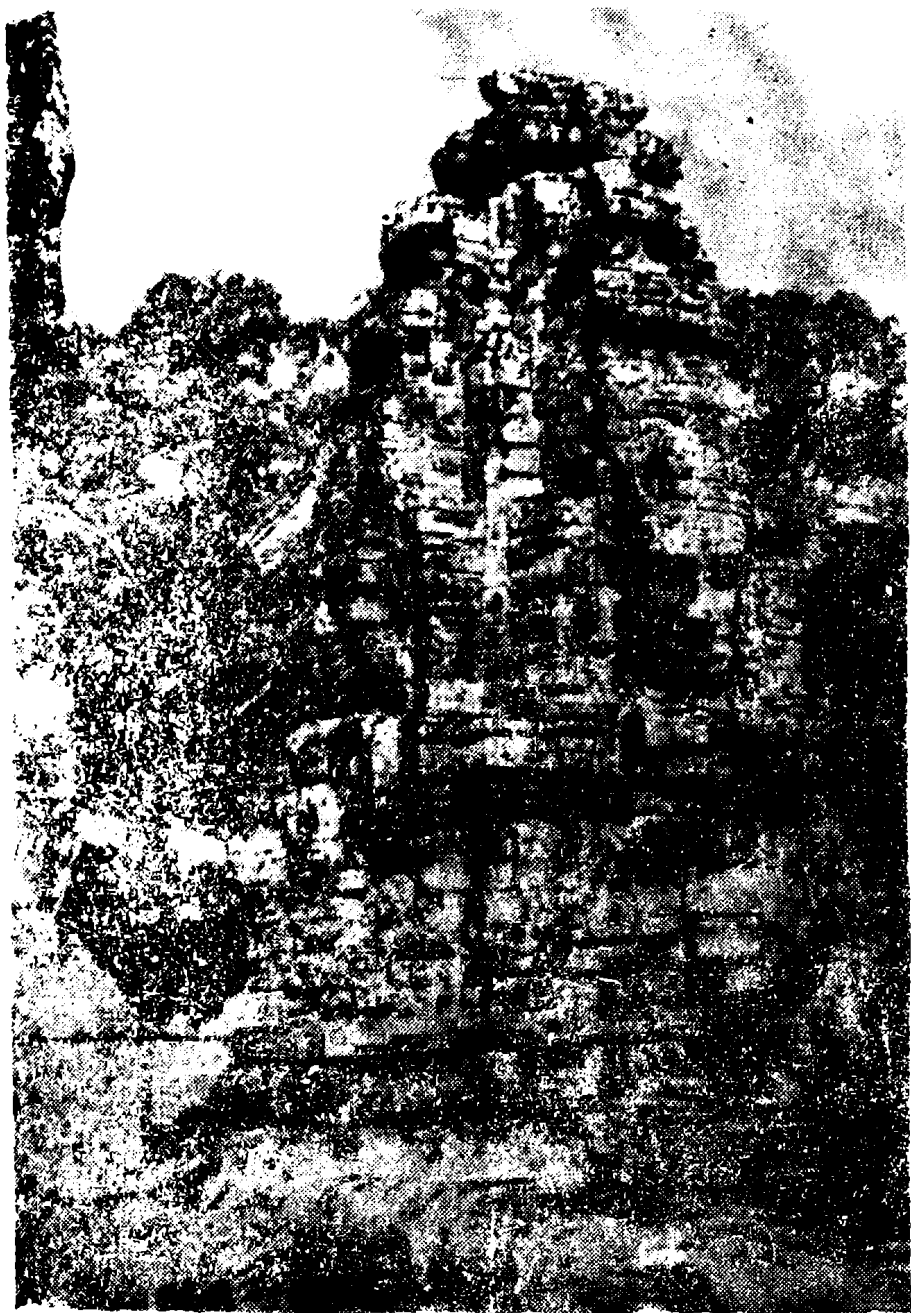
hiện thời chỉ còn vài vạt tường và chân cột nghiêng ngửa mà thôi. Trong mỗi cổng vào đền có một cái linh phù bằng đá. Kế đó là một con đường lát đá bùn dài 200 thước, đoạn đầu đắp như một cây cầu có ba hàng cột, tiếp đấy lại đắp như cái bờ đê ; mặt đường rộng 5 thước 50, hai bên có 2 vách tường xuôi theo. Giữa hai phần ba bề dài của con đường có một gian phòng hình chữ thập chắn ngang. Hiện thời phòng này hư sập gần hết. Tại đây có hai mảnh sân cao đưa dài qua hướng Bắc và hướng Nam. Theo sân ở hướng Nam ta đến một hồ nước bề dài 37 thước, ngang 28 thước.

Ngôi đền xây theo hình tiêm tháp cao 5 tầng thang, bằng đá bùn. Trái với lối kiến trúc ở hai thế kỷ thứ 9 và thứ 10 cổ nhân xây nền theo hình chữ nhật chứ không theo hình vuông. Quanh đền có nhiều dãy hành lang cất ở bậc thang thứ nhất, thứ ba, thứ năm và trên sân thượng. Bề cao của đền lối 24 thước.

Vách nền đá có khắc hình hoa chớ không có chạm hình người. Dãy hành lang ở ngoài cửa vòng thành thứ ba bị hoàn toàn mất hẳn. Những ngôi tháp ở góc nền đều bị triệt hạ cùng với một phần lớn ngôi cổng ở phía Bắc và phía Tây.

Ngay cửa Đông, trèo lên những bậc thang thẳng đứng dề vào đền, ta thấy ở cửa thông từ chánh điện qua chái phía Bắc một lối kiến trúc đặc biệt của người Miên trong thời ấy.

Hiện thời chúng ta còn thấy một đoạn cây bị hư mục gần hết. Đây là ngôi đền chánh lớn hơn hai ngôi bên cạnh. Xung quanh đền có chạm nhiều hình Tiên nữ Devatā, hình thú vật nhỏ có vẽ ngậy ngó và hình hoa sen khắc trong những ô vuông.



Một trong những ngôi tháp cổ bên mặt đền BAYON

Cửa thành ANCKOR THOM về hướng Đông, hai bên có hai hàng



Từ góc Đông Bắc, ta có thể đi theo mảnh sân rộng bao quanh đền chánh mà ngắm di tích của hai căn phòng hình chữ thập có 4 phần nhô ra ngoài theo kiểu « thư viện » và thẳng qua ngôi cổng phía Nam. Ngôi cổng này còn gần nguyên vẹn, quanh vách có chạm hình hoa sen, thú vật, Tiên nữ Devatâ và nhiều hoạt cảnh hơi lạ kiểu như một nhà tu khổ hạnh ra về rời hang núi trở về thế gian.

Ở mặt Nam, người đời bây giờ có tô thêm xi măng vào những bậc thang đã mòn quá nhiều cho dễ đi. Hầu hết các bậc khác quanh đền đều hư mòn như thế.

Lên tới tầng thứ nhì, ta thấy một dãy hành lang hẹp bao xung quanh, có cửa sổ cả hai mặt xây dính trong tường và có chấn song tiện tròn ở ngoài.

Các ngôi tháp ở góc đền đều mất hết chỉ còn vại tường ở góc Đông Nam. Mấy ngôi cổng ở ngoài đều có ngọn tháp ngay giữa xây hai tầng và có ba mái. Toàn thể các vách tường có chạm nhiều hình rất đẹp. Ngôi cổng ở hướng Nam còn nguyên vẹn, báng chạm tai hoa sen thật khéo.

Từ tầng thứ nhì có ba bậc thang dốc đứng đưa lên tầng thứ ba. Ta nên đi theo chiếc thang ở cổng phía Nam về hướng Tây còn tốt hơn hết.

Mặt sân thượng bề dài 42 thước, ngang 36 thước bị hư sụp rất nhiều chỉ còn chút ít di tích của mấy ngôi cổng của nền chánh và hai mái đền, phía dưới là vách tường có chạm hình.

Ở góc Đông Bắc còn dấu vết ngôi tháp, vài chân tường và cột ở dãy hành lang.

Đứng gần cửa Đông nhìn qua đồi Bakheng về phía

Nam, đền Phimeanakas về phía Bắc và khu rừng Angkor đẹp mắt vô cùng.

HÌNH CHẠM VÀO VÁCH TƯỜNG

Nhà khảo cổ Coedès nói rằng : « Những hình chạm ở bốn mặt trước của dãy hành lang trong đền Baphuon đều rút theo điển tích giống như ở đền Angkor Wath. Nếu ta muốn tìm những đoạn sử về tích Rámâyana, thì ta thấy ngay ở 4 mặt tường gần cửa Đông cùng với những đoạn truyện Mahábháratá về phía Nam và những cảnh thần thoại Krishna.

Những hình này cô nhân chạm từng chuyện rời ra trên cây mây cửa và tám mi tam giác, sắp từ dưới tiếp lên trên. Người xem nên theo đúng phương pháp mới hiểu câu chuyện.

Ở cổng phía Nam, mặt tường hướng Nam vẽ góc phía Tây, cô nhân chạm đoạn đời của Thần Krishna hồi còn bé, cuộc trao đổi trẻ con để tránh ngày bất đắc kỳ tử của vị Thần, trận sát hại trẻ con, Thần Krishna xé tét thân rắn ra làm hai và đánh với bảy bò tót có mặt người. Bên cạnh là những cảnh sống của dân chúng : cạp rượt một vị tu sĩ leo lên cây, thợ săn bắn chim, bò tót háng lộn, tu sĩ cầu nguyện và đàn bà giỡn với trẻ con. Ở phía Đông có cảnh sống của các nhà tu khổ hạnh, trong ấy có một vị cầm một đầu người bị mũi tên xuyên qua. Ở dưới có hình người đánh thú và đấu võ lẫn nhau.

Về mặt tường hướng Bắc, phía Đông hình ở dưới diễn cảnh sống của các nhà tu khổ hạnh : một vị đang vét nước trong lu, một vị ôm bụng nhăn nhó, một vị có vẻ sắp chết. Phía trên là tích Rámâyana, bọn Chấn đại chiến với quỷ và cuộc đàm luận của Hầu vương Hanuman cùng Công

chúa Sita ngồi dưới gốc cây Açoka. Một phần vách khác ở trên cao chạm cảnh sống của vị Thần Vishnou trình bày 2 lần liên tiếp. Về phía Tây, vách tường bị sập hết phân nửa có cảnh rừng núi : các vị tu sĩ, đàn ông, thú vật và vài trận đấu võ.

Trong ngôi cổng hướng Đông, mặt tường phía Đông về phía Nam chạm tích Râmâyana : cuộc đốt lửa thiêu Công chúa Sita để thử xem nàng còn trinh tiết hay chăng ? Ta thấy Công chúa ngồi trên gối Hoàng tử Râma, kẻ đó Công chúa đứng trên đồng lửa, hai tay chấp lại để trên đầu, bên cạnh là Agni vị Thần Lửa và Thần Maheçvara cỡi bò tót. Phía trên là Hoàng tử Râma và Công chúa Sita ngồi trên ngai.

Kế đó là một đoạn tích Mahâbhârata, trận tử chiến giữa Thần Çiva và Quỷ Arjuna đánh con heo rừng. Đó là Tiểu thần Muka biến hình thú.

Ở phía Bắc, đoạn khác của tích Mahâbhârata ở trên có một nhóm nhạc sĩ, đây là viên Đoàn trưởng của quân Pandava kéo binh đánh quân Kaurava, rồi đến cuộc tử chiến với viên Đoàn trưởng phe này tên Bhisma. Tiếp qua Bhisma bị giết chết mà ta thấy ông ta té trên chiến xa, bị tên ghim trên mình. Bên cạnh có nhiều cảnh nhỏ trong ấy có một người đàn ông lột truồng người đàn bà bằng cách giựt cái sà rồng.

Ở mặt tường hướng Tây về phía Bắc có hình bắt một con voi rừng nhờ bầy voi nhà, rồi đến đoàn xe bò cùng gia nhân đi theo, cảnh sống của các nhà tu khổ hạnh và bên trái có một người cầm cung bắn một người đàn bà.

Xa hơn nữa có nhiều cuộc xáp chiến giữa người, khỉ và voi. Về phía Nam, trên có 1 người rượt cạp dưới có hai người đánh nhau để đánh một người đàn bà. Bên

mặt có hình nhiều người đánh bầy bắt thú, các nhà tu khổ hạnh ở giữa rừng, đàn bà và người cầm cung, 1 vị Quốc vương ngồi trên ngai xung quanh là đám cung-nữ.

Trong ngai cồng hướng Bắc, mặt tường phía Bắc, phía Đông chạm tích Rāmāyana về trận giặc Lanka: Hoàng tử Rāma ngồi trên chiến xa do ngựa kéo, Chấn Ravana có nhiều đầu và nhiều tay ngồi chiến xa do giống Quỷ mặt người kéo. Kế đó có những trận ác chiến giữa Chấn Ravana với Vua Khỉ Hanuman và Nila, trận chiến giữa Vua Khỉ Sugriva với một Chấn Rākshasa, và trận chiến giữa Chấn Ravana với Hoàng tử Rāma ngồi trên lưng Hổ vương Hanuman.

Bên cạnh là cảnh Công chúa Sita bị bắt nhốt trong đền của Chấn Ravana, nàng tiếp Hổ vương Hanuman dưới cội cây Aśoka, trao cho Vua Khỉ chiếc nhẫn đem về để Rāma tin rằng Vua Khỉ đã làm tròn sứ mạng.

Dài theo cửa sổ thứ nhất của dãy hành lang có nhiều hình thú rất đẹp.

Về phía Tây, bên cạnh những hình thú vật và hoa lá, có diễn trận đánh giặc Lanka: một trong số mấy người con của Chấn Ravana tên Indrayita quảng tên phép vào Hoàng tử Rāma và em là Lakshmana. Những tên này hóa thành hình rắn quấn hai người, bên cạnh là bầy khỉ theo phe Hoàng tử ngồi than khóc. Chim thần Garuda từ trên không bay xuống cắn Chấn và xoa vuốt những vết thương. Hoàng tử Rāma từ giả bọn khỉ theo phe của mình ngồi xe Gushpaka do ngỗng thần Hamsa kéo trở về đền Ayodhya. Xa hơn có một nhà tu khổ hạnh ngồi khóc dưới 2 con voi đang đung đầu, đây là vị tu sĩ kết liên với Rāma và Lakshmana cùng với Vua Khỉ Sugriva bị người anh là Valin đẩy trên núi Mayala.

Kế đó là trận chiến giữa hai anh em tu sĩ, và Valin bại tàu vì Hoàng tử Râma lên bắn một mũi tên sau lưng.

Về mặt tường phía Nam, ở hướng Đông có hình bò tót và ngựa đá lộn bên cạnh là cuộc kết thân giữa Hoàng tử Râma và em là Lakshmana với Hầu vương Sugriva. Ở hướng Tây, cảnh đánh nhau có cả người và thú và trong góc có Công chúa Sita ngồi dưới cội cây Açoka.

Trong ngôi cổng hướng Tây, mặt tường Tây về phía Bắc có hình thú và người đánh nhau, ở trên có đoàn nhạc sĩ, chiến sĩ ngồi trên lưng voi, phía trước có một người cầm cung và một người ngồi trên chiến xa tiến tới dưới một đám tên bay.

Ở phía Nam ở trên vẫn là đoàn nhạc sĩ, có một người nắm chân 1 con voi quay tròn và trên cao có một lầu đài ở giữa đám mây do bảy ngỗng Thần 3 đầu, 4 tay. Kế đó là những đám đánh nhau trong một chiến xa và trước một cung điện, bên cạnh có hình Thần Arjuna nhận khi gươm do Thần Çiva trao tặng.

Về mặt tường hướng Đông, ở phía Bắc có nhiều cảnh đánh giặc có cả thú vật lộn vào. Ở phía Nam có cảnh chiến đấu giữa người và khỉ, ngay trung tâm có một người cao lớn nắm hấp hối trên lưng một con voi nhỏ bé. Xa hơn có đám heo rừng cắn lộn một người cầm cung bắn một quái vật mặt người và hai con ngựa đá lộn.

THÁP SUOR PRAT

Những ngôi tháp Suor Prat xây vào khoảng cuối thế kỷ thứ 12 do Quốc vương Jayavarman VII, thụy phong là Mahaparamasangata pada, có nghĩa là mấy ngôi tháp của « những người nhảy dây ».

Tháp xây bằng đá ong và đá bùn, có tất cả 12 ngôi, kéo dài trước mặt Đền của công trường Hoàng gia Angkor Thom, và trở lại, bắt đầu từ con đường ra cửa Thăng trận.

Vị Tùy viên Sứ giả Tàu Châu đạt Quan thuật rằng :

« Khi có hai gia đình tranh tụng mà không thể biết ai phải, quấy thì người ta đến trước đền Vua, chỗ 12 ngôi tháp. Mỗi đối thủ lên ngồi trên một ngôi, dưới chân tháp là gia quyến họ canh giữ. Sau một, hai ba hay bốn ngày, kẻ nào có lỗi sẽ bị hành phạt hoặc nổi mạt ghê lở, nổi u khắp mình, hoặc bị nóng lạnh. Kẻ vô tội thì không có gì cả. Do đấy người ta mới phân xử người phải, kẻ quấy, đấy là sự phân xét của các đấng thiêng liêng ».

Chiều theo lối kiến trúc của các ngôi tháp : mở cửa một mặt còn ba vách có cửa sẽ chắn song tiện tròn không giống lối xây tháp, thời ta có thể cho rằng đây là 12 chỗ ngồi dành dự cho các vị Hoàng tộc hoặc quan Đại thần khi có cuộc lễ biếu diễn trước công trường Hoàng gia.

Tháp xây theo hình vuông bằng đá ong, mặt trong rất xấu có hai tầng. Chỉ có các khuôn vách, cây mây cửa và tấm mi hình tam giác bằng đá bùn. Rải rác vài mặt vách có chạm hình các nhà tu khổ hạnh và rắn bầy đầu. Cửa vào tháp mở về mặt công trường và đường ra cửa Thăng trận. Cạnh đường này ở góc các ngôi tháp có một hồ nước lớn, bề dài 80 thước, ngang 60 thước, xung quanh có bậc đá. Phía sau ngôi tháp ở phía Nam là nền sân mới sửa lại để tượng Phật Vua do ông Trouvé tìm được dưới đáy giếng trong đền Bayon vào năm 1933.

CÁC NGÔI THÁP KLÉANG

THÁP Kléang là những «Kho chứa» của hai vị Quốc vương Jayavarman V, thụy phong là Paramaçiraloka và Jayavarman I, thụy phong là Paramanirvanapada xây cất vào cuối thế kỷ thứ 10 và đầu thế kỷ thứ 11.



Ở phía sau hàng tháp Prasat Sour Prat và gần đối diện với hai đầu Bắc và Nam của nền Sân Voi, các ngôi tháp Kléang đứng thành hàng dài theo công trường Hoàng gia gồm có hai ngôi lớn bằng đá bùn, có cổng xây về hướng Đông, ở mặt phía Tây có hành lang và nhiều ngôi tháp nhỏ.

Đây là những ngôi tháp Kléang Bắc và Nam mà người ta gọi là «khe chứa» thật trái hẳn với lối kiến trúc để thờ phụng của tháp, với lối chạm trổ tỉ mỉ và lối xây cất tuyệt mỹ. Những ngôi ở phía Nam bề rộng 4 thước 20 và ở phía Bắc rộng 4 thước 70, có vẻ là những cung điện để tiếp đón các vị Hoàng tử ngoại quốc hoặc các vị Đại thần ở xa đến viếng, giống như loại quán dịch của Việt nam thời xưa.

Mới nhìn vào ta thấy hai dãy Kléang đều giống in

nhau, nhưng dãy ở phía Nam có vài nơi khác hẳn và có phần chưa cất xong.

Hai bản chữ khắc ở dãy phía Bắc ghi dưới triều Vua Suryavarman I từ năm 1002 đến năm 1019, còn hai bản ở dãy phía Nam chép lại lời tuyên thệ của các quan trong triều, khắc cùng thời ấy vào năm 1011. Bản chánh khắc ở chân ngôi cổng Đông của Hoàng thành.

THÁP KLÉANG Ở PHÍA NAM

Tháp xây trên một nền đá có chạm trổ, vách dày 9 tấc, phía trên có mái hiên hình bụng rắn. Toàn tháp bằng đá bùn, ở hai mặt chánh có hai cánh cửa sổ thật lớn hình vuông có 7 chấn song tiện tròn. Cửa Đông và Tây có 4 cửa sổ và mái cổng bằng gỗ ngói đá hoàn toàn hư mất hết từ lâu. Dãy hành lang lớn ở phía trong chỉ có một mặt, bề dài 45 thước Hai gian phòng nhỏ ở đầu tháp có một cánh « cửa giả »; về cuối phòng, ở mặt Tây có một cánh cửa sổ, ở mặt Đông có một bức vách tường nhỏ, trước kia ăn thông qua một dãy hành lang thấp hơn xây bằng vật liệu nhẹ bao quanh một mảnh sân lối 50 thước bề dài, 30 thước bề ngang. Giữa sân này có một dãy hành lang ở phía Nam Bắc chấn ngang chia ra làm hai mảnh. Tất cả di tích này ngày nay không còn tồn tại bao nhiêu.

THÁP KLÉANG Ở PHÍA BẮC

Tháp Kléang về phía Bắc được xây cất kỹ càng trên một nền hình chữ thập, có chạm hình rắn bảy đầu. Nền sân xây bằng đá chạm trổ khắp nơi theo lối mỹ thuật khéo nhất của người Miên.

Vách tháp dày hơn vách ở phía Nam, do được 1 thước 50, xây dưới một tầng « lầu giả », trước kia có

những đòn tay bằng gỗ kẹp với các phiến đá, bây giờ bị hư mục rất nhiều. Cỗ nhân dùng đá bùn để xây mặt ngoài trên lớp đá ong mà thôi.

Ở giữa có dãy hành lang dài mái lợp ngói xây quanh đền, hiện thời bị hư sập gần hết. Từng khoảng hành lang có nhiều gian phòng vuông mỗi cạnh 4 thước 50, hai bên có hai gian dài 18 thước 70. Trong những dãy hành lang này có hai bức tượng bằng đồng thật tốt, một tạc Thần Vishnou, một tạc Đức Phật Lokeçvara.

Về phía Đông cũng có loại hành lang xây xung quanh như ở tháp hương Nam, nhưng ở đây ta thấy dấu vết của người đời nay xây cất lại, chắc chắn là họ gom góp những vật liệu đã sụp đổ từ lâu. Giữa mảnh sân có một ngôi tháp thờ nhỏ hình chữ thập xây trên nền đá có chạm trổ, hiện thời chỉ còn tầng thứ nhất. Xưa kia ngôi tháp này có bốn mái hiên hình chữ thập nối qua dãy hành lang bao quanh sân cất bằng vật liệu nhẹ, bây giờ không còn dấu tích gì cả.

Ở góc Đông Bắc có một tấm điện hình vuông mỗi cạnh 2 thước, bốn phía trống trơn, ngay giữa có một ngôi nước cam lồ dựa từ trung tâm điểm ngôi tháp ra ngoài gọi là samasutra.

NGÔI ĐỀN NHỎ PHÍA ĐÔNG THÁP KLÉANG Ở PHÍA BẮC

Sát bên hướng Đông, người xưa có cất một ngôi đền nhỏ xoay cửa về hướng Tây. Thềm theo lối kiến trúc giống đền Bantéay Srei, ta được biết đền này xây trước dãy tháp Kléang một ít lâu.

Xung quanh đền có một bức tường Lãng đá ong hình vuông mỗi cạnh lối 30 thước và chỉ có một ngôi cổng nhỏ

xây theo hình chữ thập dài 2 thước, ngang 1 thước 80, phía trước còn một tượng sư tử ngồi canh. Ở giữa còn di tích một ngôi đền hình vuông mỗi cạnh 2 thước 10, ba mặt vách chạm « cửa giả » và có hai cầu phong theo kiểu « thư viện ».

Những cây cột ở góc đền hiện thời chỉ còn phần dưới chân có chạm hình Tiên nữ Devatā trong các khoản vào nền đá. Mấy tấm mi tam giác của « thư viện » sụp đổ nằm dưới đất, ta còn thấy ở giữa « thư viện » về hướng Nam 11 linh phù nhỏ, bề cao 47 phân sắp thành 3 hàng rất ngộ nghĩnh.



ĐỀN PRAH PITHU

Đền Prah Pithu có 5 ngôi tháp nhỏ và 5 mảnh sân ở đầu phía Bắc công trường Hoàng gia bên mặt Đông, gần đối diện với đền Tep Pranam. Đền này cất vào khoảng giữa thế kỷ thứ 12 để thờ các vị Thần Balamôn trong ấy có một ngôi thờ Phật. Toàn thể 5 ngôi đều bị hư sụp rất nhiều.

Từ ngoài lộ, ta vào ngôi thứ nhất theo một mảnh sân hình chữ thập đắp thành hai bậc, có tượng rắn bảy đầu nằm dài hai bên. Kế đó là vách tường thành bằng đá bùn bao quanh một khoảng đất dài 45 thước, ngang 40 thước. Ở phía Đông và phía Tây có hai ngôi cổng nhỏ.

Điện thờ xây trên một nền đá ba tầng, tất cả cao đến 6 thước. Bốn mặt điện có 4 cái thang với một đầu thang lên chánh điện ở bậc thứ nhất.

Chánh điện hình vuông mỗi cạnh 3 thước, mỗi phía có hai cánh cửa sổ, ngay giữa có một linh phù thật lớn

hề cao 1 thước đặt trên bệ đá. Vách điện bị sập đổ đến khoảng có các khám đút vào mình đá, trong ấy có hình Tiên nữ Devatā; phần còn lại có nhiều hình nhảy múa rất khéo. Những tấm chắn của phái phụ nữ đều có thêu bông hoa. Trên cây mây cửa ở vách phía Tây có chạm cảnh « Khuấy động biển sữa ».

Những cây cột nhỏ có 16 mặt, xem gần như hình tròn, đều được chạm trổ tỉ mỉ.

Ngôi đền thứ nhì xây cùng một trục với ngôi trước ở giữa một khoảng đất hình chữ nhật bề dài 35 thước, bề ngang 28 thước. Vách đền bằng đá bùn cất trên nền đá có chạm trổ không có ngôi cổng chánh, chỉ có cổng thường hai bên có cột trụ.

Chánh điện cũng giống như điện thứ nhất, nhưng nhỏ hơn. Gian phòng ở giữa chỉ có 2 thước mỗi chiều. Vách tường đều có chạm đầy cả mặt như Tiên nữ Devatā, hình Thần Dvārapāla đứng giữ cửa và nhiều cảnh sống ngoài đời. Những cây cột nhỏ chạm chưa xong, luôn cả cây mây cửa ở phía Nam khắc hình Thần Krishna đứng trên đầu Quỷ Kāla. Cây mây sữa ở phía Bắc chạm hình « Khuấy động biển sữa » và cây ở phía Tây chạm hình Thần Śiva có nhiều tay nhảy múa trên đầu Quỷ Kāla, giữa Thần Vishnou và Brahmā.

Đi ngang một hồ nước cạn khô, ta đến ngôi đền thứ ba ở phía sau 2 đền trước và xích qua phía Bắc lối 30 thước. Đền này cũng theo lối kiến trúc của hai ngôi kia xây trên một nền sân vuông mỗi chiều lối 40 thước, bề cao 4 thước. Vách bao quanh đền đều có chạy chỉ và có 4 bậc thang ở bốn mặt đưa lên trên. Dưới chân thang có tượng sư tử đá ngồi canh giữ.

Chánh điện xây hai tầng cao, bên vách có « cửa sổ

giả» có chấn song tiện tròn, ngoài ra không chạm trở gì thêm, vì cất chưa xong.

Ở giữa là gian phòng vuông mỗi cạnh 2 thước 20 có chạm hai hàng hình Phật trên đầu lồi lên thành ngọn lửa. Ở cây mây cửa phía Đông có chạm ba hình Phật ngồi giữa đám tín đồ.

Đi về hướng Đông, ta theo mặt vách bằng đá ong chạm một nền sân có nhiều hình bia đá gọi là Semas theo thuyết nhà Phật và vài dấu vết hình rắn 7 đầu. Qua đây, ta thấy một hồ nước có bậc đá xuống mặt hồ, có hai tượng voi đá đứng giữ trên bờ.

Trở lại đường cũ, ta thấy về phía Bắc của ngôi đền thứ nhì là ngôi đền thứ tư không có vòng thành ở ngoài mà có thêm một gian phòng ở hướng Đông xây dính với chánh điện. Căn giữa hình vuông mỗi cạnh 3 thước 80 xây trên một cái bệ hai tầng có chạm trở, bên trong có một linh phù thật lớn, cao 1 thước 50.

Ngôi thứ năm xây theo lối khác hơn 4 ngôi kia, trên một cái bệ đặt lên nền đất cũng ở về hướng Bắc, gần ngôi thứ tư. Đền này có hai gian nối nhau bằng một căn phòng. Chánh điện ở hướng Tây có một cánh « cửa giả » đóng kín về mặt ấy.

Các cột trụ đều có chạm trở, phía trên đầu khắc hình đầu chim. Tầm diện bề dài 3 thước 50, bề ngang 3 thước, ở trong có linh phù cao 95 phân. Gian phòng chánh bị sụp đổ rất nhiều bề dài 8 thước, ngang 7 thước. Trên mặt Tây, ta còn thấy ở hai tấm mi tam giác có chạm hình, phía Bắc là cuộc chiến thắng của Thần Krishna cỡi chim thần Garuda đánh bại Quỷ Bana, phía Nam là « ba bước đi của Thần Vishnou ».

Theo đường về hướng Tây, ta đi dọc bờ phía Bắc một cái hồ đầy nước và một nền sân hình chữ thập xung quanh có nhiều cột trụ.



NHỮNG NGÔI ĐỀN Ở «VÒNG NHỎ» (PETIT CIRCUIT)

DIA thể vùng Angkor rộng hàng nghìn mẫu, gồm có ngôi đền Angkor Wath Hoàng thành Ankor Thom và những ngôi đền rải rác xung quanh hồ Baray Tây (1). Muốn viếng những ngôi đền ấy ta phải theo một con đường tráng nhựa rất đẹp. Đường này chia làm hai đợt, gọi là Vòng lớn và Vòng nhỏ.

Vòng lớn bắt đầu từ cửa Bắc thành Angkor Thom quanh về hướng Đông, xuyên ngang mặt hồ đã cạn khô. Khởi điểm là vào Vòng nhỏ, cũng thẳng một đường trở vào cửa Thăng trận (về hướng Đông) của thành Angkor Thom. Ngay giữa thân hồ Baray Tây, hai bên đền Bantéay Kdei và hồ nước Srah Sranq có con đường về đền Angkor Wath và thông với đường về thị trấn Siemréap.

Từ phần thứ ba đến đây, quý bạn đã viếng đền Angkor Wath, các ngôi đền dọc theo đường vào Hoàng thành cũ, và các ngôi đền trong thành Angkor Thom, bây giờ thì vào Vòng nhỏ, quý bạn sẽ đi từng đền một khi thì bằng chân quai, lại vài trăm thước lúc phải ngồi xe hàng mấy cây số ngàn. Trong vòng nhỏ có tất cả 12 ngôi đền, bắt đầu từ :

(1) Hướng Tây của Angkor Thom. Về hướng Đông có một hồ nhỏ gọi là hồ Baray Đông.

ĐỀN MANGALARTHA

Đền Mangalartha, người Pháp đánh số 487, xây vào khoảng cuối thế kỷ thứ 13, bắt đầu thế kỷ thứ 14 thờ các vị Thần Balamôn. Từ công trường Hoàng gia ở Angkor Thom theo con đường ra cửa thắng trận 900 thước, quanh về hướng Nam trên một tiểu lộ xuyên qua rừng cây dày đặc 250 thước, ta thấy ngôi đền này.

Đây là ngôi tháp thờ cuối cùng trong Hoàng thành Angkor Thom, chiều theo một tâm địa chạm bốn mặt thì cổ nhân xây vào cuối thế kỷ thứ 13 ở thời kỳ Quốc vương Jayavarman VII bá g hà, và trong ấy có ghi: « *đền này để thờ hai người được nhà Vua phong Thần: vị tu sĩ Balamôn Mangalartha, thụ phong vào Thần Vishnou và bà mẹ của tu sĩ* ».

Ngôi tháp xây toàn bằng đá bùn xoay cửa về hướng Đông biệt lập giữa rừng. Nền tháp đắp hai tầng bằng đá có chạy chỉ, bốn mặt có bốn bức tam cấp. Tháp xây theo hình chữ thập, phía trước về mặt Đông có một gian phòng án ngữ.

Trên các « cửa sổ giả » của căn phòng, cổ nhân có chạm thêm bức sáo. Các « cửa giả » thì quay đường chỉ tâm thường không có gì đặc sắc cũng như hàng cột nhỏ ngoài cửa chính. Trên một góc cột có khắc chữ thuật sự tích xây ngôi đền. Trong âm điện ở giữa hình vuông mỗi cạnh 2 thước 20, có 2 Thần tượng đứng trên bệ đá.

Xung quanh đền, ta còn thấy trên mặt đất nhiều tấm mi tam giác có chạm hình ở góc hướng Đông « Thần Vishnou nằm ngủ trên mình rắn Ananta », ở hướng Nam « ba bước của Thần Vishnou thần phục thế giới », ở hướng Bắc « Thần Çiva có 4 tay nhảy múa trên vế của bà vợ tên Cakti xung quanh có nhiều tiên nữ Apsara » và trên một

cây mây cửa có chạm hình « Khuấy động biển sữa ». Ở hướng Tây trên một cây mây cửa chạm hình « Thần Krishna đỡ quả núi Govardhana để che chỗ đám mục tử và bầy thú vật. »



ĐỀN THOMMANON

Ra cửa Thăng trận của thành Angkor Thom ở về phía Đông Cung điện, cách 500 thước trên đường Vòng nhỏ ta thấy hai ngôi đền nhỏ khá đẹp ở hai bên đường : đền Thommanon ở bên trái và đền Chau Say Tevoda bên phải. Hai ngôi đền này xây vào cuối thế kỷ thứ 11 và vào khoảng đầu thế kỷ thứ 12 để thờ các vị Thần Balamôn.

Đền Thommanon có một ngôi tháp thờ xoay cửa về hướng Đông hình chữ nhật, hai ngôi cổng không đều nhau ở hướng Đông và Tây, và một gian « thư viện » ở hướng Nam. Xung quanh đền có hào nước bao bọc ngày nay đã cạn khô.

Vào đền, ta đi qua một bờ đê đắp ngang hào và thấy ngay dấu vết một tường thành bằng đá ong đã sụp đổ, bao quanh một khoảng đất rộng 45 thước, dài 60 thước.

Ngôi chánh điện có 4 tầng cao nổi hẳn lên, xây trên một nền cao 2 thước 50 chạm trổ rất tỉ mỉ. Bốn mặt điện có bốn phần nhô ra ngoài, 4 phía che 3 tấm « cửa giả » chạm hình Tiên nữ Devatâ.

Một căn phòng nhỏ thấp hơn nền tháp nổi liền phần nhô ra ở hướng Đông với căn phòng hình chữ nhật ở trong. Nền phòng cao 1 thước 80 và các vách tường đều có khoét một cánh cửa. Những tấm mi tam giác hư đồ rất nhiều. Ta còn thấy ở trên cửa Nam có chạm hình Chăn Ravana có

hiều đầu và nhiều tay tìm cách lật đổ ngọn núi có Thần Civa ngự trên ấy.

Ở giữa phía trên cánh cửa có hình Chấn Valin tử trận sau khi đánh với Hầu Vương Sugriva.

Gian phòng hình chữ nhật bề dài 6 thước, ngang 3 thước, đưa vào tấm diện hình vuông, 3 thước mỗi chiều, trong ấy có một linh phù cao 95 phân. Cây mây cửa hướng Đông của diện thờ chạm hình Thần Vishnou cỡi chim thần Garuda.

Ngôi cổng ở mặt Đông gần sát với gian phòng hình chữ nhật có ba ngã thông thương riêng biệt. Trên tấm mi tam giác của tấm diện về phía Bắc có chạm hình Thần Vishnou đánh ngã 2 kẻ thù của Ngài, một đứa bị nắm đầu, một đứa nằm dưới đất; ở phía Nam cũng chạm hình Thần Vishnou trong sự tích khác.

Gian « thư viện » độc nhưt xây giống như gian phòng hình chữ nhật có cửa sổ khoét trong vách ngăn bằng chấn song tiện tròn; bề cao cửa trên là 1 thước 10, chu vi của gian phòng dài 3 thước 70, ngang 3 thước xây quanh bằng đá ong, cửa xoay về hướng Tây có một cánh lớn và 2 cửa sổ nhỏ, ở phía Đông có một cánh « cửa giả » chạm trên tường đá.

Ngôi cổng ở hướng Tây chỉ có một ngõ ra vào ngay chính giữa và hai mái không có cửa sổ. Tấm mi tam giác ở hướng Tây chạm hình Thần Vishnou cỡi chim thần Garuda đang đánh với bọn Chấn Asura; dưới chân các cột trụ chạm những cảnh nhỏ có người làm lụng ngoài đồng. Những đầu « ngói giả » ở mái phòng đều chạm hình sư tử nhỏ.



ĐỀN CHAU SAY TEVODA

Đối diện với đền Thommanon, đền Chau say Tevoda cũng xây theo lối đền ấy nhưng có 4 ngôi cổng và hai gian « thư viện ». Đền này bị hư sập nhiều hơn.

Trong vòng thành dài 50 thước, ngang 40 thước, chỉ còn cái nền bằng đá ong chạy đường chỉ, hai ngôi cổng Bắc và Nam hình chữ thập bị sụp đổ hoàn toàn đến mặt tiền và các bậc tam cấp có chạm từng bậc. Hai gian phòng « chứa sách » cũng bị hư đổ gần hết chỉ còn vài vạt tường đứng vững mà thôi. Phòng xây cửa về hướng Tây có một gian phòng nhỏ ở ngay cửa.

Ngôi chánh điện còn giữ được 3 tầng cao trong số 4 tầng. Toàn điện nhỏ hơn đền Thommanon. Gian phòng ở trước cửa nối liền căn phòng hình chữ nhật ở trong bề dài 6 thước 80, bề ngang 3 thước 60, kế đó là ngôi tắm điện hình vuông « ôi cạnh 2 thước 80. Mái khung vòm của căn phòng dài bị sụp đổ, phía trước có một cánh cửa ăn thông với ngôi cổng ở hướng Đông bằng một lối đi cao hơn mặt nền có ba hàng cột.

Ngôi cổng có ba ngã thông thương này giống như ngôi cổng ở đền Thommanon. Tại đây có một con đường rậm mát đưa qua một lối đi đắp cao và một nền sân đến bờ rạch nhỏ gần đây. Rạch này tên là Stung (sông nhỏ) Siemreap chảy ngang thị trấn vào Biển hồ.

Trên hai tấm mi tam giác có chạm tích Râmâyama : phía Nam là trận chiến giữa Hầu vương Sugriva với Chẩn Valin, phía Đông có nhiều con khỉ. Toàn thể các hình chạm trong đền đều diễn sự tích của Thần Çiva và Vishnou, như ta còn gặp trên vài tấm mi tam giác nằm dưới đất có hình thần Çiva và vợ là Umâ cỡi bò tót Nandin.

Trước mặt Nam của gian « thư viện » ở hướng Bắc có tượng bò Nandin nằm giữa trời.



SPEAN THMA (1)

Cách đền Thommanon 200 thước về hướng Đông theo đường lộ có di tích một cây cầu bằng đá bùn bắc ngang rạch Siem Réap gọi là Spean Thma. Thân cầu bắc cao hơn mặt nước khá nhiều, đến tháng nước lụt, cũng vẫn còn cao.

Do đấy, người ta biết rằng mực nước đã hạ xuống thấp sau mấy thế kỷ vừa qua.

Hiện thời ta còn thấy 14 nhịp rộng 1 thước 10, cách nhau bằng những cột cầu 1 thước 60 bề trục kính.



(1) — Spean Thma nghĩa là cây cầu bằng đá.

NGÔI THÁP CỦA DƯƠNG ĐƯỜNG

Trong phần thứ hai, chúng tôi có ghi lối kiến trúc của những căn nhà thương, trong ấy đều có những ngôi tháp kèm theo mỗi căn làm nơi thờ phụng. Đây là một trong 102 ngôi ấy, chiếu theo bia đá ở đền Ta Prohm, xây vào cuối thế kỷ thứ 12 do Quốc vương Jayavarman VII, thụy phong là Mahâparamasangata pada đề thờ Phật.

Qua khỏi cầu Spéan Thma, đến khúc quanh về phía Nam ngay trụ cây số 7 bên tay mặt, ta thấy một ngôi tháp thờ giống như tháp Ta Prohm Kel ở phía trước đền Angkor Wath.

Ngôi cổng hình chữ thập ở trước tháp đã sụp đổ, chỉ còn lại dấu vết của mặt cửa xoay về hướng Đông và mái nhỏ. Cổng xây bằng đá ong và đá bùn. Kế cổng là một khoảng đường lối hai mươi thước đưa đến chân tháp. Toàn thể ngôi tháp còn gần nguyên vẹn với bốn tầng cao xây theo hình chữ thập, cửa mở về hướng Đông, ba mặt tường có « cửa giả » bịt kín. Trước tháp có một ngôi cổng nhỏ hai bên vách cổng có hai cửa sổ; giữa tháp là tâm diện hình vuông mỗi chiều 21 thước. Trên vách tháp có chạm hình Tiên nữ Devatâ rất xấu và trên những tấm mi tam giác có hình Phật Thích ca bị đập bể. Trước cửa có một bệ đá hình dáng hơi khác thường.

Nhà khảo cổ Goloubew có tìm thấy một tấm mi tam giác chạm « vị Phật Lokeçvara bên cạnh một người mắc bệnh cùi, gần đấy có một viên điều dưỡng sửa soạn bóp tay bệnh nhưn... »



ĐỀN TA KEO

ĐỀN Ta Keo ở cách « Ngôi tháp của Duỡng đường » một ngàn thước năm đưa lưng ra đường lộ. Muốn vào ta phải đi vòng từ phía sau về hướng Tây, quanh theo hông phía Nam đến góc Đông Nam, quẹo sang tay trái theo con đường nhỏ gọi là đường Bateur mà vào cửa Đông của ngôi đền.



Ngoài tên « Ta keo » nghĩa là « ông Keo », cổ nhân còn đặt tên « Prasat Keo », nghĩa là « ngôi tháp Kim cương », xây từ năm 1.000 do hai vị Quốc vương Jayavarman V, thụy phong là Paramaviraloka và Suryavarman I, thụy phong là Paramanirvana pada thờ Thần Çiva.

Có điều khiến ta ngạc nhiên là ngôi đền tốt đẹp như thế mà bị bỏ dỡ dang khi bắt đầu trang hoàng, có lẽ lúc cất đến đây thì nhà Vua băng hà, vị Hoàng tử kế nghiệp không sùng bái một vị Thần với Tiên vương mới không chú ý đến.

Nhà khảo cổ Coedès chiếu theo những bản chữ khắc trên chân cột trong các ngôi cổng ở mặt Đông, và

trong một tấm bia đá ở « thư viện » phía Nam, có nêu một giả thuyết cho rằng đền Takeo có thể tượng trưng cho ngọn kim sơn Hemagiri là nơi của vị Thần Tư pháp kiểm soát các lành tốt và xấu của người đời.

Đền cất theo hình tháp, 5 tầng thang bậc cao 22 thước toàn bằng đá bùn. Ngay tầng thang thứ nhất và thứ nhì có hai mảnh sân hẹp bao vòng quanh, một mảnh có vách tường, một có dây hành lang. Cả hai tầng này xây làm nền của ngôi đền. Ba tầng trên lần lần hẹp bớt, tới sân thượng là một cái nền vĩ đại cho 5 ngôi tháp cất theo hình ngũ diêm.

Xưa kia quanh đền có một hào nước, bây giờ đã cạn khô. Vào cửa Đông ta đi qua một khoảng đường đắp ngang hào, ngay đầu có hai tượng sư tử đá chạm theo kiểu ở đền Bayon.

Vòng thành ở ngoài bao quanh một khoảng đất hình chữ nhật bề dài 120 thước, bề ngang 100 thước, xây bằng đá bùn trên nền đá ong. Ngôi cổng xây bằng đá bùn có ba ngả ra vào riêng biệt và ngọn tháp có tầng cao ở giữa.

Qua khỏi cổng có một mảnh sân rộng, ở hai góc có 2 căn phòng dài 22 thước, ngang 2 thước 75, bên cạnh có một căn nhỏ hơn. Có lẽ hai căn này là nhà nghỉ mát của khách thập phương viếng đền. Căn lớn xây bằng đá bùn, căn nhỏ cất bằng gỗ, lợp ngói. Ở mỗi mặt vách đều có cửa sổ chấn song tiện tròn.

Nền sân thứ nhì cao hơn nền trước 5 thước 50 xây bằng đá ong chạy đường chỉ có 4 ngôi cổng ở mỗi trục toàn bằng đá bùn. Mỗi cổng có những bậc thang cao 4 tấc đưa lên. Ta nhận thấy mặt vách đá ở hướng Đông có nhẵn mới khỏi công chạm trổ từng trên.

Dãy hành lang vòng quanh xây bằng đá bùn bề dài 80 thước, cao 75 phân, rộng 1 thước 40, không có cửa chính, chỉ có cửa sổ, mặt tường ngoài chạm thành « vách giả » có chấn song liện tròn.

Trên mặt Đông có hai căn phòng một kiềm với hai căn ở nền sân thư nhất nhưng nhỏ hơn và không sáng sủa bằng. Kế đó có hai phòng « chứa sách » mở cửa về hướng Tây.

Từ nền sân này bề cao của ba bậc thang còn 14 thước nữa. Đây là ngôi toát chánh thức có những bậc thang thẳng tuốt một mạch, mỗi bậc 4 tấc hay 3 tấc bề cao. Dưới chân tường hướng Đông có một tượng bò tót Nandin, cho ta biết ngôi đền này thờ Thần Çiva.

Sân thượng hình vuông mỗi cạnh 47 thước, gần bị 5 ngôi tháp choán hết bề mặt. Bốn ngôi tháp ở 4 góc xoay cửa về 4 hướng, xây trên mặt nền cao 8 tấc. Ngôi chánh diện ở giữa bề cao 4 thước vượt hẳn 4 ngôi kia. Căn tả diện ở giữa hình vuông mỗi chiều 4 thước, còn tả diện của 4 ngôi kia mỗi chiều 3 thước 50.

Trong 5 tả diện không còn gì cả. Người đời sau chỉ tìm thấy ở xung quanh đền những mảnh đá bề của bậc thờ, của linh phủ cùng vài tượng Thần, di tích những cuộc tàn phá của bọn xâm lăng, hoặc đoán lưu manh tìm kho tàng chôn ngay giữa tháp.



ĐỀN TA NEI

Ở đền Takeo trở ra đường Battour quay về hướng Bắc, ta đi theo một tiểu lộ rậm rạp đến ngôi đền Ta Nei cách đây 800 thước.

Ngôi đền cất vào cuối thế kỷ thứ 12 do Quốc vương Jayavarman VII, thụy phong là Mahaparamasangata pada đề thờ Phật, ở giữa gần hồ Baray Đông, cách bờ phía Tây 200 thước.

Xung quanh đền có vòng thành, những vách đã sụp mất. Đó là vòng thứ ba ở ngoài. Hai ngôi cổng về mặt Đông và Tây toàn bằng đá bùn dát nhỏ xây theo hình chữ thập, có chạm hình Tiên nữ Devatā, bên vách có « cửa sổ giả », phía trong là mái hình bụng rắn.

Trên mặt vách Đông của ngôi cổng ở hướng Đông có một tấm ni tam giác chạm hình Đức Phật Lokeçvara đứng trên hoa sen, giữa một đoàn Tiên nữ Apsara và nhiều Tiên nữ bay lượn, phía dưới có nhiều người bụng thật to quì cầu nguyện. Đây là những bịnh như đang nhờ Đức Phật lương y phổ độ.

Một con đường đất nối liền ngôi cổng phía Tây với cánh cửa nhỏ có cột đá, cắt ngang bức tường vòng thứ nhì. Vòng thành này xây bằng đá ong bị sụp đổ gần hết bao quanh một khoảng dài 55 thước, ngang 47 thước. Hai phía Bắc và Nam có hai hồ nước.

Ngôi đền chánh có 4 ngôi cổng nối liền bằng hành lang và những căn phòng ở góc vào chánh điện và ở hướng Đông trong mảnh sân ở giữa về phía Nam có một « thư viện » mà thôi. Chu vi chánh điện hình chữ nhật bề dài 35 thước, ngang 26 thước.

Những ngôi cổng này toàn bằng đá bùn xây theo hình chữ thập. Ngôi chánh điện cũng xây hình chữ thập, có thêm 4 căn phòng nhỏ, mở cửa bốn phía và nối với ngôi cổng phía Bắc bằng một khoảng đường ngắn. Chánh điện có 4 tầng cao, tấm điện ở giữa hình vuông mỗi cạnh 2 thước 75.

Dãy hành lang xây quanh điện bằng đá ong làm vách, đá bùn làm mái. Theo hành lang này ta đi quanh điện về hướng Tây cũng như hướng Đông ; về phía Tây và phía Nam có cửa mở vào mảnh sân ở trong, mặt ngoài thì có « cửa giả ».

Các căn phòng ở góc toàn bằng đá bùn xây theo hình chữ thập giống như ngôi cổng ở hướng Đông. Phòng « chùa sách » bị sụp đổ rất nhiều, xoay cửa về hướng Tây, phía trước có một gian nhỏ xây bằng đá ong và đá bùn.

Khắp đền những cánh « cửa sổ giả » đều có chấn song tiện tròn. Trên những tấm mi tam giác có chạm sự tích Phật đại khái như : ở ngôi cổng phía Nam, mặt Bắc có một người quỳ gối ban phép cho hai đứa trẻ, trong một cung điện có Tiên nữ Apsara bay vờn ; ở ngôi cổng phía Bắc, mặt Nam có một người cỡi ngựa vung tay cầm khi giới ở trên 2 khoảng tường chạm hình người ; ở chánh điện, mặt Bắc có một người đứng trong một chiếc ghe đưa tay ban phép, phía trên có nhiều người cầm lọng bao quanh.

Vài cây mây cửa nằm dưới đất không có chạm trở gì cả. Ở giữa ngôi cổng phía Tây có chạm hai người đứng lễ vật trên đầu quỉ Kala ; trong căn phòng ở góc Tây Nam có hình ba vị Phật ngồi trên đầu quỉ Kala.

- Dưới chân tường có nhiều đoạn chữ cho ta biết tên của các vị được phong thần và thờ trong ngôi đền.

ĐỀN TA PROHM

Từ đền Ta Nei, trở ngược ra đền Takeo, vào con đường Vòng nhỏ, đi một cây số ngàn, ta thấy cửa phía Tây của đền Ta Prohm. Du khách viếng đền này thường vào cửa Tây, đi xuyên vào trong rồi trở ra cửa Đông là cửa chánh.



Đền Ta Prohm có nghĩa là « Ông Thần Brahmā » cất vào khoảng giữa thế kỷ thứ 12 (năm 1186) do Quốc vương Jayavarman VII thụy phong là Mahāparamasāngata pāda để thờ Phật. Toàn thể ngôi đền bị nhiều cây rừng to lớn mọc tràn khắp nơi khiến cho nhiều chỗ bị hư sập và đổ nát lẫn lộn. Ngoài cửa đền, Chính phủ có đề bằng ghi giòng chữ: *Coi chừng nguy hiểm...* để dẫn người đi luôn trong những căn phòng thấp, vách và trần siêu vẹo. Tuy chu vi rộng lớn, nhưng du khách chỉ có thể theo một ngã quanh co từ cửa Tây ra cửa Đông có sẵn dấu cát bụi trên nền đá, và một ngã về hướng Nam bắt đầu ở ngôi cổng thứ nhất ở cửa Tây. Theo ngã này ta đi vào ngọn tháp có tượng Phật nằm, rồi phải trở lại đường cũ.

Ngoài ra vì cây cối mọc tràn và vách đá sụp đổ ta

không thể nào dễ chân tìm nẻo khác được hoặc có gắng công phí sức ta có thể bị lạc đường, hoặc bị nguy hiểm không chừng.

Quanh đền có hai vòng thành kế tiếp nhau, xây theo lối vách thường, bề dài 1000 thước, bề ngang 600 thước. Bên trong có ba dãy hành lang chạy vòng quanh chứa lại ngay trung tâm một khoảng đất vuông để xây ngôi chánh điện mỗi chiều hơn 100 thước. Theo bản chữ ghi ở tấm điện thì xưa kia đền Ta Prohm có 12.610 người ở trong đền chia ra : 18 vị Sai cả, 2.740 tu sĩ lo về cúng lễ và 2.232 tín đồ trong ấy có 615 vũ nữ, vãn, vãn...

Bia đá này khắc 4 mặt chữ, ở trong dãy hành lang cất trước ngôi cổng hương Đông vòng thành thứ nhì, ghi vào năm (1186, trước ngày lễ đăng quang của Quốc vương Jayavarman VII 5 năm. Nhà Vua xây đền này để thờ ba Mẹ được thụy phong vào tượng Phật Prajñāpāramitā, vị « Thánh trí trọn lành » và được xem như là « Mẫu thân của các vị Phật ».

Sau bản liệt kê các vị Quốc vương và bản tường thuật trận chiến thắng Chiêm Thành, bia đá có ghi cuộc tạo lập 260 tượng các vị Thần thêm vào tượng Guru là Thần tượng chánh và cuộc xây dựng 39 ngôi tháp, 566 khóm nhà bằng đá, 286 khóm nhà bằng gạch và 2.702 sãi (1) tường thành bằng đá ong.

Nhà Vua giao cho 79.365 người ở trong 3.140 làng coi sóc ngôi đền, trong ấy có 5 tấn chén đĩa bằng vàng, 512 giường bằng lụa và 523 cây lọng.

Đoạn dưới, bia đá thuật lại buổi lễ và cuộc xây cất 102 đường đường trong lãnh thổ.

(1) Sãi, lối đo bề dài bằng 2 tay giơng thẳng ra.

Trong 4 ngôi cổng của vòng thành ngoài xây bằng đá ong chỉ có 1 ngôi ở hướng Tây còn gần nguyên vẹn. Đây là một ngôi tháp có 4 mặt Phật Lokeçvara xây trên hình Tiên nữ Devatâ qui cầu nguyện giống theo hình ở đền Bayon. Ở các góc tháp có tượng chim thần Garuda ngày nay bị hư đồ gần hết.

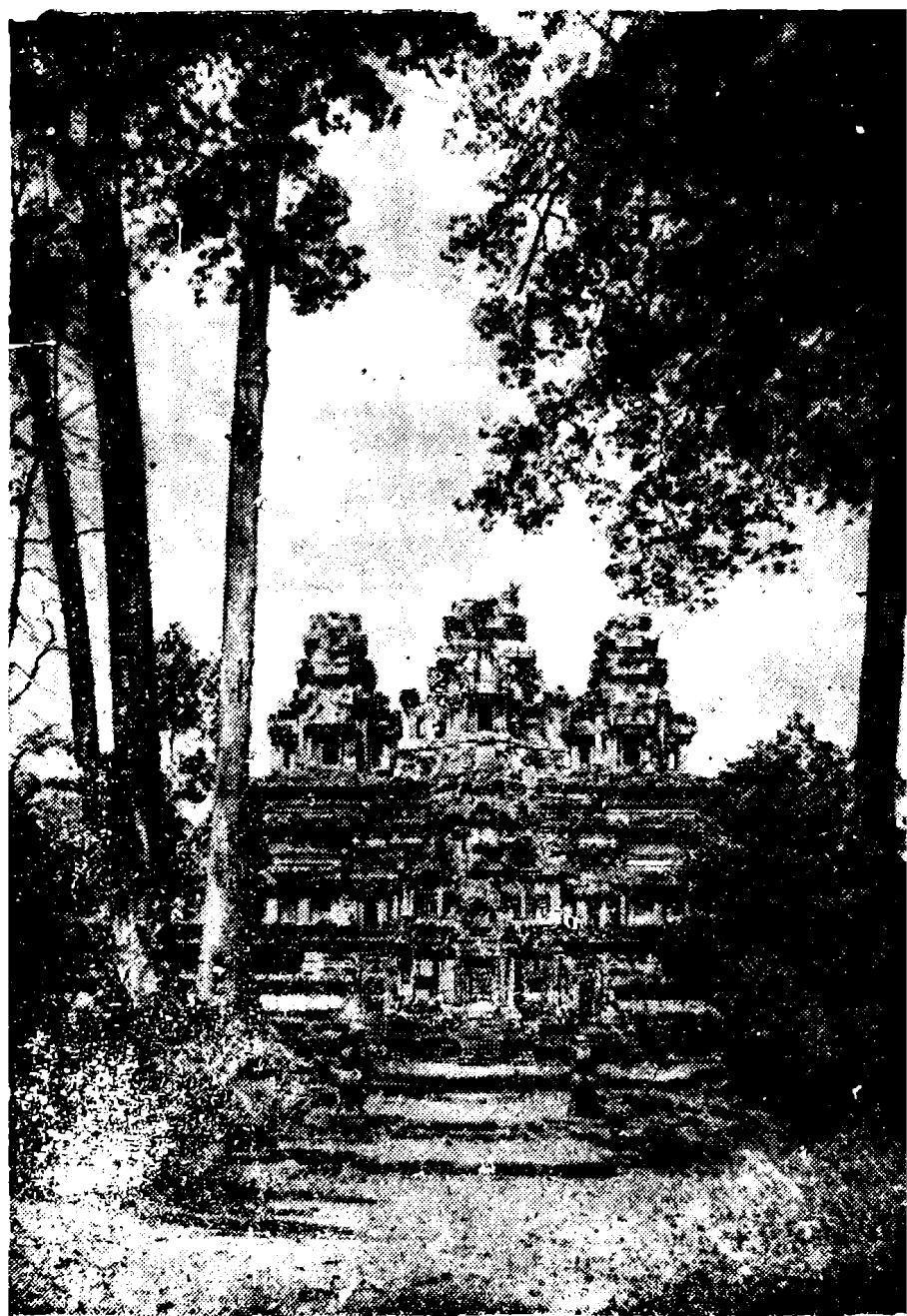
Tại đó có một khoảng đường dài 350 thước, xuyên qua giữa rừng đến ngôi cổng thứ 4, phía trước có một nền sân hình chữ thập xây làm bờ đề ngang qua hào nước, trên ấy còn di tích những tượng sư tử, rắn bầy đầu, chim thần Garuda và Thần Dvârapâla. Cổng xây bằng đá ong và đá bùn bị hư sập rất nhiều, chỉ còn những vật tượng đứng vững gần nguyên vẹn.

Qua mảnh sân ấy ta thấy ngôi đền bị nhiều gốc cỏ thụ lẩn áp khắp nơi, rễ cây mọc trùm lên nóc tháp, xuyên vào vách đá, xoi lũng tường từng khoảng to. Một mảnh sân đá xây theo hình chữ thập dài làm nền cho vài ngôi tháp đưa ta vào gần đến vòng hành lang thứ ba (tính trong giữa đền trở ra). Hai bên cạnh sân có tượng rắn bầy đầu. Một tượng Thần Dvârapâla cầm cây chày vờ đứng giữ cửa ngôi cổng. Ngôi cổng này có ba phần chia ra ba ngả ra vào, bề ngang rất rộng, trên vách có chạm trổ rất nhiều và có khắc hình Tiên nữ Devatâ. Xoay về tay mặt, ta vào dãy hành lang có hai hàng cột ở phía ngoài; mặt vách ở trong xây bằng phẳng có chạm nhiều hình Phật Thích Ca trong những cái khám đục sâu vào mình đá. Qua thế kỷ thứ 13, những tượng nầy bị các vị tu sĩ Balamôn sửa đổi theo cách thờ phụng khác.

Trở lại cửa vào phía Nam của ngôi cổng thứ 3 quanh bên mặt, ta vào 1 mảnh sân rộng bao vòng quanh có những ngôi tháp bị cây mọc trùm trên nóc. Đi trên bờ hẹp



Dr. PHIMFANAKAS



Denn TAKEO

của nền đá mặt Đông. ta trở lại trục đền mà vào cửa Tây của ngôi tháp có tượng Phật nằm, kể đó ta theo vài bậc thang phía Nam, đi ngang qua mảnh sân hình thước thợ ở góc Tây Nam.

Ở đầu phía Đông sân ấy, ta có thể đi qua ngôi tháp ở hướng Nam của sân mà vào sân ở giữa. Tại đây có một dãy hành lang bao quanh ngôi tháp thờ, trước tháp có một căn phòng dài xoay cửa về hướng Đông. Đối diện tháp này có một tấm mi tam giác chạm hình các vị Thần võ tay đánh nhịp theo tiếng vỗ ngựa của Đức Phật tương lai. Tích này chiếu theo lịch sử Thích ca lúc còn ở ngôi Thái tử, đang đem lên vợ cỡi ngựa đi tìm đạo.

Trở lại mảnh sân hình thước thợ, ta đi qua cánh cửa nhỏ khoét trong mảnh tường phía Nam, ở mặt Tây dãy hành lang của vòng thành thứ nhì. Hành lang xây bằng đá ong và đá bùn thành hai hàng có cột chống ở phía trong. Mấy cây cột này bị rễ cây bao trùm từ trên nóc phủ xuống đến mặt đất.

Đi ngược lên trục đền, ta vào cửa Tây của ngôi cổng ở hướng Tây trong dãy hành lang thứ nhất, rồi quay phía tay mặt đi về hướng Nam để theo bức vách thứ nhì vào mảnh sân chánh ở giữa hình vuông, mỗi chiều 24 thước. Ở đây có một nền đá chạm bề cao 1 thước 10, trên đó một cây cột đá vuông có mộng dùng cheo leo, có lẽ là cột của khám thờ cất bằng gỗ, ngôi đã hư mất vì thời gian và một gian phòng theo kiểu « thư viện » xoay cửa về hướng Tây cất trong góc Đông Nam. Các vách của hành lang đều có chạm trổ đầy hình hoa lá, hoạt cảnh ngoài xã hội và Tiên nữ Devatâ trong khám đút vào tường. Mái hành lang hình khung vòm có chạm hình « ngôi giã ».

Ngôi chánh điện xây ở giữa bốn ngôi tháp bày theo

hình ngũ diêm, dáng đắp kỳ dị và không có chạm trổ gì cả. Xưa kia có lẽ cổ nhân cho sơn hoặc phết vàng diện này. Ta vào điện từ phía Nam thẳng lên hướng Bắc.

Theo dãy hành lang mặt Đông, ta đi qua sân giữa này vào một cánh cửa bị rễ cây bao phủ xung quanh. Kế đó xây về bên trái trong dãy hành lang thứ nhứt tối đen ta đến ngay cửa Bắc của ngôi tháp ở góc Đông Bắc, rồi đi theo tay mặt trong dãy hành lang thứ nhì và cửa Đông.

Khởi cửa này ta vào mảnh sân lớn của vòng thành thứ ba đối diện với một ngôi tháp đứng cheo leo một mình. Xây qua tay trái, đi về hướng Bắc ta theo một khoảng ngắn của dãy hành lang vòng quanh một ngôi tháp cắt ngang hàng với ngôi ở phía Nam của trục chánh.

Trở lại ngôi sau này, ta đi giữa hai hàng tháp song đôi, và gần bên ngôi tháp có tấm mi tam giác ở phía Tây chạm hình đàn bà đầu rắn, ta len vào một ngõ hẻm đến tấm bia đá. Bia này ở vào đầu một khoảng hành lang, gần đấy có một tấm mi tam giác chạm hình cung điện nhà Vua có một người cỡi ngựa.

Lại trở ra theo con đường hẹp ấy, ta đi qua vài đồng đá vụn phía mặt đến dãy hành lang thứ ba, sau khi đi ngang một căn phòng nổi liền thân chánh của ngôi tháp với mặt Bắc hành lang. Ngay trục chánh, cửa vào đền hướng Đông có một cây si buông mở rễ bao trùm cả thân cột. Phía trước cửa có một vùng đất hình chữ nhật bề dài 30 thước, bề ngang 20 thước, xung quanh có vách đá.

Chỉ có mặt vách phía Nam và phía Bắc có chạm « cửa giả » thật đẹp. Bên trong vòng thành có 4 mảnh sân nhỏ, ở giữa là hành lang cắt theo hình chữ thập. Toàn thể hành lang và mảnh sân đều ở ngoài vòng thành « thiêng liêng », lối kiến trúc khác hẳn các phần khác trong đền,

có lẽ để cho vũ nữ nhảy múa khi cúng lễ. Trên vách đá có chạm hình Tiên nữ Apsara bay lượn

Ở góc Tây Bắc có một gốc cổ thụ mọc trên nóc đền đưa mờ rễ đầy nhào các thân cột của hành lang và một nhánh rễ nằm ngang chịu đựng hết cả sức nặng của mái đền phần trên đầu cột. Đi từ đầu đến cuối mảnh sân hình chữ thập ta đến ngôi cổng ở hướng Đông của vòng thành. Cổng xây hình chữ thập có cột trụ bên trong, bốn mái và hai ngả song hành. Dài theo hai ngả này, cổ nhân có chạm nhiều hình rất đẹp gần giống lối điêu khắc ở đền Angkor Wath. Ở phía Bắc, cách xa một bức tường bằng đá ong, ta thấy một gian phòng có nhiều cột trụ xây gần nhau, có lẽ xưa kia là một tầng lầu bằng gỗ, ngói. Phía trong và dài theo một mặt vách của vòng thành thứ tư có di tích những gian phòng nhỏ hình chữ nhật, mà ta còn thấy ở quanh vòng ngoài.

Đi ngang các hào nước có một nền rộng lát đá hun, ở giữa xây theo hình chữ thập hơi nhô cao lên. Trên nền sân có tượng sư tử và rắn chầu đầu. Xa hơn nữa, về phía Bắc của trục đền có một gian phòng để người đi hành hương nghỉ. Phòng này bị hư sập hết phần nửa, còn lại những bức vách dày có khoét cửa sổ hai hàng chẵn song tiện trôn.

Ngôi đền có 3 ngọn tháp thờ bằng gạch súp đổ hết phần nửa, sập hàng từ Bắc đến Nam và xoay cửa về hướng Đông, xây trên một vùng đất nhỏ chắc chắn ngày xưa có hào nước bao quanh. Ngôi ở giữa xây trên nền gạch, phía trước có hai tầng tam cấp, bậc thang chạm theo hình chữ « nhọn » nằm dài (quát hợp phù : accolade). Cửa đền bằng đá hun, tâm diện hình vuông mỗi chiều 2 thước 80, có một bộ thờ linh phù bằng đá.

Hai ngôi tháp bên cạnh xây trên nền đá ong, mặt vách liền lạc không có « cửa giả » hoặc chạm trổ gì cả. Trong ngôi ở hướng Nam có chạm hình Thần Brahmá ngồi và trong ngôi ở phía Bắc chạm hình Thần Vishnou lúc « Khuấy động biển sữa » đứng trên lưng Rùa.

Khi tìm ngôi đền, người Pháp thấy một tượng Thần « Brahmá » bốn mặt và bốn tay đứng trên bệ tròn có khắc tai hoa sen lật ngược, bên đem về để trong kho ở gần đền « Bayon ».



ĐỀN BANTÉAY KDEI

Từ đền Kuticvara trở ra đường Vòng nhỏ, ta thấy ngay vách thành đền Bantéay Kdei (1). Nếu ở cửa Đông đền Ta Prohm ta qua đường Demasur và đường Vòng nhỏ mất 600 thước là đến ngay cửa Tây. Đền này cất vào giữa thế kỷ thứ 12 đến đầu thế kỷ thứ 13 do Quốc vương Jayavarman VII thụy phong là Mahāparamasāngata pada đê thờ Phật Thích Ca Chu vi của đền hình chữ nhật bề dài 700 thước, bề ngang 500 thước.

Vách tường vòng thành thứ tư ở ngoài xây bằng đá ong có 4 ngôi cổng giống như cổng ở đền Ta Prohm, phần trên cao có 4 mặt Phật Lokeçvara và tượng chim thần Garuda ở góc. Cách cửa Tây 200 thước có một nền sân hình chữ thập nhỏ hẹp, đắp ngang hồ nước, có tượng sư tử và rắn bảy đầu bị Thần điều Garuda cỡi trên đầu.

Ngôi cổng của vòng thành thứ ba, xây theo hình chữ thập ở trong có cột trụ, lợp mái khung vòm, ngoài có ba ngả ra vào, hai ngả ở đầu cổng dính vào vách tường bằng đá ong. Vòng thứ ba chu vi 320 thước bề dài, 300 thước bề ngang. Vách thành có chạm trổ hình hoa lá, hình người và Tiên nữ Devatā khá to đục trong khám, ở trong có hình Phật nằm trên giàn hỏa do tu sĩ Balamôn đốt.

(1) Bantéay Kdei nghĩa là « Ngôi đền của những căn phòng nhỏ »

Ở đây có một khoảng đường lát đá, hai bên có tượng rắn 9 đầu đưa vào ngôi cổng của vòng thành thứ nhì. Tường thành xây bằng đá ong, phía trong có dãy hành lang chạy vòng quanh với hai hàng cột đá bùn. Cột nhân có bít tường kín từng khoảng chỉ chừa ngoài mái hiên cho người dờ đi viếng mà thôi. Ngôi cổng, hai bên có hai cánh cửa đục vào vách tường ở trong cửa hành lang, xây theo hình ngọn tháp có từng cao với những « cửa sổ giả » chấn song tiện tròn và hình Tiên nữ Devatâ dặt trên đầu nhiều mảnh tròn nhỏ có ngọn lửa nằm trong một hình tam giác. Mái khung vòm của hành lang xây bằng đá ong và đá bùn bị sụp đổ từng đoạn.

Bốn ngôi cổng của vòng thành thứ nhất cũng giống các ngôi tháp ở góc xây theo hình tháp có từng lầu dính liền nhau nhờ các dãy hành lang. Ngôi chánh điện có bốn phần nhô ra, giữa là tâm điện hình vuông mỗi chiều 2 thước 75, phía trên còn di tích tấm trần bằng gỗ đã mục nát vì thời gian.

Những dãy hành lang và những căn phòng nối liền với chánh điện thành hình chữ thập, hình như cột nhân xây từng đoạn nối với nhau. Ta nhận thấy trên tấm mi tam giác ở mặt Đông của ngôi cổng thứ nhất ở hướng Tây có nhiều hình chạm chồng chất lên nhau và trên tấm mi ở mặt Nam của ngôi cổng thứ nhất ở hướng Bắc có chạm hình một vị Phật ngồi trên một người đứng giữa hai con voi.

Trong hai mảnh sân nhỏ về hướng Tây, ở giữa những dãy hành lang treo nhau có hai cột trụ có móng đứng cheo leo, giống như ở đền Ta Prohm và đền Prah Khan có lẽ để các khánh thờ cất bằng gỗ ngôi đã hư mất. Trong hai mảnh khác có hai căn phòng « chứa sách » xoay

cửa về hướng Tây, giữa phòng có 2 tượng đàn bà mất đầu, mất tay thật đẹp: ngực nở hông lớn, dít đẹp, ở trần mặc sà rong lẫn xếp thẳng đứng. Hai tượng này được tạc vào thế kỷ thứ 10, ở một ngôi đền nào khác đem về đây. Hai ngôi tháp ở góc Đông Bắc và Đông Nam của vòng thành thứ nhất dính với dãy hành lang thứ hai. Muốn đến ngôi cổng thứ hai, ta phải đi giữa hai mảnh sân nhỏ, nơi đây ta thấy bán diện một tượng Phật ngồi in hấn lên nền trời.

Gần đây là mảnh sân rộng hình chữ nhật chia làm 4 sân nhỏ như ở đền Ta Prohm và đền Prab Khan dùng làm nơi cho vũ nữ nhảy múa lúc hành lễ. Trên hàng cột trụ có chạm hình Tiên nữ Apsara yêu kiều đứng một mình hoặc hai nàng. Ngay cửa ra vào có chạm tượng Thần Dvārapāla đứng canh giữ xung quanh có Tiên nữ Devatā.

Về phía Bắc của khoảng đường lát đá ta thấy một căn phòng có cột trụ to giống như ở hai đền kể trên, có lẽ trước kia có một tầng lầu cất bằng vật liệu nhẹ. Trong ngôi cổng của vòng thành thứ ba có một tượng Phật ngồi tham thiền. Ở đây ta đi qua hào nước trên một nền đá rộng ở giữa đắp theo hình chữ thập hơi cao lên. Trên nền cũng có tượng sư tử và rắn bảy đầu.

Hai bên Nam và Bắc của trục chánh có dấu vết của hai ngôi đền xây bằng đá ong và đá bùn giữa có phòng vuông, hai bên có hai căn phụ, cửa mở về hướng Đông và hướng Tây.

Cửa ra đền là ngôi cổng hướng Đông của vòng thành thứ tư có bốn mặt Phật trên chót tháp và hình Thần điều Garuda còn gần nguyên vẹn.

HỒ SRAH SRANG

Ra khỏi cửa Đông đền Bantéay Kdei và băng qua đường lộ ngay cây số 11, ta để chân lên nền san đá vĩ đại trên bờ hồ nước Srah Srang.

Tên hồ này có nghĩa là « chỗ nhà Vua tắm » nhưng người Việt quen gọi Giếng Tiên. Nền hồ xây vào khoảng cuối thế kỷ thứ 12 do Quốc vương Jayavarman VII thụy phong là Maháparamasangata pada. Còn hồ nước thì đào trước triều này.

Mặt hồ dài 700 thước, ngang gần 300 thước xung quanh có bậc đá ong và bờ hồ bằng đá bùn, giữa hồ có một hòn đảo nhỏ trên ấy có vài phiến đá chắc chắn xưa kia cổ nhân có cất một tháp thờ bằng gỗ và ngói.

Lòng hồ quanh năm chứa ngần ấy nước ở tháng khô, nhiều hơn qua tháng mưa dầm. Không bao giờ hồ cạn cũng như nổi bùn lăm dơ màu nước trong.

Nền sân phía dưới xây bằng đá ong, phần trên bằng đá bùn có chạy đường chỉ. Chiều theo lối xây cất có hai mảnh sân nhỏ, thì trước kia trên nền sân này có một căn phòng lớn hình chữ nhật, xung quanh có dãy hành lang.

Cuối nền có nhiều bậc thang xuống mặt hồ, ngay đầu có hai tượng sư tử hầu hai bên, kế đó là tượng Thần điều Garuda cỡi trên cò rắn 3 đầu và nhiều tượng rắn khác nằm làm lan can để ngang và dọc, hợp thành một lối trình bày đẹp mắt lạ lùng.



DỀN (PRASAT) KRAVAN

Tại hồ Srah Srang có ngã đi qua Vòng lớn và một ngã trở về đền Angkor Wath và Siemréap. Đền Kravan ở vào con đường sau, giữa cây số 12 và 13 nghĩa là cách hồ nước lối 1500 thước.

Đền này có 5 ngôi tháp nằm một dọc bên trái cất sát bên lề đường. Tháp xây bằng gạch bị hư sập rất nhiều do Quốc vương Harshavarman I thụy phong là Rudraloka xây cất vào đầu thế kỷ thứ 10 (năm 921) để thờ các vị Thần Balamôn.

Đặc điểm của ngôi đền là lối chạm hình trên vách gạch ở giữa các tấm diện có một không hai trong ngành mỹ thuật Angkor.

Xung quanh đền có hào nước mà người ta đắp một bờ đất cắt ngang ở góc Tây Bắc để vào đền; 5 ngôi tháp xây rất gần sát nhau cùng một nền và xoay cửa về hướng Đông. Tháp bị sụp đổ vì mấy cây cổ thụ đưa rễ lúi vào phá vách, phá nền. Trước tháp không có bậc thang bước lên ngạch cửa khá cao, bên trong gạch dính nhau không phải bằng hồ mà bằng một chất nhựa cây trét thật mỏng.

Hình dáng ngôi tháp cũng giống như đại đa số những tháp thờ ở khắp vùng Angkor. Riêng ngôi chánh ở giữa còn giữ được mấy tầng cao nhỏ lẫn lên trên chót.

Mặt ngoài, về hướng Đông có khắc hình Thần Dvârapâla trong các khám không được sâu lắm, và các cột trụ có chạm bông hoa, chỉ có cây mây cửa chạm một hàng đầu người và những cây cột nhỏ hình bát giác bằng đá bùn mà thôi. Dưới chân cột có khắc chữ ghi ngày dựng tượng Thần Vishnou vào năm 921.

Trong ngôi tam điện hình vuông mỗi chiều 3 thước 50 có một linh phù bằng đá để trên bệ. Bên trái của cửa ra vào ta thấy chạm mặt Thần Vishnou thật lớn, bốn tay cầm khí giới : đĩa tròn, trái cầu, vỏ ốc và chày vồ, một chân, Thần để trên một cái bệ, bên cạnh có một người ngồi cầu nguyện, một chân Thần để trên một hoa sen của một người đàn bà cầm. Đây là sự tích về « Ba bước của Thần Vishnou » cho chư Thần thấy rằng mình đã thu phục được hoàn cầu rồi.

Bên mặt, hình Thần Vishnou ngồi trên vai Thần điều Garuda giữa hai tín đồ ngồi.

Phía trước hình Thần Vishnou tám tay đứng trong khuôn cửa phía trên có một con thần rắn thật lớn.

Ngôi tháp chót ở phía Bắc bị đứt khúc trên, cũng có hình chạm ở trong tam điện để thờ bà vợ của Thần Vishnou tên Lakshmi.

Ba ngôi tháp khác để mặt vách trơn trụi vài nơi còn dấu vết mấy « cánh cửa giả ». Cây mây cửa còn tốt nhất có chạm hình Thần Vishnou cỡi Thần điều Garuda ở trong ngôi tháp chót về phía Nam. Tam điện của bốn ngôi tháp nhỏ hình vuông mỗi chiều 3 thước.



NHỮNG NGÔI ĐỀN Ở VÒNG LỚN (GRAND CIRCUIT) ĐỀN PRE RUP

Ngay hồ Srah Srang, đường Vòng nhỏ bắt đầu vào ngã Vòng lớn tại ngã ba. Đi thẳng qua hướng Đông cách bờ hồ 2300 thước, ngay khúc quanh về hướng Bắc ta thấy đền Pre Rup, nằm khuất sau rừng cây.

Đến cửa ngôi đền, có nghĩa là « xây lưng lại », cất từ năm 961 do Quốc vương Rajendrarvarman, thụy phong là Çivaloka đề thờ Thần Çiva.



Hầu hết ngôi đền đều xây bằng đá ong và gạch. Theo bản chữ trong bia đá dưới triều Vua Rajendravarman thì tên ngôi đền là Rājendra Chadreçvara lấy theo tên của linh phù thờ trong chánh điện. Ngoài ra bia đá còn ghi những Thần tượng dựng trong các ngôi tháp ở góc đền đề thờ nhà Vua thụy phong vào Thần Çiva.

Đền Pre Rup có hai vòng thành, mỗi vòng có 4 ngôi cổng ở bốn mặt và một nền cao hình tiêm tháp có 3 đợt thang, trên sân thượng có 5 ngôi tháp xây theo hình ngũ diêm. Trên phần đất của vòng thành ngoài có hai

khóm tháp mỗi khóm 3 ngôi sắp hàng ngang nhau, trên một ngôi ở ngay cửa vào đền về phía Bắc chưa được cất mặc dầu đã có sẵn nền móng. Giữa mỗi tháp có một căn tẩm điện hình vuông mỗi chiều 5 thước. Những tầng gạch xây tháp rất lớn bề dài 3 tấc, bề ngang 1 tấc 6, dày 85 phân dính chồng lên nhau bằng một chất nhựa cây. Vách tháp bằng đá có chạm thành « cửa giả », phía trên có cây mây chạm trổ rất khéo.

Ở mặt Đông của tháp phía Nam trên cây mây có chạm hình Thần Vishnou biến hình sư tử đang xé xác tên chúa bọn Chấn Asura.

Ngoài đường đi vào cửa Đông, ta thấy một tượng sư tử hư mòn gần hết. Cổng chánh xây bằng gạch giữa hai căn phòng bằng đá bùn. Vòng thành đá ong bao quanh khoảng đất dài 130 thước, ngang 120 thước. Trên mảnh sân xây quanh đền còn dấu vết vài căn phòng dài để khách hành hương nghỉ tạm cất bằng cột đá bùn, vách đá ong có cửa sổ chấn song tiện tròn, lợp bằng gỗ và ngói.

Vòng thành kế đấy bằng đá ong có bốn ngôi cổng, một căn phòng vách gạch, phía trước có một gian nhỏ bằng đá bùn, hai bên có cửa mở rộng. Quanh vách thành có hành lang cất làm nhà cho các vị tu sĩ trong đền ở, ngày nay còn lại những bức vách đá ong và cột đá bùn cùng các mảnh ngói bể vụn.

Ở góc Đông Bắc có một ngôi tháp nhỏ hình vuông xây bằng những khối đá ong to theo lối tháp đề bia đá, bốn phía trống trơn, dưới đất có một cái bồn bằng đá. Tăm bia ghi cuộc xây dựng ngôi đền, khắc chữ hai mặt nằm trong dãy hành lang kế bên.

Hai bên cửa vào ở hướng Đông có hai căn phòng « chứa sách » xây cửa phía Tây, cất theo hình vuông dài có

tầng cao. Trong một phòng có một phiến đá chạm « chín vị hành tinh » và một phòng có một phiến đá chạm « 7 nhà tu khổ hạnh ». Ở giữa phòng, giữa hai hàng cột đá bùn có mộng, có cái bồn đá bề dài 3 thước, bề ngang 1 thước 90, có lẽ để dùng làm bệ cho tượng bò tót Nandin của Thần Çiva cỡi.

Dưới chân bồn có nhiều mảnh đá của bệ thờ và linh phù chắc chắn là ở trong chánh điện bị bọn lưu manh đập phá và bỏ ở đây.

Nền cao hình tiêm tháp có ba đợt thang bề cao hơn 12 thước, dưới chân mỗi chiều dài 50 thước, trên sân thượng mỗi chiều 35 thước. Mỗi mặt nền đều có bậc thang bằng nhau đưa lên. Thang xây bằng đá ong, ở đầu thang có tượng sư tử.

Đợt thang thứ ba toàn bằng đá bùn. Đến bậc thang thứ nhất ta thấy 12 ngôi tháp thờ nhỏ xây vòng quanh đền xoay cửa về hướng Đông.

Trên sân thượng, ngôi chánh điện cao hơn 4 thước xây trên nền đá bùn có chạy đường chỉ, trước cửa có tượng sư tử ngồi hai bên bậc thang. Trong tấm điện hình vuông mỗi chiều 4 thước 20, có 2 tượng Phật đứng.

Tất cả 5 ngôi tháp này đều xoay cửa về hướng Đông, ba mặt vách đá bùn có chạm cửa giả. Toàn thể còn đứng vững nhưng các chi tiết về điêu khắc không còn gì cả. Mặt tường ở ngoài có trét lớp hồ, bây giờ còn dấu vết như ở ngôi tháp góc Tây Nam.

Những tượng Thần chạm trên thân cột ở góc 2 ngôi tháp về hướng Tây là đàn bà, còn ở góc 2 ngôi về hướng Đông và chánh điện là đàn ông. Ngoài ra ở ngôi tháp góc Tây Nam có một Tiên nữ Devatâ có 4 mặt và 4 tay là vợ của Thần Brahmâ ; trên mặt Đông của tháp ở

góc Đông Bắc một vị Tiên nữ khác có 4 tay và trên mặt Tây của tháp ở góc Tây Nam có hình vợ của Thần Vishnou cỡi heo rừng.



ĐỀN (PRASAT) LEAK NEANG

Về phía Đông Bắc đền Pre Rup, theo đường Vòng lớn lối 100 thước về bên mặt có đền Leak Neang xây bằng gạch, kiểu nhỏ hơn các ngôi tháp của đền ở trên.

Prasat Leak Neang nghĩa là « ngôi tháp của người đàn bà trốn tránh », cất vào năm 960 do Quốc vương Rajendravarman, thụy phong là Çivaloka để thờ các vị Thần Bà la môn.

Cửa đền xoay về hướng Đông, tấm điện hình vuông mỗi chiều 2 thước 30, ba mặt vách gạch có chạm « cửa giả ». Toàn diện không có dấu vết của hồ trét vào. Trên cây mây cửa bằng đá bùn, đặt trước một khúc gỗ cắt đôi, có chạm hình Thần Indra cỡi Voi ba đầu.

Theo bản chữ khắc ở chân cột cửa chánh thì ngôi đền xây từ năm 960 sau đền Pre Rup một năm. Ta có thể cho rằng đền này là một trong những ngôi cất làm vòng thành bao quanh đền Pre Rup, nhưng ngày nay đã sụp đổ không còn chút di tích nào.

ĐỀN MÉBON Ở HƯỚNG ĐÔNG

Cách đền Pre Rup 500 thước về hướng Bắc có hồ Baray Đông, rộng 2000 thước, dài 7000, xung quanh có bờ đất đắp cao lên và 4 góc có 4 ngôi nhà che bia đá.

Đây là « Hồ ở hướng Đông » của vị Tùy viên Sử giả Trung hoa Châu đạt Quan gọi là « hồ Yaçodharatatāka », theo bản chữ lưu truyền, đào dưới triều Vua Yaçovarman vào cuối thế kỷ thứ 9. Hiện thời lòng hồ khô cạn hóa thành ruộng rẫy. Trước kia, mực nước sâu đến 3 thước và nếu ta tính theo các bậc thang đá ong xây quanh hòn đảo Mébon thì số nước có đến 40 triệu thước khối.

Hòn đảo Mébon ở giữa hồ. Trên đấy có đền Mébon xây từ năm 952 do Quốc vương Rajendravarman thụy phong là Çivaloka để thờ Thần Çiva.

Do theo nhiều bản chữ khắc trong bia đá tìm thấy quanh vùng và tấm bia thuật cuộc xây cất, ta được biết ngôi đền dựng trong năm 952, trước đền Pre Rup 9 năm, và trong vài chánh điện có linh phù Çri Rajendreçvara cùng nhiều tượng Thần Çiva và Pârvali « giống cha và mẹ » của nhà Vua Rajendravarman ; của Vishnou và Brahmâ, và 8 linh phù của vị Thần biển 8 hình. Tám linh phù này đề trong 8 ngôi tháp nhỏ trong mảnh sân vòng quanh đền.

Như thế, đền Mébon thuộc vào loại đền thờ cha mẹ nhà Vua được phong Thần.

Ở mỗi mặt tường có một nền đá ong nhô ra ngoài, hai bên có hai tượng sư tử ngồi giữ các bậc thang. Xung quanh tường có một lòng hào cạn, rộng 5 thước, trước 4 ngôi cổng vào đền có đường đất đắp cao lên. Mấy ngôi cổng này bằng đá ong và đá bùn, không có dấu vết của khung vòm hoặc mái đá, cất theo hình chữ thập có ba

ngã thông thương và cửa ngăn có cột đá bùn ở giữa, bia đá ghi chữ ở về phía mặt ngay chỗ đi vào.

Phía trong vòng tường có một loạt hành lang ngăn bằng vách đá ong khoét cửa sổ chắn song tiện tròn và cửa ngau có cột đá bùn.

Đây là nơi tạm nghỉ của kẻ đến hành hương, lễ bái trong đền. Trong phần dãy phía Nam có hành lang sụp đổ gần hết.

Vòng thành thứ nhất bằng đá ong bề cao 2 thước 40, trong mỗi góc có tượng voi khắc nguyên bằng một khối đá thật đẹp.

Trước bốn mặt thành có bốn ngôi cổng, ngay các chân thang có tượng sư tử ngồi canh. Cổng xây bằng đá ong và đá bùn bị hư sụp gần hết. Trên cây mào cửa phía Tây của ngôi cổng hướng Đông có chạm hình Thần Krishna đánh với con rắn 9 đầu.

Ở giữa mảnh sân của vòng thành thứ nhất có 8 ngôi tháp nhỏ bằng gạch, mỗi mặt 2 ngôi, xoay cửa về hướng Đông. Trong mỗi tháp có một linh phù bằng đá. Về mặt Đông có 3 gian phòng hình chữ nhật bằng đá ong, trong 2 gian ở phía Nam của trục đền có một phiến đá chạm «chín vị hành tinh» và một phiến đá chạm «7 nhà tu khổ hạnh». Ngôi kia đứng cheo leo về hướng Bắc. Cả 3 ngôi tháp đều mở cửa về hướng Tây như các « thư viện ». Ở góc Tây Bắc và Tây Nam có 2 gian giống như thế, không có cửa sổ và xoay cửa về hướng Đông.

Trên sân thượng có một bức tường bằng đá bùn bề cao 3 thước bao xung quanh 5 ngôi tháp xây theo hình ngũ diêm và một bức khác bề cao 1 thước 90 có chạm trổ bao quanh chánh điện cất cao hơn 4 tháp kia. Trước mỗi tháp có tượng sư tử ngồi giữ bậc thang.

Tháp xây toàn bằng gạch không có trét hồ. Mỗi phiến gạch dài 22 phân, ngang 13 phân và dày 55 ly. Trên các cột trụ ở góc tháp có chạm hình các vị Thần giữ đèn. Cửa tháp đều xoay về hướng Đông, ba mặt vách bằng đá bùn chạm « cửa giả ».

Gian tẩm điện ở ngôi tháp chánh hình vuông mỗi chiều 4 thước, bốn gian ở 4 góc mỗi chiều 2 thước 80. Trong ngôi tháp ở góc Đông Nam có một tượng Thần Brahma đứng trên bệ đá tròn.

Trên cây mây cửa ở ngôi chánh điện về phía Đông có chạm hình Thần Indra cỡi Voi ba đầu và nhiều người cỡi ngựa ; về phía Tây, hình Thần Chiến tranh Skanda cỡi công trước một hàng người cầm hoa sen ; về phía Nam, hình Thần Çiva cỡi bò tót Nandin. Trong ngôi tháp góc Tây Bắc, về mặt Đông có chạm hình Thần Ganeça cỡi cái voi của mình. Ở ngôi tháp góc Đông Nam, về mặt Bắc có chạm đầu Quỷ nuốt con voi. Trong ngôi cổng phía Tây của vòng thành thứ nhất, về mặt Đông, có chạm hình Thần Vishnou biến hình sư tử xé xác Vua Chấn Asura.

Trong gian phòng ở góc Đông Bắc của vòng thành thứ nhất, về mặt Tây, có chạm hình Thần Lakshma giữa 2 con voi đang đưa voi lên phun nước cam lồ.



ĐỀN TA SOM

Cách đền Mébon gần 3000 thước theo đường Vòng lớn, đến gần trụ cây số 13, ta thấy đền Ta Som về bên tay mặt, dưới hình một ngôi cổng có 4 mặt Phật Lokeçvara bị mở rề cây sung bao trùm gần hết.

Nhiều nhánh rễ đục lủng khung vòm, buông thẳng xuống đất làm ngăn trở lối đi.

Đền Ta Som nghĩa là « ông Som », cất vào cuối thế kỷ thứ 12 do Quốc vương Jayavarman VII thụy phong là Mahāparamasangata pada đề thờ Phật.

Ngôi cổng chánh hình chữ thập, hai bên có hai gian phòng nhỏ, xây dính vào bức vách vòng thành ngoài (vòng này là vòng thứ ba) bằng đá ong, bao quanh 1 khoảng đất hình chữ nhật bề dài 240 thước, bề ngang 200 thước. Trên tấm mi tam giác về mặt Tây có chạm hình vị Phật Bodhisattva đứng giữa đám tin đồ.

Một ngôi cổng khác ở hướng Đông cũng có tấm mi giống như trên và phía trước có một mảnh sân nhỏ đắp cao, hai bên có tượng rắn 9 đầu. Đây là cổng thứ nhì của 2 ngã vào đền.

Qua ngôi cổng thứ nhất, ta đi trên một khoảng đường đắp ngang qua hồ nước, hai bên có tượng Thần điều Garuda cỡi rắn 9 đầu.

Vòng thành thứ nhì bằng đá ong, ở mặt Đông và mặt Tây có hai ngôi cổng bằng đá bùn xây theo hình chữ thập có cửa sổ chấn song tiện trên. Trước cổng có ngăn cột trụ, ở trên lợp mái khung vòm.

Vòng thành thứ nhất bề dài 30 thước, bề ngang 20 thước, xây bằng hành lang đá ong và đá bùn cũng như

những gian phòng ở góc đền có mái khung vòm và « cửa giả » chạy đường chỉ. Ở bốn mặt vòng thành có 4 ngôi cổng toàn bằng đá bùn giống lối kiến trúc của mấy ngôi trước.

Vòng theo vách ngoài, ta đi từ góc Tây Bắc đến Đông Bắc rồi qua cánh cửa nhỏ của dãy hành lang ở mặt Nam, giữa góc Đông Nam và ngôi cổng mà vào sân trong. Nơi đây có hai gian phòng kiểu « thư viện » ở bên mặt, xoay cửa về hướng Tây. Gian ở phía Bắc bị sụp đổ rất nhiều. Kế đó là ngôi chánh điện xây theo hình chữ thập có bốn phần nhô ra ngoài. Tầm điện bốn mặt trông trơn có một mái hình bụng rắn.

Trong ngôi cổng phía Bắc, về mặt vách Nam có chạm một người đứng xung quanh bốn người cầu nguyện. Người ấy đứng trên bông sen và sắp bị hỏa thiêu theo sự phản ứng của giáo phái Balamôn vào thế kỷ thứ 13. Phía trên có nhiều Tiên nữ bay lượn.

Trong góc Tây Nam và Tây Bắc của sân giữa có hai cột trụ bằng đá bùn có mộng giống những cột trụ ở đền Prah Khan, Ta Prohm và Banteay Kdei.



ĐỀN KROL KÔ

CÁCH đền Ta Som lối 2 000 thước, gần cây số 11, quanh sang tay mặt 100 thước, ta đến ngôi đền Krol Kô. Đền này có nghĩa là « Sân cột bò », xây vào cuối thế kỷ thứ 12 do Quốc vương Jayavarman VII, thụy phong là Mahāparamasāngata pada đề thờ Phật.

Vào cửa Đông, ta đi qua bức tường ở ngoài bằng đá ong, ấy là vòng thanh thứ nhì. Xung quanh mảnh sân ở giữa có một hào nước có bậc tam cấp bằng đá bùn xây ở ba mặt. Phía bên bờ hào là một bức vách vòng quanh sân xây bằng đá ong bề dài 35 thước, bề ngang 25 thước. Hai bên của một nền sân hình chữ thập có nhiều tấm mi tam giác bỏ nằm dưới đất, tấm bên phải chạm hình Đức Phật Lokeçvara đứng giữa đám tìn đồ, tấm bên trái chạm hình Thần Krishna đỡ ngọn núi Govardhana để che chở đám mục tử và bầy thú, cùng với một vị Phật Lokeçvara khác.

Ngôi cổng xây bằng đá bùn theo hình chữ thập, phần ở trên sụp đổ hết, mặt phía Đông có một gian phòng nhỏ nối liền với hai gian nhỏ khác song song với nhau. Ở giữa sân, ngôi chánh điện xây theo lối kiến trúc ở đền Bayon, xung quanh có chạm trổ và trên vách có khắc « cửa sổ giả » với bức sáo che. Trước điện có một phòng « chứa sách » xoay cửa về hướng Tây bằng đá ong và đá bùn có « cửa giả » ở mặt Đông. Lối đi khắc toàn thể ngôi đền không có gì đáng chú ý.

ĐỀN NÉAK PEAN

Trước mặt đền Krol Kô là đường Trouvé đưa ngang qua đường Vòng lớn, thẳng xuống Hồ Baray Đông dài 300 thước, đến hòn đảo nhỏ Néak Pean trên ấy có ngôi đền gọi là đền « Rắn quấn với nhau ». Đền này xây vào khoảng giữa thế kỷ thứ 12 do Quốc vương Jayavarman VII, thụy phong là Mahâparamasangata pada đệ thờ Phật.

Hòn đảo vuông vức mỗi chiều 350 thước, xung quanh có bậc tam cấp đá ong. ở mỗi góc có tượng voi đá, hiện nay chỉ còn có một con ở phía Đông Bắc mà thôi.

Theo bia đá ở đền Prah Khan thì Quốc vương Jayavarman VII đặt tên hồ Baray Đông là Jayatârâka và xem như một tấm gương thật đẹp có đủ màu sắc nhờ đá, vàng và hoa lá. Hồ ấy nước xanh phản chiếu bóng một ngôi đền vàng, màu đỏ của hoa sen, gọi cho ta thấy hình ảnh của « áo màu hồng » của vị Thần Bhârgava, ở giữa có một hòn đảo nhỏ lên tô điểm thêm vẻ đẹp của vùng nước bao xung quanh, rửa sạch bụi dơ của kẻ trần tục muốn đến viếng đền và làm chiếc thuyền đi qua Biển trầm luân ».

Hiện thời Hồ Baray cạn khô, đền Néak Pean còn là một hãm nước lớn, vuông vức mỗi chiều 70 thước, xung quanh có bậc đá, ở giữa có một hòn đảo nhỏ hình tròn đường bán kính 14 thước, trên đỉnh có 1 ngôi tháp thờ. Ở 4 phía theo trục tháp có bốn hào nước hình vuông mỗi chiều 25 thước, có 4 đền nhỏ xây trên một vòng bờ chung.

Hai tượng rắn 9 đầu nằm quanh tròn theo chân đảo, hai đuôi quấn lấy nhau ở hướng Tây, và hai đầu đứng cách rời ra chứa một khoảng trống làm cửa vào đền ở hướng Đông. Theo cách chạm trổ trên đầu giữa của rắn có đội một cái mào Mukuta, ta được biết cổ nhân trình

bày hai vị Xà thần Nanda và Upananda ở hồ Anavatapta thường được nhắc nhở trong thi văn Ấn độ.

Mặt sân thượng đắp giống một dóa hoa sen tàn. Ngôi đền thờ Phật nhưng Thần tượng xiêu lạc mất, xây 2 tầng cao xung quanh chạm hoa sen, trên mi tam giác có chạm các cảnh sống của Đức Thích Già. Bên mặt Đông có cảnh « xuống tóc », mặt Bắc cảnh « Phật cỡi ngựa xuất gia, » mặt Tây cảnh « Phật ngồi thiền dưới gốc Bồ đề », mặt Nam không còn dấu vết gì cả. Hình ngôi đền xây theo chữ thập, xoay cửa về hướng Đông, ba mặt vách bia có tượng đá dày chạm hình Đức Phật Lokeçvara.

Bốn ngôi tháp ở bốn góc có bậc xuống bờ hồ ở giữa và có cửa mở về mặt ấy. Trên vách tháp cũng chạm nhiều cảnh trong lịch sử Đức Phật Lokeçvara.

Bốn căn phòng nhỏ để khách thập phương làm lễ rửa tội trước khi vào đền là nơi chữa bệnh tật cho họ, căn cứ theo những hình chạm trên các tấm mi tam giác. Mỗi căn nhà xây trên một cái bệ tròn chạm hình hoa sen, có tượng đầu người và đầu thú thật lớn để dựa tường hắt bóng phun nước thành một đường rãnh bắt nguồn từ trong bồn lớn bằng một cái vành đựng nước bằng đá. Phía trên vành ấy có một tượng bán thân đàn bà dựa lưng vào bậc tam cấp. Chính ở nơi này vị tu sĩ thiết lễ mỗi ngày. Trong căn ở phía Bắc có hình đầu voi, phía Tây đầu ngựa, phía Nam đầu sư tử chạm rất xấu, chỉ có ở phía Đông có đầu người tạc rất tốt.

Ở giữa hồ lớn có 4 mặt nền xây theo 4 phía đền thành bậc thang có chạm trở sự tích Phật Lokeçvara cỡi ngựa bay của tên lái buôn Simhala và đồng bọn thoát khỏi nạn đắm thuyền ở đảo của bảy Chấn.

Trước năm 1935, trên chót tháp có 1 cây sung mọc thẳng lên trời, che tàn xuống mặt hồ và buồng mớ rễ chằng chịt phủ đến chân tháp. Sau đấy có trận bão đánh ngã chót đền, người Pháp sửa chữa lại y theo lối kiến trúc của cổ nhân : 1 ngôi tháp đẹp nhất trong vùng Angkor



ĐỀN (PRASAT) PREI

Trở ra đường Vòng lớn, đi về hướng Tây đến gần cây số 9, trước khi qua thông lộ Fombertaux đưa vào cửa Đòng đền Prah Khan, ta quanh bên mặt theo một khoảng đường rừng lối một trăm thước, thấy đền Prasat Prei xây trên một mô đất cao về bên tay trái.

Đền này có nghĩa là « Ngôi tháp của Rừng cây », xây vào cuối thế kỷ thứ 12 do Quốc vương Jayavarman VII, thụy phong là Mahâparamasangata pada, đề thờ Phật.

Xung quanh đền có một vòng thành bằng đá ong bị sụp đổ rất nhiều; trước đền có một ngôi cổng bằng đá ong và đá bùn ngày nay chỉ còn vài vạt tường. Ngôi chánh điện toàn bằng đá bùn, xoay cửa về hướng Đông, xây theo hình tháp 4 tầng cao, trước cửa có một gian phòng. Tầm diện hình chữ thập, lòng trong mỗi chiều 2 thước 90 có ba bức vách chạm « cửa giả ».

Trong sân đền về phía Nam có một gian « thư viện » bằng hai loại đá hự sập rất nhiều còn lại một cánh « cửa giả » về phía Đông. Trong gian này có một cỗ xe bò bằng đá đề trên một cái bệ. Người Pháp đã đưa cỗ xe về kho chứa ở cạnh đền Bayon.

ĐỀN BANTÉAY PREI

Cách đền Prasat Prei 150 thước về phía Bắc, có một cánh cửa khoét trong vòng thành ở ngoài đền Bantéay Prei xây bằng đá ong. Tường thành bị hư sập rất nhiều. Vào cửa ta đi qua một nền sân đắp ngang một hồ nước, hai bên có tượng rắn 9 đầu.

Đền này có nghĩa là « Thành phố của Rừng cây », cùng xây một lượt với đền Prasat Prei vào cuối thế kỷ 12 do Quốc vương Jayavarman VII đề thờ Phật.

Qua nền sân, ta đến ngôi cổng đá bùn, lợp mái khung vòm ở về hướng Đông của vòng thành thứ nhì. Vòng này bao quanh khoảng đất bẽ dài 75 thước, bẽ ngang lối 65 thước. Vào trong xa có một dãy hành lang xây quanh mảnh sân ở giữa bẽ dài 30 thước, bẽ ngang 25 thước. Ở mỗi hướng có một ngôi cổng xây cùng một lối với các ngôi cổng ở những đền khác, và ở mỗi góc có một gian phòng thấp. Vách hành lang không có chạm trổ gì cả.

Ngôi chánh điện 4 tầng cao hiện thời chỉ còn lối phân nửa. Điện xây theo hình chữ thập có bốn gian phòng trước bốn cửa. Tầm điện cũng hình chữ thập lồng trong 1 thước 90, bốn bẽ trống trơn không có vách.

Trong góc Tây Nam của mảnh sân có một cột trụ đá có móng giống như ở các ngôi đền trong thời kỳ ấy, và ở góc Đông Nam, thay vì xây một « thư viện », lại có một hồ nước hình chữ nhật có bậc tam cấp bằng đá ong mà người thời bây giờ không hiểu dùng làm gì?

ĐỀN PRAH KHAN

ĐỀN Prah Khan xây vào năm 1191 do Quốc vương Jayavarman VII, thụy phong là Mahāparamasangata pada đê thờ Phật.

Prah Khan nghĩa là « Cây gươm báu » của nhà Vua; theo truyền thuyết là cây gươm của Thần Indra tặng các đấng Tiên vương Cao Miên. Hiện thời cây gươm báu ấy ở trong Hoàng thành Phnom Penh do các tu sĩ Bakou (Bala môn) giữ. Mỗi tuần, tu sĩ rút gươm ra khỏi vỏ một lần. Gươm dài lối một thước, cán bằng vàng, lưỡi bằng thép có chạm hình Thần Indra, Vishnou và Çiva ở gần cán.



Từ đền Bantéay Prei trở ra đường Vòng lớn, ta thấy ngay góc Đông Bắc vòng thành đền Prah Khan. Con đường về phía Đông đưa đến cửa vào đền tên là Fombertaux ở gần cây số 9. Cửa vào đền mặt Bắc ở trên đường Vòng lớn ngay cây số 8, còn cửa vào mặt Tây cũng trên đường ấy, ngay cây số 7.

Ngôi đền chiếm một khoảng đất rộng hình chữ nhật bề dài 800 thước, bề ngang 700 thước, xung quanh có hào

nước chu vi 56 mẫu. Vòng thành thứ ba bao quanh tất cả ngôi đền bề dài 200 thước, bề ngang 175 thước.

Theo bia đá trong chánh điện thì đền Prah Khan được xây năm 1191 để thờ Phật Lokeçvara, phong Thần theo tên Jayavarmeçvara, là Đức Vua cha của Quốc vương Jayavarman VII tên là Dhamadravarman cũng như ở đền Ta Prohm, nhà Vua thờ tượng bà Mẹ phong Thần tên Prajñāpāramita. Trong bia có ghi trong đền có 515 tượng Thần, Thánh, một đường đường (trong số 102 của nhà Vua cắt khắp lãnh thổ) và căn trường đình.

Các vị tu sĩ và gia nhân trong đền có đến 96.840 đàn ông và đàn bà, trong ấy có 1000 vũ nữ. Mỗi năm có 18 ngày lễ lớn, mỗi tháng có 10 ngày nghỉ việc chừng tỏ rằng người Miên thời xưa chăm chú đến việc lễ bái và thích vui chơi.

Đền Prah Khan có 4 vòng thành xây bằng đá ong, hai vòng ngoài có hai dãy hành lang. Toàn thể bị rừng cây mọc lấn áp nên hư sập rất nhiều. Ta có thể viếng cảnh hoàn toàn thẳng một đường từ cửa Đông qua Tây hoặc ngược lại.

Vào cửa Đông ta thấy nền sân đá có bậc tam cấp bằng đá ong và hai tượng sư tử thật đẹp. Kế đó là khoảng đường rộng có nhiều cột trụ vuông chạm trổ rất khéo, tiếp theo hai hàng tượng người khổng lồ ôm mình rắn 9 đầu đắp ngang hào nước tới cửa thành.

Bề dài của khoảng đường này là 100 thước, bề rộng 10 thước. Ở cửa Tây mặt hẹp hơn còn ở Bắc và Nam thì không có cột trụ, chỉ có hai hàng tượng đá ôm rắn 9 đầu mà thôi. Mỗi cột trụ có chạm hình quái vật, phần trên hình vuông, đục 4 cái khám có Đức Phật ngồi ở trong.

Ngôi cổng ở ngoài của vòng thành thứ tư có ba ngôi tháp : ngôi ở giữa có 4 tầng cao, 2 ngôi kia có 2 tầng và

có cửa phụ. Trên vách còn có « cửa sổ giả » che bức sáo và chạm hình Tiên nữ Devatá. Hai bên góc cổng có tạc tượng Thần điều Garuda vỗ răn 9 đầu bề cao 5 thước. Dọc theo vách tường dài 300 thước, cứ cách 50 thước thì có một tượng Chim thần như thế.

Trong ngôi cổng này có một tượng Thần Prainápáramitá quì gối thật đẹp, bị người Pháp đem về Paris để trong Bảo tàng viện Guimet.

Ở phía Bắc của khoảng đường đưa vào vòng thành thứ ba có một ngôi trường đình để khách hành hương tạm nghỉ theo trong bia đá có ghi.

Ngôi nhà này cất giống căn nhà ở đền Ta Prohm có tường thật dày, cửa sổ 2 hàng chấn song tiện tròn; chiếc mái hình khung vòm xây theo lối dợn sóng, như một vòng cung đóng khung tẩm mi tam giác. Gian phòng chánh rộng 4 thước 70.

Một nền sân rộng cao hai bậc có tượng sư tử và răn 9 đầu khắc theo kiểu ở đền Bayon, đưa ta vào ngôi cổng có 5 cánh cửa rộng gần 100 thước dính với ba ngôi tháp và 2 căn phòng ở hai đầu, tất cả nối liền với dãy hành lang có hàng cột ở ngoài, phía trong vách chạm « cửa sổ giả » có chấn song tiện tròn.

Về phía Nam của trục đền có hai cây cồ thụ mọc trên mái hành lang, thông rễ to kênh xuống đất. Tuy vậy mấy khối đá vẫn nằm nguyên vẹn chứ không sụp đổ.

Ở giữa vòng thành thứ ba xây bằng đá ong có mảnh sân hình chữ thập, chia làm 4 khoảng sân nhỏ, xung quanh có hành lang, có hàng cột đỡ mái ở ngoài. Trên vách hành lang có chạm hình Tiên nữ Apsara nhảy múa, cho ta biết đây là chỗ vũ nữ biểu diễn trong ngày lễ bái chư Thần.

Từ trong sân đi ra cửa phía Bắc, ta thấy một nhóm cột trụ cắm gần nhau, hai bên có tượng rắn 9 đầu. Đây là chân cột của một ngôi nhà bằng gỗ, ngôi ngày xưa mà ta còn thấy những tấm khuôn cửa gỗ nằm dưới đất, nhưng không có dấu vết bậc thang lên sân. Đối diện với hàng cột này có một nền sân dài hai bên có vách tường giữ nước bằng đá ong.

Trở lại đường cũ đến trục chánh Tây Đông của ngôi đền ta đi qua phòng vũ nữ múa thờ rồi vào mảnh sân có hai gian « thư viện » xây cửa về hướng Tây và một ngôi cổng xây theo hình tháp. Ra khỏi sân, ta gặp ngay dãy hành lang hình chữ thập, chạm hình Thần Dvârapalâ và Tiên nữ Devatâ nổi lên mặt tường. Ở trong xa, trên tấm mi tam giác phía Đông ở ngôi cổng của vòng thành thứ nhất có chạm hình một mặt của cung điện và một người đàn ông và một người đàn bà trang sức sang trọng đứng trên một cái bệ.

Bên trái có mảnh sân nhỏ, bên cạnh dãy hành lang có chạm hình Tiên nữ Devatâ.

Trong gian phòng ở phía Tây, cất nhô trước ngôi cổng thứ nhất, có tấm bia đá hình vuông bề cao 2 thước, mỗi chiều 6 tấc, mỗi mặt khắc 72 hàng chữ theo lối viết hồi cuối thế kỷ thứ 12.

Hai bên cửa phía Tây có hai gian phòng « chúa sách » thật nhỏ. Giữa những gốc cổ thụ vĩ đại, có một gian phòng hình chữ thập thật rộng, xây bằng cột trụ tròn trong góc Đông Bắc và Đông Nam của mảnh sân giữa.

Phía ngoài của ngôi chánh điện hình chữ thập xây với bốn phần nhô ra ngoài, có dấu chạm trổ rồi bị đập phá đè trét lên một lớp hồ. Trong gian ở phía Đông có

một tượng Phật Lokeçvara 8 tay, đứng thẳng do người Pháp tìm được trong khu rừng bên cạnh đưa vào trong năm 1943. Theo bia đá truyền lại thì chắc thần tượng này là vị Phật Lokeçvara phong Thần tên Çri Jayavarmeçvara vào Đức Vua cha của Quốc vương Jayavarman VII, đứng ra phải đề trong tấm điện. Tượng Phật chỉ còn có 2 bàn tay cầm cái đĩa âm dương và nhánh bông bị bọn lưu manh đập gãy và lấy mất trong thời kỳ Nhật thuộc năm 1945.

Xung quanh ngôi cổng thứ 3 ở phía Bắc có nhiều gốc cây thật đẹp, ấy là giống cây Sralao mình trắng có từng ngắn. Trước cửa ra, vào có một nền sân hình chữ thập, hai bên có hai tượng Thần Dvārapāla khổng lồ, trên tấm mi tam giác có chạm hình một đoàn chiến sĩ của Thần Lankā (trong tích Rāmāyana). Ta còn thấy trên 2 tấm mi tam giác của dãy hành lang ở trục Đông có chạm hình « Thần Vishnou nằm ngủ » và « Thần Çiva đứng giữa Thần Vishnou và Brahmā ».

Từ chánh điện qua hướng Tây, ta vào góc Tây Bắc và Tây Nam của mảnh sân giữa ở trong vòng thành thứ nhất Ở đây có nhiều căn phòng để thi hai người chết.

Ở mỗi góc hành lang có một ngôi tháp có tầng cao trên vách tháp có chạm trở các nhà tu khổ hạnh ngồi trong khám đút sâu vào mình đá.

Đi qua ngôi cổng 1 và 2, ta thấy một ngôi đền nhỏ có một tấm mi tam giác chạm hình Thần Krishna đỡ quả núi Govardhana che cuờ cho đám mục tử và bầy thú tránh cơn giông tố.

Ngôi cổng chánh của vòng thành thứ ba kéo dài gần 40 thước có những tấm mi tam giác chạm trở rất khéo. Ở phía Đông có một chiếc thuyền rồng trên ấy có hai người ngồi đánh cờ ; ở phía Tây, một đoạn tích về chiến tranh của Thần Lankā (trong sử Rāmāyana). Hai bên cửa ngán

ở hướng Tây có hai tượng Thần Dvārapāla, phía trước có nền sân dựa vào có tượng sư tử ngồi canh.

Từ đó ta đi thẳng ra ngôi cổng chánh của vòng thành thứ tư. Ngôi cổng này có 3 ngọn tháp. Khởi cổng, ta theo khoảng đường đắp ngang hào thành, hai bên có hai hàng tượng đá ôm rầm 9 đầu, bị hư sập khá nhiều.



SÂN KROL DAMREI

Từ cửa Tây đền Prah Khan đi về thành Angkor Thom 800 thước, có một con đường mòn phía tay trái dựa vào sân Krol Damrei.

Đây là « sân Voi » để cột voi của nhà Vua cũng như chuồng bò lợn thien của ta. Theo dấu vết còn lại thì sân này hình chữ nhật bề dài 55 thước, bề ngang 45 thước. Xung quanh một vòng tường bằng đá ong kiên cố bề cao 3 thước có nền đất dựa vào hình như để cất khăn đài. Nhiều cột gỗ đóng xuống đất, cách nhau từng 2 thước. Về phía Bắc có một cái mương để nước dơ thoát ra.

NHỮNG NGÔI ĐỀN Ở NGOÀI VÒNG LỚN VÀ VÒNG NHỎ

Đến đây là đủ hết các ngôi đền trong hai Vòng dành liền rời đền Angkor Wath và kinh thành Angkor Thom.

Chúng tôi đưa quý bạn đi xa hơn nữa để viếng những ngôi đền khác cũng ở trong vòng Angkor, và cũng do các vị Quốc vương ấy xây dựng.

Du khách phải mất cả ngày xem một ngôi, có khi phải ngủ đêm trong chùa bên cạnh mới đủ thì giờ vừa đi, vừa về. Người ít thì giờ rảnh rỗi có nhiên không thể nào viếng mấy nơi này được.

ĐỀN BANTÉAY SREI

Đền Bantéay Srei ở cách thị trấn Siemréap hơn 30 cây số. Từ thị trấn theo đường Vòng nhỏ đến hồ Sran Srang, quanh về tay mặt qua đường Vòng lớn gần tới đền Prasat Mébon có một ngã ba, ta đi trên đường mới về phía tay mặt độ 3 cây số tới một ngã tư quanh tay trái, thẳng đến sát bờ sông Siemréap, đi bộ vào một tiểu lộ 500 thước là tới cửa Đông ngôi đền.

Bantéay Srei nghĩa là « Thành phố của đàn bà », xây từ năm 967 do hai vị Quốc vương Rajendravarman thụy phong là Çivaloka và Jayavarman V thụy phong là Paramaviraloka, để thờ Thần Çiva. Chiều theo bia đá thuật cuộc xây dựng ngôi đền, ở trong ngôi cổng phía

Đông ở ngoài vòng thành thứ 4, khắc trong năm 968, thì đền Bantéay Srei được xây vào tháng tư năm 967 là năm cuối cùng của triều Vua Rajendravarman để thờ Thần Çiva và bà vợ là Çakti. Bản văn tán tụng Quốc vương Jayavarman V và vị Giáo sĩ Bàlamôn tên Yajñavarâha, người coi sóc việc xây cất cùng người em ruột.

Trong tấm điện có dựng linh phù của Thần Çiva Çri Tribhuvanamaheçvara. Vài bản chữ khắc khắc trên vách đá ghi một linh phù khác dựng trong ngôi tháp thờ ở phía Nam và tượng Thần Vishnou trong ngôi tháp thờ ở phía Bắc.

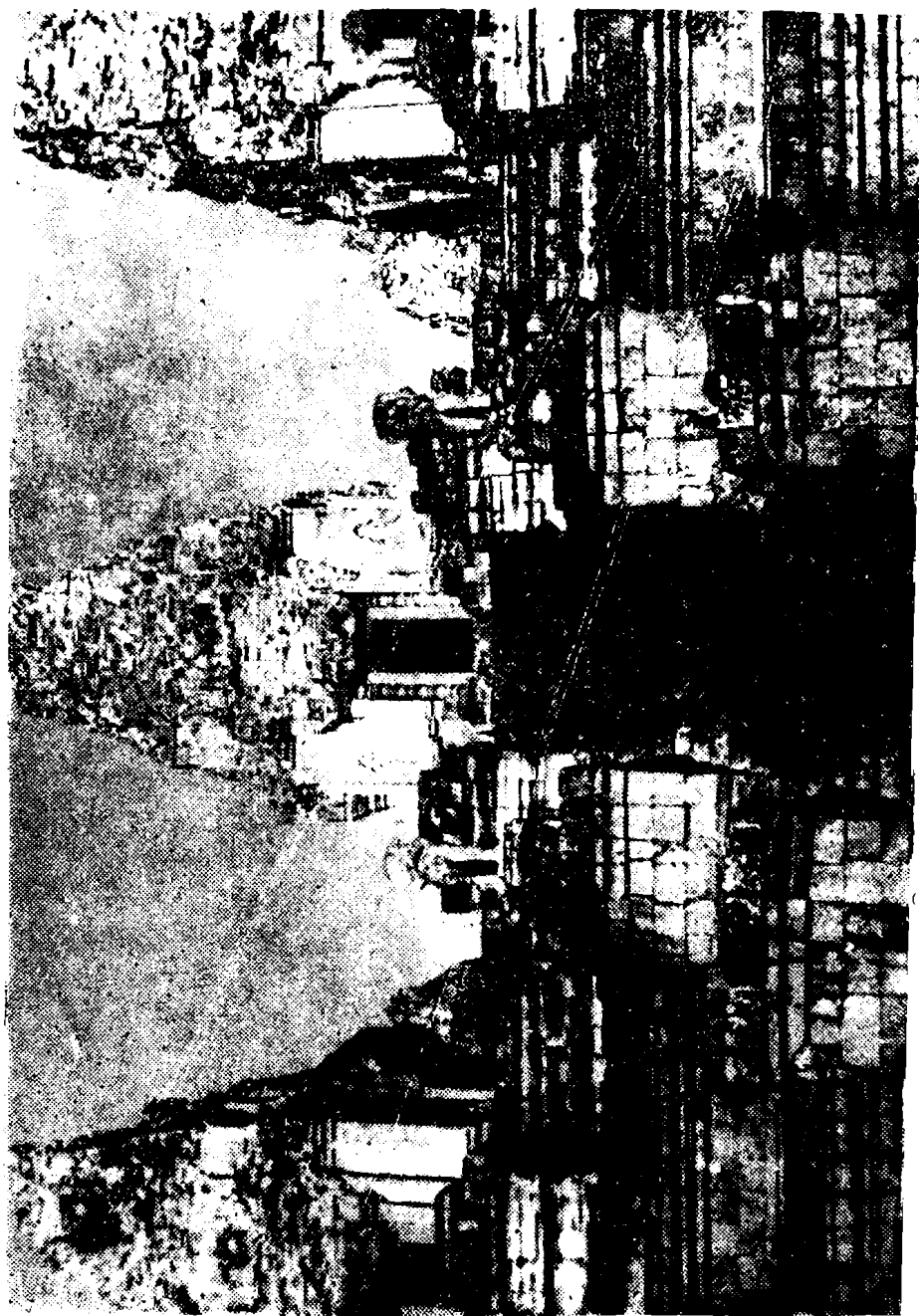
Kể về vẻ đẹp toàn diện thì đền Bantéay Srei đứng vào bậc nhì, sau đền Angkor Wath, nhưng vì ở các vùng Angkor khá xa nên ít người có dịp ghé viếng thường thường.

Trước mặt Đông có một ngôi cổng xây theo hình chữ thập bằng đá ong, hai bên có hai cánh cửa mở về vách tường thành thứ tư. Cửa ngấn về mặt Đông xây cột đá bùn chạm trổ rất khéo, trên tấm mi tam giác có chạm hình Thần Indra cỡi Voi ba đầu.

Qua khỏi cổng, có một khoảng đường lót đá hai bên có đắp bờ bằng đá chạm trổ nhưng bị đoàn voi rừng phá đồ sập gần hết. Cuối đường là vòng thành thứ ba, hai bên có hai dãy hành lang bằng đá ong, cột đá bùn, ở giữa mỗi mặt có những ngôi cổng nhỏ; ở phía Nam có ba căn phòng dài song song với nhau hướng về phía Bắc Nam, và ở phía Bắc có một ngôi tháp trên tấm mi tam giác chạm hình Thần Vishnou biến hình sư tử Narasimha dùng bộ vuốt xé tét ngực Vua Chấn Hiranga Kacipu. Dưới đất, gần cửa vào tháp có một phiến đá dài chạm ở mặt trên bảy vị Nữ thần ngồi trên lưng thú khác nhau và hai bên

Hồ SRAH SRANG





chạm Thần Ganeça mình người đầu voi và một vị Thần không có đề tên.

Trước khi đến cửa vòng thành thứ ba, ta thấy di tích của 2 ngôi tháp bị sụp đổ hết sạch. Gần ngôi ở phía Bắc, ta thấy trên nền đất một tấm mi tam giác ở cửa ngăn mặt Đông của ngôi cổng thứ ba, về hướng Đông có chạm hình Chấn Viradha bắt cóc nàng Sila, vợ của Hoang tử Râmâ.

Ngôi đền chánh có ba vòng thành bao quanh, vòng thứ nhất bề dài 110 thước, bề ngang 95 thước, vòng thứ nhì bề dài 42 thước, bề ngang 38 thước, vòng thứ ba vuông vức mỗi chiều 24 thước.

Trong vòng thứ ba có một hào nước xây xung quanh bờ hào có tam cấp bằng đá ong. Ở hai mặt Đông và Tây có hai khoảng đường đắp ngang hào đưa vào hai ngôi cổng. Vách thành bằng đá ong. Ngôi cổng ở hướng Đông xây giống cổng thứ 4 ở mặt Đông, có ba ngã ra vào, phía trước có hai tượng sư tử ngồi canh giữ. Trên tấm mi tam giác ở phía Tây của ngôi cổng này có chạm sự tích Tiên nữ Apsara tên Tilottamâ rút trong truyện Mahâbhârata. Người Pháp đã gỡ ra đưa về Bảo tàng viện Guimet ở Paris từ lâu.

Vòng thành thứ hai cũng xây bằng đá ong và có hai ngôi cổng ở mặt Đông và Tây. Sát tường có 6 căn phòng bằng đá ong lợp ngói hiện thời đã tiêu mất lớp trên. Ấy là dãy hành lang để khách hành hương nghỉ tạm, chia làm ba phần, hai căn dài hơn ở về mặt Bắc và Nam, trước mỗi căn khác đều có một ngôi cổng. Ngôi ở phía Đông xây theo hình chữ thập có 3 ngã ra vào, phía trên có những tấm mi tam giác chạm trở rất khéo.

Trước mặt Tây của ngôi cổng ngay chánh điện có tượng hổ tót Nandin của Thần Giva cỡi.

Vòng thành thứ nhất xây bằng gạch cũng như ngôi cổng phía Tây cất theo lối tháp thờ có phòng ở giữa và 2 ngã ra vào ở hai bên.

Ngôi cổng ở hướng Đông bằng đá ong có một cửa vào rất hẹp đến nỗi một người kho lách mình vào trong.

Qua khỏi cổng ta thấy hai bên có hai gian « thư viện » mở cửa về hướng Tây xây bằng đá ong và đá bùn dưới một mái hình khung vòm bằng gạch. Trước mặt là khóm đền chánh có ba ngôi tháp xây chung trên một nền đá bề cao 9 thước, ngôi giữa cao 9 thước 80, hai ngôi kia cao 8 thước 34.

Căn tâm điện ở ngôi giữa hình vuông, mỗi chiều 1 thước 90, hai căn kia mỗi chiều 1 thước 70. Phía trước ngôi chánh điện về hướng Đông có một căn phòng vuông hai bên có cửa, giữa một cánh cửa ngán và một gian nối liền với đền, lợp bằng gạch như hai gian « thư viện ».

Lối đi đều khắc quanh đền thật vô cùng tuyệt mỹ. Ở ngôi cổng số 1, mặt Đông, trên cây mây của hướng Tây có chạm một vị Thần 4 tay và một đầu ngựa cắn tóc hai tên Chấn. Trên tấm mi tam giác phía Tây có hình Nữ thần Durga tám tay hợp với con sư tử đánh một con trâu bị rắn quấn khắp mình.

Trong « thư viện » phía Nam trên tấm mi tam giác hướng Đông chạm tích Rāmāyana : tên Chấn khổng lồ Ravana nhiều đầu, nhiều tay răn sức xô ngã núi Kailāsa. Nhà điêu khắc trình bày ngọn núi bằng một hình tiêm tháp có tam cấp, trên đỉnh có Thần Çiva ngồi bên cạnh bà vợ tên Parvati nép sát vào tay chồng. Trên các bậc tam cấp có hình thú vật chạy trốn, hình người đầu thú và các nhà tu khổ hạnh. Trên tấm bia tam giác hướng Tây chạm tích

Kalidāsa; vị Thần Ái tình Kāma bắn Thần Çiva một mũi tên lúc Thần ngồi tham thiền bên cạnh vợ là Pārvasi.

Trong « thư viện » phía Bắc, trên tấm mi tam giác hướng Đông chạm tích Thần Vishnou, về đoạn Harivamça: diễn « trận mưa của Thần Indra » trình bày bằng những nét gạch song song, rơi xuống khu rừng có nhiều thú vật, trong ấy có Thần Krishna lúc còn nhỏ và người em tên Balarāma đi ngang qua. Trên mây có hình Thần Indra cỡi Voi ba đầu và ở trong góc có hình rắn 9 đầu, tượng trưng cho Thần nước. Trên tấm mi tam giác hướng Tây chạm Thần Krishna giết Vua Kamça, rút trong tích Harivamça và Bhāgavata Purana. Cả 4 tấm mi này chạm trổ khéo vô cùng.

Trên tấm mi của ngôi cổng phía Tây của vòng thành thứ nhì về mặt Đông chạm tích Rāmayana : hai vị Hầu vương Vālin và Sugriva đánh nhau. Còn một tấm về mặt Tây đã đưa về kho chứa gần đền Bayon có chạm trận đánh giữa Thần Pandava Bhāma và Thần Kaurava Duryodhana, trước mặt Thần Krishna có 4 tay và người em tên Balarāma cầm cái lưỡi cày.

Trong các ngôi tháp thờ có hình Tiên nữ Devatā chạm nổi trên các thân cột ở góc tháp Bắc và Nam và các vị Thần đứng giữ cửa ngôi chánh điện, trên đầu bởi tóc thành một bình ống tay cầm một búp sen, tay cầm khiên.

Các nàng Tiên nữ Devatā thì ở trần tay cầm bông, tóc chải thường và trang sức lộng lẫy. Ở trên có đầu Quỷ Kāla, và nhiều nhạc công đánh chấp chả theo nhịp chân một vũ nữ.

Trên cây mây cửa của chánh điện về phía Bắc có chạm hình « Vua Khỉ » Vālin và Sugriva ; ở phía Tây chạm cảnh bắt cóc nàng Sita, phía Nam chạm mặt heo rừng ngó

thắng. Cây mảy của trong ngôi tháp phía Bắc, về mặt Bắc chạm một vị Thần chém kẻ thù lột hai thân mình từ đầu đến rún.

ĐỀN BANTÉAY SAMRÈ

Theo đường Vòng lớn đến gần đền Prasat Mébon, quanh ngả tay mặt, ta đi thẳng về hướng Đông, bỏ luôn ngả tư đưa vào Bantéay Srei, lối vài cây số sẽ thấy đền Bantéay Samrè.

Ngôi đền có nghĩa là « Thành phố của người Samrè » xây vào khoảng giữa thế kỷ thứ 12 để thờ Thần Vishnou. Người Samrè là một giống dân lai căn giữa người Nam Dương và người « Véddite » (?) bị xua đuổi trong cuộc chiếm đóng của quân Dravidien và Aryen, di cư đến chân núi Kulén. Hiện thời dân chúng ở làng Pradak tại ngả tư đưa vào đền Bantéay Srei là dòng dõi của giống người Samrè.

« Chính ngôi đền có một lịch sử khá ly kỳ truyền từ triều đại của một nhà Vua. Nguyên gốc là một nông phu nghèo nàn, người Samrè tên là Pou chuyên môn trồng dưa leo ngọt. Những hột giống loại trái cây đặc biệt này của Thần cho Pou. Ngày bẻ dưa đầu tiên, Pou đem dâng lên Quốc vương Cao Miên ăn thử. Sau khi thưởng thức thấy mùi dưa ngon lạ lùng, nhà Vua biết ngay là của Tiên-ban liền ra lệnh cho Pou được quyền giết chết tất cả người hay thú vào rẫy dưa. Đến mùa mưa, dưa trở trái quá ít, vì Quốc vương đợi mãi không thấy Pou đem dâng mới thân hành đến rẫy dưa. Nhưng vì đi một mình và đi vào giữa đêm khuya nên nhà Vua bị Pou đâm chết và chôn ngay trong rẫy như những kẻ tham ăn trước.

« Nhà Vua không có con nối dòng, các quan không biết chọn ai kế nghiệp mới uờ đến sự chọn lựa của Thần

Thánh. Đó là phận sự của con voi mang tên là « Tượng thắng trận ». Sau khi nghe các quan van vái rồi, voi phát chạy đi tìm chơn chúa.

« Voi chạy ngay đến rầy dừa, ngừng trước mặt Pou, cúi đầu chào, quì hai chân trước lấy vòi cuốn Pou đặt lên lưng.

« Thế rồi, người trông dừa lên ngôi báu. Tức vị xong, Pou cho người đào thây của Tiên vương đem về đền Mé-bon cử hành tang lễ và hỏa thiêu ở đền Pré Rup, Nhưng sau đấy các quan trong triều then mặt vì phải phục tùng một người Samrè, tỏ ý bất mãn bằng cách giả vờ quên những tác động lễ phép. Nhà Vua không thể khiến họ thay đổi bằng tâm lòng tốt, hoặc sự tàn bạo mới bỏ ngôi về ở đền Bantéay Samrè trốn trong bốn bức tường, không dám ló ra ngoài như con rùa rút trong mai. Tuy thế, các quan trong Triều không để cho nhà Vua yên thân. Họ tiếp tục đến trước nhà Vua vờ tôn thờ, quì lạy những biểu hiệu tượng trưng của Hoàng gia và những liêu chương của các đấng Tiên vương chờ không phải kính trọng nhà Vua.

« Một hôm, không còn chịu được nữa, nhà Vua nhất định trị tội những người kiêu hãnh này, mới truyền quân đem cái ghế có khoét lỗ để vị Tiên vương đi đại tiện và ra lệnh chém đầu kẻ nào đã tìm kế sỉ mạ mình bằng cách bắt họ phải quì lạy vật dơ dáy ấy.

« Từ đó về sau, các quan tỉnh ngộ hết lòng trung thành với nhà Vua ; Triều đình trở lại yên ổn như cũ. ».

Đền Bantéay Samrè cũng là một ngôi đền tuyệt đẹp về lối kiến trúc và điêu khắc, không kém đền Bantéay Srei.

Vào cửa Đông, ta đi trên một khoảng đường lót đá ong bề dài 200 thước, hai bên có tượng rắn chín đầu giống

như ở đền Angkor Wath, hiện thời chỉ còn lại chút ít di tích mà thôi. Dọc theo lề đường có 2 hồ nước có bậc tam cấp, trên có tượng sư tử và cột trụ nhỏ. Cuối đường có một nền sân nằm ngang, hai đầu có hai bậc tam cấp lớn.

Người đời sau thấy nhiều mảnh ngói vụn quanh nền sân mới cho rằng trước kia cổ nhân có cất trên ấy một ngôi đền bằng vật liệu nhẹ đã bị tiêu hủy vì thời gian.

Vòng thành ngoài xây bằng đá ong bề cao 6 thước bị sụp đổ gần hết cả dãy hành lang ở trong lợp ngói và ngói cống ở ngay giữa.

Vào trong, ta thấy vòng thành thứ nhì có dãy hành lang và ngói cống hư sụp hầu hết, hơn nữa, có một nền đá ong dùng làm nền móng cho ngói cống số 1 của đền chánh. Dãy hành lang này bề dài 83 thước, bề ngang 77 thước xây quanh một mảnh sân rộng, lợp ngói, chỉ mở về mặt ngoài ở phía Nam bằng những cánh cửa sổ trên vách cao.

Bề cao của bốn bức vách này vây kín sân trong, hợp với nơi trú ẩn của « *Nhà Vua trồng dưa leo ngọt* ».

Ba ngói cống ở mặt Tây Bắc và Nam cũng giống ngói ở mặt Đông xây theo hình chữ thập có hai gian ở hai bên nối vào dãy hành lang và hai cửa ngăn có cột trụ đá. Cả 4 ngói đền xây bằng đá ong và đá bùn đẹp hơn mấy ngói ở vòng thành thứ nhất.

Trên những tấm mi tam giác có chạm sự tích Rá-máyana, diễn lại nhiều đoạn trong trận Lankâ mà bọn khỉ được trình bày nhiều nhất.

Trong ngói cống Bắc, mặt Bắc phía trên chạm trận xáp lá cà giữa bầy khỉ và bọn Chân. Hoàng tử Râma đánh Chân Râvana, cả hai đứng trên chiến xa.

Về mặt Nam có trận xáp lá cà của bảy khỉ dưới sự chỉ huy của Hoàng tử Râma cỡi trên vai Hầu vương Hanuman và Hoàng đệ Lakshmana cỡi Hầu vương Angada.

Trong ngôi cổng Nam, mặt Bắc, bảy khỉ khuân đá đắp bờ đê tấn công đảo Lankâ và trên nửa tấm mi bên mặt có hình Thần Vishnou nắm đầu một tên Chăn. Về mặt Nam, Hầu vương Hanuman khuân đỉnh núi Kailâsa bị Rắn thần Idrajit đánh vỡ, đem đến nhờ Hoàng tử Râma và Lakshmana dùng tiên dược hàn gắn lại.

Trong ngôi cổng Tây, mặt Tây chạm trận xáp lá cà giữa bảy khỉ với bốn Chăn và trên mặt Đông, Thần Vishnou nắm lại tên Chăn dè xuống, trên nửa tấm mi bên mặt có một toán Thần cỡi thú như : Thần Vishnou 4 tay cỡi sư tử, Thần chiến tranh Skanda 10 tay và nhiều đầu chõng lên nhau cỡi công, Thần chết Yama cỡi trâu.

Vòng thành thứ nhất ở trong bề dài 44 thước, bề ngang 38 thước, có một dãy hành lang bằng đá ong thấp và hẹp. Ở bốn góc có bốn gian phòng không có cửa, chỉ có cửa sổ chấn song tiện tròn hoặc vách bịt kín. Bốn gian này có vẻ là kho chứa vật dụng hơn là nơi để tạm nghỉ hoặc tham thiền.

Trên mảnh sân xây quanh đền có lót một đường đá bùn có tam cấp và tượng rắn 5 đầu làm bao lơn. Trong 2 góc sân về phía Đông có hai gian « thư viện » xây cửa về hướng Tây, xây cùng lối với các ngôi đền khác. Bốn ngôi cổng ở bốn mặt tường thành thứ nhất đều giống kiểu với nhau : giữa cổng có một gian phòng vuông vức, phía trước có căn hình chữ nhật.

Từ cổng phía Đông vào trong, ta vào một gian phòng dài trước ngôi chánh điện, hai bên có hai căn phụ, phía trước có bậc tam cấp lớn. Trên bờ tường đây có mái khung vòm đưa mí ra ngoài.

Chánh điện có một cửa mở về gian phòng dài, bên trong là tấm điện hình vuông, mỗi chiều 3 thước. Ba mặt vách đều có chạm « cửa giả » phía trên nóc xây bốn tầng cao, ngay chót tháp có một vòng tai sen tròn. Chánh điện cao 21 thước tính từ mặt đất của mảnh sân tới trên chót. Những hình chạm trên các cây mây cửa, tấm mi tam giác tuyệt hảo vô cùng, đại khái như :

Ở ngôi cổng hướng Đông, mặt Đông trên cây mây cửa phía Nam, Thần Krishna đánh vờ rắn Kaliya, phía trên tấm mi cảnh « Khuấy động biển sữa » có Thần Brahmá dự kiến và ở cửa Bắc « cuộc phong Thần của Thần Vishnou cỡi Thần điều Garuda, trên mặt Tây, Thần Vishnou Trivikrama bước trên thế giới, ở cửa Bắc, Thần Krishna đỡ ngọn núi Govardhana, ở cửa giữa bốn Quỷ Rashksa tấn công lâu đài của Thần Indra. Trong chánh điện, 4 cây mây cửa còn nguyên vẹn, trên cây mây ở hướng Nam chạm hình Thần Vishnou nắm đầu hai người dè xuống đất, phía dưới là mặt Quỷ Kala.

Trong ngôi cổng Bắc, mặt Nam có một đoàn Tiên nữ Apsara múa nhảy theo tiếng đàn tranh, Thần Çiva và vợ là Umâ cỡi bò tót Nandin ; trong ngôi cổng Tây ở mặt Đông có hình mặt Trời và mặt Trăng, ở mặt Tây có một hàng chư Thần cỡi thú khác nhau.

Trong gian « thư viện » ở phía Bắc, mặt Tây, chạm ngày sanh Thần Brahmá. Vị Thần nằm trên hoa sen, cuốn hoa ở trong rún của Thần Vishnou mọc ra, Thần Vishnou nằm trên mình rắn.

Có điều đáng chú ý : không có hình Tiên nữ Devatâ chạm trên các cột ở cửa vào đền.

Người đời sau tìm kiếm thấy trong tấm điện có một tượng đá khắc thân trên của người đàn ông thật đẹp. Ở

ngoài vòng thành thứ hai gần góc Tây Bắc có 4 tượng Thần đứng thật lớn bị đập bể nằm dưới đất. Ngoài ra người ta còn thấy một cái bồn bằng đá không có nắp và có lỗ để nước thoát ra ngoài, hiện thời để trong gian phòng trước chánh điện.



KHÓM ĐỀN ROLUOS

KHÓM đền Roluos ở cách thị trấn Siemreap 15 cây số về hướng Đông Nam có ba ngôi đền : Bakong, Prah Kô và Lolei. Ba ngôi này xây vào cuối thế kỷ thứ 9 ở kinh đô cũ Hariharalâya (trước khi dời về Angkor Thom) và cũng có mang tên là Lolei.

Khi Vua Jayavarman II ở Java trở về, khoảng đầu thế kỷ thứ 9, chấp chương chánh quyền thì Ngài đóng đô ở Hariharalâya 2 lần.

Lần thứ nhất trước khi ngự ở đỉnh núi Kulên gọi là thành Mahendraparvata, nơi đó Ngài bắt đầu thờ vị Phật Vua ; lần thứ nhì sau khi rời núi Kulên, Ngài đem linh phù tượng trưng cho Hoàng tộc về thành Lolei. Ngài băng hà năm 850, sau 48 năm trị vì.

Các vị Quốc vương kế nghiệp vẫn ở Lolei, mãi đến khoảng đầu triều Vua Yaçovarman, vị Quốc vương khai sáng vùng Angkor dời đô về Phnom Bakheng mới bỏ hoang khóm đền Roluos đến ngày nay.

Hiện thời ba ngôi đền này chỉ còn là cảnh hoang tàn chờ ngày sụp đổ hẳn. Các nhà khảo cổ Pháp không có cách gì sửa chữa được, đành để cho thời gian tàn phá lần hồi. Tuy thế ba ngôi đền vẫn có một giá trị lịch sử rất quan hệ, dù không đến viếng, chúng ta cũng nên biết sơ qua.

ĐỀN BAKONG

Từ thị trấn Siemreap trở về Phnom Penh, đường quốc lộ số 1 bis đến cây số thứ 13 có một ngã ba đường đất, theo thông lộ này 15 0 thước ta sẽ thấy đền Bakong.

Đền Bakong xây vào khoảng cuối thế kỷ thứ 9 (năm 881) do Quốc vương Indravarman I thụy phong Içvaraloka đề thờ Thần Çiva Trước kia, đền này là ngôi chánh điện của kinh đô Hariharataya đề thờ vị Phật Vua, và cũng là ngôi đền bằng đá bền thứ nhất trong vùng Angkor mà Quốc vương Indravarman gọi là « ngôi nhà đá của Thần Iç » . Theo bản văn trong bia đá truyền lại thì nhà Vua dựng linh phủ Çri Indreçvara năm 881, cùng 8 tượng Thần Çiva trong 8 ngôi tháp gạch xây quanh nền tiếm tháp, hoặc trên bệ đá bên cạnh bậc thang của trục đền

Ngoài ra có nhiều Thần tượng dựng trong các ngôi tháp đá, nhiều linh phủ thờ những người quá cố và cuộc đảo hồ nước Lolei đặt tên Thần là Indratatāka.

Ngôi đền có ba vòng thành. Vòng thứ ba ở ngoài bề dài 900 thước, bề ngang 700 thước xung quanh hồ nước hiện thời đã cạn khô. Bên trái về mặt Bắc, gần góc Đông Bắc có ba ngôi tháp xây bằng gạch sắp hàng từ Bắc đến Nam. bây giờ chỉ còn một ngôi đứng vững.

Ở gần ngôi cổng hướng Đông của vòng thành thứ nhì cũng có ba ngôi tháp như thế, bây giờ chỉ còn vài vạt tường. Những di tích này chỉ cho ta biết ngày xưa, cổ nhân xây nhiều ngôi tháp gạch xung quanh chánh điện. Tất cả có 22 ngôi : 6 ngôi ở mặt Tây, 4 ngôi ở các mặt khác và 4 ngôi ở 4 góc đều đứng riêng biệt từng ngôi, riêng có hai nơi xây ba ngôi cạnh nhau, cửa mở về hướng Đông hoặc xây vào mặt đền.

Vòng thành thứ hai xây bằng đá ong bề dài 400 thước, bề ngang 300 thước. Ở mặt Đông và Tây có 2 ngôi cổng bằng đá ong và đá bùn sụp đổ gần hết; ở mặt Bắc và Nam cũng có hai ngôi khác hình dạng nhỏ hơn. Quanh theo chân tường có một hào nước rộng bây giờ đã cạn khô. Về phía Bắc của trục đền có một ngôi chùa mới cất và nhiều căn nhà để các vị sãi ở. Khỏi cổng Tây và Đông có hai khoảng đường lát đá đắp ngang mặt hào, hai bên có tượng rắn 7 đầu, bây giờ nằm quệp dưới đất, chỉ có một con ở cửa Đông mặt Nam còn nguyên vẹn mà thôi.

Vòng thành thứ nhất xây bằng đá ong thấp hơn, bề dài 160 thước, bề ngang 120 thước. Bốn mặt thành có 4 ngôi cổng hình chữ thập cũng bị sụp đổ gần hết.

Trong ngôi cổng phía Đông có hai tượng Thần Vishnou 4 tay thật lớn. Qua khỏi cổng này ta đi trên một khoảng đường đắp hai bên có hai hàng cột trụ chữ nhật, vách thật rộng có cửa sổ chấn song tiện tròn đối diện với nhau, bây giờ chỉ còn chút ít dấu vết. Phía trước mỗi căn có một cánh cửa ngăn và phía sau có một căn nhỏ xây dính liền. Có lẽ đây là hai căn phòng để khách thập phương ngủ tạm.

Ở phía Nam của trục đền có hai căn xây bằng đá ong, trong một căn có dựng bia đá ghi sự tích ngôi đền. Gần đây có hai căn phòng dài xây toàn bằng đá bùn có lẽ là hai kho chứa vật dụng.

Trong hai góc Đông Bắc và Đông Nam của vòng thành có hai căn bằng gạch xây theo hình vuông, cửa xoay về hướng Tây. Căn ở phía Nam còn gần nguyên vẹn, căn ở phía Bắc bị sụp đổ đến mái khung vòm.

Trong hai góc Tây Bắc và Tây Nam chỉ có một căn giống như vậy nhưng xây cửa về hướng Đông, hiện thời sụp đổ hoàn toàn.

Xung quanh ngôi tiêm tháp có 8 ngôi tháp thờ bằng gạch mỗi mặt 2 ngôi, ngoài vách có trét hồ và chạm hình Tiên nữ, bây giờ tróc hết.

Bốn ngôi ở mặt Đông trên trục Bắc Nam xây đẹp hơn ở mặt Tây; trong số 8 ngôi chỉ có một ngôi ở phía Tây còn đứng vững. Riêng 2 ngôi ở mặt Đông xây trên nền đá bùn 2 lớp có chạy đường go và chạm trổ khá đẹp. Tất cả 8 ngôi đều xây theo hình vuông, 4 mặt có tam cấp, cửa xoay về hướng Đông, phía trước có tượng sư tử ngồi canh giữ. Ba mặt vách có « cửa giả » chạm trong tường xây bằng một khối đá nguyên. Mỗi tay cửa có chạm hình mặt Q ỉ rất đẹp, cả những cây mây cửa cũng được chạm trổ khéo vô cùng.

Trên các thân cột ở góc đều có khắc hình Thần Dvārapāla và Tiên nữ Devatā đứng trong khảm đục sâu vào.

Gần sát vách thành ở hướng Nam có một dãy phòng dài chia làm ba gian, xây hành lang có cửa ngăn với các ngôi tháp về mặt Đông, bây giờ đã hoàn toàn sụp đổ.

Ngôi tiêm tháp 5 tầng thang dưới chân bệ dài 67 thước, bệ ngang 65 thước, trên sân thượng bệ dài 20 thước, bệ ngang 18 thước. Ở đây có một cái hầm ngay trung tâm điềm sâu 20 thước, nghĩa là ăn xuống lòng đất 6 thước, đáy hầm trống trơn tỏ rằng bọn lưu manh đã vơ vét tất cả kho tàng.

Tầng thứ tư và thứ năm xây trên một khối đá ong, ba tầng khác xây trên nền đất, lún sâu xuống lối 2 thước. Sân thượng bệ cao 14 thước, xung quanh có vòng tường bằng đá bùn.

Bốn bậc thang ở bốn mặt có 5 tầng cao, dưới chân

có tam cấp giữa cái bệ chạm hình Thần Dvārapāla và Tiên nữ Devatā. Ngay mỗi bậc thang có một ngôi tháp nhỏ xây theo một kiểu riêng biệt. nóc lợp đá bùn có hai mái.

Ở mỗi góc của ba tầng trên, có tượng voi khắc trong một khối đá nguyên. Tầng thứ tư có 12 ngôi tháp nhỏ bằng đá bùn, trong mỗi ngôi có một linh phù, hiện thời chỉ còn 10 ngôi.

Tầng thứ năm bề cao 1 thước 90, xung quanh vách có chạm trổ rất khéo.

Ngôi chánh điện do người Pháp mới cất lại, vẫn giữ hình dáng cũ, mặc dầu có dùng nhiều khối đá mới. Điện xây cửa về hướng Đông 3 mặt có cửa giả, có nhiều tầng chồng lên nhau, chót tháp nhọn đầu như các ngôi tháp khác.

Trên các cây mây cửa và cột trụ, cột nhỏ có chạm hình tiên nữ Devatā, trên tấm mi tam giác ở mặt Đông có chạm hình Thần Çiva múa nhảy, ở mặt Nam hình « Khuấy động biển sữa », ở mặt Tây hình Thần Vishnou nằm ngủ, ở mặt Bắc hình Hoàng đệ Lakshmana giữa bảy khỉ, bị rắn thần Indrajit trói kẻ.

Tấm điện hình vuông mỗi chiều 2 thước 70, bề cao 15 thước, trên vách có chạm hoa sen.

Trong cuộc tìm kiếm của người Pháp có rất nhiều tượng và dấu các vị Thần và Nữ thần, cùng nhiều tượng đá dựng dựa vào tường tháp, trong ấy có một tượng người ở trần ngồi dựng chân.

Trong ngôi tháp bằng gạch ở phía Bắc mặt Đông có 3 tượng đá dính liền một khối, bây giờ chỉ còn thân mình. Theo lời giải thích trong bia đá thì 3 tượng ấy là Thần Çiva Umāgangāpatievāra và hai bà vợ Umā và Gangā ngồi ôm ngang lưng Thần.

ĐỀN PRAH KÔ

ĐỀN Prah Kô là ngôi tháp thờ Tiên Vương Jayavarman II và tổ tiên của vị Quốc vương kế nghiệp lần thứ nhì : Indravarman.

Nhà Vua xây đền là Indravarman I, thụ phong Icvaraloka vào cuối thế kỷ thứ 9, năm 879, theo đạo B là môn, thờ Thần Çiva. Ngôi đền ở về hướng Tây của thông lộ vào đền Bakong, cách quốc lộ số 1 bis về phía Nam 500 thước.

Xây trên một vùng đất dài 500 thước về mặt Tây Đông, và 400 thước về mặt Nam Bắc, xung quanh có hồ nước bao bọc, đền Prah Kô (nghĩa là « con bò Thần ») là một ngôi tháp trong Hoàng thành Hariharalaya, kinh đô của Quốc vương Indravarman. Tấm bia đá ghi công việc xây cất hiện thời còn ở trong ngôi cổng của vòng thành thứ nhất. Trên một mặt, cổ nhân chép bằng chữ Phạn, đại khái như vậy :

« Ngự ông dâng Tối đại linh Thần Çiva tất cả lòng thành kính; Quốc vương Indravarman sinh năm... tức vị năm 877... »

Kế đấy, quần thần tán tụng công đức của nhà Vua :

«...Cánh tay mặt dài và tròn mỗi lần xung trận mùa gươm Quỷ khóc, Thần kinh, chinh phục tất cả Vua Chúa ở bốn phương, không người nào chống nổi... »

Phần dưới kể cuộc lập đền thờ vị Phật Vua trên núi Mahendra (Phnom Kulen; núi Trái vải), và kết thúc bằng cuộc dựng tượng Thần Çiva và Devi vào năm 879.

Trên mặt khắc ghi chữ Miên vào năm 893, dưới triều Vua Yaçóvarman, thuật lại cuộc dựng tượng Thần Parameçvara trong ngôi tháp ở giữa hàng tháp thờ về hướng Đông và tượng Thần Prithiviudreçvara trong ngôi tháp ở phía Nam.

Một tấm bia khắc ghi từ khoảng đầu thế kỷ thứ 11 (năm 1005) tán dương công nghiệp của nhà Vua Jayavarman tức vị năm 1002, đến 1010 bị Vua Suryavarman I soán ngôi.

Ngôi cổng phía Đông của vòng thành thứ ba bị sụp đổ gần hết, chỉ còn lại tấm vách ngăn có cột trụ đá bùn. Cổng xây bằng đá ong theo hình chữ thập, có hai mái che hai ngỏ vào đền. Trên vách có cửa sổ bằng đá bùn với 5 chấn song tiện tròn thật lớn, nóc lợp bằng ngói, hai bên có hai tấm mi hình tam giác hiện thời đã bể nát tan.

Qua khỏi cổng ta thấy một khoảng đường lót đá ong, có hai dãy hành lang song hành, bây giờ chỉ còn nền móng. Phía trước ngôi cổng của vòng thành thứ nhì có một nền sân nhỏ, đắp cao và sát vào chân tường bằng đá ong. Tường này bề dài 97 thước, bề ngang 94 thước, có khoét cửa sổ, mỗi cửa có 7 chấn song tiện tròn.

Trong mảnh sân chạy quanh vòng thành thứ hai có hai dãy phòng dài, cắt đối diện ở sát vách phía Đông, ngăn từng phòng bằng cột trụ đá, và hai dãy phòng song hành ở phía Nam Bắc, cửa xoay về hướng Đông. Trước mặt phòng này có một khoảng đường ngắn lót đá ong.

Ở hai mặt vách Bắc và Nam có hai dãy hành lang

hoàn toàn sụp đổ, chỉ còn ở phía Nam một ngôi tháp bằng gạch, hình vuông ngay giữa hành lang, cửa xoay về hướng Tây. Trên vách tháp có nhiều hình các nhà tu khổ hạnh chạm trên gạch, phía dưới có nhiều khám nhỏ đục sâu vào, trong có tượng các vị Thần khắc trên lớp hồ thật tốt.

Ở phía Tây trên mảnh sân rất hẹp có hai dãy hành lang dài đối diện với nhau. Ở đầu hành lang có một ngôi cổng bị hư đổ khá nhiều.

Vách tường vòng thành thứ nhất bề dài 58 thước, ngang 56 thước, xây bằng gạch có hai ngôi cổng hình vuông. Mỗi ngôi có một gian phòng chính, nhiều cột trụ tròn và cây mây cửa chạm hình Thần Vishnou cỡi Chim thần Garuda. Trong ngôi cổng ở hướng Đông, gian phòng chính rộng hơn, mỗi chiều 3 thước 60, có tám bia kể sự tích ngôi đền (chúng tôi có giải thích ở trên).

Trước cửa ngôi tháp ở hướng Đông có 3 tượng bò tót Nandin của Thần Çiva cỡi. Cả ba đều nằm chung trên một nền đá bùn có chạy đường chỉ xung quanh, phía dưới chạm hình Thần Dvârapâla và Nữ thần Devatâ. Trước mỗi tượng có bậc thang và tượng sư tử ngồi hầu.

Những ngôi tháp thờ bằng gạch xây hai hàng có 6 ngôi lớn, nhỏ khác nhau. Tất cả đều xoay cửa về hướng Đông có bốn tầng cao, xung quanh có trét một lớp hồ vôi, mặc dầu trải qua 11 thế kỷ, hiện thời có chỗ vẫn còn tốt, đại khái như trên ngôi tháp ở góc Đông Bắc. Ở mặt Đông, các khuôn vách và « cửa giả » đền bằng đá bùn ; các cột trụ hình bát giác và các hình chạm mặt Quý đều là những sản phẩm khéo nhất của ngành điêu khắc Cao Miên.

Những cây mây cửa bằng đá bùn cũng chạm trổ giống theo đền Bakong. Tâm điện hình vuông ở mỗi ngôi tháp dành để thờ các vị Thần đàn ông. Ngoài cửa có hình

chạm Thần Dvārapāla đứng hầu. Riêng ngôi chánh điện, căn tẩm điện bề dài 3 thước 70, bề ngang 3 thước 40.

Ba ngôi tháp ở phía sau để thờ các vị Nữ thần ; căn tẩm điện mỗi chiều 2 thước 50, xây toàn bằng gạch, phía trước có hình chạm Nữ thần Devatā đứng hầu.

Hầu hết những hình chạm đều khắc trên lớp hồ trét ngoài vách gạch, rất ít hình được chạm thẳng trên nền đất nung.

Trong lúc tìm kiếm di tích còn lại, người Pháp gặp một tượng Thần Çiva trong ngôi tháp ở góc Đông Nam và một tượng Nữ thần mất đầu trong ngôi tháp phía sau ở ngay giữa. Cả hai tượng này đều ở vào thời kỳ xây dựng ngôi đền.



ĐỀN LOLEI

ĐỀN Lolei cất từ năm 893, cuối thế kỷ thứ 9, do Quốc vương Yaçovarman, thụy phong là Paramaçivaloka đề thờ Thần Çiva. Đền này ở khoảng đường vào đền Bakong nổi dài, cách quốc lộ số 1 bis 500 thước về hướng Bắc.

Giống như tháp Méhon ở giữa hồ Baray hướng Đông, đền Lolei xây ngay trung tâm hồ Indratatâka. Hồ này bề dài 3.800 thước, bề ngang 800 thước, cổ nhân khởi đào 5 ngày sau lễ đăng quang của Quốc vương Indravarman I để chứa nước cần dùng cho dân chúng trong kinh thành Hariharatâya và đem nước vào ruộng xung quanh vùng ấy.

Bia đá ghi rằng ngôi tháp này đề thờ Đức Thái Thượng hoàng Indravarmançvara, phụ thân của Quốc vương Yaçovarman, thuở ấy trong đền có nhóm tu sĩ khổ hạnh mang cùng một tên Yaçodharâcrama ở hành đạo.

Đền Lolei cất trên hai tầng nền. Vách nền xây bằng đá ong bốn phía có bốn bậc thang, dưới chân thang có tượng sư tử ngồi hầu và mặt Quỉ làm miệng cống cho nước ở tầng trên chảy xuống.

Nền thứ nhất bề ngang 9 thước có một con đường rộng 2 thước xoay vòng quanh, phía ngoài có một hình rắn chạy rìa theo mặt. Nền thứ nhì bề dài 08 thước góc

Tây Đông và 80 thước góc Nam Bắc, bề cao 2 thước 40, có khoảng đường chạy quanh, rộng 2 thước 40.

Mặt nền ở trên có 4 ngôi tháp gạch xây chung trên một nền đá hiện thời đã lún khỏi mặt đất. Tháp xây hai hàng, hai ngôi ở hướng Đông lớn hơn, ngôi ở góc Đông Bắc còn tốt hơn ngôi ở góc Tây Nam.

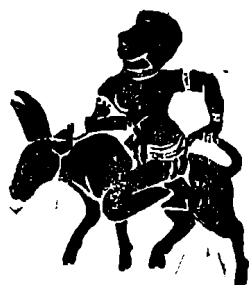
Lối kiến trúc và điêu khắc các hình tượng trên thân cột, cây mây cửa đều giống đền Prah Kô nhưng phần nhiều bị hư gần hết Ta còn thấy ở ngôi tháp ở phía Đông Bắc, trên vách tường có hình Thần Indra cỡi voi 3 đầu ; ở phía Bắc và Nam có hình một vị Nữ thần cỡi trên đầu Quỷ Kála và Thần Ganeça cỡi cái voi voi của mình.

Ở ngôi tháp Đông Nam, trên cửa Đông có hình Thần Vishnou cỡi Thần điều Garuda và ở ngôi tháp phía Bắc, một vị Nữ thần cỡi đầu Quỷ Kála. Các ngôi tam điện xây hình vuông rất rộng lớn. Ở hàng đầu mỗi chiều của điện dài 4 thước 50, ở hàng sau 4 thước. Dưới chân các cửa chánh có ghi chữ kê sự tích ngôi đền giống kiểu ở đền Prah Kô.



NÚI (PHNOM) KROM

CHỌN quả núi Krom để cất ngôi đền, Quốc vương Yaçovarmān I có ý định đặt ba nơi thờ phụng hẳn trên 3 đỉnh đồi cao đặc biệt ở vùng Angkor. Đây là quả núi Bakheng, núi Bok và núi này.



Núi Krom, nghĩa là « núi ở phía sau », hoặc là « núi ở miền hạ lưu », bề cao 137 thước, ở cách núi Bakheng 16 cây số về phía Tây Nam tính theo đường chim bay, 12 cây số cách chợ Siemréap, trên bờ Biển Hồ.

Núi Bok ở cách núi Bakheng 14 cây số về phía Đông Bắc cũng tính theo đường chim bay. Núi này nằm trên vùng đồng bằng.

Ngôi đền trên núi Krom do Quốc vương Yaçovarmān I, thụy phong là Paramaçivaloka xây vào cuối thế kỷ thứ 10 để thờ Thần Çiva.

Đứng trên đỉnh núi, du khách nhìn ra bờ Biển Hồ, nhất là về buổi chiều tà, sẽ thấy một xóm dân chài quây quần dưới những mái lá cất trên bè tre, để chạy theo con nước dâng lên hằng năm, chen chúc dưới bóng cây rừng hoang dại, hợp thành một cảnh sống thanh

binh, xa hẳn chốn phồn hoa, khiến lòng người lữ thứ không khỏi bùi ngùi nhớ đến quê hương xa xôi khi nhìn mấy đợt khói xám bay vờ. Phần Đông khách viếng Angkor thường đến núi Krom vào giờ ấy để thả hồn theo giấc mơ, sau một ngày lặn lội.

Từ chợ Siemréap ta có thể ngồi xe hơi, xe đạp theo hữu ngạn con sông đi vào 7 cây số. Tới đây có một ngã ba ăn thông trên một vùng hoang vắng 4 cây số, đến góc Đông của ngọn đồi. Ta hãy theo ngã Đông Nam, đừng quanh bèn trái mà vào Biển Hồ, đến chân bậc thang đá.

Ngôi đền của núi Krom cất trong một vùng đất vuông mỗi góc lối 50 thước, xung quanh có tường đá ong xây thật khéo và thật kỹ. Cửa đền xoay về hướng Đông.

Ở bốn mặt tường có 4 ngôi cổng xây theo hình chữ thập, mỗi cổng có kèm thêm hai gian phòng nhỏ và một cánh cửa ngăn ở mặt sân phía trong. Tất cả 4 ngôi cổng này chỉ còn dấu chân tường bằng đá ong và cột đá bùn mà thôi.

Trên góc Bắc của ngọn đồi, trước kia có một bậc thang rộng đưa xuống hai hồ nước đào dưới đồng bằng, hiện thời chỉ còn dấu hổng xuống nền đất.

Vào cổng, ta thấy những gian phòng dài cất quanh vách đền bằng đá ong, làm thành dãy hành lang để các vị tu sĩ nghỉ ngơi. Hành lang này cất xa vách tường một thước, bề rộng từ 2 đến 3 thước, chia làm 4 gian ở mặt Đông và 2 gian ở 3 mặt Tây, Nam, Bắc. Xưa kia, cỗ nhân lợp hành lang bằng sườn gỗ và ngói nên bây giờ không còn dấu vết gì cả.

Trong sân giữa, về phía Đông có 4 ngôi tháp, xoay cửa về hướng Tây, cất theo hàng 1, chính giữa là ngà

đường chánh của ngôi đền. Mỗi ngôi tháp bề ngang 3 thước 10, bề dài 3 thước 50 có một tầng cao và một kh ung vòm phía trên có hai đầu xông. Hai ngôi tháp ở hai đầu bằng gạch, hai ngôi giữa bằng đá bùn không có chạm trổ.

Trên trục Nam Bắc có 3 ngôi tháp thờ cất chung trên một nền đá bùn, xung quanh có ghép đá ong chạm đường chỉ. Mỗi mặt nền có ba bậc đá và có tượng sư tử ngồi chầu. Hình dáng ngôi tháp không khác những ngôi một tầng cao mà ta thường thấy.

Ngôi ở giữa lớn hơn hai ngôi kia, tam diện hình vuông mỗi chiều 4 thước, hai tam diện kia mỗi chiều 3 thước 40.

Mỗi ngôi cách nhau lối 10 thước có hai cửa mở về hướng Đông và hướng Tây. Hai mặt Nam và Bắc có « cửa giả ».

Những hình chạm trổ bị lu mờ rất nhiều. Ta chỉ còn thấy ở các bậc đá hình một người nhỏ bé múa nhảy dưới cửa tò vò giống kiểu chạm ở đền Roluos; những hình Tiên nữ Devatâ trong các khám đục trên cột ở góc đền nét mặt hơi xây nghiêng, vóc mình mảnh dẻ, ở trần, mặc váy dài có lẫn xếp nằm ngang giống như ở đền Bakheng, một tay vịn vào cán cây đuôi ruồi, một tay thông xuống cầm một bông sen.

Những tấm mi hình tam giác đục bằng đá bùn có chạm hình một vị Thần ngồi giữa, xung quanh là cảnh, lá và hoa sen.

Trong tam diện ở giữa có tượng Thần Çiva, trong tam diện phía Bắc có tượng Thần Vishnou và ở phía Nam có tượng Thần Brahmâ. Ba tượng đều bị đập bể, nhưng các bộ đá còn rất tốt, nhất là bộ ở tháp phía Nam hình

tròn có chạm tay hoa sen và Ngõng thần Hamsa ; trong bệ này có một linh phù bằng đá hình tròn có 16 lỗ tròn.

Giữa lúc tìm kiếm, người ta gặp một phiến đá chạm 9 hành tinh trong « gian phòng phụ » bằng đá bùn ở phía Bắc và đào được một tượng Thần Dvārapāla bề cao 3 thước 20 ở mặt Đông. Đây là vị Thần đứng giữ cửa tháp lúc mới dựng ngôi đền.

NÚI (PHNOM) BOK

Núi Bok nghĩa là núi « U bò », bề cao 235 thước, ở cách thị trấn Siemréap 14 cây số trên đường Vòng lớn, giữa khoảng đền Pré Rup và Mébon quanh về hướng Đông đi ngang làng Pradak và bờ hồ Baray Đông, đến góc Đông Nam của ngọn đồi. Tại đây có một con đường mòn đưa thẳng lên đỉnh.

Đền Bok xây từ cuối thế kỷ thứ 9 do Quốc vương Yaçovarman I thụy phong là Paramaçivaloka để thờ Thần Çiva. Xây dựng ngôi đền này là một kỳ công bất hủ của dân lao công đã vâng theo vương mạng tài hàng tấn đá đưa từ mặt đất lên đỉnh, theo sườn dốc đứng.

Nhà Vua cố ý xây đủ ba ngôi tháp trên ba đỉnh núi đặc biệt trong vùng đất thiêng: Kulén, Krom và Bok để thờ đủ 3 vị Thần : Çiva, Vishnou và Brahmā của Bàlamôn giáo.

Giống như ngôi đền ở núi Krom, đền Bok không có di tích nào còn lại cho ta biết đúng ngày tháng, nhưng chiếu theo lối kiến trúc và kỹ thuật điêu khắc ta có thể biết do một toán nghệ sĩ, một đoàn thợ thuyền đã xây đền Bakheng và đền Krom.

Hình dáng toàn diện giống như đền Krom, đền Bok

có hơi khác một chút là 3 ngôi tháp đều bằng nhau. Hiện thời cả ba bị hư sập mất từng trên chỉ còn từ mi vách trở xuống. Nhiều tấm mi tam giác chạm trở cùng một kiểu rớt nằm dưới đất. Mặc dầu có tấm bị bể hoặc sứt mẻ, ta vẫn còn nhận được lối điêu khắc của triều đại Yaçovarman. Có điều đáng chú ý là mặt vách ở các tháp Bắc và Nam chạm trở chưa xong, bình Tiên nữ Devatâ thì nét mặt ngó ngay và các khám đục trong thân cột hẹp hơn.

Bốn «gian phòng phụ» có hai gian bằng gạch đã sụp đổ mất, còn hai gian bằng đá bùn thì được nguyên vẹn hơn đền Krom. Những dãy hành lang bằng đá ong chỉ còn sót lại chân tường, nhưng vách tường thành còn thật tốt.

Trong cuộc tìm kiếm, người ta gặp trong ngôi tháp phía Bắc một cái bệ đá có linh phù theo kiểu của thời kỳ tiền Angkor : ở dưới lân điện chánh nhiều mảnh bệ của pho tượng Thần Vishnou ba đầu (hiện thời tượng này ở Bảo tàng viện Guimet bên Pháp). Cái bệ tròn đặt tượng Thần Brahmâ trong ngôi tháp phía Nam giống kiểu bệ ở đền Krom.

Cách ngôi đền 60 thước về phía Đông có 1 cái hầm hình chữ nhật dài 12 thước, ngang 8 thước xung quanh thành xây gạch, có bậc thang ở phía Đông đưa xuống đáy. Hầm này xưa kia cổ nhân dùng làm nơi chứa nước. Phía trước hầm có một ngôi chùa quá nghèo nàn.

Về phía Tây cách 150 thước có một nền đá ong thật cao bình vuông mỗi chiều lối 10 thước, trên ấy có một linh phù khổng lồ bằng một khối đá nguyên vẹn bề cao 4 thước, đường trục kính 1 thước 20. Hiện thời linh phù bị lật đổ và bị đập bể.

Ngoài ra phải kinh sợ cho sức lực của người xưa

đã kéo lên tới đỉnh núi khối đá vĩ đại này, tính ra sức nặng có hơn 10 tấn.

HỒ BARAY Ở HƯƠNG TÂY

Từ Siemréap, ta theo quốc lộ số 1 bis về ngã Siso-phon, qua 12 cây số đến làng Khnat, có một ngã ba phía tay mặt lối 500 thước đến bờ hồ Baray ở hương Tây.

Hồi mới đào, hồ này bề dài 8 cây số, bề ngang 2 cây số, hiện thời đã cạn khô gần phân nửa ở phía Đông. Xung quanh bờ có bờ đất đắp cao lối 2 thước, trên có trồng cây to.

Nước hồ trong xanh, ngọt ngào năm vẫn tinh khiết như ở giữa giòng sông. Từ bờ nước ra khơi, lòng hồ lót cát mịn, lải lải xuống, rất tiện cho kẻ thích lội bơi. Bề sâu của hồ từ 4 đến 5 thước.

Tính theo lối kiến trúc của đền Mébon ở giữa hồ — một kiểu với đền Baphuon — thì hồ này có thể được đào ở thế kỷ thứ 11 ; bờ đê ở hương Đông giáp với ranh giới phía Tây của thành Yaçodharapura, là đế đô Angkor thứ nhất mà trung tâm điểm là Phnom Bakheng. Trước khi đào hồ này, Quốc vương Yaçovarman có đào hồ Baray ở hương Đông, khuôn khổ gần bằng nhau, hiện thời đã thành đồng ruộng và rừng cây dày đặc.

Người ta tìm thấy dưới đáy hồ có nhiều dấu vết của khoảng đường lót đá, vách tường thành, cột trụ, cửa ngăn, ngó lót gạch, ngôi bể, lu hủ, đồ nữ trang bằng đồng chứng tỏ rằng vùng này trước khi đào thành hồ nước đã có 1 thành phố đông người cư trú. Một bia đá khắc từ thế kỷ thứ 8, năm 713, có ghi những mảnh ruộng ở hồ Baray của nhà Vua ban cho Công chúa Jayadevi có lẽ là con của Quốc vương Jayavarman I. Hơn nữa người ta còn tìm gặp

vài khối đá có chạm trổ, hệ thờ, tượng Thần Dvārapāla, cột trụ tròn chững lổ ít lắm cũng có một ngôi đền chìm dưới đáy nước, có thể ở trong « thành phố Baray » của Quốc vương Jayavarman II (thế kỷ thứ 9).



THÁP AK YOM

Dấu tích còn lại của tháp Ak Yom ở trên bờ hồ Baray Tây về hướng Nam, cách lối một cây số phía Đông của góc Tây Nam.

Đối với du khách thì tháp này không còn gì đáng chú ý nhưng đối với nhà khảo cổ thì nó có giá trị rất to : đây là ngôi tháp xưa cũ nhất trong vùng, trước cả thời kỳ xây ngôi đền Angkor thứ nhất. Người ta phải đặt cốt mìn cho nổ bờ dè quanh hồ mới moi ngôi tháp bị chôn vùi hàng mấy trăm năm ra được.

Có thể cổ nhân khởi sự cất ngôi tháp này hồi thế kỷ thứ 7, đến thế kỷ thứ 9 lại sửa sang thêm, bót cho hoàn thành. Qua thế kỷ thứ 11, ngôi tháp bị chôn vùi dưới lớp đất đắp thành bờ dè quanh hồ. Nhiều bản chữ khắc trên cột trụ và trên một phiến đá khắc 9 vị Thần có ghi ngày xây cất tháp vào những năm 609, 704 và 1101 đề thờ Thần Gambharecvara.

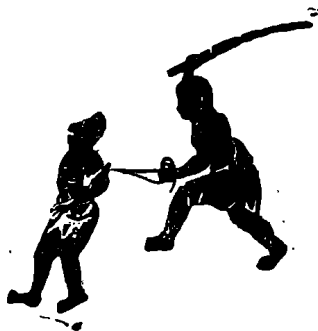
Khác hơn lối kiến trúc các ngôi tháp chánh đề thờ linh phù Hoàng gia, tháp Ak Yom xây ba tầng cao, từng thứ nhất vách bằng gạch, vòng tâm diện bằng đá bùn.

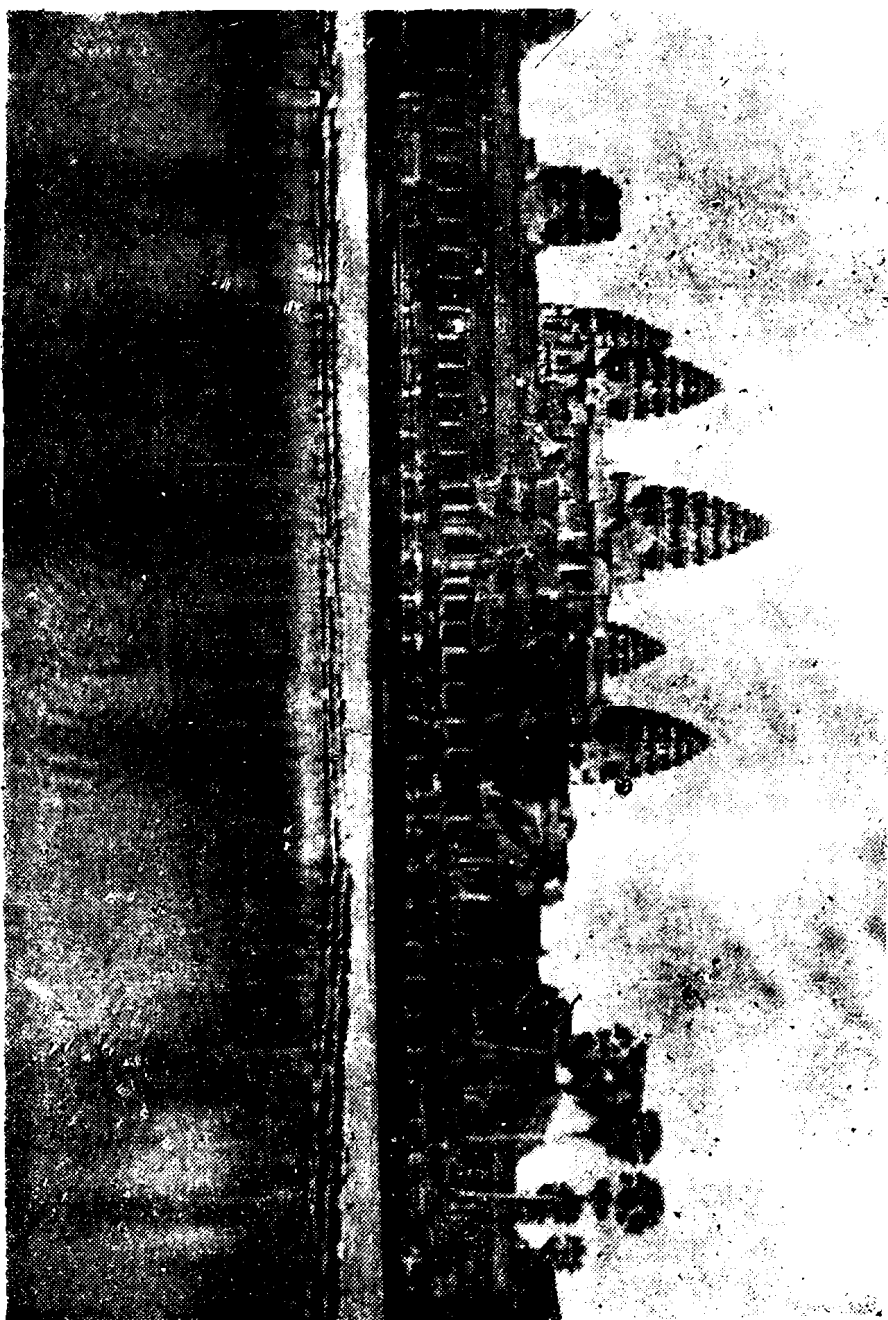
Người ta cho rằng tháp này là trung tâm điểm của « thành phố Baray » được xây cất giữa lúc Quốc vương Jayavarman II dời đô ở núi Kulén và trong triều Vua Indravarman năm 877. Người ta tìm thấy quanh vùng ấy nhiều di tích về lối mỹ thuật « tiền Angkor ».

Hầu hết ngôi tháp đều xây bằng gạch trên một nền rộng lối trăm thước mỗi chiều. Hai bậc thang thứ nhất lót bằng gạch, kế đó là bức tường giữ nước có chạm trổ theo lối điêu khắc ở các ngôi tháp Chăm. Trên bậc thứ nhì có 4 ngôi tháp nhỏ ở 4 góc và 2 ngôi cách khoảng nhau ở 4 mặt, tất cả là 12 ngôi, và 1 ngôi cao hơn hết. Ngôi chánh này cũng như 12 ngôi kia đều xây cửa về hướng Đông và có 3 cánh « cửa giả ».

Tâm điện hình vuông mỗi chiều 5 thước 50 có một bệ đá thật lớn bề cao 2 thước 75 chắc chắn xưa kia có một linh phù. Phía dưới có một cái giếng ăn thông xuống một gian hầm có lót gạch, bề sâu 12 thước 25 tính từ mặt đất ; hầm này hình vuông mỗi chiều 2 thước 70. Trên nóc hầm có lót gạch và chắc chắn là nơi chôn giấu kho tàng.

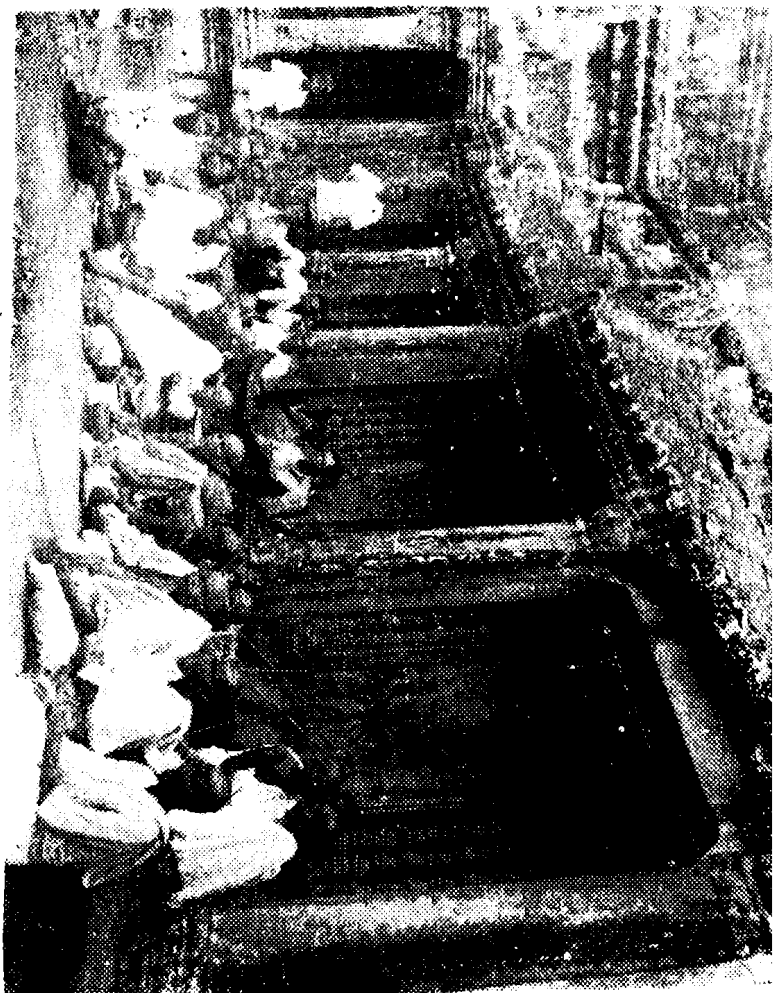
Lối chạm trổ của đền Ak Yom là một kho tài liệu quý về ngành mỹ thuật tiền sử do những cây mây cửa xây rất thấp khắc nhánh, lá rườm rà, những cột trụ nhỏ hình tròn chạm lá cây vòng quanh những hình Tiên nữ Devatâ đục trên nền gạch đến bây giờ vẫn còn rõ ràng, đại khái ở ngôi tháp góc Đông Nam, nơi ấy có một cánh « cửa giả ».





Đền ANCKOR WAT trong lòng hồ nước

Angkor ngày nay là nơi hành hương của người Miên trong những ngày vào năm mới (Tet).



Hàng ngàn người khắp lãnh thổ đến ở xung quanh đền, gạo đều tu trong bảy hôm. Có người đem gần ngũ-âm đến hỏa táu, nhày mùa suốt đêm.

THÁP MÉBON HƯỚNG TÂY

GIỐNG ngôi tháp Ak Yom, tháp Mébon xây trên một hòn đảo nhỏ giữa hồ Baray. Từ bờ hồ ta phải ngồi xuống mới đến tháp, nhưng ta có thể theo đường bộ từ cửa Tây đến Angkor Wath, theo thông lộ thẳng đến phi trường lối 4 cây số, rồi quanh về hướng Tây Bắc lối 1500 thước đến bờ hồ hướng Nam trong làng Svay Romiet, nơi đây có một ngôi chùa. Từ đó ra tháp Mébon có 1500 thước đường đất, vì lòng hồ đã cạn khô và biến thành ruộng rẫy.



Nhìn ngôi tháp này ta thấy hình dáng ngôi tháp Néak Péan cất sau đây một thế kỷ. Tháp Mébon cất vào khoảng giữa thế kỷ thứ 11, lọt giữa một vùng đất bình vuông mỗi chiều lối trăm thước, đào sâu xuống thành hồ chứa nước, xung quanh có bậc bằng đá bùn.

Ngay trung tâm có một nền bằng đá bùn hình vuông mỗi chiều lối 10 thước; từ bờ hướng Đông đi vào nền có một khoảng đường lót đá bùn và đá ong. Hai bên đường có vài mảnh vụn của tượng rắn 7 đầu.

Mỗi mặt bờ dè vòng quanh tháp có 3 ngôi cổng nhỏ toàn bằng đá bùn, 2 cửa đối diện nhau cách khoảng lối 25

thước, hiện thời sụp đổ hầu hết chỉ còn vài vạt tường ở mặt Nam của ngôi ở phía Nam, mặt Bắc của ngôi hướng Đông và mặt Đông của ngôi hướng Bắc. Mỗi ngôi công cất theo hình vuông, bề ngoài 2 thước 40 mỗi chiều và bên trong 1 thước 28. Lối kiến trúc hoàn toàn giống theo lối ở đền Baphuon, hình rắn 7 đầu chạm trên mi tam giác, thân rắn trơn tru và bầu tròn.

Một bức tường đá bùn nổi liền 12 ngôi công này, hiện thời sụp đổ hết 3 phần 4, vì cổ nhân đã dùng gỗ ghép phụ vào các thân cột đá.

Trên nền đá ở giữa hồ chắt chắt có một ngôi tháp bằng vật liệu nhẹ ngày nay không còn dấu vết gì cả. Người ta tìm gặp một cái giếng thoát tiên là hình bát giác mỗi cạnh 5 tấc rưỡi, kể đo hình tròn đường trục kính một thước, dưới đáy lót đá bùn, bề sâu 2 thước 70, trong ấy có một tượng bán thân của Thần Vishnou có 4 tay, nằm nghiêng bằng đồng. Đây là tác phẩm duy nhất trong bộ môn nghệ thuật Cao Miên Tượng này được đưa về Bảo tàng viện Phnom Penh giữ làm của quý. Xưa kia, tượng này vốn nguyên hình vị Thần bề dài 4 thước ó cần kim cương.



ĐỀN BENG MÉALÉA

ĐỀ N Beng Méaléa ở cách Siemréap 40 cây số trên đường Vòng lớn, đến khoảng giữa tháp Kravan và hồ Srah Srang lối cây số thứ 12, quanh theo một thông lộ cũ kỹ hướng về phía Bắc rồi xoay qua phía Đông xuyên qua làng Tuk Lich đến ngay góc Tây Nam của ngôi đền. Thông lộ này từ làng Damdek đưa tới, tính ra phải đi hơn 28 cây số mới đến hồ « Méaléa ». Vừa tới cây số thứ 16 ta thấy một cây cầu đá của cổ nhân cất từ xưa, hai bên lang cang là hình hai con rắn 7 đầu.

« Beng Méaléa » là một trong những ngôi đền quan trọng nhất ở vùng Angkor, vì chu vi chiếm cả một vùng vuông vức rộng đến 108 mẫu, mỗi chiều dài 4 cây số 200, bên trong có nhiều hồ nước bề ngang đến 45 thước.

Giống như các ngôi đền cùng một thời kỳ, đền Beng Méaléa không có bia đá hay bản văn nào ghi rõ ngày tháng xây cất, nhưng xét theo lối kiến trúc, ta có thể biết rằng đền này xây sau đền Baphuon và gần 1 lúc với đền Angkor Wath. Trải qua mấy trăm năm hoang vắng, rừng cây đã lấn áp hầu hết cả ngôi đền.

Xung quanh đền có hào nước sát vách tường thành. Ở bốn mặt thành có bốn đường lót đá đưa vào trong theo hình chữ thập, hai bên có tượng rắn bảy đầu. Đến vòng

thành thứ ba, trên mỗi đường có một ngôi cổng xây bằng đá bùn.

Về phía Đông, gần giống như ở đền Prah Khan, khoảng đường lót đá đưa ra khỏi vòng thành ở ngoài đến một hồ nước menh mông. Người ta cho rằng có lẽ hồ này là một hồ Baray thuở ấy. Trên mặt Đông và Tây có một mảnh sân rộng xây bằng đá ong cao ba bậc thang, phía trước có nhiều cột đá chạm trổ thò sớ; trên mặt sân có một nền đá bùn, và giống như ở hồ Srah Srang, xưa kia có một ngôi tháp cất bằng vật liệu nhẹ. Hiện thời không còn dấu vết gì cả.

Ngôi đền chánh có ba vòng hành lang và 4 ngôi cổng. Dãy hành lang thứ ba bắt đầu từ trung tâm đo được ở mặt Nam và Bắc 152 thước, mặt Tây và Đông 181 thước, có một ngôi tháp lớn ở mỗi trục và mỗi góc. Hai dãy kia xây thiên về hướng Tây nhiều hơn để chứa chỗ ở hướng Đông cho hai gian « thư viện » và một mảnh sân rộng hình chữ thập giống như đền Angkor Wath. Trong 2 dãy hành lang này không có một ngôi tháp nào cả. Vòng thành thứ nhất xây theo kiểu đền Bantéay Samré và Chau Say Tevoda, có 4 ngôi cổng, 4 gian phòng ở mỗi góc, hai gian « thư viện » và ngôi tâm điện, ở giữa phía trước (về hướng Đông) có một gian phòng dài. Hiện thời tâm điện hoàn toàn sụp đổ.

Về phía Nam, giữa vòng thành thứ hai, thứ ba và ở hai bên dãy hành lang nối vách thành Nam và Bắc, phía trước chánh điện có một mảnh sân hình chữ thập ở góc Đông chia làm 4 mảnh nhỏ, tại đây có dãy hành lang xây vòng quanh; ở góc Tây cũng có sân như thế nhưng nhỏ hơn và có một gian phòng ở giữa, hai bên có hai mảnh sân nhỏ.

Lối điêu khắc ở đền Beng Méaléa cũng giống như ở đền Angkor Wath và Bayon, phần nhiều chạm hình Thần Vishnou trên những tấm mi hình tam giác hoặc dưới chân các cây cột trụ to theo thói quen hồi thế kỷ thứ 12. Ta nhận thấy « Ngày sanh của Thần Brahmá », vị Thần nằm trên hoa sen mọc từ lỗ rún của Thần Vishnou nằm trên mình rắn ; cảnh Khuấy động biển sữa ; Thần Krisna đỡ quả núi Govardhana để che đám mục tử và bầy thú tránh cơn bão tố, cuộc chiến đấu giữa Thần Krishna và Chấn Bána, vị Thần cỡi chim mình người Garuda, tên Chấn ngồi chiến xa do sư tử kéo ; và sự tích Râmâyana về trận chiến Lankâ ; Thần Çiva nhảy múa giữa Thần Brahmá và Ganeça bên mặt và Vishnou bên trái.

Trên các cây mây cửa có chạm Thần Indra cỡi voi 3 đầu, Thần Vishnou cỡi chim Garuda, Thần Lakshna ở giữa 2 con voi ; Thần Çiva nhảy múa giữa Thần Ganeça và Sârvati. Các Tiên nữ Devatâ mặc váy dài xếp phía trước, cột giây lưng có thả mỗi thông xuống, uốn tóc thành một hình tròn như cái đĩa và một cây nhọn ở trên có vẻ phức tạp hơn các hình chạm ở đền Angkor Wath.



PHNOM KULÊN. NÚI TRÁI VẢI (NÚI TỎ) MỘT TRUYỀN THUYẾT VỀ TÊN «NÚI TRÁI VẢI»

TÊN núi Kulên, nghĩa là Trái Vải (Phnom là nơi hay đồi) do những cây trái vải mọc trên sườn núi. Tên này bắt đầu có rất lâu, theo một truyền thuyết dạt lăm về hoang đường.



« Tục truyền rằng : Vào thời ấy, người Tàu đã sang buôn bán trên đất Miên bằng đường biển. Họ đi trên biển Nam Hải, vào cửa sông Cửu Long, lên Biển hồ và ghé Siemréap. Sau khi bán hết hàng, họ trở về Tàu bằng phù phép; « Cho thuyền bay trên mặt đất » tắt ngang xứ Lào và Giao Chỉ. Một trong những thuyền ấy bị « rơi » trên sườn núi Kulên vì một lời nói bất cẩn của tên đầu bếp. Nguyên do :

Hôm ấy, viên Chứa Tàu dặn tất cả thủy thủ và hành khách rằng : Suốt đêm không ai được nói tiếng nào, mặc dầu có thấy việc gì lạ lùng cũng vậy. Trời sụp tối, Chứa Tàu mời mọi người vào phòng, đóng kín các cửa, đoạn thư phù, làm phép Phút chốc thuyền « bay » dọc theo sườn

núi Tên « tổng khậu » (đầu bếp) buồng thùng xuống mức nước rửa chén. Thùng vq vào đá khiến tên ấy hoảng hồn quên mất lời dặn, vụt la lên :

— Ôi chao ! Thuyền chạy trên đá !

Lời nói làm phép hết linh, thuyền ngừng lại, rơi xuống bề tan tành. Trong thuyền có mấy giỏ trái vải và nhãn văng tung tóe khắp nơi. Xác thuyền hóa thành đá, trái vải và nhãn mọc đầy một khu rừng ».

Ngày nay hình dáng một chiếc ghe bề bằng đá vẫn còn trên núi gọi là Sampou Thleat (chiếc ghe bề) còn cây trái vải không sống được vì khí hậu quá nóng, chỉ ó nhãn mà thôi. Các nhà khảo cổ Pháp gọi là «núi nhãn», người Việt gọi đúng theo tên Miên là núi Trái Vải. Bây giờ người Miên còn nhắc câu chuyện truyền kỳ này kèm theo một câu cách ngôn : « Lớn lên làm tổng khậu mà ăn » để ám chỉ một kẻ bất tài chỉ có thể làm một nghề « báo hại » chủ như thế.

LỊCH SỬ VÀ ĐỊA THỂ NGỌN NÚI

Núi Tồ ở cách chợ S emréap hơn 50 cây số về hướng Đông, theo đường vào Angkor Wath và Vòng nhỏ (Petit Circuit) đi ngang Phnom Bok. Khách hành hương phải bỏ ít lắm là 3 ngày mới viếng núi được, vì đường rừng lối mòn khó đi, vượt rất nhiều ngàn thước và đàng sơn phải mất hơn nửa ngày.

Cạnh núi có hai ngọn đồi nhỏ tên Phnom Sâsát và Phnom Anlong Thom. Trên núi có 4 ngôi đền thờ bằng đá là tượng đá Prasat Thom, đền Prasat Kraham, đền Prasat Damrei Krap và Sr:s Damrei. Trên đồi Anlong Thom có một ngôi đền nhỏ thờ ông Tà tên là Prasat Néak Ta.

Vào thời cực thịnh của Hoàng triều Cao Miên các

đấng Tiên vương chọn núi Trái Vải làm đế đô dựng nghiệp, lấy tên Phạn là Mahendraparvata nghĩa là « ngọn núi của vị Thần Indra. Tên này rất khéo chọn vì Indra là vị Thần Bão tố, khí giới của Ngài là sấm sét. Ấy là vị Thần Jupiter Pluvis (1) của lịch sử thần thoại Ấn Độ (theo giáo phái Balamôn). Ngày nay, người Miên gọi cái móng trên trời là « cây cung của Thần Indra » (en thnu).

Quả vậy, dãy núi Kulên là nơi thu hút những trận bão quét xuống trái Biển Hồ. Bắt đầu vào mùa Xuân mây đen, chớp giáng và mưa dầm bao phủ đỉnh núi làm ngập các triền khá lâu, trước khi mưa rơi xuống Siemréap và khu rừng Angkor.

Năm 1867, Tướng Francis Garnier ấn định địa thế núi Trái Vải vào : « 13 độ 25'49" kinh tuyến Bắc đối với 101 độ 51'54" vĩ tuyến Đông ».

Hình dáng ngọn núi giống như một trái đồi đỉnh bằng gần đều nhau và các sườn đồi rớt đứng xuống đồng bằng. Trục Tây Bắc — Đông Nam dài lối 20 cây số. Đỉnh cao nhất do gần 500 thước. Về phía Tây Bắc ngọn núi chia làm nhiều đồi nhỏ, tạo thành nhiều thung lũng và dèo. Từ đó, núi chạy dài về hướng Bắc như một dãy núi Đôn Gánh (Phnom Dangrek).

Trong một thung lũng hướng về phía Tây Bắc người ta thấy nguồn sông Siemréap. Một con sông khác phát nguyên ở phía Nam ngọn núi chảy qua vùng Roluos « rơi » vào Biển Hồ.



(1) Jupiter Pluvis vị Thần làm mưa, bão của Hy Lạp.

TÌM THẤY ĐỀN ĐẠI

Lúc khai thác lãnh thổ Cao Miên, nhà khảo cổ Pháp Aymonier nhờ vài tiểu phu bản xứ dùng cha gạt dọn một con đường đi khắp đỉnh núi Kulên. Ông gặp nhiều đền đài sụp đổ hoang tàn. Trên sườn phía Đông Bắc có nhiều hang đá thiên nhiên tạo thành điện thờ, nơi ấy có nhiều bản văn khắc trên vách đá ghi chép công đức của các đấng Tiên vương. Do đấy, người ta được biết nhiều khoảng lịch sử rất quan trọng của một nước không dùng giấy làm sách vở.

CÁC VỊ TU SĨ KHỔ HẠNH

« Trong thời kỳ Hoàng triều Cao Miên đóng đô ở Angkor, núi Trái Vải tên Mahendraparvata là một ngọn núi Thánh. Nhiều vị tu sĩ đến cất am sống cô độc riêng trong hốc đá. Ấy là một trung tâm tịnh dưỡng tinh thần, huấn luyện tâm trí. Căn cứ theo các hình chạm trên vách đền Angkor Wat và đền Bayon, ta được biết cách sống của các bậc khổ hạnh này. Đã có những người tu theo lối Du đà (Yogi), luyện tập rất công phu để thu thân bình lại ốm leo và chế ngự các giác quan. Nhưng đại đa số các tu sĩ này không chịu theo lối ép xác cho lắm. Các ông sống rất vui vẻ với bầy thú rừng đến kiếm ăn trước lều cỏ. Một vài ông có quyền thế dưới trần cất chòi tu riêng trên núi lẫn lộn với kẻ xuất gia. Các đấng Tiên vương thường đi hành hương vào những ngày vía. Nhờ những nhà khổ hạnh ấy mà ngọn núi, khu rừng, mạch suối, hang đá hình như có vẻ anh linh. Dưới mắt người trần, núi Trái Vải giống như dãy Hi mã Lạp sơn mà đỉnh cao nhất là ngọn Kailasa, Thiên đường của Thần Çiva, vị Thần của sự phá hoại. Thần Çiva oai dũng nhất, là vị Chúa tối cao của tất cả các nhà ẩn sĩ, là vị Thần bảo vệ tôn giáo trên đỉnh Mahendraparvata.

Thần dự những buổi thờ cúng hằng ngày và nghe lời cầu nguyện lúc bình minh. Các vị thần sẽ khắc chạm hình Thần vào vách đá và xung quanh chòi.

Một trong những vách ấy có mấy câu thơ chữ Phạn như vậy : (1).

« Trong năm 1073, các vị Thần Maheça (Çiva) đứng trước các vị Thần Ganas và các Tiên nữ Pârvatî dẫn đầu đã được tôn thờ đứng theo nghi thức do vị tên là Çivasoma, trên các vách một hang đá ở núi Mâhendraparvata ».

Çivasoma là ai ? Có lẽ là một vị tu sĩ trong thời ấy. Các hình Thần trong mấy câu thơ chạm ở phía trên vách mặt Đông của hang, ngày nay gọi là Hang Trục xe (Pong Keng Kang) vì hình dáng hang đá giống như cái bánh xe bò của người Miên để nằm trên trục. Niên khoảng trong câu thơ (1073) đã được đời theo Tây lịch kỷ nguyên.

NHỮNG BẢN VĂN TRÊN VÁCH ĐÁ

Trong một hang đá khác, tên Pong Prah Put Lơ, người ta thấy một loạt hình chạm các vị Thần Balamôn, trong ấy có một vị Phật ngồi tham thiền. Phía dưới là những bản văn bằng chữ Phạn và chữ Miên (A) Bản chữ Miên (2). Nhóm tu sĩ lương thiện và thành tâm đến hang đá này đã chạm những vị Thần khoan hồng và bác ái : Brâhma, Vishnou, Parameçvara (Çiva) và Thích Ca. Hình dáng Đức Thích Ca có cần nhiều hạt kim cương. Vì lẽ chúng tôi chỉ có một số rất ít ngọc quý nên chỉ dành riêng cho Ngài mà thôi. Chúng tôi là 5 người chạm 4 tượng này ».

« B) Bản chữ Phạn (3) : Sư phụ Kirttivara đã soạn lời kinh nhật tụng Ngài có đức tánh hùng mạnh, khai

(1) bản dịch của Louis Finot.

(2-3) Hai bản này do Louis Finot dịch.

hóa, nhân đạo, và theo lối tu hành của đấng Tathâgatas (Thích Ca). Ngài tôn thờ Thần Çiva theo tục lệ của gia đình. Cầu xin cho hang đá này là nơi cư ngụ của một nhân vật thông minh xuất chúng, được yên lành ».

Hai bản văn này cho ta thấy một bằng chứng lý thú về lối thờ phụng nhiều tôn giáo (thuyết hỗn thành) thường xảy ra ở Cao Miên.

Nhà khảo cổ Aymonier có ghi một hang thứ ba tên Prah Thvéar và vài đền thờ khác ở trên sườn và dưới chân núi Kulén, nơi ấy, ông có gặp nhiều phiến đá đục theo hình bốn tấm, nhiều bộ thờ có chạm trổ và nhiều mảnh tượng đá bị đập bể.

Ngôi đền này mang tên cũ là Cambhuguhá nghĩa là « hang của Thần Çiva », Vị ẩn sĩ ở trong ấy tên Dharma-vâsa.

Một trong những hang đáng kể nhất là hang đá ở phía Tây ngọn núi, gần tượng đá Prah Thom.

Đây là nơi nhà Vua Cù ở kinh thành Angkor Thom đến dưỡng bệnh. Gần bên hang có rất nhiều linh phù (linga) đục trên một dãy đá trên bờ sông Siemréap. Hang đá to nhất là nơi nghỉ ngơi của Vua Cù.

Người ta có thể căn cứ vào các hình chạm mà đoán đời sống của cổ nhân. Phần nhiều là hình ảnh của các nhà tu khổ hạnh.

MỘT NGHI VẤN : LỄ ĐỘ CŨ CỦA CAO MIÊN

Một câu hỏi quan trọng của nhà khảo cổ Pháp Aymonier và vài nhà khảo cổ Phạn theo những bản văn trên bia đá chép rằng : « trên đỉnh núi Trái Vải xưa kia có một kinh đô ». Thành phố này do Tiên vương Jayavarman II xây dựng vào thế kỷ thứ 9. Nhiều giả thuyết

được đưa ra, không người nào giống người nào và không người nào có đủ bằng cứ xác thực. Người thì cho thủ đồ « hi mật » ấy ở dưới chân núi, kẻ thì bảo ở trên đỉnh. Thuyết sau này có phần đúng hơn nhờ một bậc thang khổng lồ bằng đá ong từ chân lên đỉnh núi theo sườn phía Tây, bề cao hơn 200 thước. Người ta cho rằng thang ấy dành riêng cho khách hành hương viếng chùa.

Đến ngày nay nghi vấn này chưa được giải đáp hoàn toàn.

CHIẾC THUYỀN RÚT TRÊN NÚI

Cách 2 cây số phía Nam Tây Nam làng Anlong Thom, ở giữa rừng có một khoảng đất rộng cỏ mọc đầy, hai bên có hai bờ đất đắp cao. Ấy là vùng Sampou Theai nghĩa là « chiếc ghe bè » theo lời truyền tụng là chiếc thuyền buôn của người Tàu bị rút trên núi. Quanh đấy có rất nhiều lọ, bình, chén, đĩa, ngai bè vụn.

Theo lời thổ dân thì có người nói rằng ngày xưa người Tàu đến xây lò làm đồ gốm tại đấy ; có người bảo rằng các vật ấy ở trong « thuyền bị đắm trên núi » văng ra theo câu chuyện truyền tụng ở đoạn trên.

Ngoài ra có người theo thuyết khác cho rằng chính người Tàu trồng trái vải và nhãn nên mới có tên núi Trái Vải đến bây giờ.

MIEU TẢ CÁC NGÔI ĐỀN TƯỢNG ĐÁ PRAH THOM

Người Miên gọi Prah Thom là « vị Phật lớn », một tượng Phật nằm bằng đá dính vào sườn núi. Xưa kia, nơi đây là chốn ẩn dật của các vị tu sĩ Ấn Độ thuộc phái Du dà (Yogi), ngụ trong những hang đá, hốc đá. Ngày nay những nơi ấy là chỗ thờ Phật Thích ca.

Tượng đá Prah Thom là nơi du khách cần viếng trước nhất. Khi trèo lối 300 bậc đá ong to rộng đến phần phía Tây của ngọn núi thì ta gặp ngay pho tượng. Nhiều chục năm trước có một số đông tu sĩ Việt kiều che lều hành đạo. Sau một thời gian, mấy ông ấy về châu Phật hoặc bỏ đi nơi khác. Người Miên cũng không có ý muốn cất một ngôi chùa tại đây vì xung quanh không có làng xóm, dân cư, rất khó cho việc khất thực mỗi ngày. Vì thế cả vùng bị bỏ hoang từ lâu.

Pho tượng chánh là vị Phật đá nằm nghiêng theo lối nhập Niết bàn, bề dài chừng 10 thước, do cò nhân đục trên một tấm đá bùn. Trên tượng, người ta che một mái lá. Khách hành hương muốn chiêm ngưỡng Đức Phật phải leo lên một cái thang tre để dựa vách.

Hình dáng pho tượng chạm trổ không khéo lắm, có lẽ bên ngoài có phết một lượt nước sơn. Bên cạnh có một căn nhà mát để quý vị tăng lữ đến lạy Phật nghỉ chân.

Về hướng Bắc và hướng Tây tượng Phật có nhiều con đường mòn đưa xuống ngọn sông Siemréap. Một trong những đường ấy băng ngang một ngọn đồi trơ trọi, một bên là đá, giữa là vùng đất có nhiều cây thơm rừng. Kế đấy là rừng cỏ cao và dãy giang sơn của loài voi.

Trên bờ sông ngang đấy (bề rộng lối 15 thước) có nhiều linh phù chạm ngay trên đá, hiện thời rất khó phân biệt hình dáng vì nước chảy hàng mười thế kỷ đã làm mòn nhẵn các khía cạnh. Muốn nhìn kỹ, ta phải cỡi giày lội xuống nước. Hình dáng của hàng trăm linh phù này giống nhau một kiểu : trên đầu tròn, xung quanh có bốn góc như cái hộp, từ đấy trở xuống là một cây trụ vuông.

Bên cạnh mấy trăm linh phù này, ta thấy nhiều hình chạm khác, cũng khắc trong lòng sông. Đây là những thân

hình thật nhỏ của vị Thần Vishnou chạm theo lối vị Thần nằm ngủ một giấc dài trên mình Rắn Çesha. Bà vợ tên Lakshmi ngồi xồm dưới chân Ngài. Hình chạm sơ sài, lập đi, lập lại lối 20 lần dọc theo hữu ngạn giòng nước, phía trên cây cầu gỗ bắc ngang sông.

Nhà khảo cổ Aymonier cho biết có một tượng Nữ thần Balamôn 4 tay ở gần đầm linh phù, nhưng không ai tìm thấy dấu vết gì cả.

Cách tượng Phật một cây số về mạn thượng lưu, con sông rút xuống một cái thác cao từ 25 tới 30 thước trong một thung lũng hẹp. Đây là một thắng cảnh trong vùng. Dưới chân thác, nước tụ lại thành một cái hồ chứa thiên nhiên. Rừng cây rất dày, xưa nay ít có người lai vãng, cả đến thổ dân trong vùng vì nơi ấy có một thứ cây nguy hiểm, đụng vào người thì da bị cháy như phỏng nước sôi.

Nhưng trong khu rừng hoang này có một ngôi đền bằng đá bùn xung quanh có vòng thành đá ong bao bọc. Thoạt nhìn những chót tháp, những dãy hành lang bằng đá bùn, ta thấy hình như là kinh đô cũ của Quốc vương Jayavarman II, mất tích trong rừng núi Trá Vải, nhưng khi ta xem xét các hình chạm trên vách thì ra ngôi đền được xây cất vào thế kỷ thứ 13 hay 14 gần đây!

ĐỀN PRASAT KRAHOM

Cách tượng đá Prah Thom 4 cây số về phía Đông có một xóm nhỏ tên Khla Khmum nghĩa là « con gấu ăn mật ». Ta có thể dùng con đường qua xóm này để tới đền Prasat Krahom.

Ngôi đền xây trên một ngọn đồi đỉnh bằng trơ trọi, bốn bề trống trải. Đứng đây ta nhìn về hướng Đông của

dãy núi rất rõ ràng. Vách đền xây bằng gạch, có lẽ vì thế mà người ta gọi là Prasat Krahom : « ngôi tháp mau đỏ ».

Hình dáng ngôi đền, các nét chạm trổ đơn sơ xem rất giống những ngôi tháp của người Chăm. Nhìn xung quanh thì đền Krahom vẫn còn rất tốt, nhưng bên trong có nhiều nơi hư sụp vì bọn người đào vàng đã phá khuấy khắp nơi.

Đền này chỉ có một cửa vào xây về hướng Đông. Mặt đền về hướng Bắc có một cái máng xối « somasutra », một lối xây cất hiếm có trong ngành kiến trúc Cao Miên. Ấy là một cái máng xối bằng đá bùn ăn thông qua vách tường vào chính giữa diện và nơi đó nước thơm do các tu sĩ đổ trên Thần tượng chảy ra ngoài (1).

Trong đền có một tượng Thần Ganeça mình người đầu voi, tạc rất nhỏ, bị bọn tìm vàng quăng ra ngoài rừng cách diện chánh vài trăm thước về hướng Đông.

Người ta không thể xác định đền Prasat Krahom cất vào năm nào, chỉ có thể phỏng đoán vào khoảng 1 thế kỷ trước khi cất ngôi đền ở Angkor. Đây là một kỹ thuật đáng quý trọng về lối kiến trúc bằng gạch đã có ở Cao Miên trước thời kỳ dùng đá và còn tồn tại sau nhiều thế kỷ.

ĐỀN PRASAT DAMREI KRAP

Đền Prasat Damrei Krap nghĩa là « con voi ngồi » cũng xây cất giống như đền Prasat Krahom.

Tất cả có ba ngôi đền cất gần nhau ở cách xóm Anlong Thom về phía Nam Tây Nam lối một giờ rưỡi đường bộ. Cả 3 ngôi tháp bị cây rừng che mất phân nửa, phải dọn dẹp cảnh lá mới nhìn và chụp hình được.

(1) Lời kể sưu tầm : Theo giáo phái Balamôn, nước thơm này trị hết các chứng bệnh. Tín đồ hứng đem về nhà để dành uống và thoa bóp chỗ đau !

Ở giữa chánh điện có một tượng đá thật đẹp to bằng người thật, tạc vị Thần Balamôn 4 tay, đứng trên một cái bệ. Tượng bị bể làm nhiều mảnh, người Pháp chịu khó ráp lại và đưa về viện Bảo tàng Albert Sarraut ở Phnom Penh. Vì lẽ pho tượng mất đầu và tay nên người ta không biết tên vị Thần là gì. Theo lời thổ dân thì đây là Thần Vishnou.

Ngoài ra trên núi Tráí Vải có nhiều ngôi tháp bằng gạch khắc thuộc về thời sơ khai, trong ấy có tháp Prasat Andong và tháp Prasat Neak Ta là đẹp hơn cả. Ngôi tháp sau này ở cuối xóm Aulong Thom, gần cầu đường mòn đưa xuống đền Beng Méaléa.



SRAS DAMREI

Sras Damrei có nghĩa là « Hồ voi tắm » ở cách xóm Ta Set về phía Tây Nam xóm Aulong Thom lối 45 phút đường bộ. Vùng này rất khó tìm vì cây cối dày đặc, du khách cần phải hỏi trước những người dắt đường kéo đi lạc, mất thì giờ.

Sras Damrei gồm có một nhóm tượng đá nguyên khối trong ấy có một con voi, hai con sư tử khổng lồ tạc theo lối sư tử Miên, và một con thú khác xem giống như con cạp. Tất cả đều tạc bằng một khối đá nguyên tượng, đẹp vô cùng. Con voi cao 3 thước 85, con sư tử lớn nhất cao 2 thước 90, đứng lộ trên đất không có hàng ngũ gì cả. Xung quanh đây có nhiều mảnh đá bể vụn.

Phía dưới lối 500 thước là « Hồ voi tắm » ngày nay đã cạn khô, cỏ lau mọc đầy. Các nhà khảo cổ chưa tìm ra bờ hồ vì đất lấp quá cao.

MỤC - LỤC

LỜI NÓI ĐẦU

PHẦN THỨ NHẤT

- Cuộc xây dựng theo lời truyền khẩu
- Nguồn gốc xứ Cao Miên
- Lịch sử nhà Vua chọn nơi xây dựng Hoàng Triều Angkor
- Kinh thành mới xây dựng
- Xây cất đền, tháp để làm gì ?
- Thờ cúng cá nhân, thờ phụng vị Phật Vua, phong thần Hoàng tộc
- Đền chùa hay mộ thần ?
- Nhà Vua cuối cùng xây cất Angkor
- Cuộc xây cất kinh đô Angkor Thom và các đền đài, Trại trường đình, Nhà thương
- Niên khoản các đấng Tiên vương Cao Miên
- Niên khoản cuộc xây cất kinh đô Angkor Thom và các đền đài
- Vì sao Angkor bị bỏ hoang ?

PHẦN THỨ HAI

- Địa thế vùng Angkor và cuộc xây cất kinh thành
- Lối kiến trúc và vật liệu : gạch, đá bùn, gỗ, sắt, sơn màu vàng
- Cách xây cất và thời gian
- Những phần chánh yếu của một ngôi đền : tấm điện, ngôi tháp, hành lang, vòng thành và khung cửa, những gian phòng cất phụ thêm, xung quanh đền đài, bản văn và bia đá
- Nghệ thuật trang hoàng : hình chạm vào đá, hình chạm Nữ thần Devatā, Apsara và Thần Dvarapala cách trang hoàng trên tường, những cây cột nhỏ, cây mây cửa, cột trụ vuông xây trong tường, những cửa lớn.
- Những lối tạc tượng : loại thú vật bằng đá, tượng Thần, Phật bằng đá, tượng bằng đồng.
- Tại sao đền đài bị hư sập ?
- Kinh thành Angkor dưới mắt người ngoại quốc : Châu Đạt Quan, Gabriel Quiroga de San Antonia, Pallegoix, G. Coedès.
- Tường và cửa thành, đền Bayon, sự bí mật của đền Bayon, kết luận về đền Bayon.

PHẦN THỨ BA

Trình bày theo phương pháp đặt đường (GUIDE) từng ngôi đền một bắt đầu từ thị trấn Siemréap đi vào, quanh Vòng lớn (Grand Circuit), Vòng nhỏ (Petit Circuit), ngoài hai Vòng này và trên núi Kulen (Trái Vải).

SÁCH VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Angkor, ville d'art célèbre — George Groslier
- Angkor — George Groslier
- A l'ombre d'Angkor — George Groslier
- Recherches sur les Cambodgiens — George Groslier
- Les pierres, les eaux et les ges es d'Angkor — A. Meynard
- Pour mieux comprendre Angkor — Georges Coedès
- Les monuments du groupe Angkor — Maurice Glaize
- Les monuments du Cambodge — L. Delaporte
- Chân Lạp phong thổ ký (Mémoires sur les coutumes du Cambodge) !chêu Ta Kouan, bản dịch của Abel de Rémusat
- Un pèlerin d'Angkor — Pierre Loti
- Le Phnom Kulén — Victor Go'oubew
- Guide archéologique aux temples d'Angkor — Henri Marchal
- Kuticvara — Henri Marchal
- Relation de voyages et textes géographiques Arabes, Persans et Turks — Grabiell Ferrand
- Études d'orientalisme — Musée Guimet
(Publiées à la mémoire de Raymonde Linossier (F. II))
- Le Cambodge — Aymonier
- Pradakshina et prasavya en Indochine — Jean Przyluski
- Inventaire descriptif des monuments du Cambodge — Jurel de la Jonquière
- Angkor vu par les écrivains et les artistes étrangers — G. Naudin
- Những tập chí của trường Bác cổ Viễn đông từ năm 1905 đến 1940.

TÀI LIỆU CỦA : F. Faraut, Dufour và Corpraux, Ad énard
Leclère, Trouvé, Louis Finot, Parmentier, Francis Garnier,
Phillipe Stern, Coral Résumat, Dr Bosch, Baradat.

VIỆT NAM: MỘT TRỜI TÂM SỰ.

Nguyễn Chánh Thi.

Hồi ký của cựu Trung Tướng Nguyễn Chánh Thi, một Tướng lãnh kiêu hùng, đã cầm súng chiến đấu suốt cả đời mình trên khắp các mặt trận từ Bắc chí Nam, đã ba lần đứng lên làm đảo chánh, hai lần lưu vong, đời ông là một chuỗi năm tháng chiến đấu triền miên chống cộng sản, độc tài phong kiến, quân phiệt và tham nhũng.

NHÀ TÙ

Duyên Anh.

Bằng lối viết của các bậc thầy, nhà văn Duyên Anh dẫn dắt độc giả vào các nhà tù cộng sản Sở công an, đề lao Gia Định, khám lớn Chí Hòa. Độc giả sẽ thấy ở cái thế giới hải hùng của võ lòng cay đắng, của thống khổ nhập môn, của đau thương chín rắm. Độc giả sẽ biết những ghen ngào vỡ máu mà tù nhân phải chịu đựng và sẽ hiểu thủ thuật tra tấn, truy nã và quản lý con người của cộng sản. Một hồi ký đích thực, nguyên khối, văn chương, tư tưởng.

TRẠI TẬP TRUNG.

Duyên Anh.

Vẫn giọng văn tha thiết và sôi nổi, bình thần và phần nộ, nhà văn Duyên Anh đưa tù nhân từ cái *tĩnh* của nhà tù ra cái *động* của trại tập trung. Độc giả sẽ thấy tiếp ở cái thế giới chết chóc của vàng ừng ngậm ngùi, của ngát thơm trái đắng. Độc giả sẽ biết tiếp những cảnh tù nhân gở bom, phạt rừng, san núi bắt cầu, mò đá, uống hầm phần hàng fi con ròi và sẽ hiểu, bằng cách nào, con người tồn tại.

NHÌN LẠI NHỮNG BẾN BỜ.

Duyên Anh

Nhà văn Duyên Anh nhìn lại mình, nhìn lại bằng hữu văn nghệ của mình, hai mươi năm *báo chí* và *văn chương* Saigon. Một bộ hồi ký gồm hai cuốn *Nhà báo*, *Nhà văn*, đầy ắp kinh nghiệm sống, kinh nghiệm viết và chan chứa kỷ niệm của một người 70 tác phẩm văn học, một chủ nhiệm đi từ phóng viên lên, một người duy nhất trong làng báo thế giới viết và làm nhật báo, tuần báo trào lộng, tạp chí văn chương, tuần báo tuổi ngọc...

SÀI GÒN, NGÀY DÀI NHẤT.

Duyên Anh

Hai mươi năm miền Nam từ 20-7-1954 đến 30-4-1975 trong một *Sài Gòn*, *ngày dài nhất* nhìn và suy nghĩ bởi một người đã trải dài đời mình theo vận mệnh của đất nước khởi sự đếm xác Việt Nam chết đói 1945 và kết thúc nước mắt rơi xuống vũ khí, quân trang ngổn ngang hè phố Sài Gòn chiều 30-4-1975. *Sài Gòn*, *ngày dài nhất* bi thảm hơn bất cứ một ngày dài nhất nào của nhân loại trên trái đất.

NÓI ĐẾN SÁCH NGHĨ NGAY ĐẾN MỘT ĐỊA CHỈ ĐÁNG TIN CẬY:

Nhà xuất bản **XUÂN THU** PO Box 97 Los Alamitos CA 90720 U.S.A.

VIỆT NAM, MỘT TRỜI TÂM SỰ

hồi ký của tướng **NGUYỄN CHÁNH THI**

Những bí ẩn của cuộc đảo chánh 11-11-1960 được đại tá Nguyễn Chánh Thi, tư lệnh binh chủng Nhảy Dù, người hùng mũ đỏ của chiến trường Việt Nam, vén lên. Những bí ẩn của cuộc chỉnh lý Nguyễn Khánh, 3 tháng sau bị hài kịch thoán nghịch Mạc Đăng Dung tân thời 1-11-1963 được kể lưu đầy trở về quê nhà vén lên. Những bí ẩn biểu dương lực lượng, đảo chính cục bộ và sự băng rã của cái gọi là hội đồng tướng lãnh, được tướng Nguyễn Chánh Thi vén lên. Những bí ẩn của Phật giáo miền Trung nổi loạn được tướng Tư lệnh vùng I Nguyễn Chánh Thi vén lên. Những bí ẩn của tướng lãnh ăn cắp, tham nhũng, buôn thuốc phiện lậu, hèn mạt, nịnh bợ quan thầy được trung tướng Nguyễn Chánh Thi vén lên. Sự phản phúc của Nguyễn Cao Kỳ được tướng thối mũi Nguyễn Chánh Thi vén lên. Sự đê tiện của Nguyễn văn Thiệu được tướng cương trực Nguyễn Chánh Thi vén lên. Hơn 400 trang sách trải dài tâm sự thống thiết của một người Việt Nam muốn làm đẹp cho dân tộc, cho tổ quốc mà bị Mỹ và đầy tớ bản xứ không cho làm đẹp.

XUÂN THU

PO Box 97 Los Alamitos CA 90720

xuất bản và phát hành

SÀI GÒN, NGÀY DÀI NHẤT

Nhiều nhà báo ngoại quốc đã viết về tháng Tư 1975. Tất cả chỉ là những tài liệu đầy đủ dữ kiện lịch sử xảy ra trong tháng Tư. Sài Gòn, một phần được nói tới. Tác phẩm mới nhất của Olivier Todd, nhan đề **Cruel Avril, 1975 / La chute de Saigon** (Tháng Tư tàn ác, 1975/ Sự sụp đổ của Sài Gòn) do nhà Robert Laffond vừa ấn hành tháng 10/1987 (đề cập tới nhà văn Duyên Anh ở các trang 110, 111, 163, 220, 315, 372, 404, 414, 415), Olivier Todd vẫn không thể quy tụ tất cả đau thương vào Sài Gòn, 30-4-1975. Tại sao thế? Theo Duyên Anh, tác giả *Sài Gòn, ngày dài nhất*: "tôi không viết theo cung cách nhà báo, càng không thích viết theo cung cách nhà báo ngoại quốc, những kẻ ngoài cuộc nhìn Sài Gòn đầy chết. Tôi muốn viết *Sài Gòn, ngày dài nhất* với lối miêu tả cảnh tượng và phổ biến tư tưởng của một nhà văn Việt Nam. Vì tôi trong cuộc và vì có những niềm uẩn cần thiết phải soi sáng bằng nước mắt, mà người ngoại cuộc thiếu nước mắt". Vậy thì *Sài Gòn, ngày dài nhất* của Duyên Anh là ngày dài nhất của thời đại, của quê hương Việt Nam, ngày Sài Gòn rơi ném vào biển máu. Và trên tất cả, *Sài Gòn, ngày dài nhất*: bản trường ca ngợi ca lính Việt Nam cộng hòa chiến đấu tới giây phút cuối cùng, lấy máu rửa vết ô nhục 30-4. *Sài Gòn, ngày dài nhất*, chỉ viết về Sài Gòn từ 0 giờ 5 phút đến 24 giờ ngày 30-4-75.

SÀI GÒN, SAU NGÀY DÀI NHẤT

Bằng lối viết phóng sự sống động và vui nhộn, tác giả *Nhà tôi kể* cho độc giả nghe chuyện Sài Gòn đổi đời. Không xuyên tạc, Duyên Anh viết trung thực về giết rầu, nón cối, về những chiến sĩ cách mạng thuộc sư đoàn 304, đám cô đuôi chó của thời đại, về bọn nằm vùng đặc chỉ, về những khuôn mặt văn nghệ phản phúc. Độc giả sẽ thấy Sài Gòn đổi thành cõi tạm, văn nghệ sĩ, tiểu thơ khuê các ra vĩa hè bán cà phê, nước ngọt, sư ông bán rượu đầu đường, thầy tu rời chủng viện đi đập xích lô. *Sài Gòn, sau ngày dài nhất*, cuộc chiến đấu mới bắt đầu bằng cuộc biểu tình của các bà vợ, bà mẹ đấu tranh đòi chồng con, sau 10 ngày học tập cải tạo. Không ai có thể viết cảnh đổi đời của Sài Gòn, ngoài Duyên Anh. Trí nhớ của ông cho phép ông ghi lại đầy đủ những đoản kịch bi ai, hải hước diễn ra trên đường phố Sài Gòn, trong các buổi họp phường khóm. *Sài Gòn, sau ngày dài nhất*, một phóng sự thời đại kết hợp Duyên Anh và Thương Sinh. Độc giả sẽ thấy Thương Sinh phổ biến tài nghệ trào lộng như ông đã phổ biến qua *Chợ người*, *Điếu đóm*, *Chầu rịa*, *Đầm Giao chỉ*, *Đi tàu suốt*, *Nghị đức*, *ngị cái*, *Sống sựng*, *Nham nhở như cuộc đời*, và Duyên Anh qua *Đàn bà*, *Cám ơn em đã yêu anh...*

NHÀ XUẤT BẢN XUÂN THU

PO Box 97 Los Alamitos CA 90720 U.S.A.

(213) 430-3828 & 430-5115